

26+27 | 2017

QUY HOẠCH

# ĐÔ THỊ

HỘI QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM

*Xuân*  
**Đình Dầu**  
2017

**HỘI THẢO KHOA HỌC  
VỀ ĐÔ THỊ PHÚ QUỐC**

VIETNAMESE JOURNAL OF URBANISM  
ISSN 1859-3658  
www.ashui.com



**ASHUI AWARDS 2016**

Kiến trúc sư của năm Nguyễn Hoàng Mạnh  
Công trình của năm Công viên đất nung Thanh Hà  
Nhà thầu của năm Coteccons  
Chủ đầu tư của năm Tập đoàn Nam Cường  
Hãng kỹ thuật của năm GreenViet



Smart & Green City

**JUNGDO UIT**

# THAY ĐỔI MỚI, THỬ THÁCH MỚI, CƠ HỘI MỚI

Với phương châm "thành công của khách hàng là giá trị của doanh nghiệp",  
JUNGDO UIT vận hành hoạt động với sự sáng tạo  
công nghệ cao dựa trên bề dày kinh nghiệm tích lũy cho  
các dự án đã được kiểm định chất lượng trong lĩnh vực phát triển  
quy hoạch đô thị và thông tin địa không gian.

Mục tiêu của chúng tôi  
là hướng tới trở thành một công ty hàng đầu về  
phát triển đô thị xanh và thân thiện môi trường.



## Smart Green City



Quy hoạch  
Smart Green city



Xây dựng hệ thống &  
Quy hoạch đô thị ít lượng khí thải



### Quy hoạch đô thị

Quy hoạch cơ bản đô thị  
& Quy hoạch quản trị



Quy hoạch cho  
các đơn vị quận huyện



Dự án phát triển đô thị



Tổ hợp công nghiệp



Quy hoạch thu hút  
khách du lịch

## Thông tin đô thị



Hệ thống thông tin đất đai  
(LIS)



Hệ thống thông tin  
quy hoạch đô thị(UPIS)



Hệ thống đánh giá  
sự thích hợp đất đai(LSA)

## Không gian địa lý (GeoNURIS)



Electric Package



GIS cho  
phân phối Electricity



Hệ thống  
quản lý GAS & Utilities



G-CRM

**Tổng biên tập** *Editor-in-Chief*  
TRẦN NGỌC CHÍNH

**Phó tổng biên tập** *Deputy Editor-in-Chief*  
LÊ VIỆT HÀ  
ĐỖ HẬU  
LÊ TUẤN

**Hội đồng cố vấn** *Advisor Board*  
GS.TSKH.KTS NGUYỄN THẾ BÁ  
TS ĐỖ HOÀNG AN  
PGS.TS LƯU ĐỨC HẢI  
GS.TS LÊ HỒNG KẾ  
GS.TS HOÀNG ĐẠO KÍNH  
GS.TS NGUYỄN LÂN  
TS ĐÀO NGỌC NGHIÊM  
TS NGUYỄN QUANG  
PGS.TS NGUYỄN HỒNG THỰC

**Ban biên tập** *Editorial Board*  
NGUYỄN ĐỖ DŨNG  
NGUYỄN NGỌC HIẾU  
NGUYỄN HOÀNG MINH  
NGUYỄN BẮC  
LÊ VIỆT SƠN  
NGUYỄN QUANG MINH

**Đối tác truyền thông** *Media partner*  
**ASHUI.COM**

**Mỹ thuật** *Designer*  
DESIGN@ASHUI.COM

**Trị sự, Phát hành, Quảng cáo** *Contact*  
Tầng 6 - Cung Trí thức Thành phố,  
80 Trần Thái Tông, Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: 84(4) 37823910 - Fax 84(4) 37624430  
Email : tapchiquyhoachdothi@gmail.com

Giấy phép báo chí số 863/GP-BTTTT ngày 15/6/2010  
Mã số chuẩn quốc tế: ISSN 1859-3658  
In tại Công ty TNHH MTV In Tài chính - Bộ Tài chính  
Phát hành tháng 01/2017  
**Giá 49.500 VND**



Bạn đọc thân mến,  
Xuân Đinh Dậu đã đến!

Tạp chí *Quy hoạch Đô thị* số 26+27 là món quà Tết mà Ban biên tập và Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam trân trọng gửi tới các bạn. Chúc Quý bạn đọc và gia đình năm mới *Hạnh phúc – An khang – Thịnh vượng!*

Mở đầu số đặc biệt này, Tạp chí gửi đến các bạn sự kiện đã thành thói quen được giới chuyên môn và xã hội quan tâm theo dõi vào mỗi dịp kết thúc năm cũ – giải thưởng Ashui Awards bình chọn các danh hiệu của năm 2016 trong lĩnh vực Xây dựng. Lễ trao giải vừa được tổ chức tại không gian đi bộ Hồ Gươm, Hà Nội.

Trong chuyên đề kỳ này, mời các bạn đến với Phú Quốc – nơi mà sang năm mới, Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam sẽ phối hợp cùng Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang tổ chức hội thảo quốc tế về vấn đề đô thị tại Đảo Ngọc này, nhằm nhận diện thực trạng từ đó đề xuất giải pháp cho quá trình phát triển hiện tại và tương lai.

Ngoài ra, các đô thị khác trong nước như Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Quảng Trị trong số này cũng có những bài nghiên cứu hữu ích về thành phố sống tốt, không gian xanh, giao thông công cộng,... và một số bài học quốc tế có giá trị. Tin tức trong nước và quốc tế, hoạt động của Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam cũng là những nội dung như thường lệ cập nhật đến bạn đọc.

Chúc mừng năm mới !

Tổng biên tập  
**Trần Ngọc Chính**

# Nội dung



12

## TIN TỨC

- 06. Tin trong nước
- 08. Tin dự án
- 10. Tin thế giới
- 12. Xuân về

## SỰ KIỆN

- 14. Ashui Awards 2016

## CHUYÊN ĐỀ: ĐÔ THỊ PHÚ QUỐC

- 36. Công tác quản lý quy hoạch và phát triển Phú Quốc  
**Đỗ Viết Chiến**
- 38. Một số bài học thực tế về môi trường, cảnh quan và sinh thái trong quy hoạch xây dựng bền vững ở Phú Quốc  
**Phạm Đức Nguyên, Ngô Hoàng Ngọc Dũng**
- 43. Đảo Ngọc Phú Quốc với giải pháp kiến trúc thiết kế cảnh quan đô thị mang nét đặc thù riêng  
**Trương Văn Quảng**
- 52. Quy hoạch Vườn quốc gia Phú Quốc để phát triển bền vững dịch vụ du lịch ở đảo  
**Nguyễn Chí Thành**
- 58. Giải pháp xử lý rác thải, vấn đề vệ sinh môi trường của Phú Quốc trong quá trình phát triển  
**Lưu Đức Cường, Nguyễn Thị Lan Anh**
- 64. Công tác thu gom và xử lý chất thải rắn: Bài học kinh nghiệm và giải pháp áp dụng cho Phú Quốc  
**Nguyễn Nga**



18





## NGHIÊN CỨU

- 68. Đô thị thích nghi nước: Lộ trình tiến tới quản lý bền vững nước và cảnh quan trong đô thị  
**Nguyễn Văn Long**
- 78. Đặc trưng kiến trúc nhà ở dọc sông rạch vùng đồng bằng sông Cửu Long  
**Dương Quốc Việt, Vũ Thị Hồng Hạnh**
- 83. Thành phố thông minh & vấn đề quản lý phát triển đô thị  
**Nguyễn Ngọc Hiếu**
- 87. Đô thị, hệ thống của các hình thể không gian  
**Đỗ Duy Thịnh**
- 94. Vùng ven đô: Khái niệm, đặc tính và động thái nghiên cứu tại các quốc gia phát triển  
**Nguyễn Hoàng Linh**
- 101. Ứng dụng mô hình TOD trong phát triển đô thị tại Việt Nam  
**Đặng Thị Nga**
- 108. Khai thác những vùng không gian đặc trưng trong quy hoạch vùng tỉnh Quảng Trị  
**Nguyễn Thị Minh Lệ**
- 110. Xây dựng các yếu tố cơ sở để quản lý không gian xanh Thành phố Huế  
**Nguyễn Hồng Hạnh**
- 112. Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh có chất lượng sống tốt hướng đến thành phố vì dân  
**Nguyễn Đăng Sơn**
- 117. Ngôn ngữ với kiến trúc trong tiếng Anh và liên hệ từ ngữ kiến trúc ở Việt Nam  
**Nguyễn Đình Trương Nguyễn**

## VUPDA

- 122. Đại hội Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Thanh Hóa lần thứ IV (nhiệm kỳ 2016-2021)



### Ngành Xây dựng triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2017

Sáng 6/1, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2016, triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2017 ngành Xây dựng.

Về những nhiệm vụ trong năm 2017, lãnh đạo Bộ cho biết, toàn ngành Xây dựng sẽ nỗ lực phấn đấu để hoàn thành các chỉ tiêu đề ra: Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 37,5%; Tỷ lệ quy hoạch vùng tỉnh đạt 100%, quy hoạch chung đô thị đạt 100%, quy hoạch phân khu đạt khoảng 78%, quy hoạch chi tiết 1/500 đạt khoảng 38%, quy hoạch xây dựng nông thôn đạt 100%; Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 84 - 85%, thất thoát, thất thu nước sạch giảm xuống còn 23%, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt khoảng 85,5-86%; Diện tích bình quân nhà ở toàn quốc đạt khoảng 23,4 m<sup>2</sup>sàn/người; Tổng sản lượng xi măng tiêu thụ đạt khoảng 78 - 80 triệu tấn; Giá trị sản xuất xây dựng toàn ngành theo giá hiện hành tăng khoảng 10% so với năm 2016.

Để đạt được những chỉ tiêu đó, Bộ Xây dựng đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2017, trong đó: Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc, chất lượng Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2017, trong đó trọng tâm là xây dựng dự thảo Luật Quản lý phát triển đô thị, Luật Kiến trúc; hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, đề án đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng công trình, an toàn trong thi công xây dựng.

Bên cạnh đó, Bộ tập trung tổ chức thực hiện đưa Luật Xây dựng, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn vào cuộc sống - tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đầu tư xây dựng, nâng cao hiệu quả công tác thẩm định dự án, thiết kế, dự toán, rà soát sửa đổi, bổ sung hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch; quản lý, kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị.

### Năm 2017, TPHCM đầu tư 39.263 tỉ đồng làm 80 dự án giao thông

Trước tình hình kẹt xe ngày càng nghiêm trọng, năm 2017, TPHCM sẽ làm 80 dự án giao thông với số vốn lên đến 39.263 tỉ đồng, theo thông tin từ Sở Giao thông Vận tải (GTVT) TPHCM. Trong tổng số 80 dự án thực hiện trong năm 2017, có 50 dự án đầu tư bằng vốn ngân sách TPHCM với số vốn 8.417 tỉ đồng; 3 dự án đầu tư bằng vốn ngân sách trung ương là 9.253 tỉ đồng; 3 dự án sử dụng vốn ODA là 9.440 tỉ đồng và 24 dự án được làm với hình thức hợp tác công tư (PPP) có số vốn 12.153 tỉ đồng.



Theo Sở GTVT TPHCM, hiện nay thành phố đã xác định được cụ thể nguồn vốn để đầu tư cho các dự án trên.

Năm 2017, thành phố ưu tiên tập trung hoàn tất các thủ tục đầu tư để đẩy nhanh tiến độ. Đồng thời, khởi công và hoàn thành các công trình chống ùn tắc tại khu vực sân bay Tân Sơn Nhất, khu vực cảng Cát Lái, giảm ùn tắc giao thông tại khu vực trung tâm thành phố và các cửa ngõ, các dự án phát triển giao thông đường thủy nhằm giảm tải cho đường bộ.

### Mở rộng “vùng đô thị trung tâm” để giảm sức ép cho TPHCM

Vùng đô thị trung tâm (metropolis) là một khái niệm mới, dự kiến sẽ được đưa vào đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng TPHCM đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Khái niệm *metropolis* gồm đô thị hạt nhân là TPHCM và các vùng phụ cận liền kề, gồm một phần của Bình Dương, Đồng Nai và Bà Rịa-Vũng Tàu.

Trong bản góp ý cho đồ án điều chỉnh quy hoạch nói trên mà UBND TPHCM gửi Bộ Xây dựng mới đây, vùng đô thị trung tâm được cho là sẽ giúp tăng tính cân bằng, giảm sự cạnh tranh không hiệu quả giữa TPHCM, Bình Dương, Đồng Nai xét trên phạm vi ranh giới hành chính. UBND TPHCM thống nhất với hướng phát triển liên kết chặt chẽ “vùng đô thị trung tâm” về cấu trúc đô

thị, cơ sở hạ tầng, đặc biệt là đề xuất phục hồi và tái phát triển hệ thống giao thông vận tải, phát triển giao thông đường thủy giữa các đô thị chính trong vùng đô thị trung tâm.

Mô hình “vùng đô thị trung tâm” được kỳ vọng sẽ giúp hạn chế tình trạng đô thị hóa dàn trải, tràn lan; bên ngoài vùng đại đô thị trung tâm sẽ phát triển vành đai xanh ngăn cách với các tiểu vùng khác.



## Chỉ đạo của Thủ tướng về công trình cao tầng trong nội đô Hà Nội

**T**hủ tướng Chính phủ vừa có ý kiến chỉ đạo về việc đầu tư xây dựng công trình cao tầng trong khu vực nội đô lịch sử thành phố Hà Nội.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng công trình cao tầng theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc công trình cao tầng trong khu vực nội đô lịch sử thành phố Hà Nội; xử lý

đúng thẩm quyền, theo đúng quy định của pháp luật.



## Đồng Nai muốn xây dựng thành phố sân bay ở Long Thành



**N**gày 9/1, UBND tỉnh Đồng Nai tổ chức làm việc với các giáo sư, tiến sĩ, lãnh đạo Đại học Inha (Hàn Quốc) về quy hoạch xung quanh sân bay Long Thành (huyện Long Thành). Đại diện Đại học Inha cho rằng, trong tương lai, sân bay Long Thành mang tầm quốc tế nên cần có hướng phát triển khoa học, thông minh để khai

thác hiệu quả. Đoàn đã giới thiệu với lãnh đạo Đồng Nai về mô hình sân bay Incheon (Hàn Quốc) và mong muốn tỉnh này có hướng phát triển tương tự.

Theo đại diện Đại học Inha, cảng hàng không Incheon hiện là airport city (thành phố sân bay) và góp phần không nhỏ vào phát triển kinh tế khu vực. Mỗi năm, sân bay này có doanh thu từ các dịch vụ, gian hàng phục vụ khách du lịch lên đến hàng tỷ USD.

Các giáo sư, tiến sĩ của Inha đánh giá cảng hàng không quốc tế Long Thành có thể phát triển thành mô hình tương tự. Tuy nhiên, để làm được điều này, tỉnh Đồng Nai phải có hệ thống giao thông kết nối với các thành phố lớn, đặc biệt là TP.HCM.

## Savills: ùn tắc giao thông ở Hà Nội cao hơn TPHCM

**S**ố liệu khảo sát của Savills Việt Nam công bố ngày 10/1 cho thấy, hiện tình trạng ùn tắc giao thông ở Hà Nội cao hơn TPHCM, trong khi đó trước đây mọi người vẫn nghĩ ngược lại. Thậm chí, độ ùn tắc giao thông tại Hà Nội chỉ đứng sau Jakarta (Indonesia), Bangkok (Thái Lan) và Thượng Hải (Trung Quốc).

Theo Savills Việt Nam, sở hữu xe tư nhân tại Hà Nội và TPHCM đang tăng nhanh gấp đôi so với tốc độ tăng thu nhập, và đạt 35%/năm trong vòng 5 năm qua. Dự báo, số lượng xe sẽ tăng gấp 3 lần từ nay đến năm 2025 tại hai thành phố này. Hiện chỉ có 14% các tòa nhà khu vực trung tâm TPHCM đáp ứng đủ yêu cầu về bãi đỗ xe. Kinh doanh điểm đỗ xe lợi nhuận thấp hơn các loại hình đầu tư khác khiến cho các doanh nghiệp không có động lực đầu tư phát triển dịch vụ này. Giá điểm đỗ xe ô tô tại Hà Nội và TPHCM thuộc dạng cao nhất khu vực, mỗi tháng thuê chỗ đỗ xe khoảng 150 đô la Mỹ ở khu vực trung tâm – phí đỗ xe cao nhất khu vực.

Mật độ dân số tăng nhanh, khả năng mở rộng đường hạn chế, trong khi đó số người sở hữu ô tô ngày càng tăng là một trong những vấn nạn mà Hà Nội và TPHCM phải đối mặt.



## Đà Nẵng chốt phương án làm hầm vượt sông Hàn gần 5.000 tỷ

**T**hường vụ Thành ủy Đà Nẵng vừa thống nhất sẽ cho triển khai dự án hầm vượt sông Hàn của Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế Cầu lớn - Hầm với tổng vốn đầu tư lên tới hơn 4.700 tỷ đồng. Khoảng 210 hộ dân ở hai đầu nút vào hầm sẽ được đền bù giải tỏa để thi công dự án.

Theo thiết kế, hầm vượt sông Hàn sẽ có tổng chiều dài hơn 1,3 km, trong đó đoạn hầm chìm dài 900 m, quy mô 6 làn xe cơ giới. Hầm nối tại điểm giao đường Đống Đa, Trần Phú, bờ Tây sông Hàn chạy theo hình chữ Z qua kết nối với đường Vân Đồn, Sơn Trà.

Việc làm hầm thẳng sẽ tốn kinh phí lớn hơn so với làm hầm cong vì kinh phí giải tỏa 210 hộ dân tại nút giao thông phía Tây sông Hàn. Nhưng làm hầm thẳng sẽ giải quyết căn cơ lâu dài cho kỹ thuật công trình và là điều kiện tối ưu nhất cho phương tiện lưu thông qua lại.

## Ngân hàng ADB sẽ hỗ trợ xây dựng đường vành đai 3 tại TP.HCM

Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) tại Việt Nam vừa cho biết Ngân hàng Phát triển châu Á đã ký thỏa thuận cung cấp các dịch vụ tư vấn giao dịch cho Bộ Giao thông Vận tải liên quan tới Dự án Đường vành đai 3 của Thành phố Hồ Chí Minh.



Theo thỏa thuận này, Văn phòng hợp tác công-tư của Ngân hàng Phát triển châu Á sẽ hỗ trợ Bộ Giao thông Vận tải trong việc xây dựng một cơ cấu dự án khả thi để đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) nhằm tạo điều kiện thúc đẩy đầu tư tư nhân.

Tuyến đường vành đai 3, dự kiến được xây dựng trong bán kính 25km từ trung tâm thành phố, sẽ giúp phân luồng giao thông và giảm tắc đường trong thành phố. Vấn đề thiết yếu là cải thiện tính kết nối với các đô thị xung quanh, giảm chi phí, thời gian đi lại của người dân, vận chuyển hàng hóa trong và xung quanh Thành phố Hồ Chí Minh.

## TPHCM đề nghị vay vốn ODA để làm tuyến metro số 3a

Để có vốn xây tuyến metro số 3a (Bến Thành – Tân Kiên) chính quyền TPHCM kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét trình Chính phủ phê duyệt cho dự án này được sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

Theo thông tin từ Văn phòng UBND TPHCM ngày 19/12, dự án tuyến metro số 3a sẽ kết nối với tuyến số 1 (Bến Thành – Suối Tiên) để tạo thành tuyến đường sắt đô thị xuyên tâm nối bến xe Suối Tiên với trung tâm thành phố (ga

Bến Thành) để đến bến xe miền Tây.

Dự án được chia thành hai đoạn thực hiện. Trong đó, giai đoạn 1 sẽ xây dựng đoạn Bến Thành – bến xe miền Tây dài 9,7km với điểm đầu kết nối với các tuyến đường sắt đô thị số 1, số 2 tại nhà ga Bến Thành, quận 1 và điểm cuối tại bến xe miền Tây. Giai đoạn 2 sẽ xây dựng đoạn bến xe miền Tây – Tân Kiên dài 10,1 km. Tổng mức đầu tư cho cả 2 giai đoạn dự kiến khoảng 62.000 tỉ đồng.

## Cải tạo chung cư cũ ở Hà Nội

Tại hội nghị đối thoại với doanh nghiệp mới đây, Chủ tịch Hà Nội Nguyễn Đức Chung cho biết, thành



phố vẫn đang “bế tắc” trong việc cải tạo chung cư cũ, khi mà 14 năm qua chỉ làm được đúng 14 dự án trên tổng số hàng trăm tòa chung cư cũ trên địa bàn.

Đặc biệt, do các quy định hiện nay của Chính phủ, nên các doanh nghiệp tham gia cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ đều “lắc đầu ngao ngán” khi phải áp định mức bồi thường 2,2 lần diện tích cũ.

Để giải quyết những vướng mắc trên, ông Chung cho biết, tới đây Hà Nội sẽ

## Hàng tỷ đô la đăng ký đầu tư vào Phú Quốc vẫn nằm trên giấy

Số liệu thống kê từ Ban Quản lý khu Kinh tế Phú Quốc cho thấy, tính đến tháng 9/2016 có khoảng 250 dự án đăng ký đầu tư trên đảo Phú Quốc nhưng chỉ có gần 30 dự án hoàn thành đưa vào khai thác với tổng vốn đầu tư gần 30.000 tỷ đồng. Các dự án còn lại vẫn nằm trên giấy.

Để tạo điều kiện hơn nữa cho các nhà đầu tư, Chính quyền địa phương cũng đang rà soát lại công tác giải phóng mặt bằng cũng như các chính sách pháp luật liên quan đến đất đai, thủ tục cấp phép. Về phía DN, các nhà đầu tư kiến nghị chính quyền địa phương nên xem nhà đầu tư là đối tác, cùng hợp tác Công – Tư phát triển thay cho cơ chế Xin - Cho; Làm rõ và minh bạch các quy hoạch, chính sách và ưu đãi đầu tư để họ sẵn sàng đầu tư vào mảnh đất đầu tiên này.





## Bình Dương khởi đầu xây dựng đô thị thông minh

Công ty Philips Lighting (Hà Lan), Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC), trường Đại học Quốc tế Miền Đông (EIU) vừa ký kết biên bản ghi nhớ về phát triển chiếu sáng bền vững làm tiền đề xây dựng đô thị thông minh Bình Dương. Biên bản ghi nhớ này được xem là biểu

trung cho việc hợp tác giữa Việt Nam và Hà Lan trong các lĩnh vực năng lượng, môi trường; cũng như giữa Bình Dương và thành phố Eindhoven (Hà Lan) trong chiến lược xây dựng thành phố thông minh. Để thực hiện chiến lược đưa thành phố mới Bình Dương trở thành thành phố thông minh, đầu năm 2015 tỉnh Bình Dương đã

ký biên bản ghi nhớ hợp tác với thành phố Eindhoven – là thành phố thông minh nhất thế giới năm 2011 theo tiêu chuẩn ICF. Đề án xây dựng thành phố thông minh Bình Dương giai đoạn 2016-2021 hướng tới 4 lĩnh vực gồm con người, công nghệ, cộng đồng doanh nghiệp và cơ sở hạ tầng, môi trường sống và làm việc.

## Vietcombank tài trợ 1.050 tỷ đồng xây dựng tổ hợp khách sạn, nhà ở tại Đà Nẵng

Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Vietcombank) Đà Nẵng vừa ký kết hợp đồng tín dụng tài trợ vốn đầu tư Dự án “Tổ hợp khách sạn, căn hộ dịch vụ Marriott và nhà ở để bán” với Công ty Địa ốc Foodinco thuộc Tập đoàn Alphanam.

Dự án có tổng mức đầu tư hơn 1.700 tỷ đồng, trong đó Vietcombank Đà Nẵng tham gia tài trợ hơn 1.050 tỷ đồng (chiếm 60% trong tổng vốn đầu tư).

Dự án “Tổ hợp khách sạn, căn hộ dịch vụ Marriott và nhà ở để bán” được triển khai xây dựng tại 58 Bạch Đằng, thành phố Đà Nẵng nằm ngay bên cầu quay sông Hàn, một trong những địa điểm đắc địa nhất thành phố Đà Nẵng.

Đây là dự án bất động sản lớn với quy mô gồm 224 căn hộ để bán, cùng 288 phòng khách sạn và 112 căn hộ phục vụ lưu trú và đa dạng các dịch vụ tiện ích đi kèm được quản lý bởi Tập đoàn khách sạn quốc tế nổi tiếng của thế giới Marriott International.



## Cocobay Đà Nẵng được bán nhà hình thành trong tương lai

Theo thông tin từ chủ đầu tư Empire Group, Sở Xây dựng Đà Nẵng đã ban hành công văn số 10050/SXD-QLN xác nhận dự án Cocobay Đà Nẵng đủ điều kiện bán nhà ở hình thành trong tương lai. Cũng theo Empire Group, hiện các nhà thầu tại dự án Cocobay Đà Nẵng đang đẩy nhanh tiến độ xây dựng phần thân bằng việc tổ chức thi công liên tục ba ca mỗi ngày sau khi đã hoàn thiện xong phần móng.

Dự án tổ hợp du lịch và giải trí Cocobay Đà Nẵng có diện tích hơn 30ha và tổng vốn đầu tư hơn 11.000 tỷ đồng. Mặc dù mới ra mắt, Cocobay Đà Nẵng đã thu



hút thị trường khi đưa ra mức cam kết lợi nhuận 12%/năm trong 8 năm liên tục. Những năm sau đó, lợi nhuận thu về từ việc kinh doanh cho thuê căn hộ được chủ đầu tư cam kết phân chia ở tỷ lệ 80% (chủ sở hữu) và 20% (chủ đầu tư - đơn vị quản lý).

## Maeda đầu tư căn hộ cao cấp Waterina Suites tại Quận 2, TP.HCM

Liên doanh Maeda – Thiên Đức, một Liên doanh trong đó phía Nhật Bản là đơn vị tham gia xây dựng tuyến tàu điện ngầm metro số 1 TP. HCM, vừa giới thiệu ra thị trường dự án căn hộ cao cấp Waterina Suites tại Q2, TP.HCM.

Waterina Suites có quy mô 3.150m<sup>2</sup>, tổng vốn đầu tư 30 triệu USD, bao gồm 25 tầng với 86 căn hộ trên không (Skyvilla) độc đáo, sang trọng có chiều cao thông tầng 3,2 m đối với căn hộ đơn và 6m đối với căn duplex, tạo sự thông thoáng hơn so với các căn hộ cao cấp khác.

Các chuyên gia thiết kế dự án hứa hẹn đây sẽ là dự án độc đáo và ấn tượng với những đường cong trùng điệp đầy thanh



lịch, lấy cảm hứng từ đường nét uốn lượn của dòng sông Sài Gòn và ruộng bậc thang của vùng cao nguyên Việt Nam, là công trình tuyệt mỹ, đại diện cho một trong những điểm nhấn kiến trúc của TP.HCM trong thời gian tới.

### Jakarta sẽ xây bức tường khổng lồ để ngăn nước biển xâm nhập

Chính quyền thủ đô Jakarta đang lập kế hoạch xây các bức tường khổng lồ dọc theo bờ biển của thành phố nhằm



ngăn chặn nguy cơ thành phố đang bị chìm dần so với mực nước biển.

Giai đoạn đầu của việc xây dựng bức tường biển khổng lồ sẽ có giá khoảng 10 nghìn tỷ rupiah (tương đương 7,7 tỷ USD), trong đó có cả các dự án khảo sát Jakarta đến năm 2025. Trong giai đoạn tiếp theo, Jakarta sẽ phải xây dựng tường cả ngoài khơi với chi phí gấp 7-8 lần giai đoạn đầu (dự kiến lên tới 70-80 nghìn tỷ rupiah). Điều đó có thể giúp Jakarta được bảo vệ cho đến năm 2040

hoặc lâu hơn nữa.

Theo kế hoạch, các bức tường trên bờ phải được xây dựng sớm ở những nơi mặt đất đang chìm nhanh, dự kiến hoàn thành vào năm 2020 hoặc 2021.

Thủ đô Jakarta của Indonesia là một trong những thành phố tập trung đông dân cư nhất trên thế giới, trong khi địa hình ngầm của thành phố này là một đồng bằng lầy và đang chìm dần với tốc độ nhanh hơn so với bất kỳ thành phố nào khác trên thế giới.

### Trung Quốc vận hành tuyến đường sắt cao tốc dài nhất thế giới

Trung Quốc ngày 28/12 đã chính thức đưa vào vận hành tuyến đường sắt cao tốc Thượng Hải-Côn Minh, nối liền khu vực duyên hải phía Đông giàu có với khu vực phía Tây Nam còn nhiều khó khăn. Theo Tổng Công ty Đường sắt Trung Quốc



(CNR), tuyến đường sắt Thượng Hải-Côn Minh, có chiều dài 2.252km, là một trong những tuyến đường sắt dài nhất thế giới, đi qua 5 tỉnh là Chiết Giang, Giang Tây, Hồ Nam, Quý Châu và Vân Nam. Tốc độ cao nhất trên tuyến đường mới là 330 km/giờ, giúp cắt giảm thời gian đi tàu hỏa từ Thượng Hải đến Côn Minh từ 34 tiếng đồng hồ xuống chỉ còn 11 tiếng đồng hồ. Hiện, CNR đã hoàn thành việc xây dựng hơn 20.000km đường sắt cao tốc, kết nối hầu hết các địa phương ở Trung Quốc. Theo kế hoạch của Chính phủ Trung Quốc, tới năm 2030 tổng chiều dài hệ thống đường sắt cao tốc của nước này sẽ là 45.000km.

### Hy Lạp phát hiện thành phố cổ 2.500 năm tuổi ở làng Vlochos



Nhóm các nhà khảo cổ thuộc trường Đại học Gothenburg (Thụy Điển) và Bournemouth (Anh) vừa phát hiện một thành phố cổ 2.500 năm tuổi ở làng Vlochos, cách thủ đô Athens của Hy Lạp 300 km về phía Bắc.

Thành phố cổ được phát hiện nằm trên một ngọn đồi, trong đó các nhà khảo cổ đã tìm thấy một quảng trường, một mạng lưới đường sá, nhiều ngọn tháp, tường và cổng thành trên đỉnh và sườn đồi. Khu vực bên trong tường thành rộng khoảng 40 ha, cho thấy đây là một thành phố lớn thời cổ đại. Ông Robin Ronnlund - trưởng nhóm khảo cổ trên cho biết thành phố này từng phát triển thịnh vượng từ thế kỷ 4 đến thế kỷ 3 TCN, trước khi người dân rời khỏi đây, có thể do bị người La Mã xâm chiếm. Theo ông Ronnlund, hiện có rất ít thông tin về các thành phố cổ ở khu vực này, theo đó dự án nghiên cứu và khai quật của nhóm sẽ giúp bổ sung những thông tin quan trọng khác.

### Các tỷ phú thế giới mạnh tay đầu tư cho năng lượng sạch

Ngày 12/12, Liên minh Năng lượng Đột phá (BEC), với các thành viên nổi tiếng như Bill Gates, Mark Zuckerberg, George Soros và Richard Branson, đã cam kết đóng góp 1 tỷ USD cho Quỹ đầu tư Breakthrough Energy Ventures nhằm hỗ trợ phát triển các công nghệ năng lượng sạch với mục tiêu giảm lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính.

Quỹ Breakthrough Energy Ventures mong muốn đẩy nhanh tốc độ và quy mô phát

triển các loại năng lượng có triển vọng cho thị trường năng lượng trị giá 6.000 tỷ USD. Theo ông Bill Gates, mục tiêu của Quỹ này là thành lập các doanh nghiệp sẽ giúp sản xuất các loại năng lượng không khí thải, đáng tin cậy và có thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thế giới.

BEC là một câu lạc bộ không chính thức của các nhà đầu tư tư nhân và các tổ chức tài chính trên thế giới cùng chia sẻ mục đích chung là đầu tư cho nghiên cứu và phát triển năng lượng sạch.

## Tòa nhà bằng gỗ lớn nhất Mỹ đã được mở cửa

Tòa nhà lớn bằng gỗ nhiều tầng đầu tiên ở Mỹ trong hơn 100 năm qua đã được mở cửa ở Minneapolis.



Theo báo cáo mới từ *New Atlas*, tòa nhà có tên T3 viết tắt cho 3 từ "Timber, Technology, Transit" (Gỗ, Công nghệ, Giao thông) cung cấp 20.810m<sup>2</sup> văn phòng và mặt bằng bán lẻ. Tòa nhà được thiết kế bởi Michael Green Architecture và DLR Group. Khoảng 3600m<sup>3</sup> gỗ đã được sử dụng làm cột, dầm, sàn, nhiều trong số gỗ đó được lấy từ những cây bị chết do bệnh nấm.

Các khối gỗ được xếp chồng lên nhau hoặc lợp thành các lớp, điều này giúp các khối gỗ này cứng chắc hơn gỗ tiêu chuẩn và do đó được sử dụng để thiết kế nhịp lớn và không gian

rộng hơn. Loại vật liệu này cũng nhẹ hơn so với bê tông và thép. Xây dựng nhà bằng gỗ sẽ giúp giảm lượng khí thải carbon, gỗ tự nhiên sẽ hấp thụ CO<sub>2</sub> trước khi được sử dụng trong xây dựng.

Ngoài việc cung cấp giá trị thẩm mỹ, vật liệu gỗ còn giúp quá trình xây dựng nhanh hơn so với vật liệu như khung thép hay bê tông. 16.700m<sup>2</sup> gỗ được dựng lên trong không đến 10 tuần, với diện tích sàn là 2.787m<sup>2</sup> được lắp đặt mỗi tuần. Bên ngoài tòa nhà được ốp bằng thép, thêm tính thẩm mỹ cho kiến trúc gỗ của tòa nhà.

## Nga cấm xây dựng, cải tạo mọi công trình gần các di sản văn hóa

Luật sửa đổi của Liên bang Nga "Về các công trình xây dựng tại các khu di tích văn hóa lịch sử quốc gia" đã chính thức có hiệu lực từ ngày 3/10, theo đó đơn giản hóa thủ tục xét duyệt khu bảo tồn các di sản văn hóa, cũng như cấm mọi công trình xây dựng trong khu vực lân cận.

Ông Konstantin Mihaylov, điều phối viên của tổ chức xã hội có tên gọi "Giám sát kiến trúc," đồng thời là thành viên Hội đồng Văn hóa Nghệ thuật trực thuộc Tổng thống Nga, cho rằng luật sửa đổi

trên được thông qua xuất phát từ thực tế có tới 80% các di sản văn hóa và lịch sử của đất nước không được bảo vệ.

Theo luật mới nói trên, mọi công trình nằm trong bán kính từ 100-200 mét đối với các di sản văn hóa đơn lẻ và từ 150-250 mét đối với các quần thể di sản văn hóa đều được nhà nước bảo vệ, bất kể công trình này không thuộc di sản văn hóa. Đối với các di sản văn hóa không được xác định rõ ranh giới, bán kính khu vực được nhà nước bảo vệ sẽ là 200-300 mét.

Luật mới sẽ được áp dụng trong việc cấp phép các dự án mới và không bắt buộc hủy bỏ đối với những công trình đã được cấp phép xây dựng.

## Bảo tàng Quốc gia Szczecin - Trung tâm Đối thoại Przelomy là "Công trình Thế giới của năm"



Bảo tàng Quốc gia Szczecin - Trung tâm Đối thoại Przelomy do Robert Konieczny + KWK Promes thiết kế đã giành danh hiệu "Công trình Thế giới của năm" (World Building of the Year) tại Festival Kiến trúc Thế giới - WAF 2016 ở Berlin. Dự án bao gồm một phần bảo tàng mở rộng dưới lòng đất và quảng trường công cộng nhấp nhô, tiếp giáp với Trường âm nhạc Szczecin.

Hội đồng giám khảo, chủ trì bởi Sir David Chipperfield, đánh giá: Dự án này làm phong phú thêm cho thành phố và cuộc sống của thành phố. Nó đề cập đến một khu vực với ba thời kỳ lịch sử: trước chiến tranh thế giới II, phá hủy trong chiến tranh, và sự phát triển sau chiến tranh, từng để lại một khoảng cách đáng kể giữa thành phố.

## Nhật Bản thông qua 1,5 tỷ USD xây sân vận động quốc gia mới

Chính phủ Nhật Bản đã thông qua hợp đồng trị giá 149 tỷ yen (tương đương 1,47 tỷ USD) với một công ty liên



doanh nhằm xây dựng sân vận động quốc gia mới, địa điểm chính diễn ra sự kiện Đại hội thể thao Olympic và Đại hội thể thao dành cho người khuyết tật (Paralympic) năm 2020 tại thủ đô Tokyo.

Tại cuộc họp của chính phủ để thông qua thỏa thuận trên, đại diện Hội đồng Thể thao Nhật Bản cho biết dự án xây dựng sân vận động trên dự kiến khởi công vào tháng 12/2016 và hoàn thành vào cuối tháng 11/2019



# Xuân về

Ảnh: KTS Đặng Tuấn Trung





ASHUI  
AWARDS  
2016



ASHUI  
AWARDS

KIẾN TRÚC SƯ CỦA NĂM  
ARCHITECT OF THE YEAR

**NGUYỄN HOÀNG MẠNH**

CÔNG TRÌNH CỦA NĂM  
BUILDING OF THE YEAR

**CÔNG VIÊN ĐẤT NUNG THANH HÀ**

NHÀ THẦU CỦA NĂM  
CONTRACTOR OF THE YEAR

**COTECCONS**

CHỦ ĐẦU TƯ CỦA NĂM  
DEVELOPER OF THE YEAR

**TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG**

HÃNG KỸ THUẬT CỦA NĂM  
ENGINEERING OF THE YEAR

**GREENVIET**



Chiều thứ Bảy ngày 14 tháng 1 năm 2017, Lễ trao giải Ashui Awards 2016 đã diễn ra tại không gian đi bộ Hồ Gươm – phố Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Trước đó, ngày 31/12/2016, Ashui Awards 2016 đã công bố kết quả bình chọn các danh hiệu "Kiến trúc sư của Năm", "Công trình của Năm", "Nhà thầu của Năm", "Chủ đầu tư của Năm", và "Hãng Kỹ thuật của Năm". (tiếng Anh: *Architect of the Year, Building of the Year, Contractor of the Year, Developer of the Year, Engineering of the Year*).

Kết quả dựa trên bình chọn của cộng đồng (50%) và của Hội đồng tuyển chọn (50%).

Theo đó, với 33,5% số phiếu bình chọn, **KTS Nguyễn Hoàng Mạnh** (công ty MIA Design Studio) đã trở thành chủ nhân của danh hiệu "Kiến trúc sư của Năm 2016"; **Công viên đất nung Thanh Hà** (Hội An) do công ty kiến trúc Nhaviet Netcom thiết kế giành danh hiệu "Công trình của Năm 2016" với tỷ lệ bình chọn 19,5%; **Công ty cổ phần xây dựng Coteccons** là "Nhà thầu của Năm 2016" với 32,5% số phiếu; danh hiệu "Chủ đầu tư của Năm 2016" thuộc về **Tập đoàn Nam Cường** với 28% phiếu bình chọn; và **Công ty GreenViet** với 51,2% số phiếu là "Hãng Kỹ thuật của Năm 2016".

Đây là mùa giải thứ năm, kể từ cuộc bình chọn được tổ chức lần đầu tiên năm 2012.

Trang web của giải thưởng: <http://ashui.com/awards>



**NAMCUONG**  
CORPORATION



## HỘI ĐỒNG TUYỂN CHỌN



- |                                  |  |
|----------------------------------|--|
| 1. KTS <b>Trần Ngọc Chính</b>    | Chủ tịch Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam / <i>Chủ tịch hội đồng</i>               |
| 2. Ông <b>Nguyễn Trần Nam</b>    | Chủ tịch Hiệp hội Bất động sản Việt Nam  |
| 3. GS. <b>Hoàng Đạo Kính</b>     | Nguyên Phó chủ tịch Hội Kiến trúc sư Việt Nam  |
| 4. TS. <b>Michael Digregorio</b> | Giám đốc Quỹ Châu Á tại Việt Nam   |
| 5. Ông <b>Phan Quốc Vinh</b>     | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Siêu Chung Kỳ (SCK) - Hiệp hội Nhà thầu xây dựng Việt Nam |
| 6. Ông <b>Đình Văn Hiệp</b>      | Turner Vietnam   |
| 7. Ông <b>Đặng Thành Long</b>    | Giám đốc điều hành Hội đồng Công trình Xanh Việt Nam                                       |
| 8. KTS <b>Lê Trương</b>          | Tổng giám đốc TT-Associates  |
| 9. KTS <b>Nguyễn Huy Khanh</b>   | Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam-CTCP   |
| 10. Nhà báo <b>Lê Việt Hà</b>    | Chủ tịch Ashui.com / <i>Thường trực hội đồng</i>   |

**BÌNH CHỌN CỘNG ĐỒNG: 38.233 phiếu**







# ASHUI AWARDS 2016



## LỄ TRAO GIẢI VÀ TRIỂN LÃM



## Kiến trúc sư của năm 2016 **NGUYỄN HOÀNG MẠNH**

Năm sinh: 1970

Thời niên thiếu cho đến khi học đại học KTS Nguyễn Hoàng Mạnh đã trải qua một tuổi thơ đẹp tại làng chài Thanh Hải thành phố Phan Thiết Bình Thuận.

1997: Tốt nghiệp trường ĐH Kiến Trúc TP.HCM

2001: Tốt nghiệp bằng thạc sỹ kiến trúc tại trường Katholieke Universiteit Leuven, Vương quốc Bỉ.

2003 đến nay: Đồng sáng lập, CEO và Kiến trúc sư chủ trì của công ty MIA Design Studio

**Tiêu chí thiết kế:** "Xây dựng bản sắc riêng cho Kiến Trúc Việt Nam của thế kỷ 21 trong thời hội nhập với thế giới". Ngoài việc công năng không gian sống của một công trình phải được đặt lên hàng đầu, thiết kế của công trình cần mang bản sắc địa phương từ các yếu tố ánh sáng, thông thoáng mặt nước và cây xanh rất được chú trọng. Bên cạnh đó ở đâu là sự khác biệt về sự nhận biết của yếu tố bản địa rõ nhất. Điều này thật cần thiết cho sự phát triển cho nền Kiến trúc Việt Nam được tiếp tục đúng với cái mà nó cần phải có mà bao đời thế hệ đi trước đã làm.

Cùng với các thành viên trong đội ngũ thiết kế của MIA Design Studio, KTS. Nguyễn Hoàng Mạnh đã đạt được nhiều



giải thưởng kiến trúc trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, MIA Design Studio dưới sự dẫn dắt của KTS Nguyễn Hoàng Mạnh đã có nhiều công trình có giá trị thực tiễn cao được đưa vào sử dụng. Hầu hết các công trình đều có chung về triết lý thiết kế là chú trọng nhiều đến không gian kiến trúc nhiệt đới đương đại, thân thiện với môi trường sống cho con người. Đây có thể là sự đột phá bước đầu cho MIA Design Studio nói riêng, đóng góp vào cái chung cho nền Kiến trúc Việt Nam đang trên đà phát triển.

### **Giải thưởng / thành tích nổi bật:**

- 2005: Top 10 Architects BCI Asia / Nhà ga tàu cánh ngầm Vũng Tàu
- 2006: Top 10 Architects BCI Asia / Tiger Den BVL Vietnam
- 2014: Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia / Trung tâm thương mại và Dịch vụ Kim Cúc Plaza – Big C Quy Nhơn (Giải thưởng Hội đồng), Khu Dân cư và Dịch vụ phía Bắc hồ sinh thái Đống Đa (Giải thưởng Hội đồng)
- 2015: Giải thưởng Kiến trúc quốc tế 2A tại Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ / Naman Retreat Pure Spa (Giải khuyến khích), Khu Dân cư và Dịch vụ phía Bắc hồ sinh thái Đống Đa (được chọn vào Chung kết); Giải thưởng Kiến trúc Quốc tế Baku tại Thủ đô Baku, Azerbaijan / Naman Retreat Pure Spa (Giải Nhì); Giải thưởng Kiến trúc Architecture Review tại London, UK / Naman Retreat Pure Spa (giải khuyến khích); Giải thưởng Kiến trúc Sao Biển khu vực miền Trung- Tây Nguyên / Khu Dân cư và Dịch vụ phía Bắc hồ sinh thái Đống Đa (Giải Ba); Giải thưởng Vietnam Property Awards / Căn hộ Citihome: căn hộ tầm trung tốt nhất, Naman Residences: Villa A nội thất tốt nhất, Lucasta Residences: Top 5 nội thất tốt nhất;

Giải thưởng "Công trình của năm – Ashui Awards 2015" / Naman Retreat Pure Spa; Giải thưởng Yuan Ye Award 2015 tại Nam Kinh, Trung Quốc / Naman Retreat Pure Spa (Giải nhất), Khu Dân cư và Dịch vụ phía Bắc hồ sinh thái Đống Đa (Giải Ba); Naman Retreat Pure Spa được xếp hạng 10 trên top 20 công trình phổ biến nhất do Archdaily bình chọn.

- 2016: Giải thưởng kiến trúc Architizer A+ / Naman Retreat Pure Spa (Giải thưởng do Ban Tổ Chức và Khách giả bình chọn); Giải thưởng kiến trúc xanh Việt Nam 2016 / Naman Retreat Pure Spa (Giải thưởng chuyên đề); Giải thưởng Kiến trúc Quốc tế do Chicago Athenaeum Bình chọn / Naman Retreat Pure Spa; Các tác phẩm được chọn vào vòng chung kết Festival Kiến trúc Thế giới WAF 2016: Naman Retreat Pure Spa (Hạng mục "Hotel & Leisure"), Gian hàng ẩm thực Việt Nam (Hạng mục "Gian hàng trưng bày" và Hạng mục "Dự án quy mô nhỏ").

Trong năm 2016, KTS. Nguyễn Hoàng Mạnh cũng đã tham gia vai trò diễn giả chính tại các chương trình hội thảo, tọa đàm về Kiến trúc xanh tại trường Đại học Thammasat (Thái Lan) và Học viện Kiến trúc Malaysia với chủ đề "Green Up Vietnam".



## MỘT SỐ TÁC PHẨM CỦA KTS. NGUYỄN HOÀNG MẠNH



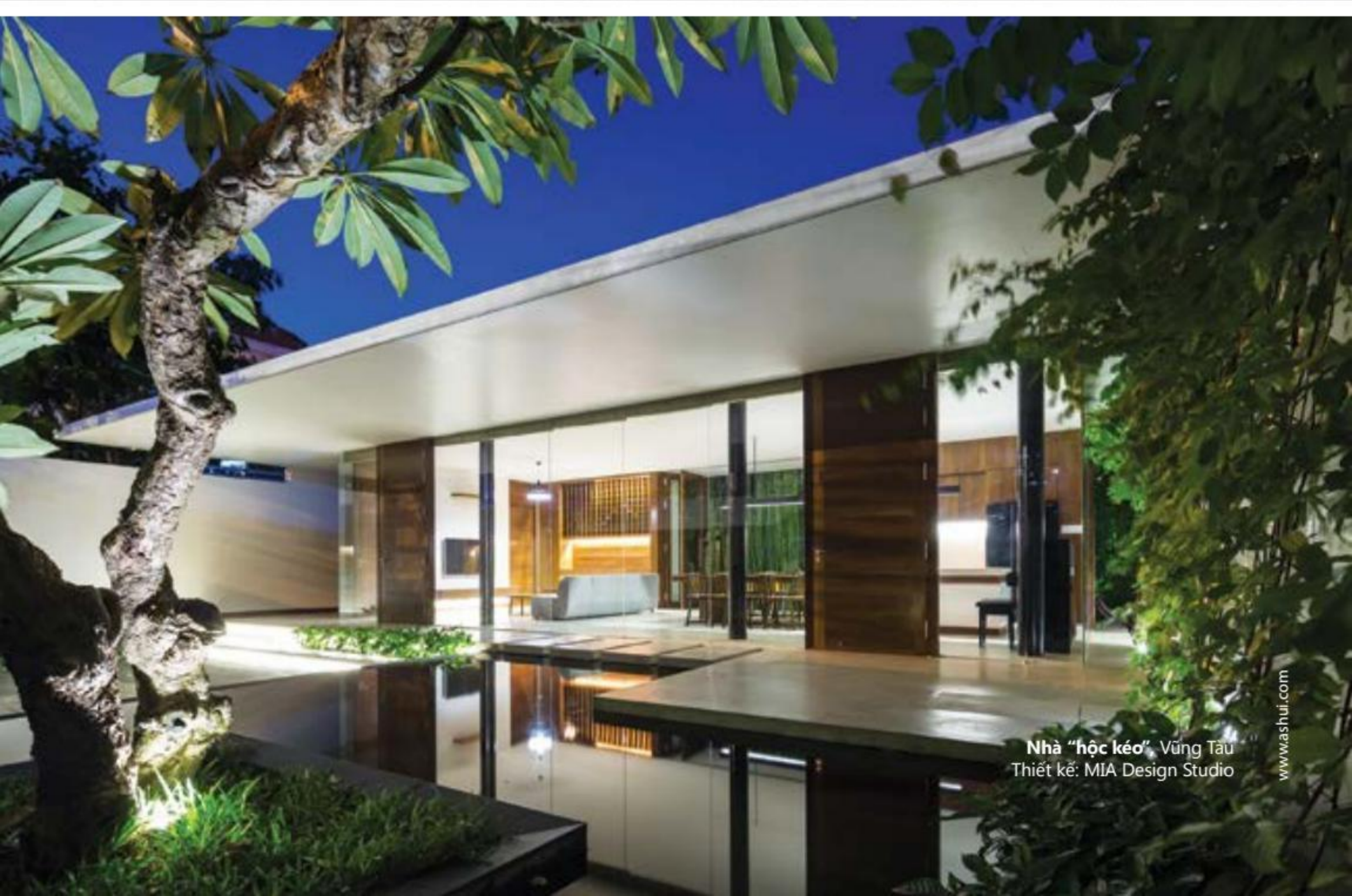
Văn phòng MIA Design Studio, 311B Bình Quới, Phường 28, Quận Bình Thạnh, TP. HCM



Văn phòng MIA Design Studio



**NamanResidences - Villa B**, phường Hòa Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng  
Thiết kế: MIA Design Studio



**Nhà "hộc kéo"**, Vũng Tàu  
Thiết kế: MIA Design Studio



# ASHUI AWARDS 2016



Công trình của năm 2016

## CÔNG VIÊN ĐẤT NUNG THANH HÀ



- Địa điểm : Làng gốm Thanh Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.
- Thiết kế : Tư vấn thiết kế Nhaviet NETCOM
- KTS chủ trì : Nguyễn Văn Nguyễn
- Nhóm thực hiện : Nguyễn Văn Thiện, Nguyễn Minh Hùng, Nguyễn Sinh Long
- Diện tích : 7000 m<sup>2</sup>
- Năm hoàn thành : 2015

Mỗi một dòng sông đều mang trong mình một ý nghĩa riêng. Dòng nước trên sông thay đổi không ngừng, dòng nước này chảy qua, dòng nước khác lại đến. Dòng sông là một bộ sưu tập của những khoảnh khắc, tạo cho chúng ta một cảm giác liên tục. Hôm nay là quá khứ, và cũng là tương lai- Đức Phật đã từng nói như vậy. Và công viên đất nung Thanh Hà là một thiết kế lấy ý tưởng từ dòng sông ấy,

dòng sông của quá khứ, hiện tại và tương lai. Về làng gốm Thanh Hà, ta được nhìn ngắm vũ điệu gốm trên những hủ niêu, bức tường, lồng đèn..., nghe hồn gốm chuyện trò xa xưa trên những mái đình lem luốt thời gian, những nếp nhà liêu xiêu rêu ngủ loáng thoáng bóng ông cha về...Nếu muốn, ta có thể ngồi xuống chuốt gốm và tìm hồn của đất. Làng gốm Thanh Hà, cách đô thị cổ Hội An 3km về hướng tây, vốn rất nổi tiếng với các sản phẩm gốm, cũng như gạch và ngói. Đặc biệt nhất phải nói đến kĩ thuật làm ngói âm dương mà ngày nay chúng ta có thể thấy trên những mái nhà trong phố cổ Hội An. Các công trình bằng chất liệu đất nung thật sự rất đẹp. Đó là lí do tại sao nhiều du khách muốn đến thăm quan các ngôi đền Chăm ở thánh địa Mỹ Sơn. Những viên

gạch đỏ, tiêu biểu cho đất sét ở đây, cũng được sử dụng trong xây dựng bảo tàng- công viên. Người thiết kế, sáng lập công viên, vốn được sinh ra và lớn lên từ Thanh Hà, nên chịu ảnh hưởng bởi truyền thống lâu đời và bề dày lịch sử của làng nghề.

Một điều khá thú vị là, ở Việt Nam, "Nhà" có nghĩa là ngôi nhà, nhưng ở miền Bắc, "nhà tôi" không chỉ là ngôi nhà của tôi, mà còn mang ý nghĩa vợ/chồng tôi. Trong một xã hội theo định hướng gia đình, ngôi nhà không chỉ là nơi sinh sống, mà còn có một vị trí quan trọng đối với các thành viên, và là nơi dành cho các thế hệ kế tiếp. Cũng giống như dòng sông, ngôi nhà hiện tại là hiện thân của quá khứ và cả tương lai.

Người Việt Nam thờ cúng tổ tiên của mình, đặc biệt là những người làm nên những điều vĩ đại. Chúng ta có thể thấy rất nhiều tác phẩm điêu khắc về tổ tiên, ông bà trong các ngôi đền, chùa, hay các ngôi nhà mang tính chất cộng đồng. Tương tự, ở một số bảo tàng, cũng có thể thấy điều tương tự. Nhưng công viên đất nung Thanh Hà không tôn vinh một cá nhân đặc biệt nào, mà thể hiện sự tôn kính với cả làng gốm Thanh Hà. Theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng, ngôi làng được bao bọc bởi bốn bề sông nước. Đó cũng chính là lý do những người lập làng gốm mấy trăm năm trước quyết định chọn Thanh Hà làm nhà của họ. Con sông là phương tiện vận chuyển tuyệt vời đối với gạch, ngói.

Cũng giống như ngôi làng được bao bọc bởi sông nước, Công viên được đặt ở giữa, bao bọc bởi làng. Các không gian chính của tòa nhà được nâng cao để tránh mùa lụt rất cao tại đây. Cách trang trí tại Công viên cũng tương tự như ở nhà các thợ gốm: các lò nung, bàn xoay gốm, xưởng sản xuất, nơi trưng bày sản phẩm... Các khu vực còn lại dành cho mục đích trải nghiệm.

Công viên được xây dựng theo mô hình lấy bàn chuốt gốm làm trung tâm- thứ vật bảo của làng gốm Thanh Hà, sử dụng kỹ thuật bằng tay, cùng với việc dùng nước – một thành tố của đất nung để tạo nên không gian kết nối công trình.

Hai tòa nhà chính trong cách xây dựng không chỉ lấy nguồn gốc từ văn hóa Chăm hay Sa Huỳnh, mà còn lấy cảm hứng từ hai loại lò nung của làng là lò úp và lò ngửa- hai khái niệm âm dương của văn hóa phương đông. Khối nhà như lò ngửa tạo không gian mở, kết nối giao lưu, giới thiệu các làng nghề gốm truyền thống Việt nam, là nơi trưng bày các tác phẩm đương đại. Khối nhà như lò úp, như khái niệm lưu giữ, bảo tồn, nơi đây giới thiệu, bảo tồn về lịch sử làng nghề 500 năm, và trưng bày các sản phẩm của làng nghề.

Phía trên khu trưng bày, chúng ta có thể nhìn thấy sản phẩm của các làng gốm truyền thống khác ở Việt Nam. Và tầng trên cùng dành riêng cho các cuộc khai quật, tiết lộ cho chúng ta văn hóa Chăm được xây dựng như thế nào, người Sa Huỳnh đã sống như thế nào trong quá khứ tại khu vực dọc các cồn cát Thanh Hà.

Khi đi dọc theo cầu thang từ khu trưng bày sang khu trưng bày về làng gốm Thanh Hà, bạn không thể bỏ lỡ những cánh cửa với hình dạng giống như cửa lò nung. Chúng được thiết kế khá cởi mở và cao, nên khi du khách ngồi thư giãn tại đây, sẽ đón gió rất mát từ dòng sông Thu bồn. Các tầng trên cùng được xây dựng đúng như tên của nó. Một cái nhìn tổng quan về lịch sử và thông tin về làng Thanh Hà, tại sao nơi đây nổi tiếng với đồ gốm trong quá khứ và hiện tại. Bây giờ cuộc sống không dễ dàng cho các nghệ nhân trong làng, sự cạnh tranh với các sản phẩm công nghiệp là rất lớn. Tuy nhiên số lượng những người yêu sản phẩm thủ công đang gia tăng. Và bảo tàng, giống như một người anh lớn của ngôi làng, sẽ giúp cho tương lai của làng phát triển tốt hơn.

Dòng sông, với lịch sử 500 năm - nơi đã mang những nghệ nhân từ miền bắc đến lập làng, cũng là dòng sông giúp người dân Thanh Hà vận chuyển gốm đến mọi miền đất nước. Cũng chính dòng sông ấy, mang lại cho nơi đây lượng lớn du khách từ khắp nơi trên thế giới. Những du khách đó, họ đến và mua sản phẩm đất nung Thanh Hà, mang về nhà. Một lần nữa, hôm nay, tại Công viên đất nung, lịch sử lại tiếp diễn như vậy.









**Nhà thầu của năm 2016  
COTECCONS**



Công ty cổ phần Xây dựng Cotec (Coteccons) được thành lập từ năm 2004. Coteccons hiện được đánh giá là một trong những công ty xây dựng hàng đầu tại Việt Nam với hàng loạt dự án lớn trên cả nước trong vai trò tổng thầu, thiết kế và thi công...

Các công trình của Coteccons được đánh giá là sản phẩm chất lượng cao và đa dạng về lĩnh vực, bao gồm căn hộ cao cấp, nhà xưởng, khách sạn nghỉ dưỡng, trường học, cao ốc văn phòng và trung tâm thương mại...

Coteccons được bầu chọn là 1 trong 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và xếp hàng thứ nhất trong số các doanh nghiệp tư nhân ngành xây dựng trong nhiều năm liền do báo điện tử Vietnamnet và Vietnam Report bình chọn.

Cùng với sự phát triển hệ thống các công ty thành viên để nâng cao năng lực thi công cho các công trình lớn và đặc biệt lớn, Coteccons đã dần khẳng định năng lực của một tổng thầu xây dựng có khả năng thiết kế và thi công trọn gói toàn bộ công trình theo hình thức chìa khóa trao tay.





#### Lĩnh vực hoạt động chính:

- Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng và công nghiệp; Công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Công trình giao thông; Công trình thủy lợi.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Thiết kế cấp nhiệt, thông hơi, thông gió, điều hòa không khí, công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế phần cơ điện công trình; Thiết kế xây dựng công trình dân dụng – công nghiệp; Thiết kế xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị.
- Xây dựng công trình cấp thoát nước, xử lý môi trường.
- Kinh doanh, môi giới, tư vấn bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu.
- Lắp đặt hệ thống cơ – điện – lạnh.
- Chuyên kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu: sắt, thép, kết cấu xây dựng, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, vật tư – máy móc – thiết bị – phụ tùng thay thế, dây chuyền công nghệ ngành xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng; máy móc thiết bị xây dựng.

#### Các giải thưởng:

- Đơn vị thi đua xuất sắc ngành xây dựng;
- Bằng khen của UBND TP.HCM vì có thành tích xuất sắc trong công tác An toàn lao động;
- Chứng nhận 500 doanh nghiệp lớn nhất VN;
- Cúp vàng chất lượng xây dựng Việt Nam;
- 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam;
- 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam;
- Một trong 100 doanh nghiệp đóng thuế nhiều nhất Việt Nam;
- 30 Công ty Báo cáo thường niên tốt nhất.

## Chủ đầu tư của năm 2016 **TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG**



**NAMCƯỜNG**  
CORPORATION

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội được thành lập với tên ban đầu là Tổ hợp dịch vụ Vận tải vật tư nông nghiệp & xây dựng Xuân Thủy năm 1984. Sau năm lần đổi tên từ ngày 20/12/2007 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Tập đoàn với tên mới là Công ty TNHH Tập đoàn Nam Cường và đến tháng 8/2009 Công ty đổi tên giao dịch thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội theo giấy phép đăng ký số 0702001435 do Sở kế hoạch Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp, đặt trụ sở tại Lô 24 đường Đông A, Khu ĐTM Hòa Vượng, TP Nam Định. Thương hiệu Tập đoàn Nam Cường Hà Nội có vị thế hàng đầu trong ngành xây dựng hạ tầng và khu đô thị. Các công trình mà Tập đoàn thực hiện đã góp phần thay da, đổi thịt bộ mặt đô thị tại các địa phương.

Nam Cường Hà Nội đang nỗ lực không ngừng đầu tư về trang thiết bị, nguồn nhân lực có đạo đức, chuyên môn và tâm huyết nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, Nam Cường Hà Nội đã nhận được sự tin nhiệm của nhiều khách hàng.

Tiếp nối tầm nhìn và đạo lý kinh doanh phát triển bền vững vì cộng đồng mà Người sáng lập đã đề ra, Tập đoàn định

hướng phát triển các sản phẩm ở phân khúc cao cấp, thân thiện môi trường, lấy khách hàng làm trung tâm, hướng tới sự thỏa mãn của khách hàng làm mục tiêu lâu dài.

Trong xu thế hội nhập toàn cầu, Tập đoàn đang trên đà hợp tác, liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước phát triển các dự án đẳng cấp quốc tế, góp phần xây dựng đất nước đi lên mạnh mẽ, vươn tầm quốc tế.

Trải qua hơn 30 năm hình thành và phát triển, Tập đoàn Nam Cường luôn giữ vững tôn chỉ *Uy tín – Vững bền – Nhân văn*.







GreenViet được thành lập từ năm 2012 bởi những chuyên gia có nhiều kinh nghiệm nhất trong lĩnh vực công trình xanh tại Việt Nam hiện nay. Trước khi sáng lập **GreenViet**, các sáng lập viên đã tham gia vào các dự án công trình xanh đầu tiên tại VN như Cao ốc văn phòng President Place, Nhà máy Việt Nam Mộc Bài, siêu thị BigC Dĩ An,...

Việc đặt tên Công ty là GreenViet nói lên ước mong của chúng tôi trong việc xây dựng các công trình xanh nhằm góp phần tạo ra một Việt Nam xanh, sạch hơn.

Kể từ khi thành lập đến nay, GreenViet đã và đang tư vấn cho hơn 50/100 công trình xanh tại VN và hơn 10 công trình xanh tại các nước trong khu vực như Thái Lan, Lào, Campuchia, Indonesia và Philippines.

Khách hàng của GreenViet bao gồm các doanh nghiệp lớn trong nước và quốc tế. Đặc biệt, một số khách hàng lớn đã tin nhiệm giao cho GreenViet thực hiện hàng loạt dự án công trình xanh như CotecCons, BigC,...

### KỸ THUẬT

Chúng tôi ứng dụng những kỹ thuật hiện đại của thế giới kết hợp với thực tế ở VN để đưa ra những giải pháp phù hợp nhất cho các dự án công trình xanh:

1. *Solatube – Giải pháp sáng tạo để lấy ánh sáng tự nhiên*  
Solatube giúp đưa ánh sáng tự nhiên vào cho tầng hầm & các không gian làm việc: áp dụng tại một số dự án như Văn phòng ATAD – dự kiến đạt LEED Platinum vào đầu năm 2017, khu căn hộ Sensation – dự kiến đạt BCA Green Mark Gold.
2. *Light shelf – Kệ ánh sáng*  
Việc áp dụng lightshelf giúp mang ánh sáng tự nhiên vào sâu hơn trong không gian làm việc, đồng thời giảm độ chói (glare) cho khu vực gần cửa sổ, từ đó mang lại mức chiếu sáng tự nhiên rất đồng đều và chất lượng.  
GreenViet đã áp dụng thành công giải pháp này cho dự án BigC Nha Trang & BigC Hạ Long, 2 dự án đã đạt chứng chỉ LOTUS Bạc của VGBC.
3. *Bồn trữ lạnh*  
Hệ thống lạnh được vận hành vào giờ thấp điểm với giá điện thấp để tích trữ vào Bồn, sau đó xả lạnh vào giờ cao điểm giúp chủ đầu tư tiết kiệm đáng kể chi phí điện năng. Bồn trữ lạnh còn giúp giảm áp lực lên lưới điện vào giờ

cao điểm, giúp giảm đầu tư vào nguồn phát điện.

GreenViet đã áp dụng giải pháp này cho 4 siêu thị BigC tại Nha Trang, Hạ Long, Ninh Bình, Việt Trì. Cả 4 dự án này đều đạt chứng nhận LOTUS Bạc.

4. *Tận dụng các nguồn nước khác để tưới tiêu & xả vệ sinh*  
Tận dụng nước ngưng từ hệ thống lạnh để tưới cây xanh: áp dụng tại dự án e-town Central do Công ty CP Cơ điện lạnh REE làm chủ đầu tư, dự án sẽ được chứng nhận LEED Gold khi xây dựng xong vào cuối năm 2017.  
Tận dụng nước mưa, tái sử dụng nước thải (đạt chuẩn cột A) để tưới cây & xả vệ sinh: áp dụng tại nhiều dự án Nhà máy đạt LEED như P&G, Worldon, ZhaoFeng,...
5. *Mô phỏng năng lượng*  
GreenViet là một trong số ít công ty tư vấn tại VN sở hữu bản quyền phần mềm IES và có đội ngũ đến 10 nhân viên chuyên mô phỏng năng lượng phục vụ cho các công trình xanh trong và ngoài nước.  
Việc mô phỏng năng lượng giúp team dự án có cơ sở lựa chọn thiết kế tối ưu về giải pháp và vật liệu kiến trúc cũng như hệ thống cơ điện nhằm tiết kiệm năng lượng nhất có thể cho dự án.
6. *Mô phỏng cường độ nắng chiếu vào công trình*  
Mô phỏng này sẽ giúp team dự án bố trí sơn chống nắng (cool

paint) vào mặt bị chiếu nắng gắt, đồng thời bố trí các facades phù hợp: áp dụng tại nhiều dự án do GreenViet tư vấn.

7. *Mô phỏng nhiệt để bố trí cảnh quan phù hợp*

Mô phỏng này giúp team dự án, đặc biệt là đơn vị thiết kế cảnh quan, biết được các vị trí đón nắng trực tiếp và gián tiếp (bị bóng đổ) theo các mùa trong năm. Từ đó, đơn vị thiết kế sẽ bố trí các tiện ích cho dự án cũng như chọn loại cây phù hợp.

8. *Mô phỏng thông gió tự nhiên – CFD*

Việc mô phỏng thông gió tự nhiên cho công trình giúp cho team dự án bố trí mặt bằng tổng thể nhằm tận dụng hướng gió theo mùa tốt nhất cho các không gian bên trong căn hộ.

GreenViet đã vượt qua nhiều đơn vị tư vấn nước ngoài để cung cấp dịch vụ này cho hàng loạt dự án của CapitalLand – một chủ đầu tư bất động sản uy tín từ Singapore.

**DỊCH VỤ**

Để đảm bảo chất lượng dịch vụ, GreenViet luôn tạo ra các form và quy trình cho từng hạng mục công việc. Chúng tôi hướng đến việc lấy chứng nhận ISO 9001 vào đầu năm 2017 để hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng. Chúng tôi luôn có bộ phận kiểm tra đảm bảo chất lượng trước khi gửi hồ sơ ra cho đối tác và khách hàng.

**QUẢN LÝ**

1. *Chất lượng dịch vụ:*

Chúng tôi luôn cập nhật các xu hướng & các kỹ thuật mới của thế giới về công trình xanh để nâng cao chất lượng tư vấn cho khách hàng. Chẳng hạn, các sáng lập viên vừa tham gia buổi đào tạo và cập nhật tiêu chuẩn LEED v4

tại Taipei của Hội đồng Công trình xanh Mỹ vào tháng 08/2016 vừa qua.

2. *Nguồn lực tốt:*

Các sáng lập viên đều tốt nghiệp từ nhiều Khoa khác nhau của Trường ĐHBK TP HCM và kinh nghiệm từ các DN đầu ngành trong ngành xây dựng và bất động sản như Hòa Bình, Phú Mỹ Hưng, Nam Long,...

Các nhân viên và sáng lập viên được đào tạo liên tục. Các sáng lập viên được học bổng của Tổ chức hợp tác quốc tế Thụy Điển – SIDA đào tạo về Tiết kiệm năng lượng tại Thụy Điển & Nam Phi.

Thực tập sinh trong nước & quốc tế hàng năm nhằm giúp các bạn sinh viên chuyên ngành và tạo nguồn nhân lực kế thừa bền vững cho doanh nghiệp.

3. *Phát triển bền vững:*

Tài trợ, chủ trì tổ chức các Hội thảo chuyên ngành về Công trình xanh và Tiết kiệm năng lượng;

Tham gia chương trình Green Office của Châu Âu và văn phòng làm việc của GreenViet sẽ được cấp chứng chỉ Văn phòng Xanh vào tháng 12/2016;

Tài trợ học bổng cho các sinh viên có kết quả học tập và luận văn tốt nghiệp xuất sắc;

Thuyết trình, thỉnh giảng tại các Trường đại học có chuyên ngành Kiến trúc trên cả nước và tại các hội thảo chuyên ngành;

Thành viên tích cực của các Hội đồng Công trình xanh Mỹ & Việt Nam;

Hưởng ứng các phong trào bảo vệ môi trường như Giờ Trái đất,...



**Chuyên đề Đô thị Phú Quốc**



Bãi Khem "Kem", Phú Quốc. Ảnh: Lâm Thanh Sơn

Phú Quốc 2015  
Thanh Sơn Photo







Ảnh: KTS Đặng Tuấn Trung







# Công tác quản lý quy hoạch và phát triển Phú Quốc

Ông **ĐỖ VIỆT CHIẾN**  
Hiệp hội các đô thị Việt Nam

**Đ**ảo Phú Quốc nằm ở vị trí phía Tây Nam của Tổ quốc – là một trong ba khu Kinh tế - Hành chính đặc biệt của quốc gia, có tiềm năng phát triển kinh tế to lớn, vừa có ý nghĩa quốc phòng đặc biệt quan trọng trong chiến lược phòng thủ đất nước. Việc xây dựng và phát triển huyện đảo Phú Quốc theo mô hình đặc khu kinh tế, tạo động lực tăng trưởng phát triển kinh tế - xã hội có tác động lan tỏa đến các vùng của quốc gia nói chung giai đoạn 2016-2020 và xa hơn là vấn đề được cả nước quan tâm. Ngày 11/5/2010 - tại Quyết định số 633/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt: “Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030” ; trong đó xác định rõ mục tiêu: xây dựng đảo

Phú Quốc phát triển bền vững, hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa và bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng và quốc gia. Từng bước xây dựng trở thành một thành phố biển đảo, trung tâm du lịch và dịch vụ cao cấp, trung tâm khoa học công nghệ của quốc gia và khu vực Đông Nam Á. Sau sáu năm thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung Phú Quốc, với sự đầu tư và hỗ trợ hiệu quả của trung ương, sự chỉ đạo quyết liệt của tỉnh Kiên Giang và sự nỗ lực không ngừng của huyện đảo, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức để trở thành một điểm sáng, điểm nhấn ấn tượng rất đáng tự hào của đất nước và của Kiên Giang - với 3 trụ cột chính: Công nghiệp giải trí, nghỉ dưỡng; Dịch vụ tài chính ngân hàng

và Kinh tế biển đảm bảo cho Phú Quốc phát triển nhanh, ổn định và bền vững. Ngày nay, Phú Quốc đã và đang phát triển mạnh mẽ, phù hợp định hướng quy hoạch chung đã duyệt có sân bay quốc tế hiện đại, giao thông đường bộ, đường thủy được khai thác đảm bảo tính hiện đại bền vững, từng bước hình thành đặc khu kinh tế Phú Quốc; xây dựng thể chế, chính sách có tính đột phá, có tính cạnh tranh quốc tế để thu hút các nhà đầu tư lớn, có thương hiệu thị trường vào đầu tư, khai thác hiệu quả tiềm năng của Phú Quốc từng bước hình thành hạt nhân tăng trưởng, động lực chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của vùng miền, khu vực và quốc gia. Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đã đạt được rất đáng khích lệ, Phú Quốc

cũng đang đứng trước các khó khăn, thách thức về lĩnh vực: kiểm soát quá trình đô thị hóa theo đúng quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị quốc gia và chương trình phát triển đô thị quốc gia còn nhiều bất cập. Việc quản lý đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch và có kế hoạch chưa thật tốt. Việc gia tăng dân số cơ học vào đảo nhanh chóng trong điều kiện hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khung mang tính chất liên vùng còn hạn chế. Đặc biệt là nguồn cung cấp nước sạch, cấp điện đầu mối từ đất liền ra đảo khi dân số và nhu cầu sử dụng ngày một tăng cao cũng như các công trình đầu mối xử lý rác thải, nước thải, bảo vệ rừng sinh thái, môi trường biển chưa được đầu tư kết nối. Quỹ đất dành cho phát triển đô thị - du lịch nghỉ dưỡng - cùng với giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển đô thị tăng trưởng xanh cũng như cơ chế chính sách thu hút đầu tư, nguồn lực thực hiện và trình độ cán bộ quản lý phát triển đô thị đang là những khó khăn, thách thức lớn mà Phú Quốc phải đối mặt trong thời gian tới.

Để thực hiện được mục tiêu quy hoạch chung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nêu trên trong giai đoạn tới, Phú Quốc cần tập trung vào một số nội dung trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng và quản lý phát triển đô thị, nông thôn theo hướng:

1. Sau quy hoạch chung: Việc tổ chức thực hiện quy hoạch phải theo nguyên tắc: Phát triển đô thị theo đúng quy hoạch và có kế hoạch.
2. Cần rà soát lựa chọn mô hình phát triển hợp lý, đảm bảo đồng bộ Hạ tầng xã hội - Hạ tầng kỹ thuật, cân đối các nguồn lực tự nhiên, phát triển hài hòa ổn định và bền vững.
3. Cần sớm triển khai các quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị và quy chế quản lý: tạo thành bộ công cụ quản lý phát triển đô thị, nông thôn bền vững. Trong đó, quy hoạch tổng thể hệ thống du lịch - nghỉ dưỡng là quan trọng.

4. Cần sớm xây dựng chương trình phát triển đô thị: nhằm xác định lộ trình từng bước thực hiện quy hoạch chung đảo Phú Quốc trong đó xác định chương trình ưu tiên và nguồn lực thực hiện cho từng kế hoạch: Ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

5. Cần khai thác triệt để lợi thế là khu Kinh tế - Hành chính đặc biệt của quốc gia về cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư. Nguồn vốn nhà nước ưu tiên cho các công trình hạ tầng kỹ thuật khung và các công trình đầu mối trọng điểm về xử lý rác thải, nước thải, bảo vệ môi trường ...

6. Cần xác định các khu vực phát triển đô thị cho giai đoạn 5 năm và hằng năm nhằm phát triển đô thị có trọng tâm, trọng điểm không dàn trải, tiết kiệm nguồn lực đất đai. Từ đó để lập quy hoạch phân khu làm cơ sở hình thành các dự án đầu tư phát triển đô thị theo quy định. Trên cơ sở đó lập kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị.

Trong đó: lập danh mục các dự án đầu tư phát triển đô thị theo 3 hướng sau:

- + Nhóm dự án có khả năng thu hồi vốn và sinh lời: Cần công khai trên các phương tiện thông tin để thu hút đầu tư và tiến hành đấu thầu chọn Chủ đầu tư hoặc đấu giá quyền sử dụng đất.

- + Nhóm dự án không có khả năng thu hồi vốn và sinh lời: Cần có sự đầu tư của Nhà nước. Nhóm này cần làm rõ để xây dựng kế hoạch trung hạn và ngắn hạn theo luật đầu tư công.

- + Nhóm dự án: Nhà nước và dân cùng làm: áp dụng cho các khu vực dân cư, làng xóm đô thị hóa, làng nghề (Nhà nước hỗ trợ quy hoạch chi tiết - Hạ tầng kỹ thuật khung, và các công trình xử lý người dân bỏ vốn xây dựng cải tạo nhà ở của mình theo quy hoạch). Đối với nhóm dự án sinh lời: Nhà nước cần áp dụng thí điểm mô hình đầu tư dự án theo quy hoạch hoặc theo mô hình PPP - để giải phóng mặt bằng - đầu tư hạ tầng kỹ thuật (đất đã có hạ tầng kỹ thuật) cần đấu giá quyền sử dụng đất nhằm thu lợi nhuận tối đa về giá trị kinh tế đất để có nguồn lực tiếp tục đầu tư hạ tầng kỹ thuật cho các dự án khác trên đảo.

7. Thành lập Ban quản lý dự án khu vực phát triển đô thị (theo Luật Xây dựng 2014 và Nghị định 11/NĐ-CP/2013) nhằm:

- + Hình thành một đầu mối kiểm soát phát triển theo quy hoạch và có kế hoạch.

- + Kết nối hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào các dự án bằng vốn Nhà nước.

- + Thực hiện dịch vụ công một cửa cho các dự án nằm trong khu vực phát triển đô thị đã xác định.

8. Kiểm soát phát triển đô thị từ khâu quy hoạch lồng ghép các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu theo tinh thần và nhiệm vụ tại Quyết định 2623/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trước mắt sớm hình thành bản đồ ngập lụt nước biển dâng để công khai cho người dân, doanh nghiệp và các nhà quản lý biết các khu vực cấm và hạn chế xây dựng.

9. Phát triển đô thị theo mô hình tăng trưởng xanh, sinh thái, thông minh nhằm kiểm soát nguồn chất thải vào môi trường, khuyến khích sử dụng năng lượng sạch, tái sử dụng nguồn chất thải, sử dụng vật liệu thân thiện môi trường hướng tới phát triển bền vững.

10. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng cán bộ quản lý về quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị để đáp ứng với yêu cầu mới ngày một cao hơn đặc biệt là quản lý khu Kinh tế - Hành chính đặc biệt của quốc gia.

Trên đây là một số nội dung trao đổi về quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị trong việc thực hiện quy hoạch chung đảo Phú Quốc mong được góp tiếng nói chung nhằm tham mưu cho các cấp chính quyền thực hiện và quản lý tốt hơn về giá trị đất đai, sử dụng tốt hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, giữ được môi trường tự nhiên, làm tăng giá trị sinh thái cho hòn đảo quý giá vào bậc nhất Việt Nam, đề xuất các mô hình, cơ chế, chính sách có tính đột phá thu hút nhiều hơn đầu tư quốc tế và trong nước có thương hiệu vào khu du lịch, nghỉ dưỡng, sinh thái biển đặc biệt này, gắn du lịch với bảo vệ tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa, bảo vệ môi trường và các hệ sinh thái đặc thù trên đảo. ■

# Một số bài học thực tế về môi trường, cảnh quan và sinh thái trong quy hoạch xây dựng bền vững ở Phú Quốc

PGS. TS. **PHẠM ĐỨC NGUYỄN,**

ThS. KTS. **NGÔ HOÀNG NGỌC DŨNG**

Khoa Kiến trúc và Quy hoạch, trường Đại học Xây dựng

## LỢI THẾ VỀ KHÍ HẬU, ĐỊA HÌNH, SINH THÁI PHÚ QUỐC

Các lãnh thổ ven biển nhiệt đới có lợi thế rất lớn về khí hậu, môi trường và cảnh quan thiên nhiên nên từ lâu đã được sử dụng làm nơi du lịch và nghỉ dưỡng. Đảo Phú Quốc còn có lợi thế hơn các địa phương khác vì là đảo lớn nhất Việt Nam, được mệnh danh là “Đảo Ngọc”. Điều này càng được khẳng định năm 2006 khi Phú Quốc được UNESCO công nhận là “Khu dự trữ sinh

quyển thế giới” cùng với biển đảo Kiên Giang.

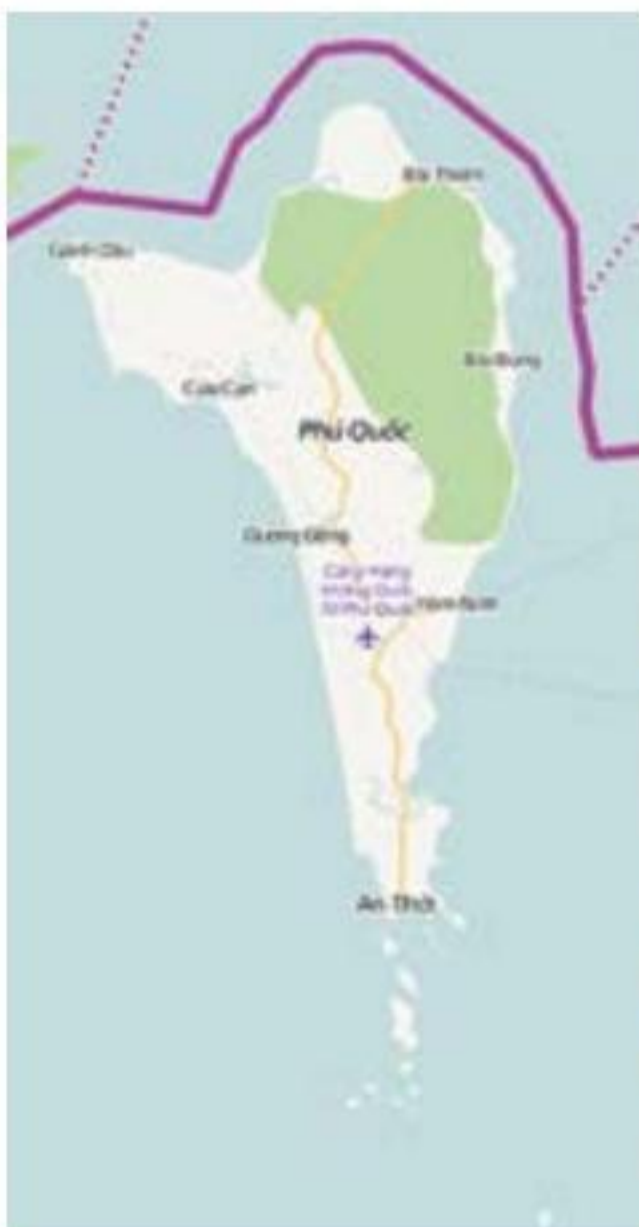
Đảo Phú Quốc đã được Chính phủ cho phép lập quy hoạch tổng thể để phát triển du lịch lâu dài. Khi xây dựng các dự án khách sạn nghỉ dưỡng, cần quan tâm ba đặc điểm quan trọng về địa hình, khí hậu của Phú Quốc.

Một là, Phú Quốc nằm ở vĩ độ 10° Bắc (thấp hơn TP Hồ Chí Minh khoảng 1°), có địa hình dốc thoải từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây với 99 ngọn đồi (hình 1). Điều này có nghĩa là phía

Nam và phía Tây của đảo đất ven biển tương đối bằng phẳng, trong khi phía Đông Bắc ven biển có đồi núi dốc.

Hai là, xung quanh Phú Quốc còn có 22 hòn đảo lớn nhỏ, có tiềm năng khai thác để kết nối cảnh quan và du lịch.

Ba là, khí hậu Phú Quốc quanh năm mát mẻ, do chịu ảnh hưởng của các khối gió mùa vùng Đông Nam châu Á. Nhiệt độ cao không quá 35°C và có độ ẩm cao 85 – 90%, rất thuận lợi cho động thực vật và con người phát triển. Phú Quốc lại được che chắn bởi lãnh



Hình 1. Địa hình đảo Phú Quốc. Nguồn: Wikipedia



thổ Nam Bộ và các nước lân cận Thái Lan, Malaysia, nên tránh được các cơn bão vùng nhiệt đới. Một đặc điểm quan trọng về khí hậu - lợi thế của vùng ven biển - là ban ngày luôn có gió biển mát mẻ thổi từ biển vào đất liền mang theo không khí trong lành (gió Breeze). Chỉ ban đêm, gió từ đất thổi ra biển, nhưng vẫn là gió mát, kể cả phía bắc có đồi núi cao. Để bảo đảm sự phát triển bền vững của Phú Quốc lâu dài, các dự án quy hoạch xây dựng khai thác du lịch và nghỉ dưỡng ven biển phải tận dụng tối đa những ưu đãi của thiên nhiên, bảo tồn “Khu dự trữ sinh quyển thế giới” đã được UNESCO công nhận, gìn giữ và phát huy những lợi thế về khí hậu, môi trường sinh thái tự nhiên, đồng thời bảo đảm quyền lợi lao động, kinh tế và bản sắc văn hóa của người dân địa phương, kể cả những vùng đất nuôi trồng cây đặc sản như Hồ tiêu, đánh bắt cá hoặc nuôi giống chó quý.

**MỘT SỐ BÀI HỌC THỰC TẾ**  
**Bài học 1: hạn chế phát triển các khu nghỉ dưỡng nằm sát biển**

Bài học này rút từ quy hoạch các resorts và công trình ven biển TP Đà Nẵng, kéo dài khoảng 19 km trên tuyến đường Sơn Trà – Điện Ngọc, án ngữ hoàn toàn tầm nhìn đẹp ra biển của người dân thành phố, biến vùng biển chung thành sở hữu riêng của cư dân nhà nghỉ<sup>[4]</sup> (Hình 2). Hiện nay, có lẽ



Hình 2. Các khu resort chiếm một phần lớn chiều dài bờ biển của Đà Nẵng (trên) và khung cảnh tan hoang sau trận sóng thần xảy ra vào năm 2004 tại Thái Lan (dưới)



Hình 3. Một góc phối cảnh quy hoạch thị trấn Dương Đông (Phú Quốc)

chính quyền thành phố đã thấy bất lợi của quy hoạch này nên đã cho mở thêm một vài lối đi ra biển tại những vùng đất còn trống. Ngoài tầm nhìn đẹp ra biển, khi lập các dự án sát biển, người ta đã quên thêm

ba điều cơ bản về khí hậu tự nhiên rất có ý nghĩa là:  
 (1) Ngăn một phần gió biển mát và vệ sinh thổi tới các khu dân cư phía trong;  
 (2) Ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu trong TK 21. Cuối TK 20 khi nhiệt độ



Hình 4. Khu nghỉ dưỡng Danang Sun Peninsula Intercontinental (Sơn Trà, Đà Nẵng)



Hình 5. Khu nghỉ dưỡng Chen Sea Phu Quoc



Hình 6. Đảo Hoang (Phú Quốc)

toàn cầu tăng thêm khoảng 1°C, nước biển đã dâng cao khoảng 30-50 cm. Theo kịch bản trung bình, cuối TK 21 nhiệt độ tại Việt Nam sẽ tăng thêm khoảng 2 -3°C, nước biển có thể dâng cao 1,0 m.

(3) Nếu xảy ra sóng thần – như đã xảy ra tại biển Thái Lan năm 2004 (Hình 2) – tai họa sẽ khôn lường.

Phải chăng đồ án quy hoạch tổng thể thị trấn Dương Đông (Phú Quốc, Hình 3) đã được làm theo mô hình này? Những lô đất vuông vẫn được hình thành để dành cho các loại công trình, từ dịch vụ, thương mại cho tới hành chính, công quyền.

### **Bài học 2: Tận dụng sườn đồi sát biển xây dựng khu nhà nghỉ**

Khu nghỉ dưỡng Intercontinental Danang Sun Pennynsula tại bán đảo Sơn Trà Đà Nẵng là một ví dụ thành công của mô hình này (Hình 4). Khu nghỉ dưỡng nằm dựa vào núi, ít có nguy cơ chịu rủi ro từ các trận sóng thần hay bão tố do được nằm lùi vào sâu trong khu vực bán đảo Sơn Trà. Ngoài ra, sự xuất hiện của những khối nhà trong khu nghỉ dưỡng này hoàn toàn không ảnh hưởng gì tới khả năng đón gió và dẫn gió vào sâu trong đô thị, ngược lại, tận dụng được tầm nhìn đẹp ra biển và gió biển mát mẻ ban ngày.

Tại Phú Quốc, một số địa điểm có địa hình tương tự như bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng) có thể được lựa chọn để xây dựng các khu nghỉ dưỡng như Đảo Hoang, Dương Đông (Hình 5, 6) thay vì những khu đất bằng phẳng nằm sát biển.

### **Bài học 3: Tận dụng các lợi thế về cảnh quan tự nhiên để tạo nên tuyến đường với các công trình phục vụ công cộng đẹp ven biển**

Nhiều đô thị trên thế giới có dòng sông chảy qua được coi là lợi thế của thiên nhiên, luôn tìm cách tận dụng tối đa để tạo nên tuyến cảnh quan ven sông độc đáo với các công trình đẹp nhất, phục vụ lợi ích công cộng, thu hút người dân đô thị và khách du lịch. Đó là các con đường ven sông ở





Hình 7. Hai bên sông Seine , Paris, Pháp



Hình 8. Tuyến đường ven sông Danube tại Budapest (Hungary) và những không gian cộng đồng dọc ven sông

Thành phố Matxcova, ven sông Seine (Paris, Pháp) (Hình 7), v.v.. Đặc biệt đường ven sông Duna ở Budapest (Hungary, Hình 8) đã được thừa nhận là Di sản văn hóa vật thể của thế giới. Cũng theo mô hình này, nhưng đường ven sông Hàn của Đà Nẵng vẫn chưa

thành công, do phần lớn công trình ven đường là nhà ở, khách sạn với giá trị thẩm mỹ kiến trúc bình thường, tuy đã có nhiều công sức mở rộng đường ven sông và xây thêm vườn hoa. Phú Quốc, với đặc điểm là một hòn đảo, sẽ có một lợi thế rất lớn về khả

năng kiến tạo cảnh quan ven biển. Thay vì lấn biển hoặc chiếm dụng bờ biển để xây dựng các khu nghỉ dưỡng, che khuất tầm nhìn ra biển và khả năng đón gió của đô thị, nên chú trọng tới việc tổ chức các tuyến đường ven biển kết hợp với các không gian nghỉ ngơi,

sinh hoạt cộng đồng cho người dân và du khách.

Có thể học hỏi kinh nghiệm từ những trường hợp thành công ở nước ngoài, như đường ven biển ở vịnh Kotor (Montenegro), đường hoa ven biển ở Big Sur (California, Mỹ - Hình 9) ... Tuyến đường ven biển được kết hợp trở thành một tuyến hoặc trục cảnh quan sẽ làm mềm ranh giới giữa biển và đất liền, tạo nên một sự gắn kết hữu cơ giữa các yếu tố mặt nước và núi đồi.

**Bài học 4: Quy hoạch nâng cao khả năng đón gió biển vào sâu trong đô thị**  
Tương tự như các vùng ven biển khác,

khu vực đảo Phú Quốc luôn nhận được gió biển thổi hàng ngày. Đây là loại gió mát mẻ, trong lành, có tác dụng làm giảm nhiệt độ không khí vào ban ngày. Chính vì vậy, việc quy hoạch khu vực ven biển cần đảm bảo tận dụng tối đa lợi thế từ gió biển, dẫn gió biển đi sâu vào trong khu vực đô thị trên đảo. Theo đó, các trục giao thông chính cần đặt theo hướng vuông góc với bờ biển, và cần có quy định về chiều cao công trình, càng tiếp giáp gần với biển thì chiều cao công trình càng phải nhỏ dần. Có thể lấy quy hoạch quận El. Salvado, Lima, Peru (Hình 10) làm ví dụ cho trường hợp của Phú Quốc. Tại đây, các trục giao thông chính có hướng ra biển, và không có lô

đất nào nằm ngay sát bờ biển để giảm thiểu rủi ro khi có thảm họa thiên nhiên. Ngoài ra, các lô đất đều được phân chia dạng ô cò, đảm bảo các công trình gần biển không chắn gió thổi vào sâu trong đô thị. Mô hình này có thể áp dụng trong quy hoạch khu vực ven biển của Phú Quốc để tận dụng tối đa lợi thế về gió biển.

#### KẾT LUẬN

Việc quy hoạch xây dựng ven biển Phú Quốc phù hợp với định hướng phát triển du lịch, nghỉ dưỡng, đảm bảo tính bền vững của Phú Quốc, giữ cho Phú Quốc mãi mãi là “Đảo Ngọc” có ý nghĩa hết sức quan trọng không chỉ đối với sự phát triển chung của địa phương, mà còn niềm tự hào chung của cả nước. Hơn thế nữa, để Phú Quốc thực sự có sức hấp dẫn mạnh mẽ với du khách, góp phần thực hiện được chiến lược phát triển du lịch thì nhất thiết phải quan tâm tới quy hoạch bền vững và tạo nên tính đặc sắc. Để thực hiện được những mục tiêu đó, các đồ án quy hoạch phải được nghiên cứu nghiêm túc đầy đủ các khía cạnh về môi trường sinh thái, khí hậu, kinh tế, xã hội, giảm thiểu rủi ro khi có thảm họa và gìn giữ văn hóa bản địa. Những đề xuất trong bài báo này là những ý tưởng ban đầu dưới góc độ quy hoạch và kiến trúc môi trường để đóng góp cho quy hoạch chung của Phú Quốc, hướng tới sự bền vững và đặc sắc. Để ý tưởng trở thành hiện thực trong các đồ án thực tế tại Phú Quốc, cần có sự phối hợp nghiên cứu giữa các chuyên gia thuộc lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc và môi trường trong tất cả các giai đoạn thực hiện của dự án. ■



Hình 9. Tuyến đường ven biển được trồng hoa tại California (Mỹ)



#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cổng thông tin điện tử Đảo Phú Quốc.
2. Trang thông tin của UBND đảo Phú Quốc ([phuquoc.gov.vn](http://phuquoc.gov.vn))
3. Phó Đức Tùng, “Suy nghĩ về quy hoạch Phú Quốc”, Tham luận tại Hội nghị Ban chấp hành và hội thảo Kiến trúc du lịch biển đảo Việt Nam tại Phú Quốc.
4. Phạm Đức Nguyên. Phát triển kiến trúc bền vững / kiến trúc xanh ở Việt Nam. NXB Trí thức 2012, tái bản 2015.



Cảnh đẹp Phú Quốc

# Đảo Ngọc Phú Quốc

## với giải pháp kiến trúc thiết kế cảnh quan đô thị mang nét đặc thù riêng

TS.KTS. **TRƯƠNG VĂN QUẢNG**  
Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam

PHÚ QUỐC ĐƯỢC XÁC ĐỊNH LÀ TRUNG TÂM DU LỊCH SINH THÁI VÀ TRUNG TÂM GIAO THƯƠNG TẦM CỠ KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ. TẠI ĐÂY CÓ NHIỀU THẮNG CẢNH ĐẸP NHƯ: CẢNH QUAN VƯỜN QUỐC GIA PHÚ QUỐC; KHU BẢO TỒN BIỂN PHÚ QUỐC...VỚI NHỮNG BÃI BIỂN NƯỚC XANH TRONG VẮ (BÃI SAO VÀ BÃI DÀI...); DI TÍCH LSVH, DANH THẮNG NỔI TIẾNG ( DINH CẬU, LÀNG CHÀI HÀM NINH, GÀNH DẦU VÀ QUẦN ĐÀO AN THỚI...). NGÀY 22/5/2013 THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ ĐÃ BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 31/2013/QĐ-TTG VỀ VIỆC THÀNH LẬP KHU KINH TẾ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG; NGÀY 17/9/2014 TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1676/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, HUYỆN ĐÀO PHÚ QUỐC ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI II.



Đảo Ngọc Phú Quốc

### 1. Đảo ngọc Phú Quốc – Vai trò, vị thế, tiềm năng

Phú Quốc, còn được mệnh danh là Đảo Ngọc, là hòn đảo lớn nhất của Việt Nam, cũng là đảo lớn nhất trong quần thể 22 đảo tại đây, nằm trong vịnh Thái Lan. Đảo Phú Quốc cùng với các đảo khác tạo thành huyện đảo Phú Quốc trực thuộc tỉnh Kiên Giang. Toàn bộ huyện đảo có tổng diện tích khoảng 589,23 km<sup>2</sup> (xấp xỉ diện tích đảo quốc Singapore thập niên 1960). Phú Quốc nằm cách thành phố Rạch Giá 120 km và cách thị xã Hà Tiên 45 km. Năm 2006, Khu dự trữ sinh quyển ven biển và biển đảo Kiên Giang bao gồm cả huyện này được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới. Tiềm năng du lịch Phú Quốc có thể so sánh với Maldives (Sri Lanka), Phuket (Thailand), Bali (Indonesia), Jeju (Hàn Quốc)...

### 2. Tầm nhìn và chiến lược phát triển

Ngày 11/5/2010, Thủ tướng CP đã phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030 (QĐ số 633/QĐ-TTg). Theo điều chỉnh, mô hình phát triển thành phố du lịch sinh thái biển đảo Phú Quốc theo cấu trúc chuỗi tập trung, đa trung tâm. Cụ thể: (1) Cấu trúc không gian theo trục chính Bắc - Nam An Thới - Cầu Trắng, trục giao thông vòng quanh đảo Bãi Vòng - Bãi

Sơ đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng đến năm 2030



Sơ đồ cấu trúc phát triển không gian

Thom - Rạch Tràm - Rạch Vem... kết nối cảng biển quốc tế An Thới, Bãi Đất Đỏ, sân bay quốc tế Dương Đông. Khu đô thị Dương Đông sẽ là trung tâm của thành phố du lịch đảo Phú Quốc.

Đây là trung tâm hành chính, dịch vụ công cộng, thương mại, tài chính quốc tế, dịch vụ du lịch và khu dân cư tập trung của đảo... (2) Cấu trúc các vùng đô thị - du lịch bao gồm: khu đô thị

Cửa Cạn, khu đô thị Dương Đông, khu đô thị An Thới; các vùng du lịch sinh thái: Bắc đảo, du lịch sinh thái Nam đảo, du lịch hỗn hợp Bãi Trường - Bãi Vòng; các làng nghề truyền thống.(3) Cấu trúc vùng cảnh quan, vùng nông nghiệp, không gian mở: không gian rừng cảnh quan vườn quốc gia, rừng phòng hộ, các công viên chuyên đề và không gian mở. Với tổng diện tích đất tự nhiên là 58.923 ha; đến năm 2030 đất xây dựng đô thị khoảng 3.852 ha, đất du lịch: 3.861 ha, đất khu phức hợp du lịch, dịch vụ và dân cư: 1.235 ha, đất chuyên dùng: 1.489 ha, đất cây xanh mặt nước và không gian mở: 3.399 ha, đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật: 1.135 ha, đất lâm nghiệp: 37.802 ha, đất nông nghiệp: 5.813 ha, đất an ninh quốc phòng, đất dự trữ phát triển: 337 ha. Cơ cấu sử dụng đất đảo Phú Quốc bao gồm: Vùng phát triển đô thị và du lịch chiếm khoảng 15,19%. Vùng lâm nghiệp chiếm khoảng 64,16%. Vùng cảnh quan và không gian mở chiếm khoảng 5,77%. Vùng nông nghiệp chiếm khoảng 9,13%. Vùng đặc biệt chiếm khoảng 5,75%.

Du lịch là một trong những định hướng phát triển chính của đảo Phú Quốc. Dự báo đến năm 2020 khách du lịch khoảng 2-3 triệu khách/năm, năm 2030 khách du lịch khoảng 5-7 triệu khách/năm. Trong hệ thống các khu du lịch, quy hoạch có 15 khu du lịch sinh thái (Bãi Thơm, Gành Dầu, Rạch Tràm, Rạch Vẹm, Bãi Dài, Vũng Bầu, Cửa Cạn, Bãi Ông Lang...); 2 khu du lịch hỗn hợp (Bãi Vòng, Vịnh Đầm); khu phức hợp Bãi Trường và nhiều điểm du lịch đặc trưng khác. Đặc biệt, Quy hoạch còn có hệ thống các công trình điểm nhấn bố trí trên các trục kiểm soát và tại các vùng kiểm soát, gồm các công trình dịch vụ công cộng, công trình hành chính, khách sạn cao cấp, công trình thương mại tại khu Bãi Thơm, khu đô thị Cửa Cạn, khu đô thị Dương Đông, khu phức hợp Bãi Trường và khu đô thị An Thới. Cảng hàng không Phú Quốc, cảng quốc tế tổng hợp An Thới, cảng nội địa Dương Đông, Vịnh Đầm, Bãi Thơm; trục giao thông chính

Bắc - Nam bao gồm đường quanh đảo, các đường ngang và trục thương mại khu đô thị Dương Đông... là những dự án được ưu tiên đầu tư...

Để tiếp tục phát huy tiềm năng, lợi thế, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, UBND tỉnh Kiên Giang thời gian qua đã rà soát công tác thực hiện theo Quy hoạch 633 tại đảo Phú Quốc và đề xuất với Chính phủ những nội dung mới, cần thiết được xem xét điều chỉnh cục bộ trên cơ sở phù hợp với quy luật phát triển, đáp ứng lợi ích của các bên liên quan đến quá trình đầu tư xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời vẫn bảo đảm sự phù hợp với Quy hoạch 633 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc đến năm 2030. Theo đó, quy mô sử dụng đất đai toàn đảo đến năm 2030 được điều chỉnh theo hướng đất du lịch khoảng 4.000 ha; đất khu phức hợp du lịch, dịch vụ dân cư khoảng 3.325 ha; đất lâm nghiệp khoảng 37.430 ha (trong đó, đất rừng phòng hộ khoảng 6.666 ha); đất nông nghiệp khoảng 3.953 ha (trong đó, đất sản xuất nông nghiệp khoảng 2.719 ha, đất ở nông thôn làng nghề khoảng 1.234 ha).

Khu đô thị Dương Đông được phát triển theo hướng là trung tâm của thành phố du lịch đảo Phú Quốc. Cảng tổng hợp được xây dựng tại vịnh Đất Đỏ, cảng Dương Đông được xây dựng thành cảng hành khách quốc tế Phú Quốc. Vị trí khu du lịch, dịch vụ và vui chơi giải trí tổng hợp có casino sẽ điều chỉnh, chuyển từ khu đất bãi Đá Chồng sang khu du lịch sinh thái Bãi Dài. Bổ sung quy hoạch tuyến cáp treo từ thị trấn An Thới ra đảo Hòn Thơm, xã Hòn Thơm; bổ sung khu đất có chức năng dịch vụ du lịch giải trí phức hợp và sân golf quy mô diện tích 2.090 ha tại khu vực Đồng Cây Sao và Bắc sông Cửa Cạn, xã Cửa Cạn trên cơ sở chuyển đổi chức năng 1.718 ha diện tích đất nông nghiệp và 372 ha đất rừng phòng hộ; bổ sung khu đất có chức năng du lịch

nghi dưỡng, giải trí thể thao quy mô 142 ha tại phía Bắc rạch Vũng Bầu trên cơ sở chuyển đổi chức năng 142 ha từ đất nông nghiệp; điều chỉnh chức năng sân golf, quy mô 102 ha tại khu đất du lịch sinh thái Cửa Cạn thành đất du lịch sinh thái...

### 3. Nhận diện thực trạng phát triển

Sau khi Chính Phủ có QĐ số 31/2013/QĐ-TTg phát triển Phú Quốc trở thành đặc khu kinh tế vào tháng 6/2014 và đến tháng 10/2014 Chính Phủ có QĐ số 1676/QĐ-TTg) nâng Phú Quốc lên đô thị loại 2... Cùng với sân bay quốc tế Phú Quốc đi vào hoạt động, một loạt các dự án hạ tầng giao thông hoàn thiện với trục đường Nam - Bắc đảo rộng 6 làn xe, đường vòng quanh đảo, hệ thống cảng biển, điện lưới quốc gia... Tiếp đó là các dự án lớn khách sạn 5 sao (giai đoạn 2), khu công viên Sarafi của tập đoàn Vingroup ở Bãi Dài, An Thới, Dương Đông, rồi Shells Resort tại Gành Gió của Tập đoàn Trần Thái, Grand World của tập đoàn Long Điền, dự án nghỉ dưỡng 100ha tại Bãi Khem của Sun Group... đã và sắp đưa vào hoạt động đồng nghĩa với cơ hội đầu tư vào Phú Quốc hấp dẫn hơn, đó cũng là lý do dẫn đến việc các nhà đầu tư ào ạt đổ tiền vào Phú Quốc khiến đất ở đây lên cơn sốt hơn bao giờ hết. Thời gian gần đây, hoạt động mua bán - chuyển nhượng dự án trên đảo diễn ra khá rầm rộ khi một số nhà đầu tư lớn trong nước đã "thâu tóm" quỹ đất lớn chuẩn bị "tung" dự án mới. Theo đó, tập đoàn Sao Mai An Giang (ASM) vừa đặt cọc 200 tỷ đồng để mua khu đất có diện tích 20ha tại Dương Đông. Dự kiến, ASM sẽ đầu tư xây dựng một dự án khu du lịch, nghỉ dưỡng ngay tại Bãi Dài vào năm 2017... Phú Quốc đang như "Một đại công trường" ...! Theo Ban Quản lý Đầu tư Phát triển đảo Phú Quốc, tính đến cuối quý III năm 2016, lũy kế có 187 dự án được quyết định chủ trương đầu tư/cấp giấy chứng nhận đầu tư với diện tích 7.118 ha, vốn đầu tư 35.098 tỉ đồng (kể cả sân bay quốc tế Phú Quốc 905 ha, vốn đầu tư 3.076 tỉ), 22 dự án đang triển khai xây



Tuyến đường mới ven biển đang thi công



Dự án The Shells & Spa



Phần lớn các lô đất dự án trên đảo đã có chủ...



dụng với diện tích 1.200 ha, vốn đầu tư ước 35.582 tỉ đồng, các dự án còn lại đang hoàn thiện các thủ tục đầu tư. Lũy kế đến nay trên địa bàn Phú Quốc có 23 dự án FDI... Các dự án tập trung phần lớn vào lĩnh vực du lịch. Tuy nhiên, có rất nhiều dự án đang còn “án binh bất động” chưa xây dựng. (Như kiểu Bãi Dài/Nha Trang, Nước Mặn/Đà Nẵng...).

Một thực tế cho thấy, các đô thị ven biển, hải đảo của Việt Nam trong quá trình qui hoạch phát triển đã tận dụng những thế mạnh về vị trí địa lý, cảnh quan để phát triển kinh tế trong đó lấy du lịch và kinh tế biển là mũi nhọn. Rất nhiều các dự án khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp đã được đầu tư xây dựng ở các bãi biển nhằm khai thác triệt để các tiềm năng mà thiên nhiên ban tặng. Bên cạnh mặt đạt được về việc góp phần phát triển kinh tế, đô thị cho địa phương, các dự án xây dựng không được quy hoạch tốt cũng đã gây ra nhiều hệ lụy về mặt đô thị, môi trường, xã hội. Việc quy hoạch xây dựng nóng, vội theo kiểu “Phát triển bằng mọi giá”, “Xin – Cho” và “Chia lô mặt biển” tại một số đô thị như Quảng Ninh, Đà Nẵng, Nha Trang, Phan Thiết, Vũng Tàu... có nguy cơ “băm nát

mặt tiền” của biển, lãng phí nguồn tài nguyên... gây cản trở cho khả năng tiếp cận không gian mặt biển (cần được coi như một dạng không gian công cộng) của cộng đồng cũng như làm mất đi không gian sinh kế truyền thống của ngư dân.

Quá trình phát triển đô thị ven biển, hải đảo đã, đang lấn át và làm mất đi giá trị cảnh quan thiên nhiên của hệ sinh thái biển và biển. Hiện tượng lạm dụng việc lấn biển để phát triển đô thị, phát triển công nghiệp như Quảng Ninh, Đà Nẵng, Nha Trang, Đồ Sơn (có xu hướng phổ biến ở nước ta)... đang cảnh báo về nguy cơ hủy hoại nguồn lợi thiên nhiên, hệ sinh thái và cảnh quan của các đô thị ven biển. Cấu trúc đô thị ven biển lấy du lịch làm động lực đang là vấn đề cần được nghiên cứu cả về lý luận quy hoạch cũng như thực tiễn xây dựng, giữa nhu cầu của nhà đầu tư du lịch với nhu cầu sống của các dân cư đô thị biển. Việc phát triển đô thị theo dự án với nhiều qui mô khác nhau trong khi nguồn lực nhà đầu tư có hạn... đã tạo ra nhiều hệ lụy khó lường như “Đắp chiếu” để đẩy, chuyển nhượng, chia nhỏ dự án để “Sang tên, đổi chủ”... có nguy cơ làm cho mặt tiền của biển thiếu tính tổng

thể, đồng bộ...Hoặc việc xây dựng quá sát mặt biển cũng khiến các khu vực này trở nên rất dễ tổn thương với những biến đổi bất thường gây ra do biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Việc khai thác quá mức đất đai và cảnh quan tại các đô thị ven biển dẫn đến sự xuống cấp, biến đổi hệ cân bằng sinh thái khu vực ven biển. Trong tương lai gần, các đô thị ven biển, hải đảo sẽ phải hứng chịu hậu quả khó lường của hiện tượng nước biển dâng.

Tình trạng chùng chèo trong khai thác và sử dụng tài nguyên sinh thái; công tác quản lý quy hoạch xây dựng và quy hoạch phát triển ngành; sự tàn mạt trong hệ thống luật pháp và cơ chế, chính sách quản lý phát triển dẫn đến tình trạng thiếu các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách phù hợp với đặc thù phát triển của các đô thị ven biển. Luật Biển nước ta đã ra đời, tuy nhiên phạm trù điều tiết mới tập trung vào không gian biển và hải đảo, trong khi các hoạt động khai thác tài nguyên, phát triển kinh tế và đô thị chủ yếu lại diễn ra trên không gian ven biển. Khung pháp lý cho quản lý phát triển không gian ven biển hiện nay được chia cắt trong nhiều bộ luật chuyên ngành như Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Du lịch, Luật Môi trường, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ rừng... và dựa vào nhiều loại quy hoạch kèm theo như: Quy hoạch xây dựng, Quy hoạch Giao thông, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội, Quy hoạch phát triển Du lịch...

*Một câu hỏi lớn đặt ra là: Tình trạng trên liệu Phú Quốc có tránh khỏi...?*

#### **4. Một số kinh nghiệm quốc tế Bali là hòn đảo du lịch nổi tiếng**

*của Indonesia*, có diện tích tự nhiên 5623km<sup>2</sup>, với hơn 3 triệu dân, Bali gần như một quốc gia nhỏ, có khả năng cung cấp một chuỗi sản phẩm du lịch đa dạng, phong phú. Bali là hình ảnh du lịch sinh thái có sự kết hợp hài hòa giữa con người và thiên nhiên, giữa truyền thống và hiện đại. Âm nhạc, nghệ thuật, kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên (rừng núi, đồng ruộng, làng mạc,



Đồng ruộng, văn hóa bản địa đã làm nên sắc màu riêng cho Ba li



Quần đảo Lankawi(Malaysia)Nhịp mái che hành lang hệ phố (Langkawi)



Quảng trường Đại bàng (Langkawi) Bến thuyền du lịch (Langkawi)

chợ, nghề thủ công truyền thống...) đã tạo nên bản sắc cho Bali và đều là những yếu tố hấp dẫn du khách. Khẩu hiệu Bali Dawipa Jaya (Bali phồn vinh) là triết lý phát triển của đảo... Về không gian Bali đã được phân định thành các vùng chức năng với sự định vị chắc chắn dựa vào cấu trúc địa hình tự nhiên, vùng sinh thái, văn hóa bản địa... và kế hoạch phát triển có lựa chọn... Một hình ảnh đậm đặc khó trộn lẫn về đặc trưng kiến trúc cảnh quan Bali như một thành công và sự quyến rũ, mê hoặc có một không hai của hòn đảo này...

**Langkawi của Malaysia** (gồm 99 hòn đảo lớn nhỏ, với tổng diện tích tự nhiên

528 km<sup>2</sup>, 4,5 vạn dân), nằm phía nam biển Andaman, gần biên giới với Thái lan. Thủ phủ của Langkawi là thị trấn Kuah nhỏ nhắn được xây dựng trên đảo chính. Với giá trị nổi trội về cảnh quan tự nhiên, có tầng kiến tạo địa chất độc đáo, với hệ thống dịch vụ và sản phẩm du lịch độc đáo kèm cơ chế chính sách hấp dẫn (đảo miễn thuế) và lòng mến khách của người dân, Langkawi đã trở thành điểm du lịch sinh thái ấn tượng. Để làm được điều đó người dân Langkawi đã xây dựng triết lý phát triển cho đảo và lòng tự hào của mình... Triết lý đó thật đơn giản, đó là 5 chữ "S" (saving/an toàn; shopping/mua sắm; sun/nắng mặt trời; sea/biển và sands/

cát) xuất phát từ tiềm năng đa dạng hệ sinh thái trên đảo và tư duy năng động của con người.

**Quần đảo Phi Phi của Thái Lan.** Koh Phi Phi là một quần đảo lớn nằm ở tỉnh Krabi, Thái Lan. Quần đảo Phi Phi gồm có 6 hòn đảo: Ko Phi Phi Don, Ko Phi Phi Leh, Ko Mai Phai, Ko Yung, Bida Nok và Bida Nai.

Đảo Phi Phi được mệnh là đảo đẹp nhất thế giới với bãi biển sạch nhất thế giới, được các nhà tổ chức du lịch quan tâm nhất và đưa vào chương trình tour du lịch Thái Lan là chủ yếu. Đây là bãi biển tắm lý tưởng nhất nằm cách đảo Phuket 54 km về hướng Đông Nam. Koh Phi Phi đã bị sóng thần Ấn Độ Dương tháng 12 năm 2004 tàn phá, gần như các cơ sở hạ tầng trên các đảo đều bị xóa sạch, sau trận sóng thần đó người dân đã cho tái phát triển nơi đây và xây những công trình có độ cao nhất định, không xây dựng những công trình quá cao nhằm hạn chế rủi ro mà vẫn giữ được vẻ đẹp của các công trình. Công tác bảo vệ môi trường, cảnh quan có quy định tiêu chuẩn chất lượng môi trường của các khu du lịch, bãi biển và cơ sở lưu trú. Các đơn vị chủ quản nếu vi phạm sẽ bị phạt hoặc thu hồi giấy phép. Công tác kiểm tra được thực hiện thường xuyên nên chất lượng môi trường tại các khu du lịch khá trong sạch. Cộng đồng tại các khu du lịch có ý thức tự bảo vệ môi trường, cảnh quan như tự thu dọn vệ sinh, tự cảnh



Toàn cảnh đảo Phi Phi



Biển xanh như ngọc ở Phi Phi Leh

báo cho khách du lịch vào khu vực dịch vụ mà theo họ là có hàng giả, không có hiện tượng đeo bám khách du lịch để chào bán hàng tại các khu du lịch lớn. Các bộ, ngành như Môi trường, Đầu tư, Xây dựng, Giáo dục, chính quyền địa phương đều tham gia vào hoạt động xây dựng thể chế, các quy định và cử đại diện vào các Ủy ban liên ngành để cùng phối hợp quản lý, giám sát sự hoạt động xây dựng, du lịch và kịp thời có những điều chỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho đảo phát triển.

**Đảo Cyprus** là một đảo du lịch có tiếng ở Địa Trung hải. Do vị trí địa lí của đảo thuộc vào nơi có giao thông Đông – Tây trọng yếu, trong thời kì

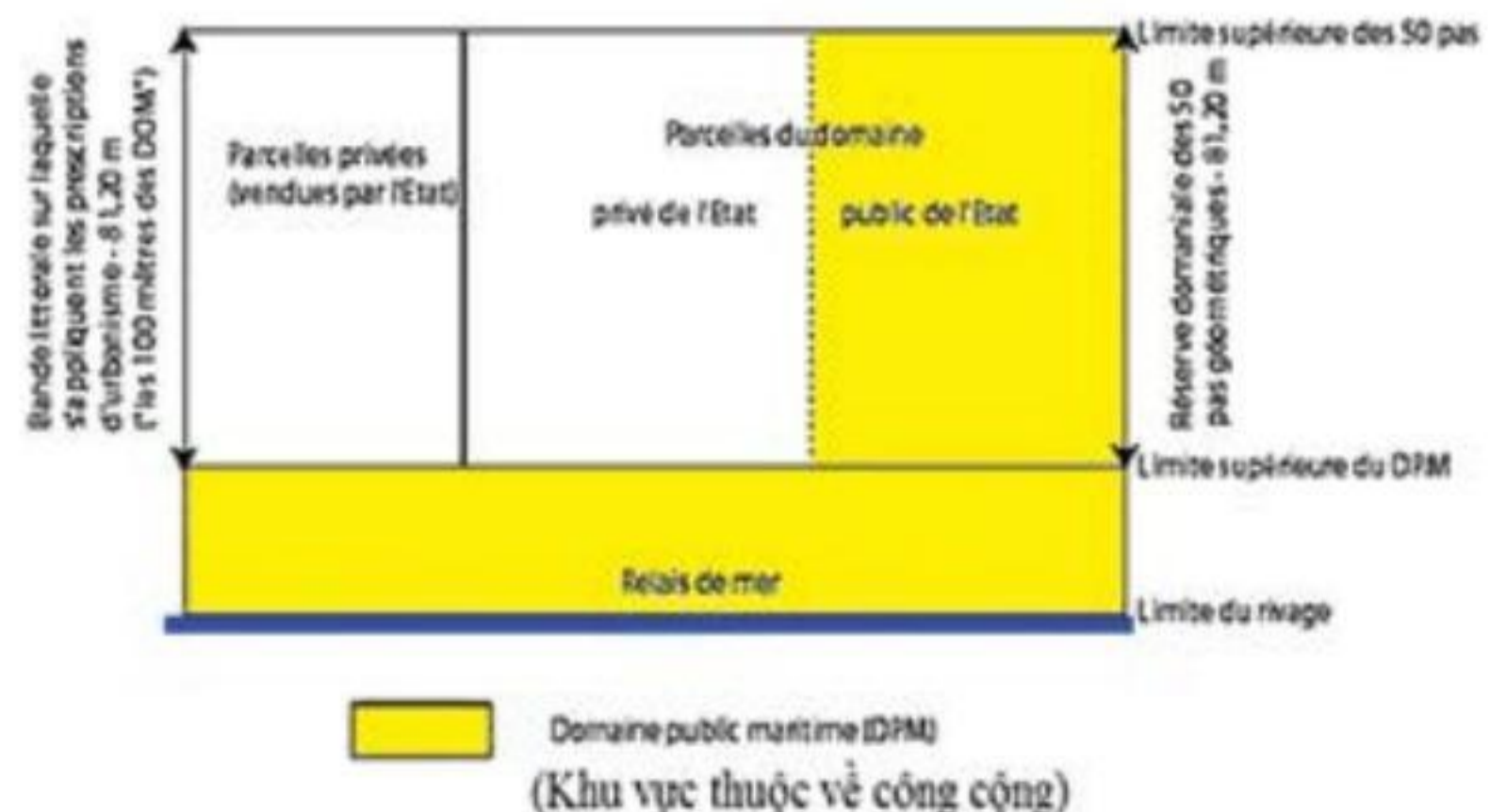
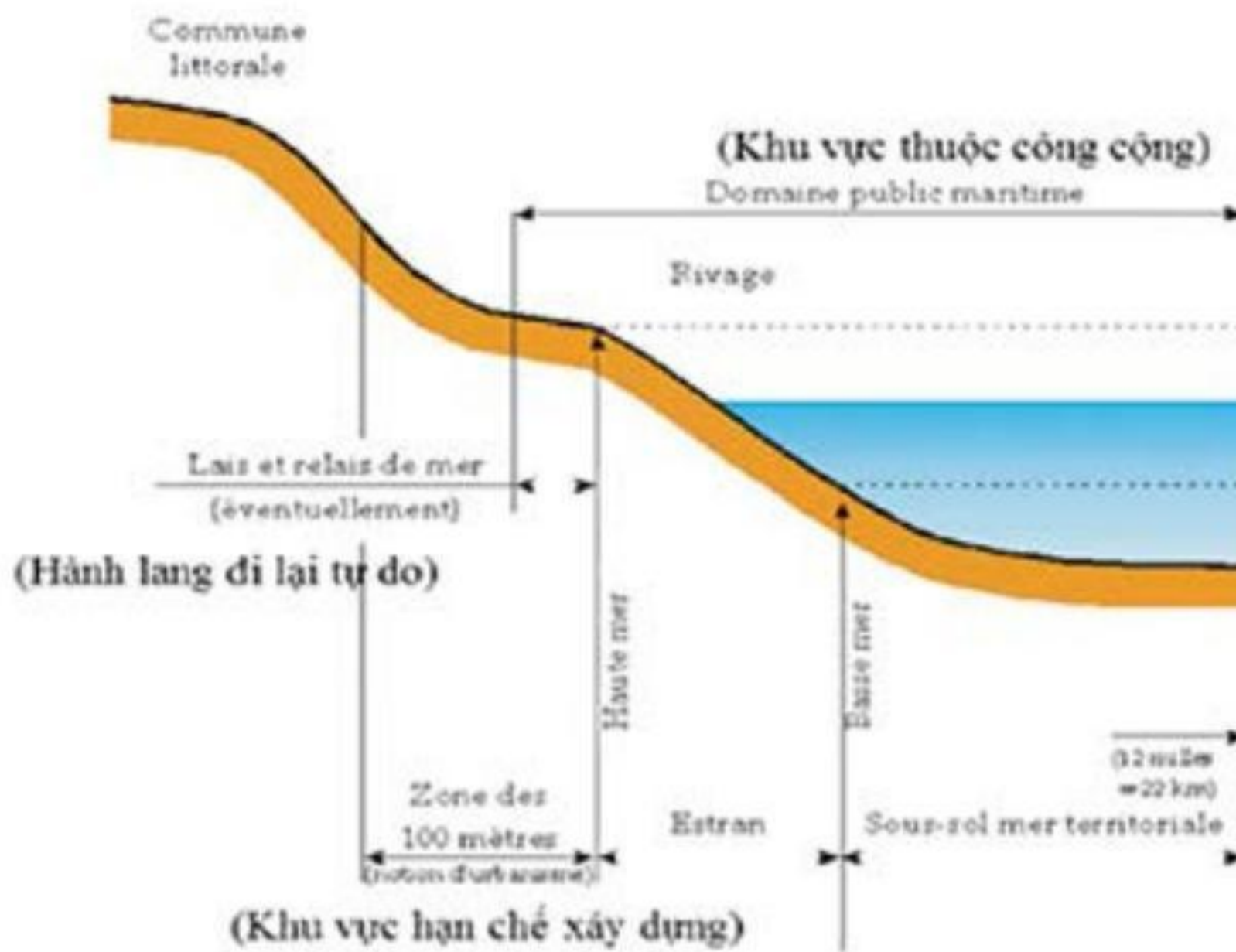


Mặt bằng đảo Cyprus





Bến du thuyền trên đảo Cyprus



Domaine public maritime (DPM)  
(Khu vực thuộc về công cộng)

Luật Quản lý vùng duyên hải của Pháp

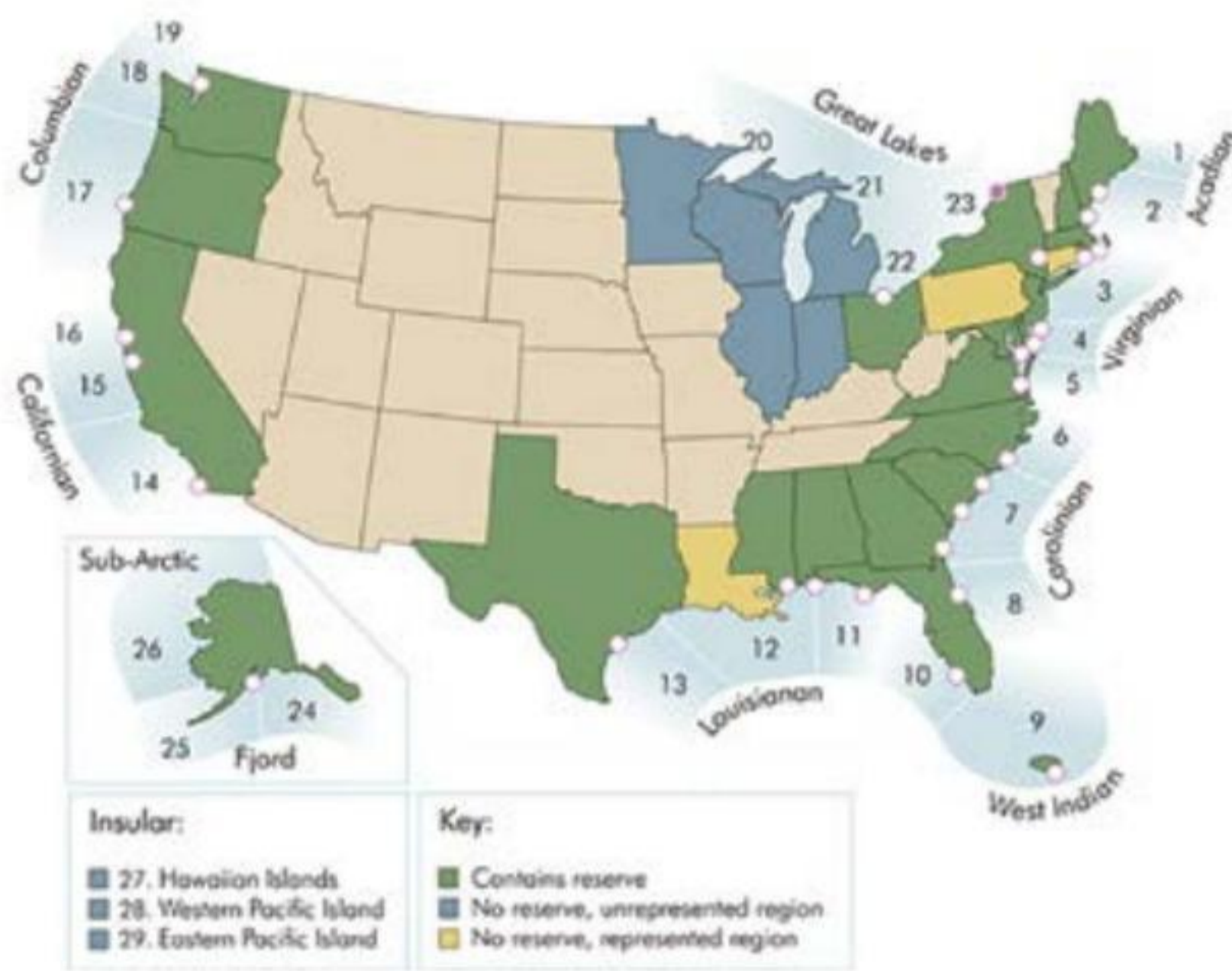
đầu lịch sử văn minh nhân loại, là nơi tập trung của hai nền văn hoá Đông - Tây và là nơi phát sinh truyền thuyết về thần Vệ nữ - thần ái tình. Trên đảo tập trung nhiều loại dịch vụ du lịch, được xây dựng dưới dạng đô thị du lịch. Đây là nơi kết hợp được những giá trị truyền thống với các giá trị hiện đại. Các phân vùng chức năng trên đảo đã tạo ra những sắc thái riêng và sự hấp dẫn đa dạng, là nét đặc trưng dễ nhận biết của đảo.

**Luật Quản lý hoạt động ở khu vực bờ biển Cuba (Luật 212-2000)**

- + Việc sử dụng bờ biển là tự do, công cộng và miễn phí cho các sử dụng chung hợp với thiên nhiên như dạo chơi, lưu trú, tắm biển, câu cá, boi thuyền.
  - + Yêu cầu có lối tiếp cận bắt buộc với bờ biển (Các công trình, thiết kế hoặc các hoạt động diễn ra trong khu vực bờ biển phải đảm bảo lối vào (đường vào) khu bờ biển và khu bảo vệ từ đường giao thông công cộng gần nhất).
  - + Nhấn mạnh đến quản lý các hoạt động xây dựng ven biển (không xây dựng trong phạm vi bờ biển), bảo vệ môi trường sinh thái.
- Luật Quản lý vùng duyên hải của Pháp**
- + Đưa ra các quy định cụ thể về điều kiện xây dựng ven biển: Khoảng cách từ mép nước đến công trình xây dựng (100m),
  - + Lối đi công cộng bắt buộc dọc bãi biển...

**Luật Quản lý vùng ven biển (CZMA) – Mỹ**

Mỹ là quốc gia rất sớm áp dụng quản lý tổng hợp biển và vùng ven biển. Luật Quản lý Vùng Ven biển (Coastal zone management Act) được Mỹ thông qua năm 1972 nhằm tăng cường sự tham gia và phối hợp của các bên liên quan trong việc đưa ra các chương trình liên quan đến vùng ven biển và cân bằng giữa các nhóm cạnh tranh về lợi ích ở vùng ven biển. CZMA cho phép các tiểu bang xây dựng kế hoạch quản lý vùng ven biển, có thể điều chỉnh chương trình quản lý vùng ven biển phù hợp với bối cảnh và nhu cầu của bang mình.



Luật Quản lý vùng ven biển (CZMA) – Mỹ



Khu đô thị Cửa Cạn (Khu đô thị NC Bảo tồn biển, hệ sinh thái...)



Khu đô thị Dương Đông (Trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ CC)

## 5. Một số vấn đề cần quan tâm trong giải pháp kiến trúc, thiết kế cảnh quan mang nét đặc thù riêng của đảo ngọc Phú Quốc.

(1) *Về quan điểm*, cần nhận thức một cách sâu sắc, trong lộ trình từng bước đi của mình, Phú Quốc phải thực sự trở thành Đảo Ngọc/một thương hiệu lừng danh có tính toàn cầu...cho dù trong tương lai nó sẽ phải đi qua nhiều nhiệm kỳ lãnh đạo khác nhau.

(2) *Về tổng thể*, cần cân nhắc bài toán Ngưỡng hoặc Khả năng Dung nạp, Chịu tải của Môi trường, Cảnh quan đảo Phú Quốc trong phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch...trên cơ sở khống chế, quản lý cơ cấu sử dụng đất và không gian chức năng theo hướng thân thiện, bền vững...(Vùng sinh thái, cảnh quan lâm nghiệp khoảng > 64%. Vùng nông nghiệp CNC/du lịch chiếm khoảng > 9%. Vùng cảnh quan và không gian mở chiếm khoảng > 5%. Vùng đặc biệt chiếm khoảng > 5%. Khống chế vùng phát triển đô thị và du lịch từ 15% trở xuống).

Quy hoạch hướng tới PTBV, xây dựng phát triển theo kế hoạch...Càng duy trì, bảo vệ được nhiều đặc điểm điều kiện tự nhiên, cảnh quan môi trường, văn hóa bản địa... trong cấu trúc không gian tổng thể càng tốt... giá trị thương hiệu càng được nâng cao.

Kiểm soát chặt chẽ Mô hình phát triển Phú Quốc theo cấu trúc chuỗi tập trung, đa trung tâm. Trong đó, kiểm soát nghiêm ngặt các không gian chức năng theo trục chính Bắc - Nam An Thới - Cầu Trắng, trục giao thông vòng quanh đảo Bãi Vòng - Bãi Thơm - Rạch Tràm - Rạch Vẹm...(kết nối cảng biển quốc tế An Thới, Bãi Đất Đỏ, sân bay quốc tế Dương Tô). Đây là trục chính của đảo, cần duy trì bảo tồn các không gian mở, vùng đệm sinh thái sen cài giữa các không gian chức năng được phép xây dựng, đảm bảo mối liên kết với các vùng nông nghiệp, sinh thái trên đảo rộng lớn hơn.

Bảo vệ, duy trì nghiêm ngặt không gian rừng cảnh quan vườn quốc gia, rừng phòng hộ, các công viên chuyên đề và không gian mở. Coi đây là việc sống



Khu đô thị An Thới (Khu đô thị cảng quốc tế, đầu mối kỹ thuật - trung tâm tiếp vận, phi thuế quan, thương mại, du lịch)

còn của hệ giá trị đặc hữu trên đảo...

(3) Về các giải pháp cụ thể, cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi sau:

- Thiết lập, xác định các Ranh cụ thể bằng cách cắm mốc đối với các khu chức năng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch...như các khu vực phát triển đô thị, du lịch, công nghiệp, nông thôn, các vùng cảnh quan sinh thái, vùng bảo tồn, các vùng hạn chế hoặc cấm xây dựng...

- Xây dựng đề án phát triển kiến trúc, cảnh quan trên phạm vi toàn đảo theo hướng Phú Quốc là một hòn Đảo xanh – Đảo ngọc.

- Đối với các vùng đô thị - du lịch (khu đô thị Cửa Cạn, khu đô thị Dương Đông, khu đô thị An Thới); các vùng du lịch sinh thái (phía Bắc, Nam đảo, du lịch hỗn hợp Bãi Trường - Bãi Vòng); các làng nghề truyền thống... Cần áp dụng cách tiếp cận quy hoạch

mới theo hướng phát triển Đô thị xanh, du lịch sinh thái, kiến trúc xanh, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả... Mỗi khu đô thị phải có “Cá tính” riêng.

- Nhất thiết phải tạo ra tuyến đường du lịch - cảnh quan quanh đảo/có nét đặc trưng riêng. Đặc biệt tuyến đường du lịch - cảnh quan khu vực phía Bắc đảo.

- Tạo dựng nét đặc trưng riêng về kiến trúc cảnh quan cho từng khu vực trọng tâm (Khu đô thị Dương Đông, An Thới... Khu du lịch sinh thái bãi Dài, Bãi Thom... làng truyền thống...). Tổ chức thi tuyển ý tưởng quy hoạch, thiết kế công trình điểm nhấn...

**(4) Một số kiến nghị những việc cần làm ngay**

- Hoàn thiện mô hình quản lý đảo Phú Quốc theo hướng là Đặc khu hành chính kinh tế
- Hoàn thiện Quy chế quản lý QH KT chung cho toàn đảo và riêng cho từng khu vực...
- Không nhất thiết phải phát triển Nóng vội, Phát triển bằng Mọi giá...
- Tránh tư tưởng Cục bộ địa phương; thiếu tính liên kết, tích hợp đa ngành... ■

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- QĐ số 633/QĐ-TTg, ngày 11/5/2010, của CP phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030.
- QĐ số 868/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc đến năm 2030.
- QĐ số 31/2013/QĐ-TTg, 6/2014 của CP V/V xây dựng phát triển Phú Quốc trở thành đặc khu kinh tế và QĐ số 1676/QĐ-TTg), 10/2014 của Chính Phủ nâng Phú Quốc lên đô thị loại 2.
- Báo cáo tình hình hoạt động năm 2015 và chương trình công tác năm 2016 của Ban quản lý khu kinh tế Phú Quốc.
- Báo cáo tình hình hoạt động quý 3 năm 2016 và chương trình công tác quý 4 năm 2016 của Ban quản lý khu kinh tế Phú Quốc.
- Giải pháp thiết kế quy hoạch không gian công cộng ven biển cho các đô thị du lịch nhằm tăng cường khả năng tiếp cận và thích ứng với biến đổi khí hậu (Đề tài Nghị định thư Việt Nam – Cu Ba, 2014 – 2016, VIUP).
- Hướng dẫn lập Quy hoạch các đô thị ven biển (Đề tài NCKH cấp Bộ, 2007 - 2009, VIUP)

ĐẢO PHÚ QUỐC NẸM Ở PHÍA TÂY NAM CỦA ĐẤT NƯỚC, NGÀY CÀNG CÓ VAI TRÒ QUAN TRỌNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA TỈNH KIÊN GIANG NÓI RIÊNG VÀ CỦA CẢ NƯỚC NÓI CHUNG. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẢO PHÚ QUỐC LÀ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ HÀNG ĐẦU CỦA NHỮNG NGƯỜI LÀM QUY HOẠCH ĐẢO PHÚ QUỐC, THỂ HIỆN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC THẾ HỆ MAI SAU TRONG VIỆC BẢO VỆ, BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG HỢP LÝ CÁC TÀI NGUYÊN VÀ HỆ SINH THÁI TỰ NHIÊN.

# Quy hoạch Vườn quốc gia Phú Quốc để phát triển bền vững dịch vụ du lịch ở đảo

TS. **NGUYỄN CHÍ THÀNH**

Trung tâm nghiên cứu rừng và đất ngập nước

## **K** HÁI QUÁT VỀ VƯỜN QUỐC GIA PHÚ QUỐC Sự ra đời Vườn quốc gia Phú Quốc

Phú Quốc là một quần thể đảo, trong đó có đảo chính Phú Quốc, quần đảo An Thới, quần đảo Thổ Châu và các đảo lẻ gồm 26 đảo lớn nhỏ lập thành huyện đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Vườn quốc gia Phú Quốc được Thủ tướng Chính phủ thành lập tại Quyết định số 91/2001/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2001 về việc chuyển hạng từ Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc đảo Phú Quốc thành Vườn quốc gia Phú Quốc. Vườn quốc gia Phú Quốc là một trong 34 vườn quốc gia thuộc hệ thống rừng đặc dụng của Việt Nam gồm 166 khu rừng đặc dụng.



Trạng thái rừng giàu ở Vườn quốc gia Phú Quốc. Ảnh: VQGPK



Trạng thái rừng trung bình ở Vườn quốc gia Phú Quốc. Ảnh: VQG PQ



Trạng thái rừng trung bình ở Vườn quốc gia Phú Quốc. Ảnh: VQG PQ

Theo số liệu tại Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Phú Quốc đến năm 2020, tổng diện tích của Vườn quốc gia Phú Quốc là 29.420,6 ha, chiếm 49,9% tổng diện tích tự nhiên đảo Phú Quốc. Trong đó:

- Diện tích Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: 8.129,8 ha
- Diện tích Phân khu phục hồi sinh thái: 20.722,4 ha
- Diện tích Phân khu hành chính - dịch vụ: 568,5 ha

#### Các mục tiêu của Vườn quốc gia Phú Quốc

Tại Quyết định số 91/2001/QĐ-

TTg Thủ tướng Chính phủ quy định các mục tiêu của Vườn quốc gia Phú Quốc như sau:

- 1) Bảo tồn hệ sinh thái rừng nhiệt đới hải đảo, tài nguyên gen động, thực vật rừng đặc hữu, quý, hiếm và có giá trị, các sinh cảnh rừng tự nhiên độc đáo như một đặc trưng của hệ sinh thái rừng đồng bằng sông Cửu Long.
- 2) Duy trì và phát triển độ che phủ của thảm thực vật rừng để bảo đảm chức năng phòng hộ rừng đầu nguồn nước, cung cấp nguồn nước ngọt phục vụ sinh hoạt của nhân dân và các hoạt động phát triển bền vững về kinh tế, xã hội của huyện đảo Phú Quốc.
- 3) Góp phần củng cố quốc phòng, tăng cường sức mạnh cho tuyến phòng thủ

phía Tây Nam của tổ quốc.

#### Ý nghĩa của tài nguyên rừng Vườn quốc gia Phú Quốc trong quy hoạch phát triển đảo Phú Quốc

Trong tổng diện tích vườn quốc gia 29.420,6 ha, có 28.594 ha là đất có rừng, chiếm 97,2 %. Trong đó:

a) **Rừng gỗ lá rộng thường xanh giàu** có diện tích 4.172 ha. Đây là loại rừng tự nhiên có thể coi là rừng nguyên sinh, có chất lượng tốt nhất trong hệ thống phân loại rừng ở Việt Nam hiện nay, còn sót lại trên đảo Phú Quốc, chỉ chiếm 7% tổng diện tích tự nhiên của hòn đảo này. Diện tích thì không lớn, nhưng để hình thành loại rừng này thì phải mất hàng ngàn năm, nhưng bị phá mất rồi thì sẽ không bao giờ khôi phục lại được.

Diện tích loại rừng này cần được bảo vệ nghiêm ngặt và nên coi là một sản phẩm du lịch để thuyết minh với du khách, giáo dục cho các thế hệ hôm nay biết rằng, hơn một nửa thế kỷ trước đây phần lớn rừng tự nhiên ở phía Bắc đảo Phú Quốc là những khu rừng nhiệt đới như thế. Nhưng nay đã chỉ còn lại rất ít. Hãy biết giữ gìn những gì quý giá còn lại, khi mà giá trị của nó không thể đánh đổi bằng bất cứ giá trị kinh tế nào.

b) **Rừng gỗ lá rộng thường xanh trung bình** có diện tích 2.604,6 ha. Đây cũng là loại rừng tự nhiên có chất lượng tốt trong hệ thống phân loại rừng ở Việt Nam hiện nay, còn sót lại trên đảo Phú Quốc, chỉ chiếm 4,4% tổng diện tích tự nhiên của hòn đảo này. Để hình thành loại rừng này cũng phải mất hàng ngàn năm, nhưng bây giờ sẽ không thể khôi phục lại được nữa.

Diện tích loại rừng này cũng cần bảo vệ nghiêm ngặt và xây dựng thành một sản phẩm du lịch vô cùng có ý nghĩa, sẽ thu hút nhiều khách du lịch, đặc biệt là đối tượng khách du lịch có trách nhiệm đối với thiên nhiên và môi trường hiện nay đang chiếm đa số cả trên thế giới và ở Việt Nam.

c) **Rừng gỗ lá rộng thường xanh nghèo và phục hồi** có diện tích 20.023,8 ha, chiếm 33,9% tổng diện tích tự nhiên của đảo Phú Quốc. Đây là 2 loại rừng tự nhiên trước đây cũng là rừng giàu,

nhưng bị khai thác gỗ quá mức nên trở thành rừng “nghèo” và rừng có khả năng phục hồi. Khái niệm “nghèo” hay “phục hồi” là nói về trữ lượng gỗ nhiều hay ít theo tiêu chí phân loại rừng.

Loại “rừng nghèo” và “rừng phục hồi” không còn khả năng cung cấp gỗ nữa, nhưng nó còn một khả năng tuyệt vời mà không có bất cứ loại rừng trồng nào thay thế được. Đó là khả năng bảo vệ đất, chống xói mòn và rửa trôi đất, chống thoái hóa đất, điều tiết nước trong đất vào mùa khô và mùa lũ nhờ rừng có nhiều tầng thực vật che phủ mặt đất, bộ rễ cây rừng làm đất tơi xốp, giảm lưu lượng dòng chảy tràn trên bề mặt đất làm đất bạc màu.

Nếu chúng ta biết rằng 49% diện tích đảo Phú Quốc có độ dốc > 15°, độ dốc từ 8° đến 15° chiếm 36%, độ dốc < 8° chiếm 15%, lượng mưa bình quân hàng năm trên 3.000 mm, thì chúng ta sẽ thấy giá trị của thảm thực vật rừng tự nhiên, kể cả rừng tự nhiên nghèo, đã thầm lặng đóng góp to lớn cho việc bảo vệ đất, duy trì nguồn nước ngọt cho sinh hoạt, du lịch và kinh tế trên đảo.

Nếu có một đề tài nghiên cứu nào đó tính ra giá tiền để cải tạo đất, nạo vét các lòng hồ, lòng sông, lòng suối, chuyên chở nước ngọt từ đất liền ra đảo khi mà rừng tự nhiên trên đảo Phú Quốc bị chặt phá hết, lúc đó chúng ta có thể sẽ dễ dàng hiểu được các giá trị và chức năng của rừng bằng các con số.

d) **Rừng ngập mặn** có diện tích 17,9 ha. Đây là loại rừng tuy có diện tích nhỏ nhưng có ý nghĩa quan trọng về sinh thái và sinh cảnh. Rừng ngập mặn là loại rừng điển hình của vùng ven biển. Theo số liệu của “Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2015-2020” của Tổng cục Lâm nghiệp, tổng diện tích rừng ngập mặn ven biển của cả nước chỉ còn 168.688 ha. Rừng ngập mặn là một loại rừng tiêu biểu của đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, diện tích rừng ngập mặn còn giữ được trạng thái hoang sơ tự nhiên rất ít, hiện chủ yếu chỉ còn ở Phú Quốc và Côn Đảo. Rừng ngập mặn ở Phú Quốc thể hiện sự đa dạng về hệ sinh thái và sinh cảnh

tự nhiên của một hòn đảo, là một địa điểm du lịch sinh thái với những sản phẩm du lịch độc đáo nếu biết khai thác, sử dụng hợp lý.

e) **Rừng ngập phèn** có diện tích 1.624,9 ha. Rừng ngập phèn chính là rừng tràm (*Melaleuca cajuputy*) phân bố và sinh trưởng trên vùng đất phèn. Rừng tràm là một loại rừng quan trọng phân bố trên vùng đất phèn ở Đồng Tháp Mười, Tứ Giác Long Xuyên và U Minh ở đồng bằng sông Cửu Long. Sự xuất hiện rừng tràm ở Phú Quốc thể hiện sự đa dạng về hệ sinh thái và sinh cảnh tự

nhiên của một hòn đảo.

Vườn quốc gia Phú Quốc có sự đa dạng về điều kiện địa lý nên đã hình thành những lát cắt sinh thái tự nhiên từ vùng đất ngập nước ven biển (coastal wetland) với rừng ngập mặn, đến vùng đất ngập nước phèn (acid sulphate soil wetland) với rừng tràm, rồi vùng đất cao với sinh cảnh tiêu biểu là rừng cây họ Dầu (Dipterocarpaceae).

Sự đa dạng về địa lý cảnh quan là điều kiện rất thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái và đáp ứng yêu cầu, tính chất để phát triển một khu đô thị khoa học đã được quy định tại Quyết định



Trạng thái rừng trung bình ở Vườn quốc gia Phú Quốc. Ảnh: VQGPK



Rừng tràm ở Vườn quốc gia Phú Quốc. Ảnh: NCT

số 633/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về “Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030”.

**CÁC DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG VƯỜN QUỐC GIA PHÚ QUỐC CUNG ỨNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ XÃ HỘI CỦA ĐẢO PHÚ QUỐC**

**Khái niệm về dịch vụ môi trường rừng và chi trả dịch vụ môi trường rừng theo Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ**

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Đến nay, sau 5 năm triển khai, chính sách này đã được thực hiện ở 38 tỉnh. Hàng năm số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng thu được khoảng 1.300 tỷ đồng, được sử dụng để chi trả cho hơn 600.000 hộ dân và bảo vệ gần 5,2 triệu ha rừng.

Đối với Vườn quốc gia Phú Quốc, rừng không có chức năng cung cấp lâm sản, Nhà nước thành lập Vườn quốc gia Phú Quốc cũng không phải nhằm mục đích khai thác gỗ và lâm sản, mà mục đích để bảo tồn các giá trị về môi trường, hệ sinh thái, cảnh quan thiên và đa dạng sinh học.

Nghị định số 99/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số khái niệm về môi trường rừng và dịch vụ môi trường rừng như sau:

1. Môi trường rừng bao gồm các hợp phần của hệ sinh thái rừng: thực vật, động vật, vi sinh vật, nước, đất, không khí, cảnh quan thiên nhiên.

Môi trường rừng có các giá trị sử dụng đối với nhu cầu của xã hội và con người, gọi là giá trị sử dụng của môi trường rừng, gồm: bảo vệ đất, điều tiết nguồn nước, phòng hộ đầu nguồn, phòng hộ ven biển, phòng chống thiên tai, đa dạng sinh học, hấp thụ và lưu giữ các bon, du lịch, nơi cư trú và sinh sản của các loài sinh vật, gỗ và lâm sản khác.

2. Dịch vụ môi trường rừng là công việc cung ứng các giá trị sử dụng của môi trường rừng để đáp ứng các nhu cầu của xã hội và đời sống của nhân dân.

3. Chi trả dịch vụ môi trường rừng là quan hệ cung ứng và chi trả giữa bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trả tiền cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

Từ nhiều năm nay, xã hội chi biết và chi quan tâm đến giá trị về gỗ và lâm sản của rừng. Rừng và hệ sinh thái rừng còn cung cấp cho xã hội các chức năng và giá trị về môi trường rừng. Các chức năng và giá trị môi trường rừng có giá trị sử dụng và được quy định giá trị bằng tiền để thực hiện chi trả giữa bên cung ứng và bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng. Cụ thể, Chính phủ quy định:

- Các cơ sở sản xuất thủy điện phải chi trả tiền dịch vụ về bảo vệ đất, hạn chế xói mòn và bồi lắng lòng hồ, lòng sông, lòng suối; về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất thủy điện. Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng áp dụng đối với các cơ sở sản xuất thủy điện là 36 đồng/KWh điện thương phẩm.

- Các cơ sở sản xuất và cung cấp sạch phải chi trả tiền dịch vụ về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất nước sạch. Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng áp dụng đối với các cơ sở sản xuất và cung cấp nước sạch là 52 đồng/m<sup>3</sup> nước thương phẩm.

- Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng phải chi trả tiền dịch vụ về bảo vệ cảnh quan tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng phục vụ cho dịch vụ du lịch. Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng tính bằng 1% đến 2% doanh thu thực hiện trong kỳ.

Rừng của Vườn quốc gia Phú Quốc có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển bền vững của đảo Phú Quốc, đặc biệt có tính quyết định đến sự phát triển dịch vụ du lịch, khi đảo Phú Quốc đã được Thủ tướng Chính phủ xác định mục tiêu: “Xây dựng đảo Phú

Quốc phát triển bền vững; hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa và bảo vệ môi trường; bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng và quốc gia; Từng bước xây dựng trở thành một thành phố biển đảo; trung tâm du lịch và dịch vụ cao cấp; trung tâm khoa học công nghệ của quốc gia và khu vực Đông Nam Á” (Quyết định số 633/QĐ-TTg)

Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng của Chính phủ là một công cụ và giải pháp có tính khoa học, thực tiễn và pháp lý rất hiệu quả để bảo vệ rừng, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững đảo Phú Quốc.

**Dịch vụ môi trường rừng về bảo vệ đất, điều tiết và duy trì nguồn nước cho sinh hoạt, phát triển dịch vụ du lịch và kinh tế**

Ai cũng biết nước từ trên trời theo mưa rơi xuống đất, nhờ thảm rừng che phủ nên nước thấm vào đất, chảy ra khe, ra suối, ra hồ, ra sông rồi ra biển.

Nước không phải là yếu tố vô hạn. Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt, dịch vụ, sản xuất gia tăng nhưng khả năng cung cấp nước thì có hạn, nhất là trong điều kiện biến đổi khí hậu làm cho nhiệt độ trái đất nóng lên, tình trạng khô hạn khắc nghiệt hơn, nước biển dâng gây xâm nhập mặn sâu hơn.

Khi có rừng che phủ khả năng điều tiết và duy trì nước của đất sẽ cao hơn. Khả năng giữ nước của rừng phụ thuộc vào các yếu tố: Độ che phủ của tán cây rừng; Điều kiện khí hậu; Địa hình; Độ tơi xốp và bề dày tầng đất.

Các tài liệu khoa học nghiên cứu khả năng chứa nước của đất rừng đã cho thấy, cứ 1.000 ha rừng tự nhiên có khả năng chứa nước tương đương với hồ nước có dung tích khoảng 1.000.000 m<sup>3</sup> nước.

Theo Quyết định số 633/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:

- Chi tiêu cấp nước: Cho sinh hoạt đô thị là 120 lít/người/ngày năm 2020, 150 lít/người/ngày năm 2030; Cho khách du lịch là 300 lít/người/ngày; Cho công nghiệp là 25 m<sup>3</sup>/ha/ngày.

- Nhu cầu dùng nước: Năm 2020 là

70.000 m<sup>3</sup>/ngày; Năm 2030 là 120.000 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nguồn nước: sử dụng 5 hồ chứa (Duong Đông, Suối Lớn, Cửa Cạn, Rạch Tràm, Rạch Cá). Ngoài ra, sử dụng thêm nước mưa, nước tái sử dụng.

Theo định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển đảo Phú Quốc:

- Hiện tại đã có hồ chứa nước Duong Đông với dung tích 3,3 triệu m<sup>3</sup>.

- Sẽ xây dựng hồ Cửa Cạn (dung tích 33 triệu m<sup>3</sup>) và 4 hồ chứa nước khác.

Như vậy, phần lớn diện tích che phủ rừng của Vườn quốc gia Phú Quốc có nhiệm vụ bảo vệ đất để điều tiết và duy trì nguồn nước cho các hồ chứa nước trên địa bàn để sản xuất và cung cấp nước sạch cho sinh hoạt và dịch vụ du lịch.

Theo số liệu thực tế của Công ty thủy điện A Vương (tỉnh Quảng Nam): Sản lượng điện sản xuất là 1 tỷ KWh/năm. Nhu cầu cần phải có 1,3 tỷ m<sup>3</sup> nước để sản xuất ra sản lượng điện này. Nhưng dung tích hồ chứa chỉ có 266 triệu m<sup>3</sup>. Vậy còn khoảng 1 tỷ m<sup>3</sup> nước nằm ở rừng đầu nguồn, nhờ sự điều tiết và duy trì của đất.

Tương tự như vậy, đối với Công ty thủy điện Đa Nhim (tỉnh Lâm Đồng): Sản lượng điện sản xuất là 1 tỷ KWh/năm. Nhu cầu cần phải có 550 triệu m<sup>3</sup> nước để sản xuất ra sản lượng điện này. Nhưng dung tích hồ chứa chỉ có 165 triệu m<sup>3</sup>. Vậy còn khoảng 400 triệu m<sup>3</sup> nước nằm ở rừng đầu nguồn, nhờ sự điều tiết và duy trì của đất.

Do đó, những tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ môi trường rừng từ sản xuất và cung cấp nước sạch trên đảo Phú Quốc có nghĩa vụ chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng để bảo vệ rừng, điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất nước sạch, đóng góp vào sự phát triển bền vững của hòn đảo này.

#### **Dịch vụ môi trường rừng về bảo vệ cảnh quan tự nhiên và đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng cho phát triển du lịch**

Rừng của Vườn quốc gia Phú Quốc còn có chức năng và giá trị rất lớn là cung cấp cảnh quan tự nhiên, đa dạng sinh

học với các loài bản địa và quý hiếm, đa dạng hệ sinh thái tự nhiên cho dịch vụ du lịch.

Tham quan rừng là một sản phẩm du lịch không thể thiếu của hầu hết khách du lịch khi đến Phú Quốc. Chúng ta có thể tưởng tượng nổi đảo Phú Quốc sẽ như thế nào nếu phía Bắc đảo là một vùng đất trống không có rừng. Nếu so sánh với Singapore thì thiên nhiên của Phú Quốc giàu có, phong phú hơn rất nhiều. Người Singapore đang phải đầu tư rất nhiều để có màu xanh từ cây cỏ, hoa, lá, trong khi người Phú Quốc chỉ làm sao cùng nhau gìn giữ được rừng với những cảnh quan tự nhiên kỳ thú mà thiên nhiên đã ban tặng.

Rừng đã góp phần quan trọng giúp Phú Quốc có thể trở thành một thành phố du lịch và dịch vụ cao cấp theo nghĩa của những người hưởng dịch vụ một cách có trách nhiệm với rừng, tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Do đó, tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP Chính phủ đã quy định: “Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng phải chi trả tiền dịch vụ về bảo vệ cảnh quan tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng phục vụ cho dịch vụ du lịch”. Đây là hành động thiết thực đóng góp vào sự phát triển bền vững của đảo Phú Quốc.

#### **ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP QUY HOẠCH BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VƯỜN QUỐC GIA PHÚ QUỐC ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẢO PHÚ QUỐC**

##### **Vị trí, chức năng của quy hoạch bảo tồn và phát triển Vườn quốc gia Phú Quốc trong quy hoạch tổng thể đảo Phú Quốc**

Vườn quốc gia Phú Quốc phải lập quy hoạch bảo tồn và phát triển cho giai đoạn 10 năm theo quy định tại Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

Hồ sơ quy hoạch này do Vườn quốc gia Phú Quốc lập. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, thẩm định. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

xem xét, đồng thuận bằng văn bản.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định phê duyệt căn cứ các văn bản thẩm định và đồng thuận.

Mục đích chủ yếu của hồ sơ quy hoạch này là:

- Xác định các mục tiêu của công tác bảo tồn và phát triển Vườn quốc gia Phú Quốc giai đoạn 10 năm tới.

- Xác định các nhiệm vụ đầu tư cho công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tuyên truyền giáo dục về pháp luật bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ và mua sắm trang thiết bị kỹ thuật.

- Xác định các nhiệm vụ đầu tư cho công tác bảo tồn các hệ sinh thái rừng tự nhiên và đa dạng sinh học.

- Xác định các nhiệm vụ đầu tư cho vùng đệm của vườn quốc gia.

Chưa có con số chính xác có bao nhiêu loại quy hoạch được xây dựng cho đảo Phú Quốc, bao gồm các loại quy hoạch tổng thể và quy hoạch chuyên ngành. Nhưng có thể tạm chia các loại quy hoạch cho đảo Phú Quốc thành hai nhóm:

1) Nhóm các loại quy hoạch có tính chất “nền tảng” cho các loại quy hoạch khác, như: quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng; quy hoạch phát triển tài nguyên nước; quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học;...v.v..

2) Nhóm các loại quy hoạch có tính chất “mục tiêu phát triển” đảo Phú Quốc, như: quy hoạch chung xây dựng; quy hoạch phát triển giao thông; quy hoạch phát triển du lịch; quy hoạch phát triển thủy lợi; quy hoạch phát triển nông nghiệp; quy hoạch phát triển hệ thống lưới điện; quy hoạch phát triển hệ thống cấp thoát nước; quy hoạch phát triển nuôi trồng và đánh bắt thủy sản;...v.v..

Lý do coi quy hoạch bảo tồn và phát triển Vườn quốc gia Phú Quốc là loại quy hoạch có tính chất “nền tảng” vì:

- Diện tích Vườn quốc gia Phú Quốc



chiếm gần 50% diện tích đảo Phú Quốc.

- Rừng và thảm che thực vật rừng có vai trò quyết định đến việc điều tiết và duy trì nguồn nước ngọt, mà nước ngọt là một trong những yếu tố quan trọng nhất quyết định khả năng phát triển du lịch và dịch vụ của đảo Phú Quốc.

- Cùng với biển, rừng của Vườn quốc gia Phú Quốc cung cấp các sản phẩm du lịch sinh thái thể hiện đẳng cấp du lịch chất lượng cao thông qua các dịch vụ môi trường rừng về cảnh quan tự nhiên, đa dạng sinh học và các đặc điểm độc đáo về địa lý sinh thái.

- Trở thành một thành phố biển đảo, trung tâm du lịch và dịch vụ cao cấp là mục tiêu xây dựng đảo Phú Quốc đã được Thủ tướng Chính phủ quy định tại Quyết định số 633/QĐ-TTg. Có thể hiểu “du lịch và dịch vụ cao cấp” trước hết là thái độ đối xử có trách nhiệm đối với rừng và các hệ sinh thái tự nhiên. Do đó, các quy hoạch phát triển chuyên ngành nên lấy yếu tố rừng làm nền tảng để làm sao hạn chế đến mức thấp nhất phải phá rừng nhưng vẫn đáp ứng các mục tiêu phát triển.

#### Sự tham gia của cộng đồng dân cư vùng đệm

Tại Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 về “Tổ chức quản lý hệ thống rừng đặc dụng” Chính phủ quy định khu rừng đặc dụng phải quy hoạch vùng đệm nhằm hỗ trợ giám áp lực vào rừng đặc dụng và tài nguyên đa dạng sinh học thông qua đầu tư cho các hoạt động cải thiện sinh kế cho cộng đồng.

Tại Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 4 tháng 8 năm 2016 về “Phê duyệt quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Phú Quốc đến năm 2030” Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định vùng đệm của Vườn quốc gia Phú Quốc có diện tích 9.038,6 ha bao gồm 22 ấp thuộc 6 xã (Gành Dầu, Cửa Cạn, Bãi Thơm, Cửa Dương, Dương Tơ, Hàm Ninh) và 1 thị trấn (Dương Đông).

Theo số liệu thống kê của huyện Phú Quốc, tính đến tháng 10/2015 trên địa bàn vùng đệm có 484 hộ nghèo, chiếm



69,1% tổng số hộ nghèo của cả huyện. Trong tổng số 484 hộ nghèo có: 162 hộ chỉ có nhà ở loại đơn sơ (33,5%); 59 hộ không có nhà ở (12,2%); 73 hộ thiếu vốn sản xuất (15%); 61 hộ không có đất sản xuất (12,6%); 17 hộ có lao động nhưng không có việc làm (3,5%); 19 hộ không biết làm ăn, không có tay nghề (3,9%); 144 hộ là hộ nghèo cũ từ năm 2014; 118 hộ là hộ cận nghèo từ năm 2014; 222 hộ nghèo mới.

Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng Vườn quốc gia Phú Quốc đến năm 2020 đã đề cập giải pháp về thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng thông qua việc khoán rừng của Vườn quốc gia Phú Quốc cho các hộ dân vùng đệm bảo vệ, đặc biệt là những hộ nghèo và cận nghèo để giúp họ cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập từ chính lao động bảo vệ rừng, như một hành động cung cấp dịch vụ môi trường rừng góp phần thiết thực vào sự nghiệp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững đảo Phú Quốc, quê hương của chính họ.

Nguồn tiền chi trả cho lao động bảo vệ rừng của cộng đồng dân cư vùng đệm là tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của những tổ chức, cá nhân sử dụng các dịch vụ môi trường rừng của Vườn quốc gia Phú Quốc.

Sự phát triển kinh tế nói chung, dịch vụ và du lịch nói riêng trên đảo Phú Quốc sẽ không thể bền vững nếu những người dân trên đảo không được chia sẻ lợi ích từ sự phát triển, nếu số lượng

khách sạn cao cấp và số lượng khách du lịch tăng lên nhưng số lượng hộ dân nghèo cũng tăng lên trong khi diện tích rừng giảm đi.

Trong 5 năm qua, đã có hơn 1.500 ha rừng và đất rừng của Vườn quốc gia Phú Quốc bị chuyển ra khỏi rừng đặc dụng để thực hiện các quy hoạch phát triển kinh tế, có 144 hộ nghèo trong vùng đệm năm 2014 nhưng đến năm 2015 vẫn là hộ nghèo đồng thời còn có thêm 222 hộ nghèo mới.

#### KẾT LUẬN

Muốn phát triển đảo Phú Quốc một cách bền vững như những mục tiêu rất đẹp đã được đề ra thì mọi quy hoạch phải kết hợp chặt chẽ hai mục tiêu phát triển kinh tế và bảo tồn thiên nhiên, phải quan tâm đến sinh kế và lợi ích của những người dân nghèo ở địa phương và cần một cơ chế để kết nối giữa các quy hoạch với nhau một cách đồng bộ, đồng thời và đồng thuận. ■

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam. Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 về *Tổ chức quản lý hệ thống rừng đặc dụng*.
- Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam. Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 14/9/2010 về *Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng*.
- Trung tâm nghiên cứu rừng và đất ngập nước. 2016. *Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Phú Quốc đến năm 2020*.
- Nguyễn Chí Thành & Pamela McElwee. 2015. *Đánh giá 3 năm thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam*.

# Giải pháp xử lý rác thải, vấn đề vệ sinh môi trường của Phú Quốc trong quá trình phát triển

PGS.TS. **LƯU ĐỨC CƯỜNG**

Viện Quy hoạch và đô thị nông thôn Quốc gia (VIUP)

THS. **NGUYỄN THỊ LAN ANH**

Viện Quy hoạch môi trường, hạ tầng kỹ thuật đô thị - nông thôn (IRURE)

**P**hú Quốc là huyện đảo của tỉnh Kiên Giang với 22 hòn đảo lớn nhỏ thuộc khu vực vùng biển, trong đó đảo Phú Quốc lớn nhất có diện tích khoảng 567 km<sup>2</sup> (56.700 ha), dài khoảng 50 km được coi là hòn đảo du lịch lớn nhất Việt Nam. Những năm qua, hòn đảo xinh đẹp Phú Quốc đã được tỉnh Kiên Giang đầu tư xây dựng hệ thống nhà hàng, khách sạn khá sang trọng, với khoảng 1.800 phòng đủ tiện nghi sinh hoạt phục vụ du khách tham quan, du lịch Phú Quốc, đồng thời mời gọi và thu hút nhiều dự án đầu tư phát triển du lịch. Hệ thống giao thông đường bộ kết nối trung tâm huyện đảo Phú Quốc với các điểm du lịch đã được đầu tư hàng chục ngàn tỷ đồng. Hệ thống đường biển, đường hàng không nối đảo Phú Quốc với đất liền được đầu tư nâng cấp đảm bảo vận chuyển hành khách đến với Phú Quốc thuận tiện và an toàn. Bình quân mỗi tháng Phú Quốc đón khoảng 3.000 khách du lịch trong và ngoài nước, trong đó hơn 30% là khách quốc tế đến từ nhiều nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Ngày 26 tháng 7 năm 2011, tại Quyết định số 1255/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 đã định

hướng “phát triển đảo Phú Quốc thành trung tâm du lịch sinh thái chất lượng cao, giao thương quốc tế”, và phấn đấu đến năm 2020 Phú Quốc trở thành “đặc khu hành chính kinh tế Phú Quốc trực thuộc Trung ương”.

Chính vì vậy, tỉnh Kiên Giang đang nỗ lực phát triển đảo Phú Quốc thành trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng, giao thương quốc tế lớn, hiện đại, chất lượng cao, tầm cỡ các quốc gia trong khu vực và thế giới, làm động lực thúc đẩy phát triển du lịch cả nước, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn chủ đạo của của tỉnh.

Kiên Giang đã quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đảo Phú Quốc đến năm 2020, với mục tiêu năm 2015 đón 1 - 1,2 triệu lượt du khách/năm, trong đó khách quốc tế chiếm 35%, tổng doanh thu 209 triệu USD; năm 2020 đón 2 - 3 triệu lượt du khách/năm, trong đó khách quốc tế chiếm 40%, tổng doanh thu 771 triệu USD.

Các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ của Phú Quốc trong thời gian vừa qua đã và đang đặt ra nhiều vấn đề về môi trường cho hòn đảo xinh đẹp này, đó là: vấn đề ô nhiễm môi trường biển, ô nhiễm môi trường do quá trình phát triển công nghiệp, đô thị, đặc biệt là do hoạt động nuôi trồng và chế biến thủy hải sản, vấn đề quản

lý và xử lý chất thải v.v..

Ngay từ bây giờ, Phú Quốc cần phải quyết liệt xử lý các vấn đề môi trường một cách nghiêm túc, quyết liệt thì mới bảo đảm giữ cho Phú Quốc có môi trường xanh - sạch - đẹp và phát triển bền vững.

## **1. Mục tiêu và quan điểm phát triển Phú Quốc**

Từ năm 2004, Quyết định 178/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án phát triển tổng thể đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020” đã xác định rõ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển chủ yếu sau: “Tạo từng bước phát triển nhanh về tiềm lực kinh tế, đóng góp vào phát triển chung của cả nước, tăng cường được an ninh, quốc phòng đảo; Từng bước xây dựng đảo Phú Quốc thành trung tâm du lịch (du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và du lịch biển) tầm cỡ khu vực và quốc tế với các hình thức dịch vụ chất lượng cao, thu hút nhiều khách du lịch quốc tế và đáp ứng yêu cầu của khách du lịch trong nước”.

- Mục tiêu đến năm 2010 là:

“Xây dựng đảo Phú Quốc thành một số khu du lịch và vui chơi giải trí chất lượng cao, hàng năm thu hút khoảng 300 - 500 nghìn khách, đóng góp đáng

kế vào ngân sách địa phương, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống văn hoá, xã hội cho nhân dân đảo trên đảo”.

- Mục tiêu đến năm 2020 là:

“Hoàn thành cơ bản xây dựng đảo Phú Quốc thành Trung tâm du lịch và du lịch sinh thái biển phát triển ở trình độ cao, hàng năm thu hút khoảng 2 - 3 triệu lượt khách du lịch”.

- Nhiệm vụ xây dựng du lịch đảo Phú Quốc:

“Tập trung xây dựng đảo Phú Quốc trở thành Trung tâm du lịch, trước hết và chủ yếu là du lịch sinh thái đảo - biển chất lượng cao tiêu biểu cho Kiên Giang và cả nước. Phát triển du lịch đảo Phú Quốc với phát triển du lịch của thành phố Hồ Chí Minh, các vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và các tuyến du lịch của cả nước”.

Ngày 26 tháng 7 năm 2011, tại Quyết định số 1255/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 đã định hướng “phát triển đảo Phú Quốc thành trung tâm du lịch sinh thái chất lượng cao, giao thương quốc tế”, và phấn đấu đến năm 2020 Phú Quốc trở thành “đặc khu hành chính kinh tế Phú Quốc trực thuộc Trung ương”.

Năm 2013, Quyết định số 80/2013/QĐ-TTg về “một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển đảo Phú Quốc” của Thủ tướng Chính phủ đã ra đời đã tạo điều kiện để Phú Quốc thu hút khách du lịch, ưu tiên vốn cho phát triển hạ tầng giao thông.

## 2. Hệ thống các quy hoạch và dự án phát triển đảo Phú Quốc

Cho đến hiện nay, nhiều quy hoạch và đề án phát triển Phú Quốc đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

- Đề án phát triển tổng thể đảo Phú Quốc đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 178/2004/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2004.

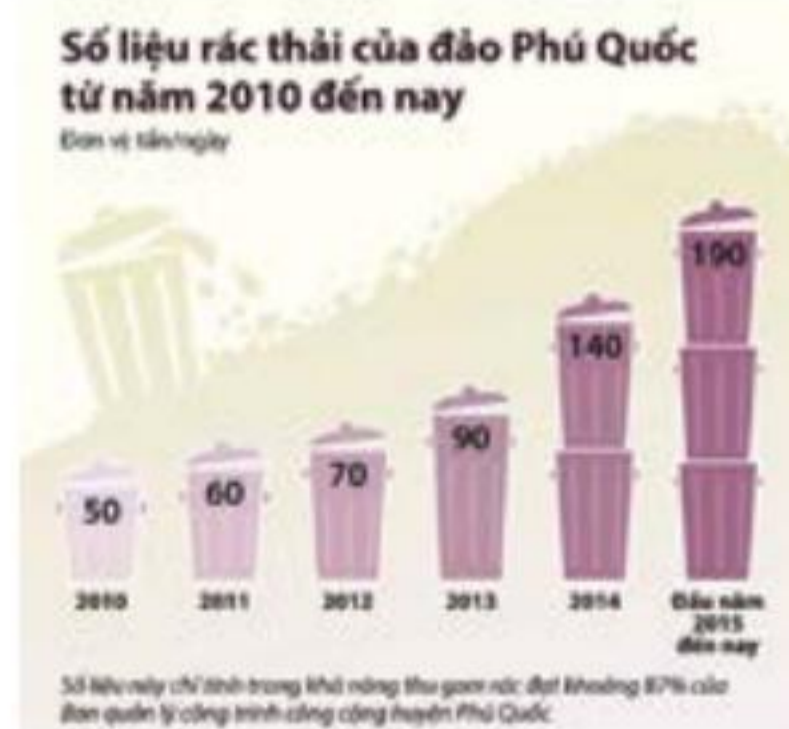
- Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1197/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2005.

- Quy hoạch phát triển giao thông bền vững đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang giai đoạn đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 14/2006/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2006.

- Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2006 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 01/2007/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2007.

- Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030.

Căn cứ các quy hoạch phát triển của đảo Phú Quốc đã được phê duyệt, đến nay nhiều dự án đầu tư vào Phú Quốc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. UBND tỉnh Kiên Giang đã chấp nhận chủ trương đầu tư cho hơn 46 dự án với diện tích trên 1.855 ha; trong đó có 12 dự án đã được phê duyệt và đang triển khai đầu tư trên các khu vực đã có quy hoạch hoặc phù hợp với quy hoạch chung; 36 dự án còn lại đang lập quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư. Bên cạnh đó, hơn 100 nhà đầu tư trong và ngoài nước đã gửi hồ sơ đăng ký xin đầu tư vào Phú Quốc.



Khối lượng CTR được thu gom tại đảo Phú Quốc

từ năm 2010 đến tháng 8/2015

Nguồn số liệu: Ban quản lý công trình công cộng H. Phú Quốc.

Ảnh: <http://news.zing.vn/rac-bua-vay-phu-quoc-post571973.html>

## 3. Hiện trạng thu gom và xử lý chất thải rắn đảo Phú Quốc

Nổi tiếng với vẻ đẹp hoang sơ, thiên nhiên trong lành, huyện đảo Phú Quốc (Kiên Giang) đang phấn đấu trở thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng chất lượng cao của khu vực và quốc tế. Thế nhưng, cùng với sự phát triển của ngành du lịch, đảo ngọc Phú Quốc đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm môi trường.

Toàn huyện đảo có hơn 100.000 người dân sinh sống; trên 1.600 công ty và doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó có hơn 60 cơ sở sản xuất nước mắm và nhiều cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, ăn uống... mà phần lớn trong số đó không có hệ thống xử lý nước thải đáp ứng tiêu chuẩn, nước thải chưa qua xử lý chảy thẳng ra môi trường tự nhiên.

Theo thống kê của Chi cục Bảo vệ môi trường Kiên Giang, huyện Phú Quốc phát sinh 300 tấn rác thải sinh hoạt/ngày, nhưng do nhiều lý do, chỉ thu gom được khoảng 180 - 190 tấn/ngày, đạt khoảng 60%.

Ban quản lý công trình công cộng Phú Quốc hiện đang đảm nhiệm thu gom rác tại địa bàn thị trấn Dương Đông, An Thới, xã Dương Tơ và một phần xã Cửa Dương. Ngoài ra, đơn vị này còn tổ chức đội thu gom rác thải khu vực



Cạnh Khu di tích Dinh Cậu tại thị trấn Dương Đông, một bãi rác dạt vào bờ không được thu dọn, cách đó một con đường là bãi tắm.

Ảnh: <http://vnexpress.net/photo/thoi-su/dao-ngoc-phu-quoc-ngap-ngua-rac-3263846.html>



Thành phần rác thải chủ yếu là loại không thể phân hủy như túi nylon, thùng và hộp xốp dùng để đựng thức ăn...



Bến neo đậu tàu thuyền gần cửa sông Dương Đông tràn ngập các loại rác



Bãi biển Dinh Cậu, nơi có rất đông du khách xuống tắm nhưng luôn ngập rác



Dù có đội thu gom rác hằng ngày, nhưng sông Dương Đông vẫn bị ô nhiễm nghiêm trọng.

### Khách du lịch thất vọng vì rác thải khắp nơi <sup>1</sup>

Đưa chúng tôi xem chiếc túi nhựa vừa vớt lên khi xuống tắm biển tại bãi Trường, Johns - du khách Canada, lắc đầu: "Rác, rác, rác... tắm ở đâu cũng gặp rác. Lên phố gặp rác, xuống biển cũng gặp rác...". Không chỉ người nước ngoài tỏ ra thất vọng vì môi trường ở các bãi tắm Phú Quốc, anh Lê Văn Tám, du khách đến từ quận Bình Thạnh (TP HCM), đã bị miếng chén cứa đứt chân khi xuống tắm tại bãi biển Dinh Cậu, trung tâm thị trấn Dương Đông. Giơ mảnh chén vỡ trước mặt rất đông du khách, anh Tám nói đây không phải là lần đầu tiên anh dính phải miếng chai khi tắm ở khu vực Dinh Cậu.

### Nhà đầu tư cũng thất vọng vì rác <sup>2</sup>

Thực trạng ô nhiễm môi trường không chỉ khiến cho du khách thất vọng mà còn khiến nhiều nhà đầu tư lo ngại. Ông Phùng Xuân Mai, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sài Gòn Phú Quốc, một trong những nhà đầu tư đầu tiên ở Phú Quốc, cho biết mặc dù đã nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về môi trường, nhưng doanh nghiệp của ông lại phải chịu ảnh hưởng trực tiếp việc ô nhiễm. Những ngày nắng đẹp thì không sao, còn trong những ngày mưa lớn, rác, nước thải từ các hộ dân, các cơ sở dịch vụ phía trên đường cứ theo đường cống nước chảy thẳng ra biển gây ô nhiễm khu vực bãi biển trước khách sạn của doanh nghiệp này.

sông Dương Đông đến Dinh Cậu. Ở các khu vực bãi tắm thì phần bãi tắm thuộc doanh nghiệp nào do doanh nghiệp đó tự tổ chức thu gom.

Lượng rác còn lại trong các thị trấn và các khu vực nông thôn, người dân tự xử lý bằng cách thiêu đốt, vứt bỏ một cách vô ý thức, hoặc bỏ xuống sông, xuống biển. Việc xử lý rác thải sinh hoạt hiện đang ở mức quá tải khiến đảo Ngọc đang đứng trước nguy cơ ngập rác. Bên cạnh đó, ở Phú Quốc còn một nguồn chất thải, rác thải trên biển và sông suối, chủ yếu là do ngư dân đánh cá, các làng chài sống làm ăn trên biển, các nhà bè nổi lưu động trên biển đã thải rác trực tiếp xuống biển và trên các sông suối khi neo đậu tàu thuyền, một số nữa do khách du lịch khi đi tham quan đã thải xuống. Các chất thải chủ yếu là bao nilong, túi bảo quản hải sản, đồ hộp và dầu mỡ thải, lượng rác thải này thấy rõ rệt nhất tại quần đảo An Thới nơi có nhiều tài nguyên san hô. Lượng rác này mới được thu gom bằng cách cử người vớt rác hai lần một ngày tại khu vực hạ lưu sông Dương Đông, bãi tắm Dinh Cậu.

Số rác thải chưa được thu gom và nước thải chưa qua xử lý trôi dạt trong tự nhiên, theo các cống, kênh rạch, sông ngòi trôi thẳng ra biển gây ô nhiễm môi trường sinh thái biển của Phú Quốc. Tại những bãi tắm công cộng như Dinh Cậu hay các cửa sông ngòi gần khu dân cư ở Phú Quốc, rất dễ nhận thấy cảnh tượng rác thải tràn lan...

Thậm chí, những bãi tắm được cho là sạch nhất của Phú Quốc, trong mùa gió Tây Nam, rác theo sóng nước cũng tấp thẳng vào bờ.

Không chỉ có các bãi biển bị rác tấn công, một đoạn dài từ bờ kè công viên kéo đến sông Dương Đông, con sông huyết mạch của Phú Quốc, cũng đang bị tình trạng rác bủa vây. Sông Dương Đông cũng là nơi đổ bừa bãi chất thải từ chợ Dương Đông.

Có thể nói, ở Phú Quốc, xuống biển, xuống sông đều gặp rác, lên bờ rác càng là nỗi bức xúc của cư dân và du khách đến Phú Quốc. Các đô thị, nơi tập trung đông dân cư trên đảo Phú

Quốc như Dương Đông, An Thới, Hàm Ninh... thường xuyên bắt gặp hình ảnh những “bãi rác mini” ở đầu hẻm, góc phố.

Nghiêm trọng hơn, ngay tại cảng hàng không Phú Quốc (cũ) ở thị trấn Dương Đông, khi sân bay đã dời về địa điểm khác thì một đoạn đường băng sân bay cũ này nhanh chóng trở thành bãi rác khổng lồ, bốc mùi nồng nặc khắp khu dân cư lân cận.

Dưới đáy biển Phú Quốc, tình trạng ô nhiễm rác cũng nghiêm trọng không kém. Theo nhiều thợ lặn hướng dẫn khách du lịch cho biết: ô nhiễm đáy biển đã làm san hô ven đảo Phú Quốc chết hàng loạt.

Trên địa bàn huyện chưa được đầu tư nhà máy xử lý rác thải nên đa phần rác thải thu gom được xử lý bằng cách đốt phân tán tại các hộ gia đình hoặc thu gom đưa về tập trung tạm ở hai bãi rác thuộc thị trấn An Thới và xã Cửa Cạn. Bãi rác xã Cửa Cạn với diện tích 3 ha dùng cho thị trấn Dương Đông và bãi rác thuộc thị trấn An Thới diện tích 5 ha đều là các bãi chôn lấp rác lộ thiên, rác đổ thành đống, gây mùi ôi thối, tập trung nhiều ruồi nhặng, tạo nguy cơ phát tán vi trùng gây bệnh truyền nhiễm, ảnh hưởng đến cuộc sống, sinh hoạt của những khu dân cư gần bãi rác. Nước rác chảy tràn ra vùng đất xung quanh. Hai bãi rác này đều không hợp vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường cục bộ. Chất thải rắn và việc xử lý chôn lấp không hợp vệ sinh là một trong những vấn đề bức xúc ở Phú Quốc. Các bãi đổ rác này chủ yếu lợi dụng địa hình tự nhiên để chứa rác, không có hệ thống thu gom và xử lý nước rỉ rác. Rác được xử lý bằng cách phun hoá chất diệt ruồi muỗi, về mùa khô thì được đốt cháy tự nhiên. Do lượng mưa ở Phú Quốc lớn, mực nước ngầm cao và khu vực bãi đổ chủ yếu là đất pha cát, nên khả năng phát tán của nước rỉ rác vào môi trường nước ngầm và nước bề mặt là rất lớn.

Như vậy, áp lực thu gom, xử lý CTR ngày càng gia tăng theo tốc độ phát triển nóng của đảo Phú Quốc.



Rác lan tràn trên bãi tắm cho khách du lịch.



Dù chỉ là bãi tạm, nhưng rác Cửa Cạn đã cao hơn ngọn cây



Quy mô quá nhỏ của bãi rác Cửa Cạn còn gây ra hiện tượng quá tải đối với xe đổ rác.

#### 4. Dự báo ô nhiễm chất thải rắn đảo Phú Quốc

Chính vì việc thu gom và xử lý chất thải trên đảo Phú Quốc chỉ mới thực hiện được chủ yếu tại thị trấn Dương Đông và thị trấn An Thới với tỉ lệ thu gom đạt khoảng 50%. Lượng rác phát sinh tại các xã chủ yếu là tự xử lý tại các hộ gia đình, một phần bị vứt bỏ bừa bãi, đổ xuống sông, đổ xuống biển hoặc nơi công cộng. Bên cạnh đó, các bãi chôn lấp chất thải rắn ở Phú Quốc đều ở dạng lộ thiên, lại nằm ở vị trí không thích hợp, chưa có biện pháp xử lý hiệu quả nên vấn đề ô nhiễm do rác thải trên đảo là vấn đề cần hết sức quan tâm, đặc biệt trong bối cảnh đảo Phú Quốc được quy hoạch để trở thành trung tâm du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao.

Theo báo cáo về hiện trạng môi trường huyện Phú Quốc cũng như Báo cáo về Đa dạng sinh học đảo Phú Quốc thì tuy tổng dân số ở đảo Phú Quốc chưa phải là lớn nhưng tình trạng ô nhiễm chất thải rắn đã trở thành vấn đề bức xúc, nhiều sông ngòi, kênh rạch, cửa sông ngòi, bãi biển đã trở thành nơi vất rác bừa bãi, làm mất mỹ quan, ô nhiễm môi trường. Một số con đường trong nội ô thị trấn Dương

Đông, huyện lỵ trung tâm của đảo Phú Quốc đã trở thành bãi đổ rác. Rác bừa bãi trên lối đi, lòng đường, kể cả ở ngay trước cửa của một số cơ quan, công sở nhà nước. Những dòng sông, con suối ở Phú Quốc trước kia, khi còn hoang sơ vốn rất đẹp, nhưng ngày nay cũng bị xâm hại bởi vô khối các loại rác. Sông Dương Đông, cảng An Thới là những ví dụ điển hình cho việc đổ mọi thứ chất thải. Riêng An Thới là cảng biển lớn nhất trên đảo Phú Quốc mỗi ngày tiếp nhận hàng ngàn lượt du khách đến và đi tuy nhiên rác vẫn được xả bừa bãi cả ở trên bờ và dưới biển.

Theo Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc đến năm 2030, dự báo đến năm 2020, quy mô dân số toàn đảo khoảng 340.000 - 380.000 người, trong đó: dân số đô thị 200.000 - 230.000 người, dân số nông thôn 80.000 - 90.000 người. Đến năm 2030, quy mô dân số toàn đảo khoảng 500.000 - 550.000 người, trong đó: dân số đô thị 320.000 - 370.000 người, dân số nông thôn 90.000 - 100.000 người. Đến năm 2020, lượng khách du lịch đạt 2-3 triệu khách/năm, năm 2030 đạt 5-7 triệu khách/năm<sup>3</sup>.

Bảng 1. Ước lượng chất thải rắn phát sinh ở đảo Phú Quốc đến năm 2020 và 2030

TT	Đối tượng phát sinh CTR	Quy mô (người)		Chi tiêu phát sinh CTR	Khối lượng CTR năm 2020 (tấn/ngày)		Khối lượng CTR năm 2030 (tấn/ngày)	
		2020	2030		Chất thải thông thường	Chất thải nguy hại	Chất thải thông thường	Chất thải nguy hại
1	Dân số nông thôn (người)	90.000	100.000	0,5 (kg/người.ngày)	45	0,45	50	0,50
2	Dân số đô thị (người)	230.000	370.000	1,2 (kg/người.ngày)	276	2,76	444	4,44
3	Khách du lịch (người)	8.219	19.178	2 (kg/người.ngày)	16,4	0,16	38,4	0,38
4	Số giường bệnh (giường)	500	500	2,8 (kg/giường.ngày)	1,40	0,28	1,40	0,28
5	Khu công nghiệp (ha)	200	200	100 (tấn/ha/năm)	54,8	8,2	54,8	8,2
6	CTR khác (5%)				16,9		26,6	
<b>Tổng cộng:</b>					<b>410,5</b>	<b>11,9</b>	<b>615,2</b>	<b>13,8</b>

Nguồn: Dự báo của các tác giả bài viết trên cơ sở quy mô dân số, khách du lịch đã được phê duyệt tại Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc.

Ghi chú:

- Ước lượng tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trong chất thải sinh hoạt đô thị và nông thôn là 1%.
- Ước lượng tỷ lệ chất thải y tế (nguy hại) trong chất thải rắn bệnh viện là 20%.
- Ước lượng tỷ lệ chất thải nguy hại trong chất thải rắn công nghiệp là 15%.

Như vậy, so với năm 2015, dân số toàn đảo năm 2020 tăng 3,7 lần, năm 2030 tăng khoảng 5,4 lần. Khách du lịch năm 2020 dự báo tăng 2,3 lần so với năm 2016 và năm 2030 tăng khoảng 3,8 – 5,4 lần so với năm 2016.

Cùng với sự gia tăng dân số và khách du lịch, vấn đề ô nhiễm chất thải rắn có thể sẽ trở thành vấn đề rất nghiêm trọng, nếu như không có biện pháp quản lý môi trường hữu hiệu từ ý thức, trách nhiệm trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường của mỗi người dân, hộ dân và du khách đến sự quyết liệt vào cuộc của chính quyền địa phương.

Kết quả ước tính chất thải rắn phát sinh cho ở bảng 1 cho thấy đến năm 2020 tổng lượng chất thải rắn phát sinh là 422,4 tấn/ngày, tăng 1,4 lần so với năm 2015; năm 2030 tổng lượng CTR phát sinh khoảng 629 tấn/ngày, tăng 2,1 lần so với năm 2015.

Một vấn đề cần đặc biệt lưu ý với chất thải rắn ở đảo Phú Quốc là chất thải rắn ở đây có đặc điểm hoàn toàn khác

so với ở trong đất liền, chúng chứa rất nhiều bao bì, vỏ, giấy, gói bánh kẹo và các loại thực phẩm tỷ lệ chất thải hữu cơ dễ phân hủy ít hơn. Do đó vấn đề quản lý chất thải rắn ở đảo Phú Quốc từ nay đến năm 2020 và 2030 đặt ra trong phát triển kinh tế - xã là vô cùng quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường và phát triển bền vững đảo Phú Quốc.

Từ năm 2005, quy hoạch chung xây dựng huyện Phú Quốc đã đặt mục tiêu xây dựng các khu xử lý rác thải tập trung và tiếp tục được nhắc lại tại quyết định 633 của Thủ tướng Chính phủ năm 2010, với hai khu vực cụ thể tại xã Cửa Dương và xã Hàm Ninh mỗi nơi quy mô 25ha.

Do đầu tư khu xử lý rác thải cần nguồn vốn lớn nên tỉnh Kiên Giang chủ trương kêu gọi đầu tư từ nguồn xã hội hóa. Tuy nhiên, mãi đến năm 2015 mới có nhà đầu tư xúc tiến triển khai dự án và đến đầu năm 2016 Công ty CP năng lượng tái tạo Toàn Cầu (TP.HCM) mới

được giao đất để xây dựng nhà máy xử lý rác thải công suất 200 tấn/ngày tại ấp Bãi Bồn, xã Hàm Ninh. Hiện dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện mặt bằng và theo cam kết của nhà đầu tư sẽ đưa vào hoạt động từ cuối quý 1-2017<sup>4</sup>. Với chủ trương này, hy vọng vấn đề ô nhiễm môi trường sẽ sớm được giải quyết để Phú Quốc xứng danh là đảo ngọc hấp dẫn du khách, để huyện đảo sớm trở thành đô thị du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng chất lượng cao của khu vực và thế giới.

#### 5. Một số giải pháp cho công tác quản lý chất thải rắn ở Phú Quốc

Để công tác quản lý, xử lý chất thải rắn ở Phú Quốc đạt hiệu quả và theo kịp với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của Phú Quốc, công tác quản lý và xử lý chất thải rắn ở Phú Quốc cần quan tâm đến một số giải pháp sau đây:

- Đầu tư, tăng cường năng lực trang thiết bị và nhân lực thu gom, vận chuyển, đảm bảo thu gom toàn bộ CTR

trên toàn đảo Phú Quốc (CTR trên đất liền, dưới sông suối và dưới biển);

- Mở rộng phạm vi thu gom, vận chuyển CTR cho phạm vi toàn đảo, đặc biệt là các tuyến thu gom tại các khu vực ven biển nhằm hạn chế tình trạng thải rác xuống biển.
- Chú trọng thu gom rác ở các trung tâm du lịch, bãi tắm, mặt nước biển ven bờ, bố trí các thùng chứa rác công cộng, quét dọn hàng ngày và có lực lượng đi thu rác trên bờ biển và trên mặt nước biển ven bờ.
- Thực hiện phân loại CTR tại nguồn đối với chất thải có thể tái chế (vỏ đồ hộp, chai lọ thủy tinh, nhựa...) và vận chuyển về đất liền để tái chế.
- Triển khai thiết kế, xây dựng bảo đảm kỹ thuật đối với 2 khu xử lý rác theo quy hoạch đã được duyệt (1 khu xử lý tại xã Cửa Cạn ở phía Tây Bắc và 1 khu xử lý tại xã Hàm Ninh ở phía Đông Nam) với quy mô mỗi khu là 25ha<sup>5</sup>.
- Ở các điểm dân cư nông thôn có thể áp dụng công nghệ xử lý rác thải theo phương pháp đơn giản như ủ hiếu khí chất thải hữu cơ làm phân vi sinh với quy mô gia đình hoặc cụm gia đình nhằm giảm thiểu lượng CTR phải chôn lấp.
- Đầu tư xây dựng 1 lò đốt chất thải nguy hại đạt tiêu chuẩn môi trường với công suất bảo đảm đến năm 2020 xử lý 100% chất thải nguy hại phát sinh của đảo.
- Đầu tư, xây dựng, phát triển các tổ chức quản lý chất thải rắn cho cả đất liền và trên biển bao gồm: tổ chức quản lý, cơ chế, chính sách quản lý, nhân lực và phương tiện kỹ thuật đầy đủ để thu gom, phân loại và vận chuyển chất thải rắn từ nơi phát sinh đến nơi tập trung xử lý đạt 100% vào năm 2020
- Các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch của đảo hiện đang sẵn sàng đóng góp và đứng ra vận động các doanh nghiệp khác cùng đóng góp phương tiện, chi phí để tổ chức thu gom rác thải. Vì vậy, chính quyền địa phương cần xây dựng đề án xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển CTR nhằm thu hút tối đa nguồn lực này trong công tác thu gom, xử lý CTR trên toàn đảo. ■



**Ghi chú:**

1. <http://dulich.tuoitre.vn/tin/20150823/rac-bua-vay-phu-quoc/956658.html>
2. <http://eia.vn/index.php/vi/tin-tuc-hoat-dong/diem-tin-moi-truong/472-thi-u-nha-may-x-ly-rac-phu-qu-c-d-i-m-t-o-nhi-m-moi-tru-ng>
3. Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030
4. <http://dulich.tuoitre.vn/tin/20160925/dao-ngoc-phu-quoc-dau-dau-voi-rac/1177143.html>
5. Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030

# Công tác thu gom & xử lý chất thải rắn

## Bài học kinh nghiệm và giải pháp áp dụng cho Phú Quốc

LƯỢNG RÁC SINH HOẠT THẢI VÀO MÔI TRƯỜNG LÀ RẤT LỚN, TRUNG BÌNH MỖI NGƯỜI MỘT NGÀY ĐƯA VÀO MÔI TRƯỜNG TỪ 0,5 KG ĐẾN 1 KG RÁC THẢI THÌ NƯỚC TA VỚI DÂN SỐ 80 TRIỆU, THẾ GIỚI VỚI DÂN SỐ 6 TỶ SẼ PHẢI XỬ LÝ MỘT LƯỢNG RÁC THẢI KHỔNG LỒ NHƯ THẾ NÀO? VÌ VẬY VIỆC XỬ LÝ CHẤT THẢI SINH HOẠT LÀ VẤN ĐỀ CẤP THIẾT CỦA MỖI QUỐC GIA, MỖI CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ. VÀ NGÀNH CÔNG NGHIỆP XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT ĐÃ PHÁT TRIỂN NHANH CHÓNG THU HÚT NHIỀU CÔNG TY CÓ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG QUỐC TẾ, VỚI NHIỀU CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI.

**NGUYỄN NGÀ**

### **V**ề thành phần chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn hữu cơ

Thành phần chất thải rắn nói chung (rác thải) rất đa dạng, bao gồm từ rác thải công nghiệp, rác thải (phế thải) xây dựng, rác thải sinh hoạt, phế thải nông nghiệp. Chất thải rắn hữu cơ chỉ có trong rác thải sinh hoạt (cùng với hỗn hợp rất phức tạp của các hợp phần vô cơ), và là hầu như toàn bộ thành phần của phế thải nông nghiệp.

### Mục đích của việc xử lý chất thải là nhằm:

- Chuyển chất thải sang một dạng khác ít độc hại hơn, dễ kiểm soát hơn,
- Chuyển chất thải thành chất khác có thể sử dụng có ích,
- Làm giảm thể tích hoặc khối lượng nhằm lưu giữ được nhiều hơn,
- Lưu giữ tạm thời để chờ đợi công nghệ phù hợp.

Tùy theo công nghệ áp dụng, chi phí xử lý sẽ khác nhau. Có công nghệ xử lý với chi phí thấp nhưng trong quá

trình xử lý lại phát sinh ra ô nhiễm thứ cấp. Có công nghệ xử lý hiện đại, chi phí vận hành cao nhưng xử lý an toàn, không gây mùi, không phát sinh ô nhiễm thứ cấp. Tuy nhiên, việc quản lý chất thải rắn làm sao cho hiệu quả, hạn chế phát sinh chất thải, tái sử dụng và tái chế chất thải. Trong công tác quản lý chất thải rắn, thứ tự ưu tiên được sắp xếp như sau:

(1) Giảm thiểu phát thải, (2) Tái sử dụng, (3) Tái chế, (4) Xử lý, (5) Tiêu hủy. Hiện nay, ở các nước đang phát triển



trong đó có nước ta, các phương pháp xử lý chất thải rắn thường được áp dụng như sau:

Đối với chất thải rắn sinh hoạt, có thành phần hữu cơ chiếm tỷ lệ lớn được tận dụng để sản xuất phân hữu cơ. Tuy nhiên, do quá trình phân loại rác thực hiện chưa đồng bộ nên chỉ có một phần rác thải sinh hoạt được ủ sinh học, phần còn lại vẫn chôn lấp ở các bãi rác tập trung, gây ô nhiễm môi trường và nguồn nước.

**Phương pháp xử lý sinh học chất thải rắn hữu cơ**

Thành phần rác hữu cơ chiếm tỉ lệ đa số trong rác thải sinh hoạt của Việt Nam. Để xử lý một cách hiệu quả thì cần phải tách riêng chúng ra khỏi hỗn hợp của rác. Công việc phân loại đó được thực hiện một cách thủ công hoặc cơ giới. Việc tách (phân loại) bằng cơ giới chủ yếu dựa vào tỷ trọng và kích thước của các hợp phần trong rác.

**Giải pháp tối ưu để xử lý rác sinh hoạt có thành phần hữu cơ cao : Phương pháp cơ khí sinh học.**

Các thành phần khó phân hủy sinh học nhưng dễ cháy như giấy vụn, giẻ rách, nhựa, cao su... không còn khả năng tái chế thì có thể áp dụng phương pháp đốt để giảm thể tích. Chất thải xây dựng và các thành phần không cháy được như vỏ ốc, gạch đá, sành sứ... đưa đi san nền hoặc chôn lấp trực tiếp ở bãi chôn lấp.

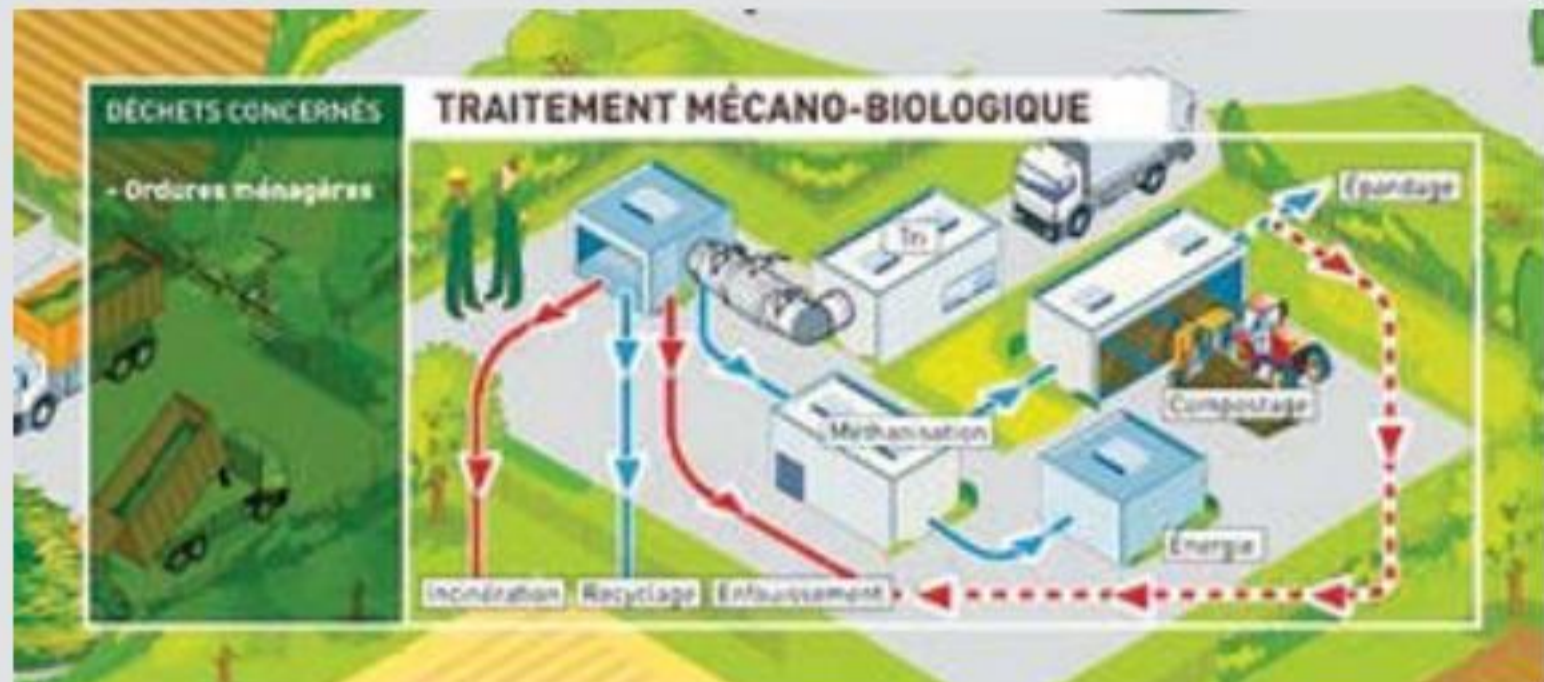
**Phương pháp thiêu đốt**

Thiêu đốt là phương pháp phổ biến hiện nay trên thế giới để xử lý chất thải rắn nói chung, đặc biệt là đối với chất thải rắn độc hại công nghiệp, chất thải nguy hại y tế nói riêng. Xử lý khói thải sinh ra từ quá trình thiêu đốt là một vấn đề cần đặc biệt quan tâm.

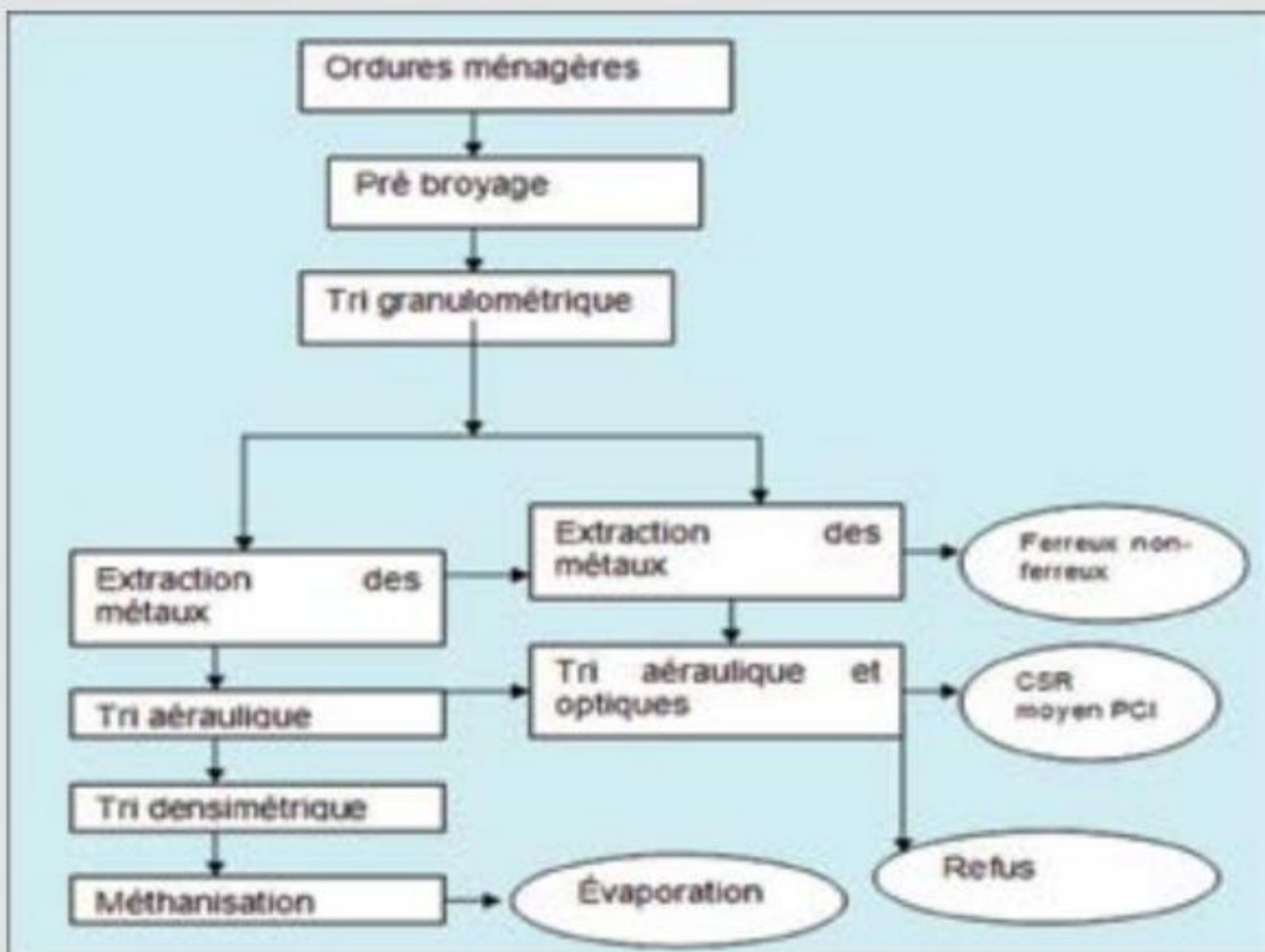
Thiêu đốt chất thải rắn là giai đoạn xử lý cuối cùng được áp dụng cho một số loại chất thải nhất định không thể xử lý bằng các biện pháp khác. Đây là giai đoạn oxy hoá nhiệt độ cao với sự có mặt của oxy trong không khí, trong đó có rác độc hại được chuyển hoá thành

**MÔ HÌNH NHÀ MÁY XỬ LÝ RÁC CHO ĐẢO NGỌC PHÚ QUỐC**

- Các phân loại cơ khí sinh học: rác thải hữu cơ đưa vào một xi lanh lớn để một mặt phân chia các vật liệu từ giấy và các tông, mặt khác các phế thải thực vật và thực phẩm phế liệu khác có thể "lên men" để trở thành phân hữu cơ hoặc nhiên liệu "khí sinh học". Phế liệu sắt và các bao bì lớn đi vào hệ thống tái chế; phần còn lại được tiêu huỷ, gửi đến bãi rác nếu khả năng thiêu đốt kém.



- Traitement mecano-biologique : Xử lý bằng cơ khí sinh học
- Dechets concernes : Rác cần được xử lý
- Ordures menageres : Rác thải sinh hoạt
- Epandage : Rải rác trên đồng ruộng
- Methanisation : Tạo nhiên liệu khí sinh học
- Compostage : Lên men tạo phân hữu cơ sinh học
- Insineration : Thiêu đốt
- Recyclage : Tái chế
- Enfouissement : Chôn lấp
- Energie : Năng Lượng



- Tái chế: Tái chế có giới hạn của nó: các đối tượng được tái chế chưa được thiết kế để xử lý. Và tái chế giấy. Bắt đầu từ một sợi cellulose "nguyên thủy" từ gỗ, hy vọng qua bảy chu kỳ tái chế. Sau đó, các sợi cellulose trở nên quá giòn để được khai thác thêm. Mỗi bước tái chế đặt ra câu hỏi về xử lý dư lượng độc hại, clo và các loại mực.

khí và các thành phần không cháy được. Khí thải sinh ra trong quá trình thiêu đốt được làm sạch thoát ra ngoài môi trường không khí. Tro, xỉ được chôn lấp.

Phương pháp thiêu đốt được sử dụng rộng rãi ở một số nước như Nhật Bản, Đức, Thụy Sĩ, Hà Lan, Đan Mạch... là những nước có số lượng đất chôn lấp rác bị hạn chế.

Xử lý chất thải bằng phương pháp thiêu đốt có ý nghĩa quan trọng là làm giảm bớt tới mức nhỏ nhất chất thải cho khâu xử lý cuối cùng là chôn lấp tro, xỉ. Mặt khác, năng lượng phát sinh trong quá trình thiêu đốt có thể tận dụng cho các lò hơi, lò sưởi hoặc các ngành công nghiệp cần nhiệt và phát điện. Mỗi lò đốt cần phải được trang bị một hệ thống xử lý khí thải, nhằm khống chế ô nhiễm không khí do quá trình đốt có thể gây ra.

Mặc dù phương pháp xử lý bằng thiêu đốt đòi hỏi chi phí xử lý cao nhưng vẫn thường áp dụng để xử lý rác thải độc hại như rác thải y tế và công nghiệp vì các phương pháp này xử lý tương đối triệt để chất gây ô nhiễm.

Quá trình thiêu đốt rác thải thường được thực hiện trong các lò đốt rác chuyên dụng ở nhiệt độ cao, thường từ 850 đến 1.100°C. Bản chất của quá trình là tiến hành phản ứng cháy, tức phản ứng oxy hoá rác thải bằng nhiệt và oxy của không khí. Nhiệt độ phản ứng được duy trì bằng cách bổ sung năng lượng như năng lượng điện hay nhiệt toả ra khi đốt cháy nhiên liệu như gas, dầu diesel...

Hiện tại, ở Việt Nam xử lý chất thải rắn nguy hại y tế chủ yếu bằng lò đốt công suất nhỏ được trang bị cho từng bệnh viện. Tuy nhiên, các bệnh viện lớn tuyến trung ương trực thuộc Bộ Y tế có công tác thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải y tế được thực hiện tốt. Các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, việc xử lý chất thải y tế phụ thuộc nhiều vào điều kiện kinh tế từng tỉnh. Số bệnh viện tuyến huyện được trang bị lò đốt đạt tiêu chuẩn rất ít. Vì vậy, chất thải y tế thường được

## Pour recycler, il faut trier !

### Bouteilles et flacons en plastique



### Boîtes métalliques, briques, cartonnettes, journaux



Collecte du bac à couvercle jaune

Lundi

Mardi

Mercredi

Jeudi

Vendredi

Samedi

### Bouteilles, pots, bocaux en verre



Collecte du bac à couvercle vert

Lundi

Mardi

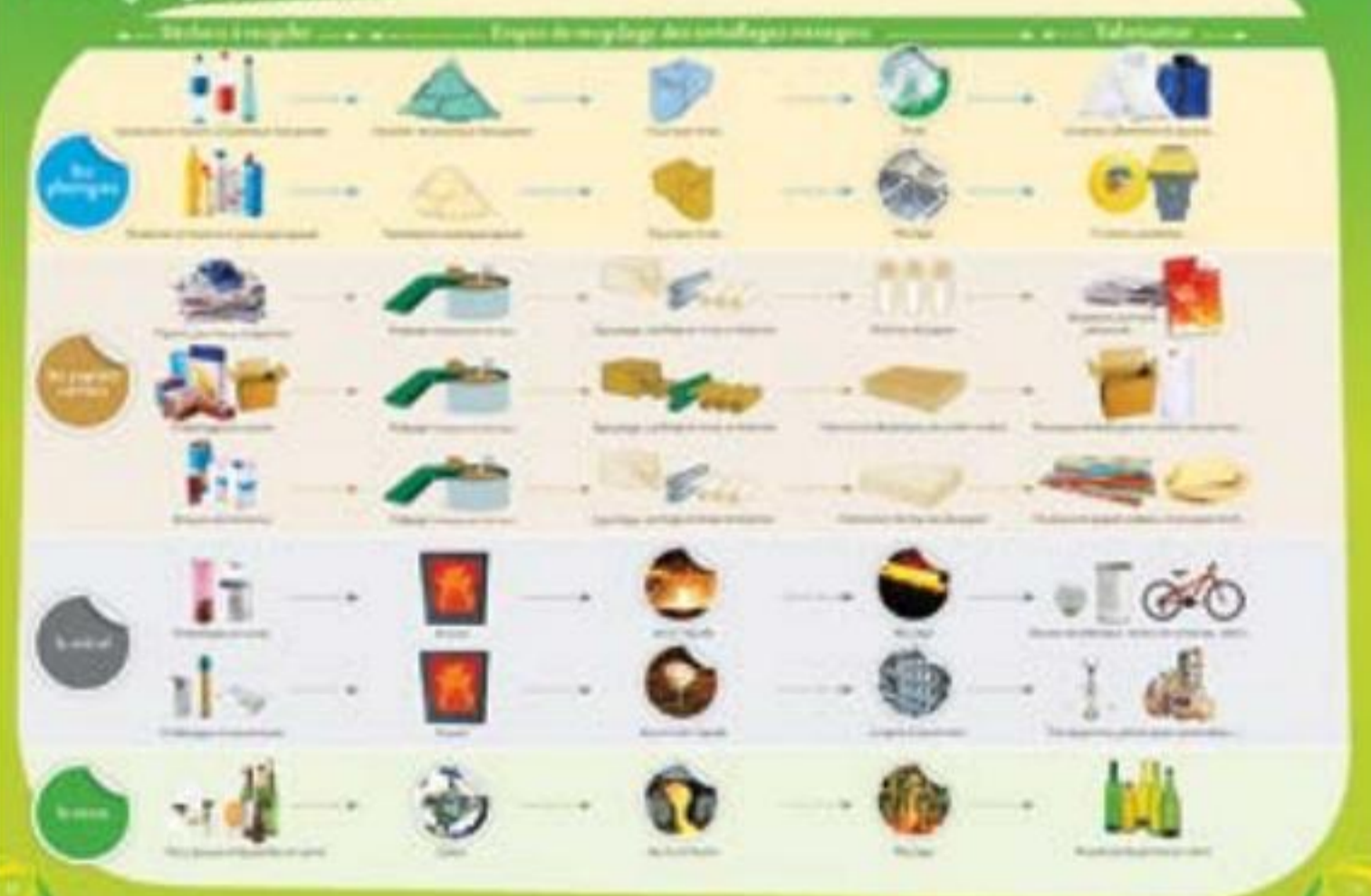
Mercredi

Jeudi

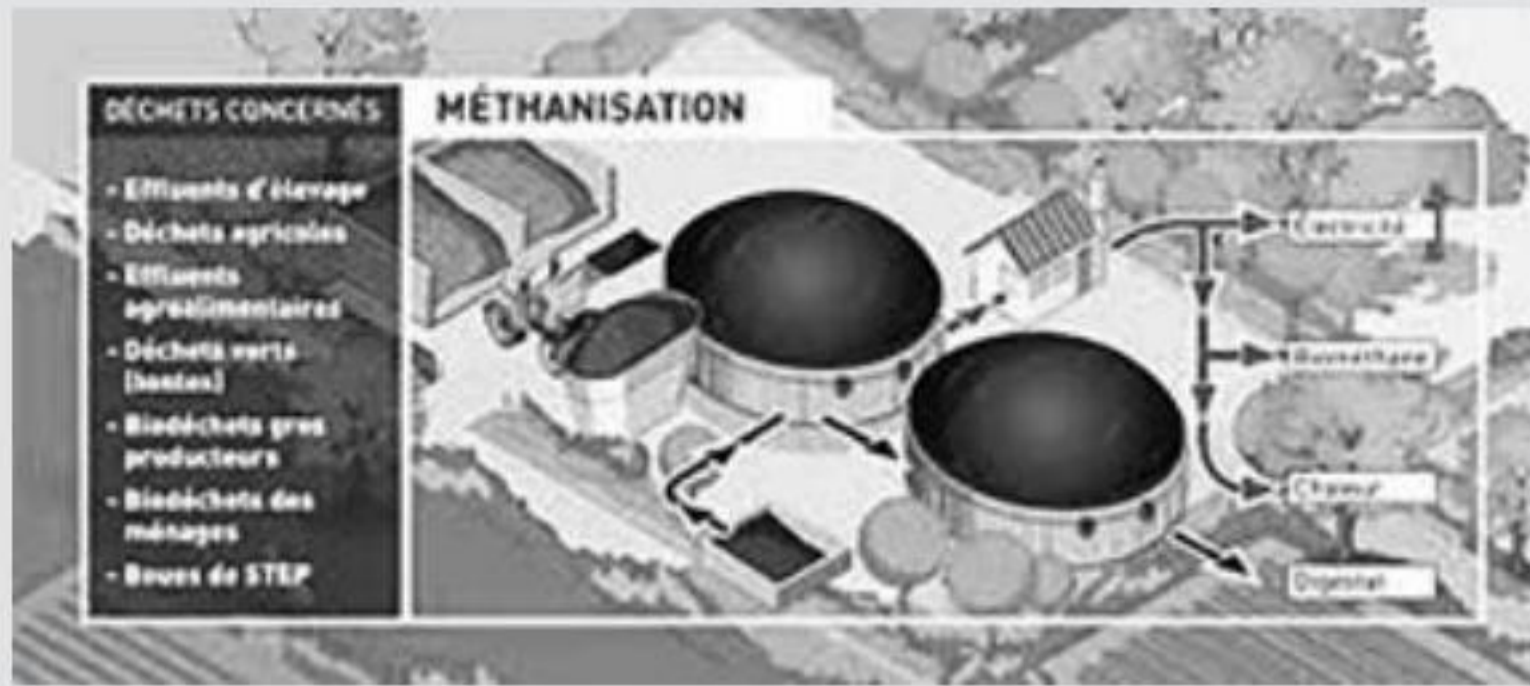
Vendredi

Samedi

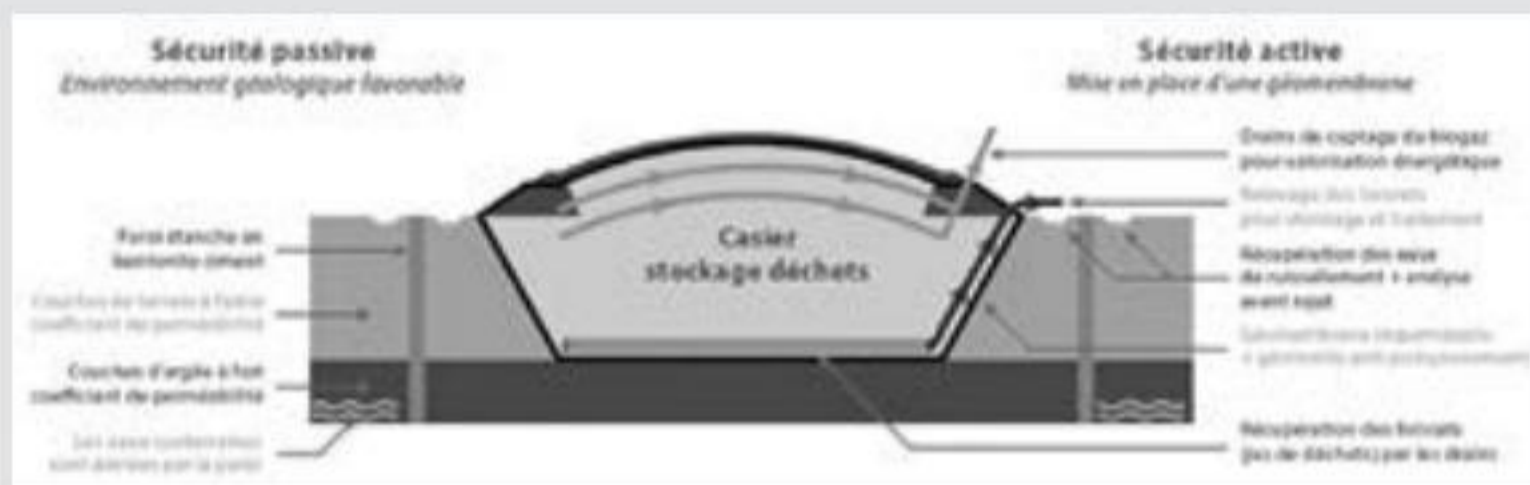
### Le recyclage des déchets



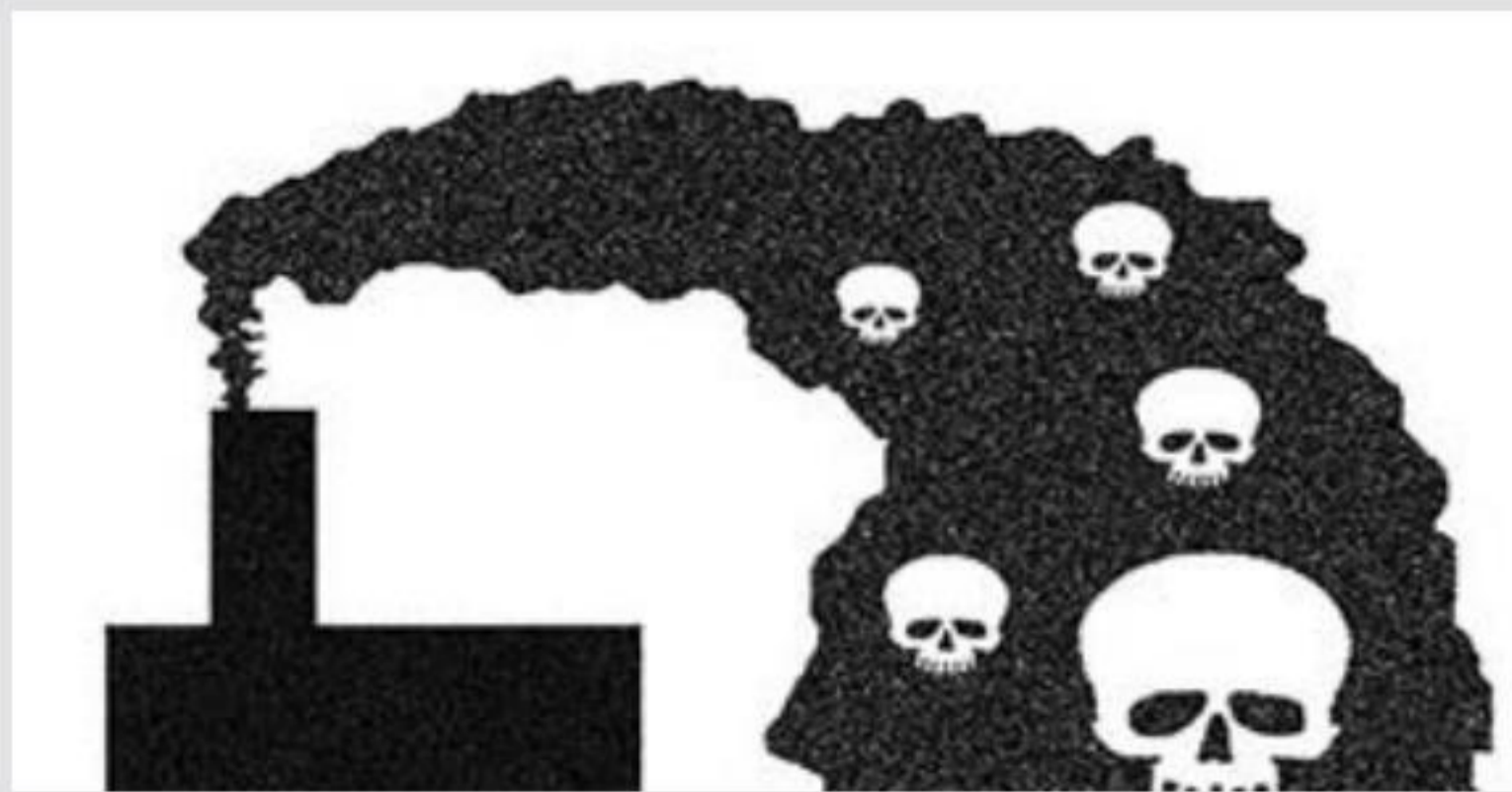
Phương pháp Methanisation biến chất hữu cơ thành phân compost, khí methane và carbon dioxide. Nó đòi hỏi các chất hữu cơ như cỏ cắt. Biogas và "digestats" sau đó được thu, chất lượng thành phẩm thay đổi tùy theo sự có mặt hay không của các kim loại nặng. Phương pháp này là cơ hội tốt nhất cho rác sinh hoạt có thành phần hữu cơ cao trên 50% đã được qua khâu phân loại và khâu chuẩn bị để có sự đồng nhất khi lên men.



Các bãi chôn lấp (thường là trên loại đất không xốp kiểu đất sét) kết hợp với phân hủy yếm khí. Nhưng giải pháp này cần nhiều không gian và là một nghi vấn về vấn đề ô nhiễm môi trường nước và vấn đề xử lý biogas.



Đốt: đây là phương pháp giảm thiểu chất thải. Nhưng bù lại, phải đối mặt với các vấn đề sức khỏe mà vẫn chưa được giải quyết.



đốt bằng lò đốt thủ công hoặc chôn lấp trong khu đất của bệnh viện.

Đối với rác thải nguy hại công nghiệp được xử lý bằng phương pháp đốt thì gần như tuân theo nguyên lý đốt của chất thải y tế nhưng công suất lò lớn hơn. Hiện tại, các khu công nghiệp có đầu tư khu xử lý chất thải rắn nguy hại tập trung không nhiều. Các chất thải rắn nguy hại thường được doanh nghiệp hợp đồng với công ty, đơn vị có chức năng, được cấp giấy phép vận chuyển và xử lý chất thải rắn nguy hại xử lý. Tại Việt Nam, các công ty môi trường đô thị (viết tắt là URENCO) vẫn là những đơn vị hàng đầu trong xử lý chất thải rắn nguy hại. Công ty nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các lò đốt chất thải rắn công suất lớn đặt tại một số địa điểm, phục vụ nhu cầu xử lý chất thải khu vực xung quanh.

**Phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh**

Trong các phương pháp xử lý và tiêu hủy chất thải rắn trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng, chôn lấp là phương pháp phổ biến và đơn giản nhất. Phương pháp này đã được áp dụng rộng rãi ở hầu hết các nước trên thế giới. Về thực chất, chôn lấp là phương pháp lưu giữ chất thải trong một khu vực và có phủ đất lên trên.

Phương pháp chôn lấp thường áp dụng cho đối tượng chất thải rắn là rác thải đô thị không được sử dụng để tái chế, tro xỉ của các lò đốt, chất thải công nghiệp. Phương pháp chôn lấp cũng thường áp dụng để chôn lấp chất thải nguy hại, chất thải phóng xạ ở các bãi chôn lấp có thiết kế đặc biệt cho rác thải nguy hại.

Chôn lấp hợp vệ sinh là một phương pháp kiểm soát sự phân hủy của các chất rắn khi chúng được chôn nén và phủ lấp bề mặt. Chất thải rắn trong bãi chôn lấp sẽ bị tan rã nhờ quá trình phân hủy sinh học bên trong để tạo ra sản phẩm cuối cùng là các chất giàu dinh dưỡng như axit hữu cơ, nito, các hợp chất amon và một số khí như CO<sub>2</sub>, CH<sub>4</sub>.

# Đô thị thích nghi nước lộ trình tiến tới quản lý bền vững nước và cảnh quan trong đô thị

**NGUYỄN VĂN LONG**

Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM

PHẦN LỚN CÁC ĐÔ THỊ, NƠI TẬP TRUNG NGUỒN VỐN LỚN VÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ CAO CÙNG MỘT LƯỢNG LỚN DÂN CƯ ĐỀU NẪM Ở NHỮNG KHU VỰC CÓ ĐỘ CAO THẤP HOẶC CẬN KỀ VEN BIỂN, HẬU QUẢ LÀ CÁC ĐÔ THỊ NÀY DỄ CHỊU ẢNH HƯỞNG CỦA LŨ LỤT VÀ TRIỀU CƯỜNG DÂNG CAO. KHÔNG CHỈ DỪNG LẠI Ở ĐÓ, NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁT SINH VỀ KHAN HIẾM NGUỒN NƯỚC, Ô NHIỄM VÀ HỆ SINH THÁI BỊ HUY HOẠI ĐÃ MANG ĐẾN NHỮNG NGUY CƠ ĐỂ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỘT TƯƠNG LAI BỀN VỮNG VÀ ĐIỀU KIỆN ĐÁNG SỐNG CỦA NHỮNG ĐÔ THỊ NÀY. KHÁI NIỆM VỀ KHẢ NĂNG TỰ PHỤC HỒI CỦA NGUỒN NƯỚC ĐÔ THỊ (URBAN WATER RESILIENCE) VÀ THÀNH PHỐ XỐP (SPONGE CITY) ĐƯỢC RA ĐỜI NHẪM ĐEM LẠI NHỮNG GIẢI PHÁP CHO VẤN ĐỀ NƯỚC VỐN ĐANG RẤT NGHIÊM TRỌNG HIỆN NAY Ở HẦU HẾT CÁC ĐÔ THỊ.

**L**Ý LUẬN TỰ PHỤC HỒI CỦA HỆ THỐNG NƯỚC TRONG ĐÔ THỊ (URBAN WATER RESILIENCE) VÀ THÀNH PHỐ XỐP (SPONGE CITY).

### Lý luận tự phục hồi của hệ thống nước trong đô thị

*Khái quát nghiên cứu “tính tự phục hồi”*  
Khả năng tự phục hồi “resilience” là một thuật ngữ được sử dụng rộng rãi ở cả hai phương diện học thuật và chính sách trong các cuộc thảo luận gần đây (Meerow & Newell, 2015; Brown, 2013), cung cấp thêm cho chúng ta sự hiểu biết về sự phức tạp của hệ thống sinh thái - xã hội và khả năng quản lý bền vững hệ thống này (Folke, 2006; Pickett, Cadenasso, & McGrath, 2013). Một số học giả cho rằng khái niệm này được bắt nguồn từ sinh thái học, một số khác lại cho rằng nó được khởi nguồn từ vật lý học (Manyena, 2006).

Nhà sinh thái học Holling (Holling, 1973) là người đầu tiên dẫn nhập thuật ngữ “tự hồi phục” vào lĩnh vực sinh thái học, ông cho rằng: “Hệ thống sinh thái sau khi chịu sự can thiệp hoặc tác động sẽ duy trì một khả năng hồi phục cân bằng, đồng thời cho rằng khả năng tự phục hồi quyết định đến khả năng duy trì các mối quan hệ trong nội bộ hệ thống”. Hệ thống này vừa có khả năng chịu sự can thiệp, vừa duy trì khả năng ổn định bên trong nó, quan điểm này sau này được phát triển thành khái niệm “Hệ sinh thái tự hồi phục”, nó phản ánh hệ thống sinh thái tồn tại đặc tính tự ổn định trạng thái khi chịu sự can thiệp hoặc tác động của các nhân tố bên ngoài. Nhiều học giả đã nghiên cứu khả năng tự hồi phục trên các phương diện: Công trình tự hồi phục; Xã hội sinh thái tự hồi phục,... làm mở rộng nội hàm và cơ hội ứng dụng của khái niệm này trong nhiều các lĩnh vực khác nhau.”

*Khái niệm “tính tự phục hồi của hệ thống nước trong đô thị”*

Tính tự hồi phục của hệ thống nước đô thị được kế thừa và phát triển từ nền tảng “tự hồi phục” trong sinh thái học và xã hội - sinh thái học, đang thu hút được sự chú ý rộng rãi và mang lại một số thành quả nghiên cứu đáng quan tâm (Klijin, Marchand, 2000). Năm 2003, Yu Kongjian dùng thuật ngữ “Xốp” nhằm ẩn ý khái niệm «tính tự hồi phục» của hệ thống nước đô thị, trong đó ông cho rằng hệ sinh thái ngập nước ven sông giống như một lớp “Xốp”, chúng có khả năng điều tiết hệ thống nước, giảm thiểu những rủi ro từ hạn hán và lũ lụt (Yu Kongjian, 2003). Trong bối cảnh đối mặt với vấn đề nước ngày càng tăng, khái niệm này từ việc ứng dụng vào quản lý nước nói chung mà sau này còn được mang đến ứng dụng trong quá trình quản lý rủi ro từ lũ lụt. Một số học giả của Trung Quốc trong đó có Yu và Wang

từ góc độ quản lý nguồn tài nguyên nước tiến đến định nghĩa khả năng tự phục hồi của hệ thống nước đô thị với các góc nhìn đa chiều: Yu cho rằng khả năng tự phục hồi của nước là khi những can thiệp bên ngoài mất đi, bản thân hệ thống nước hoặc có sự hỗ trợ của hệ thống bên ngoài sẽ tự hồi phục về trạng thái và kết cấu ban đầu, hay trạng thái cân bằng vốn có của nó. Khả năng tự hồi phục mạnh hay yếu liên quan đến cấu trúc, công năng và độ phức tạp của hệ thống nước (Yu, Hao 2008). Wang nhận định rằng cần chú trọng tính tự hồi phục của tài nguyên nước trên hai vấn đề: (1) Ngăn cản vượt qua ngưỡng tự hồi phục của hệ thống; (2) Sau khi chịu sự can thiệp, hệ thống sẽ phản ứng với thay đổi và tự hồi phục lại trạng thái ban đầu (Wang, 2009).

Một số học giả bắt nguồn từ quan điểm thiệt hại do lũ lụt để xác định khả năng tự hồi phục của nước, Whittle cho rằng sự hồi phục lũ lụt bao hàm bốn khía cạnh như sau: (1) Khả năng tự hồi phục tạo nên sức chống chịu, khi đó một hệ thống (như con người, gia đình, xã hội và thành phố) chịu sự can thiệp sẽ phát sinh một năng lực đủ sức để giữ vững và duy trì trạng thái vốn có; (2) Năng lực phục hồi tại mỗi thời điểm sẽ khác nhau, sức phục hồi càng lớn thì hệ thống sẽ trở lại trạng thái bình thường càng nhanh; (3) Hồi phục bao hàm ý nghĩa tiếp thu, tức là khả năng thích ứng; (4) Hồi phục là quá trình rất căn bản về sự chuyển biến, một dạng thay đổi hình thái hoặc chuyển dịch (Whittle, 2012). Tourbier định nghĩa khả năng tự phục hồi lũ lụt dựa trên bốn khía cạnh sau: (1) Tự phục hồi của cấu trúc không gian nước, chủ yếu đề cập đến khu vực bị ngập, quản lý đất đai ở những chỗ được phủ xanh và các biện pháp giảm thiểu dòng chảy bề mặt; (2) Kết cấu tự phục hồi của nước lũ, đề cập đến cấu trúc chống lũ bền vững; (3) Khả năng tự phục hồi lũ cộng đồng, nhắc đến kiến toàn cơ chế chống lũ, củng cố phòng bị để ứng phó với nguyên do không xác định, xây dựng hệ thống quản lý với thách thức biến

đổi và rủi ro; (4) Phục hồi rủi ro lũ lụt, dựa trên hỗ trợ về tài chính, chính sách hỗ trợ để chống lại những nguy cơ rủi ro đồng thời từ đó hồi phục lại năng lực vốn có (Tourbier, 2012).

Ngoài ra nhiều học giả từ các góc độ kiến trúc, đô thị, khu vực, lưu vực,... tiến hành định nghĩa năng lực tự phục hồi của nước. Tất cả có điểm chung là nhấn mạnh năng lực ngăn lại những tác hại của lũ lụt. Từ các góc độ khác nhau cho thấy, nghiên cứu về khả năng tự phục hồi của hệ thống nước đô thị cần phải làm sáng tỏ ba nội dung chủ yếu sau: (1) Chủ thể của tự phục hồi là gì? (resilience of what); Đối tượng của tự phục hồi là gì? (resilience to what); Nội hàm của tự phục hồi là gì (how is resilience) (Yu Kongjian, 2015). Như vậy, từ cách tiếp cận này cho phép xác định ranh giới cụ thể của năng lực tự hồi phục. Mấu chốt của năng lực tự phục hồi của hệ thống nước đô thị là hệ thống hạ tầng nước, bao gồm: Hệ thống nước nhân tạo như mạng lưới cấp thoát nước, hệ thống nước tự nhiên như kênh rạch, đất ngập nước, mảng xanh, không gian xanh ven sông,... Đối tượng tự phục hồi là những nơi có nguy cơ hoặc đang đối mặt với những tai họa về nước như lượng nước (hạn hán, lũ lụt), chất lượng nước (ô nhiễm), sinh thái ngập nước (hủy hoại hệ sinh thái ngập nước). Nội hàm đề cập đến hệ thống nước tại các đô thị đang phải đối mặt với một hoặc nhiều thách thức, gồm: (1) Năng lực sinh ra để chống lại những tai họa phát sinh; (2) Sự hồi phục lại năng lực vốn có sau khi chịu biến cố xảy ra; (3) Năng lực tự tổ chức, tiếp thu và thích ứng của hệ thống. Áp dụng vào khả năng tự phục hồi hệ thống nước đô thị, có thể nhận thấy: Thứ nhất, sinh thái tự hồi phục liên quan đến sử dụng đất đai, hệ thống nước, cảnh quan ngập nước,... Thứ hai, công trình tự phục hồi đề cập đến hạ tầng chống lũ như hệ thống cống, trạm điều tiết,... Thứ ba, cộng đồng tự hồi phục liên quan đến dự báo thiên tai, chính sách di tản, cứu trợ, khắc phục hậu quả,..

*Phương pháp đánh giá "tính tự phục hồi của hệ thống nước trong đô thị"*

Một số nhà nghiên cứu tương đối sớm đã tiến hành định lượng nghiên cứu về vấn đề này, trong đó có Fiering, Moy, Hashimoto,... họ từ góc độ tự hồi phục của công trình tiến đến định lượng nghiên cứu sự phục hồi của nước. Fiering từ khái niệm tự hồi phục khảo cứu về độ lớn lưu vực sông, cảnh quan và trạng thái của toàn bộ hệ thống, gồm hai phương diện chính: (1) Dựa trên trạng thái giới hạn tự phục hồi của hệ thống; (2) Suy xét đến độ lớn lưu vực, hình thái và hiệu ứng thời gian của quá trình tự hồi phục. Mặc dù ông đề xuất một loạt các chỉ tiêu tự hồi phục, đồng thời triển khai nhiều công tác để kiểm nghiệm hiệu quả của các chỉ tiêu này nhưng kết quả là không rõ ràng (Fiering, 1982). Moy lợi dụng biến cố của hệ thống xảy ra trong khoảng thời gian dài nhất để xác định khả năng tự hồi phục, thời gian càng dài thì năng lực tự hồi phục của hệ thống càng thấp, phương pháp định lượng của Moy quan tâm chủ yếu đến việc ghi chép các biến cố trong một giai đoạn (Moy, 1986). Hashimoto dùng thời gian xảy ra sự cố (t) để định nghĩa về tính tự hồi phục, và thời điểm (t+1) để xác định xác suất bình quân hồi phục (Hashimoto, 1982). Sau này, Srinivasan cho rằng cả hai phương pháp của Moy và Hashimoto đều không thể đánh giá một cách toàn diện bản chất của quá trình tự hồi phục. Ông cho biết kết hợp hai phương pháp này lại sẽ mang lại hiệu quả rõ ràng hơn (Srinivasan, 1999). Có thể thấy phương pháp đo lường của Moy và Hashimoto chủ yếu nhắm vào sau quá trình can thiệp, hệ thống sẽ tiếp ứng và hồi phục năng lực tự phục hồi, còn định nghĩa của Fiering về các chỉ tiêu lại chú ý đến trạng thái biến đổi của năng lực tự phục hồi. Một số nhà nghiên cứu khác như Bruijn, Yu, Wang, Zhang, Liu,... (Bruijn, Yu, Wang, Zhang, Liu) sử dụng phương pháp xây dựng hệ thống chỉ số ở cấp độ thành phố hoặc lưu vực sông để đánh giá tính tự phục hồi của hệ thống nước, như có thể thấy trong bảng thống kê sau đây. (bảng 1)

Bảng 1: Đối chiếu các phương pháp đánh giá tính tự phục hồi của nước

Tác giả	Mô hình đánh giá	Chỉ tiêu đánh giá	Địa điểm nghiên cứu	Ưu điểm	Nhược điểm	
Hashimoto và cộng sự (1982)	Sự cố tại thời gian (t), xác suất khôi phục tại thời điểm (t+1).			Mô hình đơn giản.	Không có nghiên cứu về sức đề kháng, khó ứng dụng vào thực tế chung.	
Moy và cộng sự (1986)	Lợi dụng sự cố trong một thời gian dài để làm thước đo tự hồi phục.			Phương pháp đo lường sự cố xảy ra trong khoảng thời gian dài nhất, vượt trội so với sử dụng giá trị bình quân.	Không có nghiên cứu về sức đề kháng, khó ứng dụng vào thực tế chung.	
Fiering (1982a)	(1) Dựa trên trạng thái giới hạn tự phục hồi của hệ thống. (2) Suy xét đến độ lớn lưu vực, hình thái và hiệu ứng thời gian của quá trình tự hồi phục.		Phạm vi nghiên cứu cấp lưu vực.	Nghiên cứu các đặc điểm về bản chất lưu vực sông.	Ứng dụng vào thực tế tiến triển chậm.	
De Bruijin (2005)	Từ 3 phương diện: Phản ứng của biên độ sóng, nước lũ và sự cộng hưởng giữa chúng, tốc độ phục hồi để xây dựng mô hình đánh giá.	Dự đoán tổn thất cả năm (EAD), dự đoán số người tử vong cả năm, hệ số Gini, tiêu chuẩn chống lũ.	Phạm vi nghiên cứu cấp lưu vực.	Hạ lưu sông Rhine, khu vực không có đê chắn sông Meuse và hạ lưu sông Mekong	Chỉ tiêu đánh giá tương đối toàn diện, thiếu tài liệu có thể sử dụng liên quan tới lũ.	Từ quá trình tự hồi phục của nước lũ tiến hành phân chia vĩ độ để đánh giá, tuy vậy thiếu tính tổng hợp, không sử dụng ghi chép lịch sử lũ.
Yu và cộng sự (2008a)	Sử dụng phân tích các nhân tố ảnh hưởng bên trong và bên ngoài, thành lập nên một bộ chỉ tiêu đánh giá, sử dụng trung bình phương sai để tính hệ số của chỉ tiêu, phương pháp fuzzy clustering tiến hành phân loại đối với tính tự hồi phục hệ thống tài nguyên nước.	Lượng mưa hàng năm, tỉ lệ bị thiệt hại, bình quân GDP, độ mở rộng của thông tin, tỉ lệ lợi dụng của tài nguyên nước,...	Phạm vi nghiên cứu cấp thành phố.	11 thành phố tỉnh Sơn Tây.	Các tiêu chuẩn đánh giá tương đối toàn diện, tính đến vấn đề hạn hán.	Không tính đến phương diện khôi phục của tính tự hồi phục hệ thống nước Đô thị.
Tanner và cộng sự (2009)	Định tính đánh giá tính tự hồi phục hệ thống nước từ 5 phương diện: Phân quyền và tự trị địa phương, độ minh bạch và chế độ trách nhiệm, năng lực phản ứng và tính linh hoạt, tham gia và tính bao quát, kinh nghiệm và hỗ trợ.	Phân quyền và tự trị địa phương, độ minh bạch và chế độ trách nhiệm, năng lực phản ứng và tính linh hoạt, tham gia và tính bao quát, kinh nghiệm và hỗ trợ.	Phạm vi nghiên cứu cấp thành phố.	BangKok, Chennai, Cochin, Đại Liên,... (10 thành phố).	Từ góc độ chính sách xã hội địa phương đánh giá tính tự phục hồi hệ thống nước.	Không có đánh giá định lượng, không xem xét đến tính tự hồi phục của hệ thống sinh thái thành phố.
Zhang và cộng sự (2011)	Lựa chọn yếu tố ảnh hưởng tới tốc độ hồi phục, thời gian và mức độ hồi phục. Dùng phương pháp Entropy Weight điều chỉnh hệ số do cách thức phân tích tầng lớp quyết định, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đánh giá lũ lụt.	Độ cao công trình, độ dốc, số lượng trạm điện, GDP, thu nhập bình quân, số lượng giường bệnh nhân, số lượng bác sỹ, mật độ đường cao tốc,...	Phạm vi nghiên cứu cấp lưu vực.	Hạ lưu sông Bắc Giang, Trung Quốc.	Tiêu chuẩn đánh giá dễ dàng đạt được, kết quả đánh giá tiến hành vẽ đồ thị và phân cấp.	Không xem xét năng lực đối phó với lũ lụt của lưu vực.
Liu và cộng sự (2012)	Căn cứ tư duy tự hồi phục tuần hoàn của Holling, lấy thay đổi mức độ và đặc trưng hệ thống tài nguyên nước làm tham số, từ 3 phương diện tính tự hồi phục là hạn hán, ô nhiễm nước và lũ lụt xây dựng mô hình đánh giá định lượng tính hồi phục của hệ thống tài nguyên nước.	Lượng tài nguyên nước bình quân đầu người, lưu lượng nước lũ, lưu lượng thiết kế, độ dài của dòng sông, độ dài cần thiết để lắng đọng các vật ô nhiễm trên sông.	Phạm vi nghiên cứu cấp thành phố.	Các thành phố trong tỉnh Chiết Giang.	Tiêu chuẩn tương đối toàn diện, từ ba phương diện: Hạn hán, lũ lụt, ô nhiễm đánh giá tính tự phục hồi của nước, và dùng phương pháp cộng vector để đạt được chỉ số phục hồi tổng hợp.	Giá trị tự hồi phục ban đầu khó đạt được, các hệ số của tiêu chuẩn là bằng nhau. Điều này đều ảnh hưởng đến độ chính xác của mô hình.

Tiềm năng nghiên cứu “tự phục hồi hệ thống nước” trong đô thị

Ngày nay vấn đề nước trong đô thị được coi là cực kì phức tạp, khi cách tiếp cận truyền thống là tăng cường khả năng chống lại sức mạnh của nước là không thể hiệu quả trong bối cảnh hiện nay. Nghiên cứu về năng lực tự phục hồi nhằm thuyên giảm vấn đề lũ lụt dựa trên quản lý sinh thái trong đô thị được coi là lộ trình bền vững và hiệu quả trong tương lai. Cần nhìn lại lý luận tự phục hồi trên các phương diện sau:

Thứ nhất, nghiên cứu về tự phục hồi còn tương đối hạn chế trong đô thị, cần hoàn thiện khái niệm và nội hàm của nó để từng bước triển khai các nghiên cứu sâu rộng trong các lĩnh vực của đô thị như không gian, kết cấu tổ chức, cảnh quan,... Tiếp đến phương pháp xây dựng hệ thống chỉ số dựa trên tích hợp nhiều lĩnh vực để nghiên cứu khả năng phục hồi là một phương hướng cần được phát triển trong tương lai. Thứ hai, kết hợp tư duy tự phục hồi vào thiết kế và quy hoạch trên các lĩnh vực quy hoạch không gian, quy hoạch cảnh quan, quy hoạch sử dụng đất có ý nghĩa cực kì quan trọng đối với năng lực tự phục hồi hệ thống nước đô thị. Một số thực tiễn đã được chứng minh

từ các dự án đang dần làm sáng tỏ lý luận này.

### Quản lý nước đô thị trên quan điểm phát triển thành phố Xốp (Sponge city)

*Thành phố Xốp: Khái niệm và sáng tạo nội hàm*

Khái niệm thành phố Xốp được đưa ra dựa trên nền tảng năng lực tự phục hồi của hệ thống nước đô thị (urban water resilience), kết hợp với cấu trúc hạ tầng sinh thái tự nhiên nhằm chuyển biến đô thị theo hướng thân thiện tự nhiên, nâng cao khả năng tự phục hồi và đủ sức gánh tải trước những biến đổi của khí hậu và hậu quả của phát triển đô thị tràn lan.

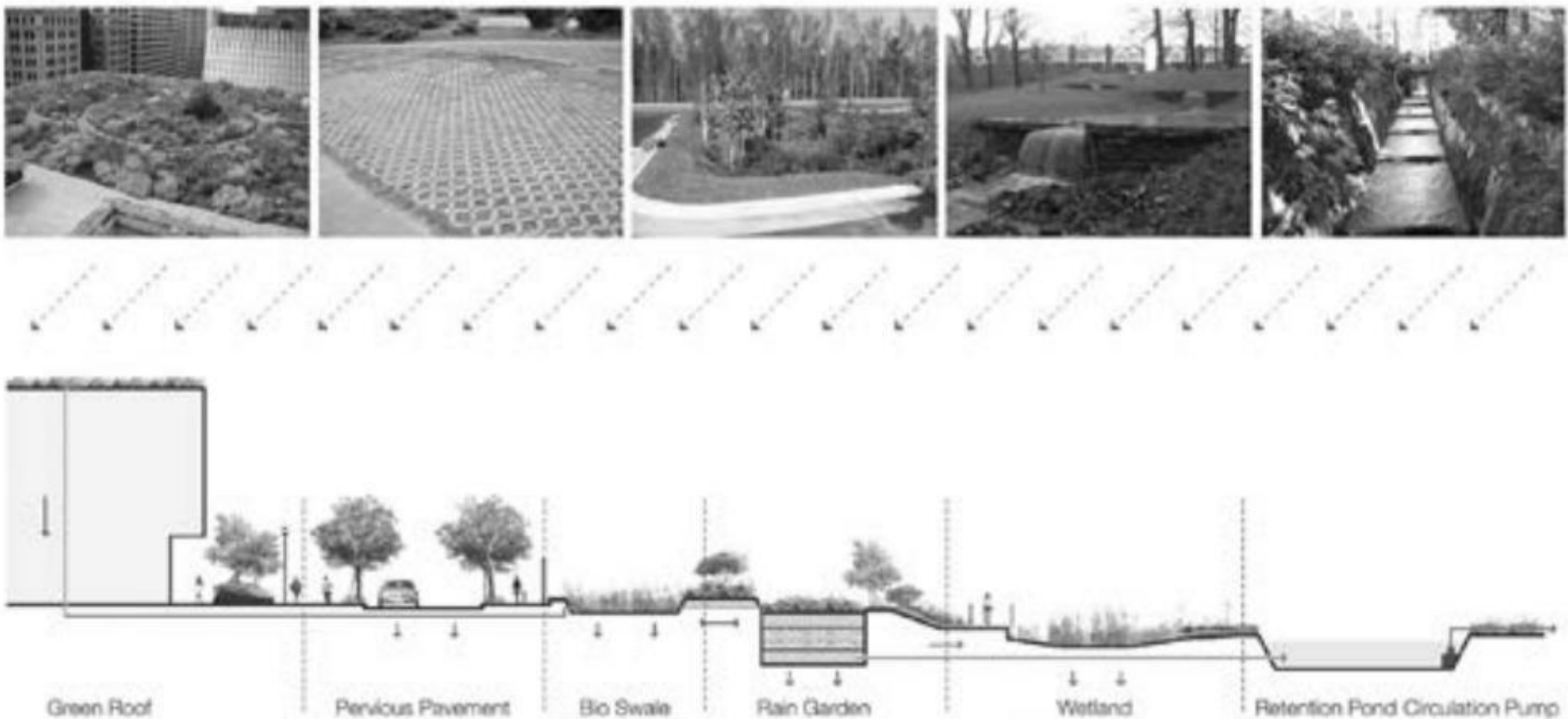
Thành phố Xốp lấy công năng phục vụ của hệ sinh thái làm xuất phát điểm, vận dụng nguyên lý của sinh thái học và phương pháp thiết kế cảnh quan hiện đại cùng một loạt những kỹ thuật xử lý liên quan đến nước như: Thẩm thấu, tích trữ, thanh lọc, sử dụng, bài phóng... nhằm quản lý hiệu quả tài nguyên nước, nguồn nước mưa và lũ lụt trong đô thị.

Khái niệm thành phố Xốp chỉ đô thị giống như một lớp “Xốp” đàn hồi, có năng lực tự phục hồi để thích ứng với những biến đổi của môi trường, có khả năng đề kháng chống lại những rủi ro

mà thiên nhiên và con người gây ra.

Quản lý nước mưa khi rơi xuống song song với quá trình hút nước, tích nước, thấm nước, lọc nước cần bài phóng và lợi dụng nguồn nước dư thừa. Như vậy thành phố Xốp hướng tới văn minh sinh thái trong vấn đề quản lý nước đô thị, được phổ biến rộng rãi trên phạm vi quốc tế và là lộ trình đưa đô thị hướng đến phát triển bền vững trong tương lai. Nội dung bao quát của thành phố Xốp bao gồm các khía cạnh sau: Thứ nhất, xây dựng thành phố Xốp cần coi nước mưa là nguồn tài nguyên, chú trọng tới hạ tầng sinh thái. Xuất phát điểm của nó là thuận theo tự nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên. Đô thị phát triển cần cung cấp không gian để tồn trữ nước mưa, dựa trên cấu trúc địa hình để xuất quy hoạch và bảo lưu nhiều hệ thống đất ngập nước, hồ ao, kênh rạch,... giảm mật độ xây dựng những nơi ngập lụt, nhenh tạo nên một hệ thống tích nước đủ lớn như công viên ngập nước, hồ chứa sinh thái, vùng canh tác nông nghiệp đô thị,... nhằm giảm lũ lụt bên trong đô thị, nâng cao tính an toàn của hệ thống nước.

Thứ hai, mục tiêu của thành phố Xốp là giảm thiểu dòng chảy và nguồn ô nhiễm bề mặt. Như vậy, cần có quá trình lượng hóa dòng chảy, các tiêu chí về diện tích



Ảnh 1: Quản lý dòng chảy truyền thống và cách điều tiết nước mưa dựa trên hạ tầng xanh. Nguồn: Sponge city

mặt nước, kết cấu địa hình nhằm xây dựng nên một hạ tầng sinh thái đô thị có kiểm soát. Giảm thiểu dòng chảy bề mặt tức giảm thiểu ô nhiễm tầng mặt, đồng thời liên quan đến tăng khả năng thấm nước tầng mặt, những yếu tố này rất quan trọng đối với xây dựng tính an toàn cho hệ thống nước và bổ sung nguồn nước ngầm cho cơ chế tuần hoàn nước tự nhiên.

Ngoài ra, xây dựng thành phố Xốp sẽ giúp giảm lưu lượng và mực nước cao nhất của lũ, đảm bảo tính an toàn cho chống lũ. Đô thị cần nhiều không gian cho nước mưa, khi đảm bảo một năng lực tích trữ ổn định (đất ngập nước, hồ chứa, khu chứa lũ, công viên, mảng xanh thấm nước, vùng canh tác nông nghiệp, kênh rạch,...) thì khả năng thích ứng và chống lũ của đô thị sẽ nâng cao, các nguy cơ từ các điều kiện cực đoan sẽ giảm xuống.

Sau cùng, trong phương hướng phát triển đô thị Xốp cần lấy hiệu ích sinh thái, kinh tế và xã hội tổng hợp phát triển. Dựa trên tình trạng tài nguyên nước, quy luật mưa, tính chất thổ nhưỡng mà xác định lại kết cấu an toàn sinh thái, khoanh vùng khu vực mất cân sinh thái, hệ thống mạng lưới sinh thái, nhằm xây dựng mối quan hệ hài hòa giữa thiên nhiên và con người, thúc đẩy phát triển đô thị bền vững.

*Thành phố Xốp: Giảm thiểu ảnh hưởng đến từ phát triển (Low Impact Development, hay LID)*

Thành phố Xốp được xây dựng dựa trên giảm thiểu tác động đến từ quá trình phát triển, quá trình giảm thiểu tác động này được thực hiện từ khâu thiết kế, thi công đến quản lý với mục tiêu tác động nhỏ nhất đến môi trường, đặc biệt trong cách tiếp cận với nước lũ và cấu trúc phân bố của lũ lụt. Để đạt đến “ảnh hưởng thấp” thì việc sử dụng đất đai và phát triển đô thị cần tôn trọng nguồn nước, lớp đất mặt, địa hình, thực vật và chung quy lại là tôn trọng quy luật tự nhiên.

**LID - Tôn trọng quy luật của nước:** Trong điều kiện có thực vật che phủ, tổng lượng nước mưa rơi xuống bị bốc

hơi 40%, 10% thành dòng chảy bề mặt và 50% sẽ thấm qua đất thành dòng chảy ngầm. Trong đô thị, do thay đổi cấu trúc bề mặt, lượng nước bốc hơi vượt quá 40%, dòng chảy bề mặt từ 10% tăng cận mức hoặc cao hơn 50%, lượng nước thấm xuống từ 50% giảm xuống cận 10% hoặc thấp hơn (Wu yegang, 2015). Như vậy trong điều kiện mưa lớn, rất dễ có khả năng tạo thành lũ lụt và ngập úng, nguy cơ ô nhiễm sẽ lan rộng theo lụt, khả năng làm sạch tự nhiên của nước giảm.

Tôn trọng quy luật của nước tức đưa quá trình chuyển hóa của nước về trạng thái tự nhiên giống như dạng có thực bì che phủ, đưa nước về trạng thái thủy văn đặc trưng khi chưa chịu tổn hại; Đáp ứng tổng lưu lượng, mực nước dâng bất biến hoặc thay đổi trong tầm kiểm soát. Để làm được như vậy cần tăng cường các biện pháp thấm nước, trữ nước, điều tiết nước,...

**LID - Tôn trọng cấu trúc tự nhiên bề mặt:** Cấu trúc bề mặt là lớp thổ nhưỡng trên cùng, là nền tảng sinh trưởng của mảng thực bì và là mấu chốt của quá trình thấm thấu nước mưa. Cấu trúc và đặc trưng của lớp bề mặt khác nhau khả năng hấp thụ và điều tiết dòng chảy của chúng sẽ rất khác nhau. Như vậy cần có sự hiểu biết về địa chất và dung lượng của lớp mặt nhằm duy trì hoặc thúc đẩy năng lực thấm thấu và điều tiết dòng chảy. Quá trình này dựa trên hệ sinh thái do nó nâng đỡ mà chủ yếu xuất phát từ khả năng điều tiết của lớp thực bì và độ xốp của cấu trúc bề mặt.

**LID - Tôn trọng địa hình, địa mạo:** Địa hình là kết quả tương tác của các quá trình tự nhiên mà chủ yếu đến từ sức nước. Đặc trưng của địa hình tạo nên đặc trưng của cấu trúc dòng chảy và không gian mặt nước. Giảm ảnh hưởng đến từ phát triển đối với địa hình tức nghiên cứu các giải pháp tác động đến địa hình địa mạo thấp nhất, lấy đa dạng kết cấu không gian làm xuất phát điểm, bảo tồn các cấu trúc sinh thái tự nhiên, nhờ đó bảo vệ được các quá trình tự nhiên và năng lực tự hồi phục. Khi nghiên cứu về địa hình, cần làm

làm rõ tác động qua lại giữa sự biến thiên của nó với các nhân tố sau:

- Địa hình và bức xạ mặt trời: Là một khía cạnh để đánh giá quá trình hấp thụ và trao đổi năng lượng của kiến trúc và mảng xanh trong bố cục thiết kế và quy hoạch.

- Địa hình và gió: Khả năng thông gió và đào thải độc tố.

- Địa hình và khả năng thu hồi nước: Thể hiện năng lực hấp thụ và gánh tải, đa dạng trong cấu trúc từ sinh thái trên cạn tới sinh thái ngập nước,...

**LID - Tôn trọng thảm thực vật:** Thực vật do địa hình, nước và thổ nhưỡng quyết định, thực vật có ý nghĩa rất quan trọng đối với năng lực tự phục hồi của tự nhiên. Trong quy hoạch đô thị, điều cần thiết cho phát triển bền vững là bảo vệ cấu trúc thổ nhưỡng nguyên sinh của mảng thực bì tự nhiên, đảm bảo tỉ lệ mảng xanh, đa dạng quần thể thực vật, quá trình diễn thế tự nhiên, mạng lưới hệ sinh thái ngập nước và ven sông. Tôn trọng thảm thực vật đến từ hai phương diện chính:

- Sử dụng các loài thực vật bản địa: Nhờ khả năng thích nghi cao và khả năng tự phục hồi lớn mà đảm bảo bền vững cho cấu trúc sinh thái đô thị.

- Kết cấu tổ chức không gian của thực vật trong đô thị: Liên kết các mảng không gian xanh rời rạc thành hệ thống. Với các không gian đặc thù như ven sông hay đất ngập nước cần có quá trình chuyển hóa cấu trúc thực vật từ hướng trên cạn tới ven bờ và cuối cùng là cấu trúc thực vật ngập nước, thủy sinh vật. Cấu trúc này giúp tăng cường sự đa dạng của hệ sinh thái đô thị, từ đó góp phần nâng cao khả năng tự phục hồi của nguồn nước.

## TỪ LÝ LUẬN ĐẾN THỰC TIỄN TRONG QUẢN LÝ HỆ THỐNG NƯỚC ĐÔ THỊ

### Từ lý luận đến các phương pháp quản lý nước đô thị

Quản lý nước mưa dựa trên lý luận về tự phục hồi và giảm ảnh hưởng thấp nhất từ quá trình phát triển (thành phố Xốp) mang lại triển vọng và một cách



Bảng 2: Bảng thống kê các Đô thị áp dụng lý luận tự hồi phục

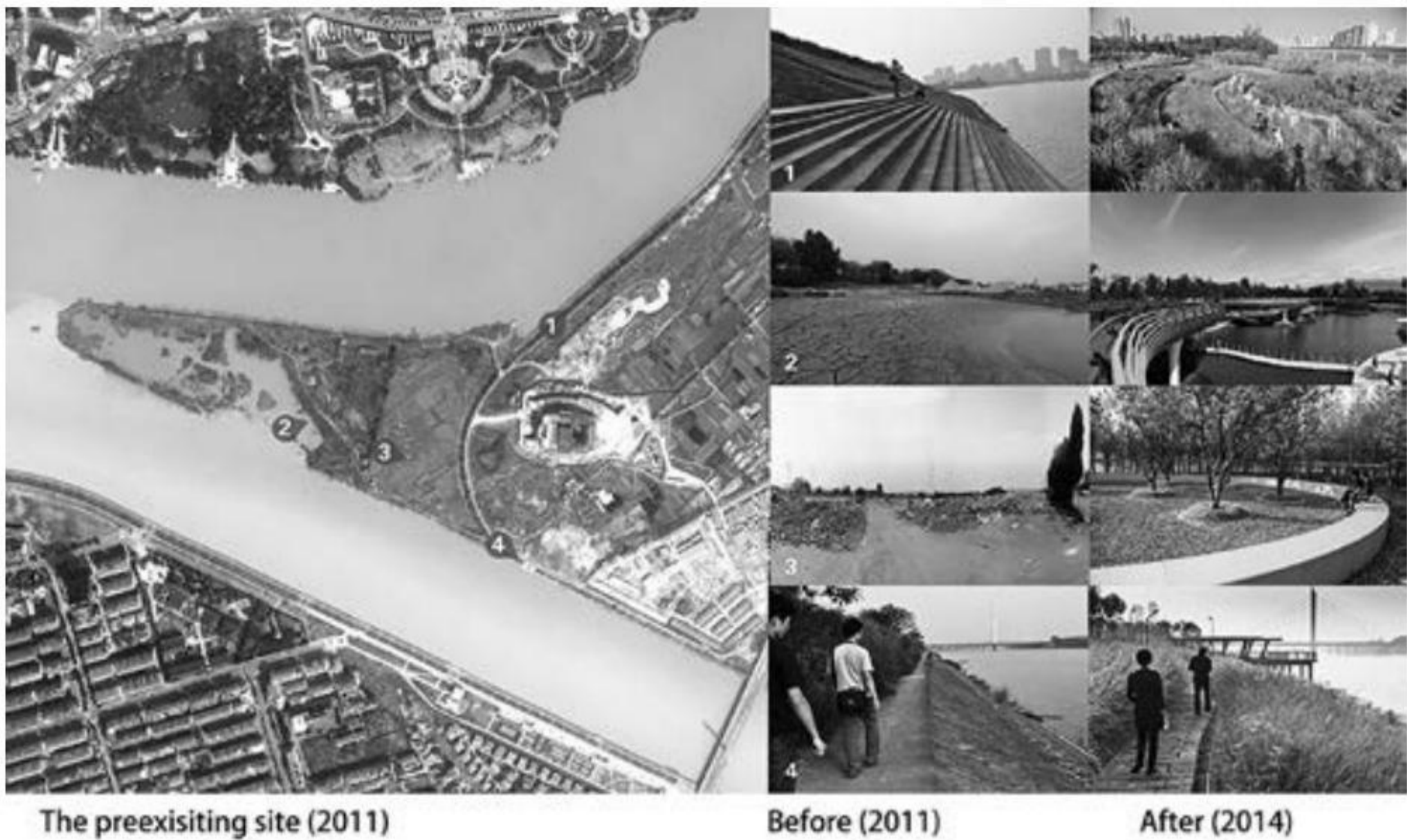
	STT	Tên hạng mục công trình	Nội dung thiết kế	Đơn vị (ha hoặc km)
Quy mô nhỏ	1	Công viên nước mưa Qunli, Harbin, Trung Quốc	Đô thị thích ứng nước dựa trên cấu trúc mảng xanh "xốp".	30ha
	2	Công viên Yanweizhou, Chiết Giang, Trung Quốc	Tự phục hồi năng lực cảnh quan.	26ha
	3	Công viên viên bảo tàng khoa học California, Mỹ	Xanh hóa không gian, tiết kiệm năng lượng trong thiết kế.	1ha
	4	Quy hoạch cảnh quan khu đô thị Offenbach harbour, Đức	Thiết kế thân cận mặt nước và thích ứng biến đổi khí hậu.	31,6ha
	5	Đô thị châu thổ Waller Creek, Austin, Texas, Mỹ	Thiết kế hành lang xanh đô thị	2,4km (ven sông)
	...	.....	.....	.....
Quy mô lớn	1	Quy hoạch thoát nước và chống lũ tại Copenhagen, Đan Mạch	Quy hoạch an toàn với nước, khống chế và xử lý nước ô nhiễm toàn diện.	3400ha
	2	Thiết kế đô thị ven sông Minneapolis, Minnesota, Mỹ	Kích hoạt năng lực tự phục hồi dòng chảy sông.	8,8km (ven sông)
	3	Quy hoạch khu đô thị Shunde, thành phố Foshan, Quảng Đông, Trung Quốc	Tái sinh văn hóa và tự nhiên: Thiết lập khu đô thị mới châu thổ.	7200ha
	4	Quy hoạch khu đô thị Gaiiosmanpasa, Istabul, Thổ Nhĩ kì	Quy hoạch đô thị dưới khía cạnh quản lý nguồn nước mưa.	1100ha
	...	.....	.....	.....

thức quản lý hiệu quả nguồn nước trong đô thị. Một số các quốc gia phát triển như Mỹ, Anh, Úc,... đã có những cách quản lý nước sáng tạo, tích hợp sinh thái và kỹ thuật để hướng đến lộ trình quản lý bền vững nguồn nước và giải quyết những thách thức về sinh thái mà đô thị đang phải đối mặt. Tại Mỹ, từ những năm 80 của thế kỉ 20 chính quyền địa hạt Prince Gorge County đã lấy thí điểm về công viên thu gom nước mưa làm cơ sở để đề xuất khái niệm thiết kế LID (*Low Impact Development*). Năm 1999, chính quyền nơi đây đã chính thức sử dụng các tiêu chí kỹ thuật tổng hợp của LID vào quản lý nước mưa. Từ năm 2000-2005, LID trước tiên **đã được sử dụng rộng rãi tại các thành phố lớn** như New York, Chicago,... và sau đó là toàn liên bang nước Mỹ. Từ năm 2006-2010, chính phủ Mỹ đã chính thức thừa nhận lý luận thiết kế của LID ứng dụng vào khống chế thiết kế nước mưa và quản lý ô nhiễm tầng mặt. Tương quan với

nó từ năm 2009 lý luận về hạ tầng xanh cũng được phát triển đồng hành, làm nâng cao chất lượng quản lý nước trong đô thị tại Mỹ. Tại Anh, hệ thống thoát nước bền vững SuDS (*Sustainable Drainage Systems*) được mở rộng sử dụng dựa trên quá trình giải phóng nước mưa, bao gồm: Nước mưa sau khi được thu gom sẽ được đưa vào quá trình thẩm thấu, qua khâu thanh lọc nguồn ô nhiễm, giảm thiểu tốc độ dòng chảy nhằm tích đọng những tạp chất ô nhiễm và cuối cùng trở về tự nhiên. Tại Úc, Quản lý nước mưa dựa trên nguyên tắc WSUD (*Water Sensitive Urban Design*) tức thiết kế đô thị dựa trên độ mẫn cảm của nước. Bản chất của nó là nước mưa ngay từ khi đầu được thu gom và làm giảm tốc độ dòng chảy, tiếp đó được quản lý để tránh lãng phí sử dụng. Nguyên tắc của WSUD là đô thị phát triển cần bảo vệ hệ thống sinh thái tự nhiên, bảo vệ chất lượng nước, kết hợp cảnh quan và xử

lý nước, kiểm soát tốc độ dòng chảy và độ cao lũ. Các thành phố áp dụng quản lý nước mưa dựa trên lý luận về tự phục hồi và giảm ảnh hưởng thấp nhất từ quá trình phát triển (thành phố Xốp) có thể được thống kê như ở bảng 2.

**Từ lý luận đến thiết kế "tự phục hồi cảnh quan": Thiết kế tự hồi phục nước và cảnh quan công viên Yanweizhou - thành phố Jinhua - Trung Quốc**  
 Nước và cảnh quan là đối tượng "tự hồi phục" của công trình thực tiễn này. Các chuyên gia khi tiếp cận thiết kế công viên đã đặt ra một loạt câu hỏi về tính thích ứng của nó: Làm thế nào biến mối quan hệ với nước lũ thành mối quan hệ cộng sinh; Làm sao xây dựng được khả năng thích ứng của hệ thống bờ sông và không gian giáp ranh nước; Tính thích ứng của thực vật; Khả năng thấm nước hiệu quả của lớp lát sàn trong công viên,... nhằm "tự phục hồi" sinh thái của cảnh quan và đưa ra



Ảnh 2: Hiện trạng công viên năm 2011 và hoàn thành năm 2014. Nguồn: turenscape



Ảnh 2: Quy hoạch cao độ công trình. Nguồn: turenscape

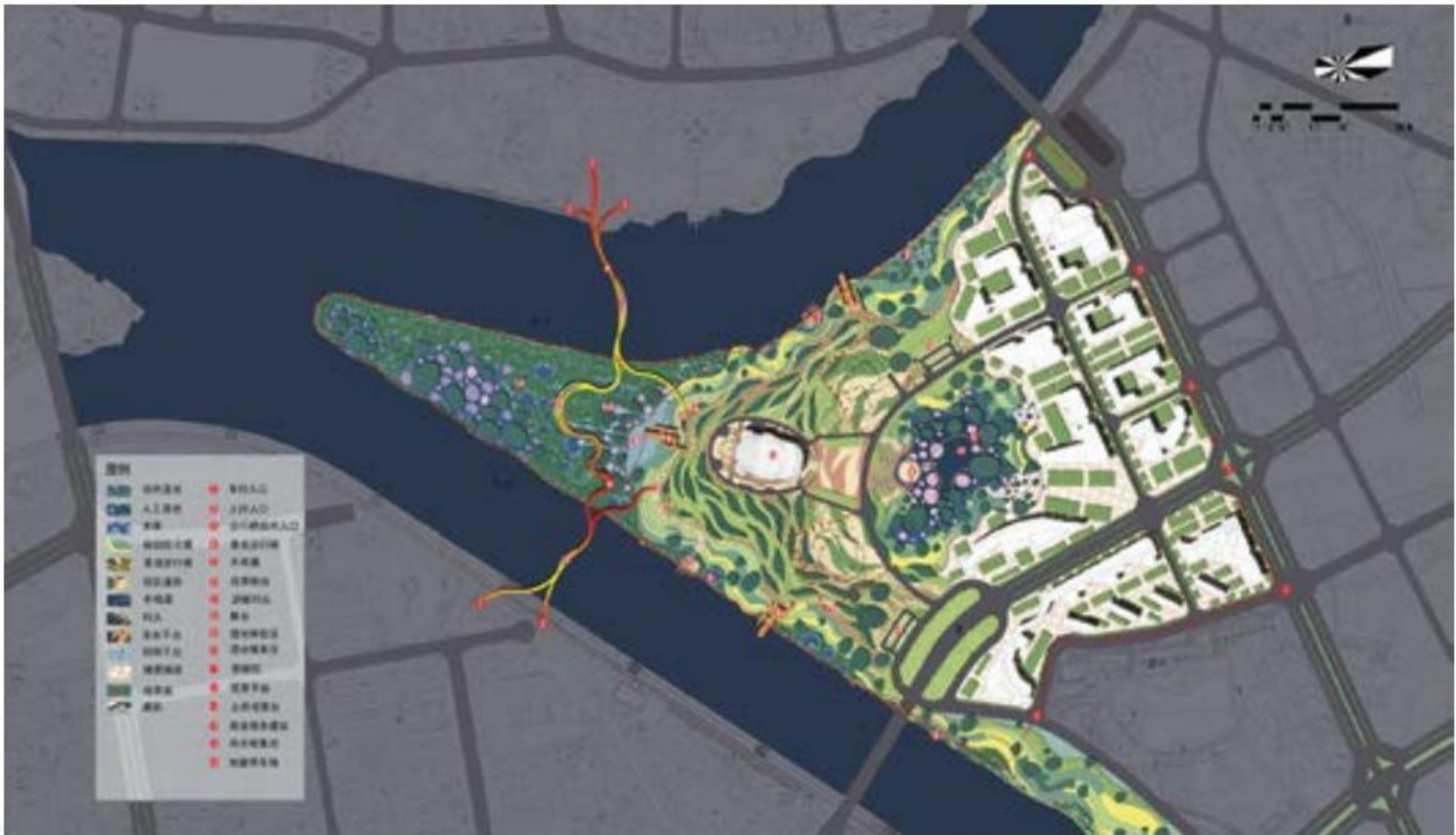
giải pháp thích ứng cho các công trình được thiết kế trong công viên.

*Hiện trạng và thách thức*

Công viên Yanweizhou nằm ở thành phố Jinhua - tỉnh Chiết Giang, tiếp giáp ven sông và được bao bọc xung quanh bởi hạ tầng đô thị. Diện tích khu vực khoảng 75ha trong đó vùng quy hoạch 25ha, địa hình nơi đây được hình thành từ các bãi bồi từ các dòng sông chính trong vùng. Khí hậu hai mùa rõ ràng là mùa khô và mùa mưa, chịu ảnh hưởng của lụt lội hàng năm tạo nên một hệ sinh thái ngập nước đặc trưng và cảnh quan bãi bồi ven sông.



Ảnh 3: Phân lớp cao độ không gian hướng ra ven sông. Nguồn: turenscape



Ảnh 4: Mặt bằng tổng thể công viên. Nguồn: turenscape

Thiết kế công viên đối mặt với bốn thách thức chính: Cần cung cấp một không gian công cộng hiệu quả cho cư dân đô thị mà vẫn bảo tồn được cảnh quan ven sông và sinh cảnh của bãi bồi ngập nước; Cách tiếp cận với nước như thế nào? Dùng đê chống lũ vĩnh viễn trong công viên hay xây dựng một hệ thống cảnh quan tự hồi phục có khả năng thích nghi với nước lũ tự nhiên; Cần làm gì để xử lý các khối kiến trúc hiện tại nhằm hình thành nên một tổng thể cảnh quan hài hòa; Làm sao công viên có thể kết nối giữa hai khu vực nam - bắc của thành phố để cung cấp không gian công cộng tiện lợi cho cư

dân, đồng thời nhấn mạnh cảm nhận về giá trị văn hóa và xã hội của công trình.

*Sách lược thiết kế “tự phục hồi”*

*Bảo tồn tự nhiên và phục hồi sinh thái trên cơ sở thích ứng tính thiết kế:* Do bị tác động bởi quá trình khai thác cát khiến bề mặt dự án bị lồi lõm, kết cấu địa hình bị phá hoại. Dựa vào những đặc điểm này, thiết kế thông qua giảm thiểu tối đa số lượng công trình, bảo vệ các loài thực vật hiện hữu. Dựa vào cấu trúc ao hồ đã có tiến hành tu bổ tạo nên các dạng địa hình và sinh cảnh khác nhau, làm phong phú cấu trúc không gian cảnh quan.

**Thiết kế “tự phục hồi” dựa trên mối**

**quan hệ cộng sinh với nước:** Do đặc điểm khí hậu phân biệt hai mùa trong năm, đồng thời chịu ảnh hưởng của lũ lụt định kỳ nên cấu trúc cảnh ven sông được đặc trưng bởi hệ thống kè cứng bê tông theo chính sách quản lý lũ truyền thống. Giải pháp thay thế của dự án là chuyển đổi bờ kè ngăn lũ thành vùng nhận dạng ngập nước, kết nối giữa con sông vào cộng đồng đô thị, khôi phục lại hệ sinh thái mất cảm giữa giao tuyến đất và nước. Nhờ sự chuyển đổi bờ kè thành các cấu trúc cảnh quan dạng ruộng bậc thang giúp công viên tăng giao diện tiếp xúc với lũ ở các vị trí ven sông, nhờ đó giảm tốc dòng chảy của lũ, giảm áp lực chống lũ của thành phố bên bờ đối diện, tăng tính thân cận với nước của công trình. Hệ thống ruộng bậc thang như các bong bóng nước giúp thanh lọc nguồn nước ô nhiễm từ khu dân cư và nguồn lũ theo mùa, vì vậy không gây áp lực ô nhiễm tới nguồn nước sông. Ngoài ra các biện pháp hấp thu nước mưa tỉ suất cao bởi áp dụng các vật liệu thô mộc và thiết kế thu gom nước từ các khu công cộng sẽ nâng cao năng lực quản lý



Ảnh 5: Hệ thống đi bộ trên cao kết nối hai bên sông. Nguồn: turenscape



Dry season



Flood season



Ảnh 6: Cấu trúc ngập lũ và chuyển biến kết cấu cảnh quan. Nguồn: turenscape

nước mưa cho công viên.

**Kết nối** đô thị với tự nhiên, lịch sử và tương lai: Sự kết hợp khéo léo giữa quá trình tự nhiên và vùng dân cư đô thị hiện hữu khiến chúng ta cần nhận thức lại những giá trị về tự nhiên và văn hóa đang ngày càng bị thờ ơ trước sức mạnh của đô thị hóa. Sự kết nối giữa khu bắc và nam thành phố thông qua hệ thống cầu bộ hành của công viên và sự hồi quy lại trạng thái nguyên sơ cộng sinh với lũ của khu vực chính làm tái tạo lại năng lực tự phục hồi của thiên nhiên, văn hóa - lịch sử để từ đó đưa đô thị hướng đến tương lai.

Như vậy mô hình là bài học về phương pháp tiếp cận sinh thái đối với vấn đề xử lý lũ lụt và quản lý nước mặt, nó có thể cung cấp hiệu quả vượt xa những kỹ thuật tốn kém truyền thống. Cách tiếp cận với nước trên lý luận "tự hồi phục" cho phép thực hiện những chiến lược bền vững về bảo tồn cảnh quan và văn hóa địa phương, là

giải pháp thông minh cho những đô thị đang phải đối mặt với những thách thức về nước hiện nay.

#### KẾT LUẬN

Cách tiếp cận của đô thị với nước hiện nay có phù hợp hay không khi mọi nỗ lực đưa ra là để chống chọi với nước. Những công nghệ cao hay những dự án ngăn lũ đắt tiền có đem lại cho thế hệ sau một tương lai bền vững? Rất có thể đó lại là một hậu quả về xã hội và sinh thái mà rất lâu nữa mới có thể tự hồi phục. Những phương cách sống chung với lũ lâu đời ở Việt Nam tại những vùng đồng bằng ngập lũ cho chúng ta bài học về thích nghi với nước trong đô thị, ở đó tôn trọng tự nhiên và xây dựng mối quan hệ cộng sinh với nước là mấu chốt để nâng cao năng lực "tự hồi phục". Tobin và Montz đã tổng kết nên một mô hình thích nghi của cộng đồng dân cư ở vùng đồng bằng ngập lũ, họ cho rằng quá trình

sinh sống ở đây là một vòng tuần hoàn: Thiên tai - thiệt hại - hồi phục - thiên tai (Disaster - damage - repair - disaster cycle), từ đó dần dần hình thành nên phương thức sinh hoạt thích ứng với nước tự nhiên (Tobin and Montz, 1997). Đô thị ngày nay cần chuyển biến thành một dạng cấu trúc thích ứng với nước, hay một dạng xã hội đô thị người thích ứng với nước. Như vậy, đô thị thích ứng với nước cần tôn trọng động thái và quy luật tự nhiên của nước là yếu tố đầu tiên dành cho phát triển; Tiếp đến trả lại kết cấu nguyên sơ đã mất của nước trong đô thị chủ yếu đến từ trả lại kênh và dòng chảy cho nước; Dành chỗ cho nước trong quy hoạch; Dành không gian xanh, không gian ven sông cho nước và bảo tồn hệ thống sinh thái đất ngập nước,... Đô thị thích ứng với nước cần sự lồng ghép tổng hợp của nhiều yếu tố, xen kẽ nhiều hệ thống khác nhau, nhưng điều cơ bản vẫn là xây dựng lại mối quan hệ cộng sinh giữa con người và thiên nhiên. ■

1. Allen TFH, Hoekstra TW (1992) *Toward a unified ecology*. Columbia University Press, New York
2. Adams, C. C. (1935). The relation of general ecology to human ecology. *Ecology*, 16,316–335
3. Ahern, J. (2013). Urban landscape sustainability and resilience: The promise and challenges of integrating ecology with urban planning and design. *Landscape.Ecology*, 28, 1203–1212
4. Alberti, M. (2008). *Advances in urban ecology: Integrating humans and ecological processes in urban ecosystems*. New York: Springer
5. Adger, W. N. (2000). Social and ecological resilience: Are they related?. *Progress in human geography*, 24(3), 347-364
6. ADGER, W. Neil, et al. Social-ecological resilience to coastal disasters. *Science*, 2005, 309.5737: 1036-1039
7. Anderies JM, Janssen MA, Ostrom E (2004) A framework to analyze the robustness of social-ecological systems from an institutional perspective. *Ecol Soc* 9(1):18
8. Batty, M. (2008). The size, scale, and shape of cities. *Science*, 319, 769–771
9. Batty, M., Barros, J., & Junior, S. A. (2006). *Cities: Continuity, transformation and emergence*. In E. Garnsey, & J. McGlade (Eds.), *Complexity and co-evolution: Continuity and change in socio-economic systems*. Cheltenham, UK: Edward Elgar Publishers
10. Berry, B. J. L., & Kasarda, J. D. (1977). *Contemporary urban ecology*. New York: Macmillan Publishing
11. Bettencourt, L., & West, G. (2010). A unified theory of urban living. *Nature*, 467, 12–913
12. Bruhl CA, Eltz T, Linsenmair KE (2003) Size does matter effects of tropical rainforest fragmentation on the leaf litter ant community in Sabah, Malaysia. *Biodivers Conserv* 12(7):1371–1389
13. BUNSTER-OSSA, Ignacio F. *Sponge city*. In: *Resilience in Ecology and Urban Design*. Springer Netherlands, 2013. p. 301-306
14. Cumming GS (2011) *Spatial resilience in social-ecological systems*. Springer, London
15. De Bruijn, K. M. (2004). Resilience and flood risk management. *Water Policy*,6(1), 53-66
16. DONG, Shuqiu, and Zhigang HAN. "Study On Planning an" Eco-Sponge City" For Rainwater Utilization [J]." *Urban Studies* 12 (2011): 008
17. Edwards, C. *Resilient nation*, M. London: Demos, 2009: 15-16
18. Fiering, M. B. (1982). Alternative indices of resilience. *Water Resources Research*, 18(1), 33-39
19. Fiering, M. B. (1982). A screening model to quantify resilience. *Water Resources Research*, 18(1), 27-32
20. Gordon I, Monastiriotis V (2006) Urban size, spatial segregation and inequality in educational outcomes. *Urban Stud*43(1):213–236
21. Hashimoto, T., Stedinger, J. R., & Loucks, D. P. (1982). Reliability, resiliency, and vulnerability criteria for water resource system performance evaluation. *Water resources research*, 18(1), 14-20
22. Holling CS (1973) Resilience and stability of ecological systems. *Annu Rev Ecol Syst* 4:1–23
23. Holling CS (1994) Simplifying the complex—the paradigms of ecological function and structure. *Futures* 26(6):598–609
24. Jianming, C. A. I., Hua, G. U. O., & Degen, W. A. N. G. (2012). Review on the Resilient City Research Overseas. *Progress in Geography*, 31(10), 1245-1255
25. Klein, R. J., Nicholls, R. J., & Thomalla, F. (2003). Resilience to natural hazards: How useful is this concept?. *Global Environmental Change Part B: Environmental Hazards*, 5(1), 35-45
26. Norberg J, Cumming GS (eds) (2008) *Complexity theory for a sustainable future*. Columbia University Press, New York
27. Norberg J, Wilson J, Walker B, Ostrom E (2008) Diversity and resilience of social-ecological systems. In: Norberg J, Cumming GS (eds) *Complexity theory for a sustainable future*. Columbia University Press, New York, pp 46–79
28. Pearson DM, McAlpine CA (2010) *Landscape ecology: an integrated science for sustainability in a changing world*. *Landscape Ecol* 25:1151–1154
29. Raynor, K. *Building the Flood Resilience of Small and Medium [R]*. 2012
30. Tobin G A. *Natural Hazards: Explanation and Integration[M]*. Guilford Press.1997
31. Storch, Harry, and Nigel K. Downes. 2011. A scenario-based approach to assess Ho Chi Minh City's urban development strategies against the impact of climate change. *Cities* 28:517–226
32. Vis, M., Klijn, F., De Bruijn, K. M., & Van Buuren, M. (2003). Resilience strategies for flood risk management in the Netherlands. *International journal of river basin management*, 1(1), 33-40
33. YU, Kongjian. *Landscape as a living system: Shanghai 2010 Expo Houtan Park*. *Applied urban ecology: A global framework*, 2011, 186-192
34. YU, Kongjian. *Stormwater Park for a Water Resilient City: Qunli National Urban Wetland*. *Topos*, 2011, 77: 72-77
35. YU, K., XU, T., LI, D., & WANG, C. (2015). A Review: Urban Water Resilience. In *Urban Planning Forum* (Vol. 1, p. 013)
36. ZHANG, Ling; CHEN, Xiao-Hong; QIAN, Huai-Sui. Diagnosis of resilience to flood hazard in lower reaches of the Beijiang River. *Shuili Xuebao (Journal of Hydraulic Engineering)*, 2011, 42.9: 1129-1134

## Abstract

The relationship between water, urban and landscape will determine to the route towards a sustainable urban form in the future. Nowadays, with serious challenges from urbanization, environmental degradation and climate change, water would be the representative to connect human to nature. Water and its circulatory dynamics need to be connected to urban as a unity that based on a high ecological resilience. Besides, water should be understood as a "potential glue" that link separated urban form together. In this paper, according to the concept of urban water resilience and reality of sponge city in the world, we provide an overview of major advances and discuss about the potential of water in urban development. Simultaneously, we propose new perspective on the approach to connect water to current urban form based on the analysis of the practical projects on designing self-resilience landscape (landscape of resilience).

**Keywords:** water resilience; sponge city; urban water;

# Đặc trưng kiến trúc nhà ở dọc sông rạch VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

VÙNG ĐBSCL LÀ VÙNG CỰC NAM CỦA VIỆT NAM, NẴM Ở HẠ LƯU SÔNG MÊ KÔNG, LÀ MỘT VÙNG ĐỒNG BẰNG PHÙ SA RỘNG LỚN VÀ TRÙ PHÚ VỚI HỆ THỐNG SÔNG NGÒI, KÊNH RẠCH CHẰNG CHỊT. LỊCH SỬ KHẮN HOANG MỞ ĐẤT ĐÃ HÌNH THÀNH MỘT XÃ HỘI ĐBSCL VỚI NHIỀU DÂN TỘC VÀ ĐA TÔN GIÁO CHUNG SỐNG HOÀ THUẬN TRÊN MẢNH ĐẤT PHƯƠNG NAM, ĐÃ TẠO NÊN KHÔNG GIAN CƯ TRÚ MANG ĐẶC TRƯNG CỦA VÙNG SÔNG NƯỚC.

THS. KTS **DƯƠNG QUỐC VIỆT**  
TS. KTS **VŨ THỊ HỒNG HẠNH**

## ĐẶC ĐIỂM CƯ TRÚ CỦA CƯ DÂN VÙNG ĐBSCL

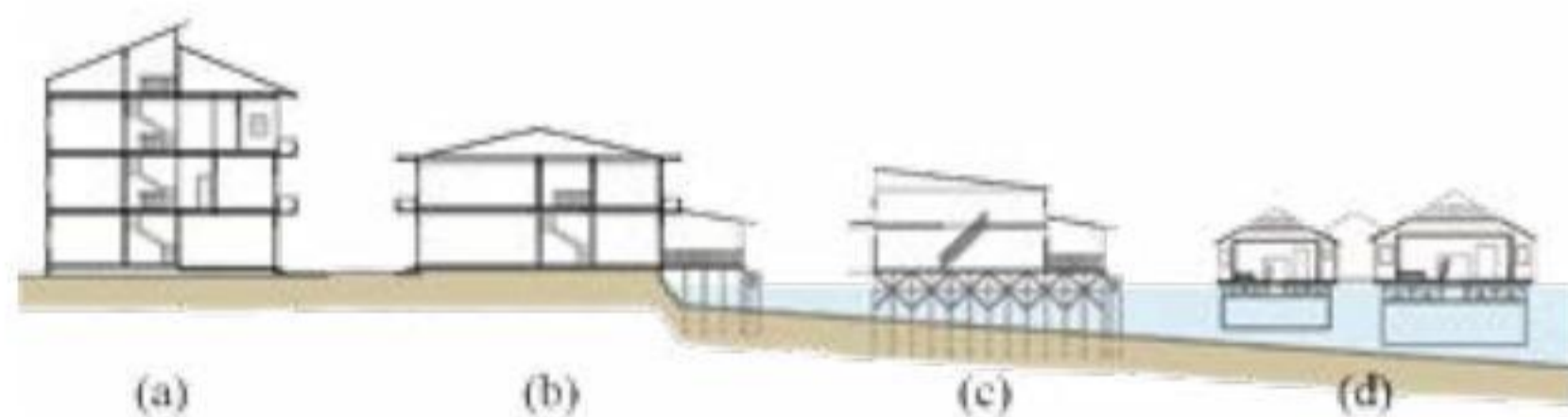
“Sông nước” vừa là lợi thế giao thông, vừa phục vụ cho việc sản xuất và nuôi trồng, đảm bảo các điều kiện tiện nghi khí hậu, các hình thức quần cư đầu tiên nơi đây bám theo con nước:

- Nơi hợp lưu của các con sông, kênh rạch: là đầu mối chuyển tiếp mua bán thu gom nông thủy sản và chuyển tiếp hàng hóa sản xuất và tiêu dùng của vùng, điển hình tại các khu vực: chợ nổi Ngã Bảy (Phụng Hiệp – Hậu Giang), chợ nổi Ngã Năm (Sóc Trăng), chợ Cà Mau...

- Tại giao điểm của tuyến sông và đường giao thông đường bộ: với lợi thế tiếp giáp với cả giao thông đường bộ lẫn đường thủy, điển hình tại các khu vực chợ nổi Cái Răng, Cái Bè...

- Dọc theo các tuyến sông, cù lao, nơi có luồng lạch ổn định thuận lợi cho việc

buôn bán, trao đổi hàng hóa, nuôi trồng thủy sản và sản xuất nông nghiệp, tập trung nhiều ở những vùng dọc sông Tiền và sông Hậu: làng bè Châu Đốc, chợ nổi Long Xuyên... Bà con nơi đây chọn nơi cư trú theo thứ tự ưu tiên: “Nhất cận thị, nhị cận



Hình 1: Các loại hình nhà ở dọc sông rạch vùng ĐBSCL. Nguồn: tác giả



Nhà ở dọc sông rạch tại khu vực Chợ Cà Mau (nơi hợp lưu của bốn con sông, kênh rạch)



Nhà ở dọc sông rạch tại khu vực Chợ nổi Cái Răng (giao nhau giữa các tuyến sông và đường giao thông)



Nhà ở dọc sông rạch tại khu vực làng bè Châu Đốc (dọc theo các tuyến sông, cù lao)

Hình 2: Nhà ở dọc kênh rạch một số khu vực điển hình tại vùng ĐBSCL. Nguồn: Tác giả

giang, tam cận lân, tứ cận lộ, ngũ cận điền”. Đến khi dân số phát triển đông, cộng thêm dòng người mới tới, họ bắt đầu tiến sâu vào đồng nội khắc nghiệt hơn [6].

Trong sự thích nghi với điều kiện địa hình, nhà ở vùng sông nước biến đổi theo cấu tạo nền gồm các loại: (a) Nhà trên nền đất; (b) Nhà sàn; (c) Nhà nửa sàn - nửa trên nền đất; (d) Nhà bè.

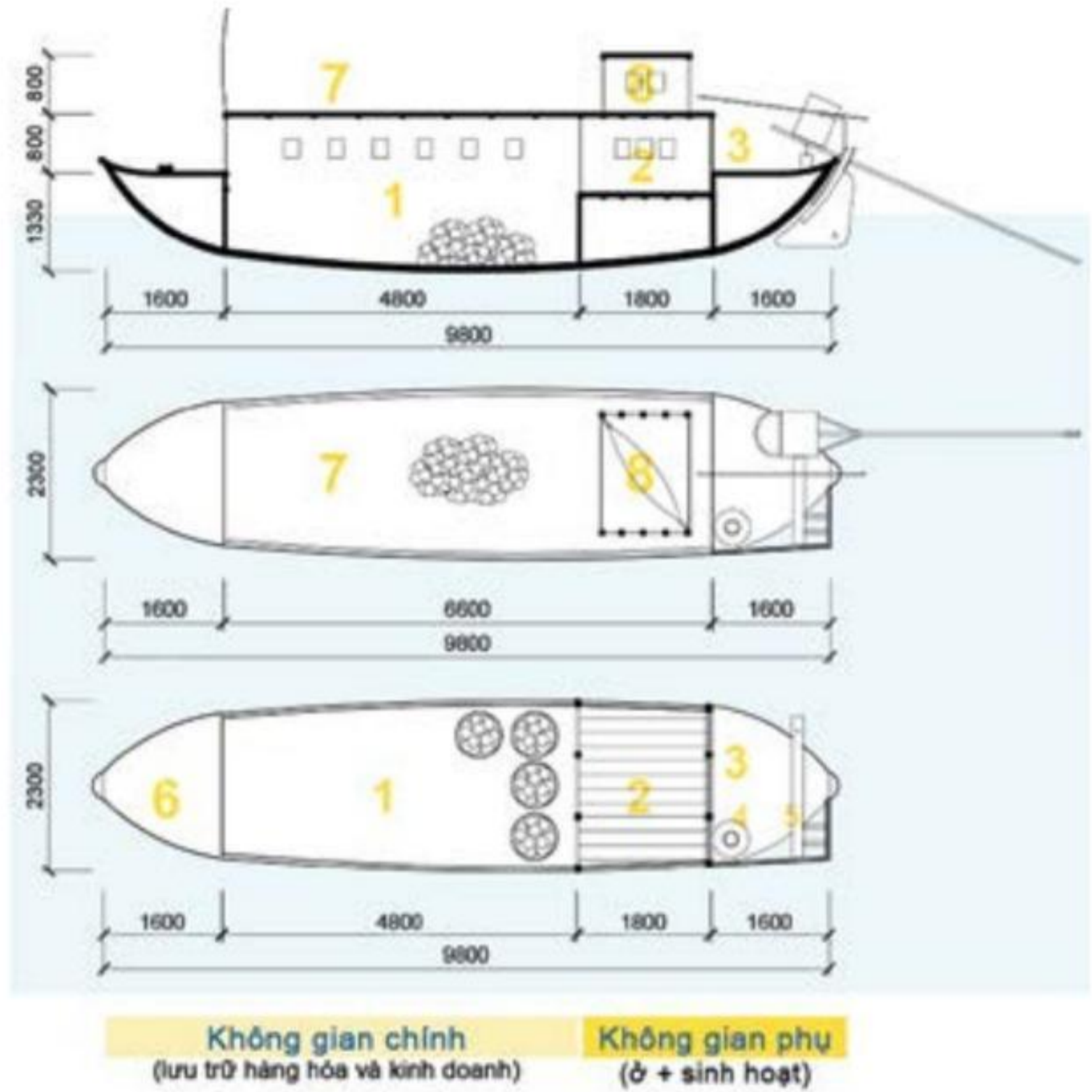
**KIẾN TRÚC NHÀ Ở DỌC SÔNG RẠCH VÙNG ĐBSCL**

Tổ chức không gian trong nhà dọc kênh rạch phụ thuộc vào các thành phần không gian chính, bao gồm (1) không gian giao tiếp, không gian dành cho sản xuất, buôn bán, dịch vụ đều tổ chức tiếp giáp với mặt nước hoặc mặt đường...; (2) không gian cho các hoạt động sinh hoạt, sản xuất kinh doanh đặc trưng của người dân vùng sông nước ĐBSCL: hoạt động buôn bán trên sông (chợ nổi), trên bờ (chợ truyền thống), hoạt động sản xuất và nuôi trồng trên sông (làng bè).

**- Nhà trên ghe**

Là phương tiện giao thông đường thủy phổ biến của người dân ở vùng sông nước ĐBSCL, chiếc ghe thường được kết hợp giữa không gian ở và lưu trữ các sản phẩm nông nghiệp để phục cho các hoạt động kinh doanh và sinh sống trên sông. Người dân thường sống trực tiếp trên ghe, ghe được đóng từ gỗ hoặc thép và có hai không gian chính:

**Tầng dưới:** hầu hết không gian tầng dưới được dành để lưu trữ các sản phẩm nông nghiệp, không gian còn lại nhỏ hơn cho các hoạt động sống. Các chức năng chính ở tầng dưới bao gồm: (1) kho lưu trữ; (2) phòng ngủ, bếp; (3) khu vực điều khiển máy móc, (4) lu nước dự trữ, (5) vệ sinh, (6) mũi ghe... Ở đây bếp có đặc tính di động và linh hoạt, chủ yếu là bếp gas hoặc lò xô, thường được cất đi khi không sử dụng.  
**Tầng trên:** tiếng địa phương gọi là “mũi”, phần phía trước (7) là nơi diễn ra các hoạt động buôn bán, phần phía sau (8) nhỏ hơn dành cho các hoạt động tiếp khách, nghỉ ngơi và điều khiển khi



Hình 3: Nhà trên ghe tại vùng ĐBSCL- các khu vực chức năng. Nguồn: Tác giả



Hình 4: Hình ảnh nhà trên ghe tại vùng ĐBSCL. Nguồn: Tác giả



**MẶT TIỀN GIÁP SÔNG**

**MẶT TIỀN GIÁP ĐƯỜNG**

Hình 5: Hình ảnh nhà trên cọc tại vùng ĐBSCL. Nguồn: Tác giả

cần di chuyển, phần này có mái che bên trên bằng gỗ hoặc tôn, có thể tháo lắp khi cần. Một chiếc ghe thường neo đậu tại chợ

nổi khoảng năm đến bảy ngày để bán tất cả các sản phẩm, sau đó di chuyển hàng trăm ki lô mét đường sông để thu mua hàng hóa ở các vùng trong

ting hoặc các ting lân cận và quay trở lại chợ nổi. Ghe thường neo đậu thành nhóm ở giữa sông để tránh những cơn sóng to, gió lớn.

**- Nhà sàn (nhà trên cọc)**

Là loại nhà ở phổ biến tại khu vực. Nhà sàn được xây dựng trên sàn, bên dưới được đỡ bởi hệ cọc bằng gỗ hoặc bê tông cắm thẳng xuống lòng sông, bên trên nhà có từ một đến hai tầng, có thể có tầng lửng. Sử dụng vật liệu nhẹ làm vách: tôn, lá hoặc xây tường gạch; kết cấu thép, gỗ hoặc bê tông cốt thép, mái lợp tôn. Nhà có hai mặt tiền: một mặt quay ra sông, một mặt quay ra đường giao thông hoặc cả hai mặt đều quay ra sông. Đối với những loại nhà này phải liên hệ với đất liền bằng những cây cầu tre hoặc gỗ. Về tổ chức không gian chức năng bên trong có thể chia thành hai loại: nhà ở đơn thuần và nhà ở kết hợp các hoạt động sản xuất kinh doanh.

*Nhà ở đơn thuần* thường có hai không gian chính: nhà trên và nhà dưới.  
+ Không gian kiến trúc nhà chính (nhà trên) được bố trí theo trình tự bao gồm:

hàng hiên, khu vực tiếp khách và thờ cúng, buồng ngủ.

+ Không gian kiến trúc nhà phụ (nhà dưới) bao gồm: tiếp khách và nơi ăn, chỗ thờ cúng Táo Quân, bếp nấu nướng, có thể có chỗ ngủ, kho chứa, vệ sinh, sàn nước, lu nước. Ở đây tiếp khách là những người quen, thân thiết. *Nhà ở kết hợp các hoạt động sản xuất kinh doanh*: loại nhà này phổ biến tại những khu vực có các hoạt động sinh hoạt, buôn bán gắn liền với sông nước, nhà thường có hai tầng hoặc có thể có tầng lửng với đặc điểm chính:

+ Tầng trệt: phần lớn không gian dành cho các hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm: khu vực tiếp khách và buôn bán có thể kết hợp chỗ thờ cúng, kho, cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường sông. Không gian còn lại nhỏ hơn dành cho khu vực bếp, bàn ăn và vệ sinh.  
+ Tầng lầu hoặc tầng lửng: là khu vực dành cho việc nghỉ ngơi của chủ nhà và nhân viên, có thể có kho nhỏ và vệ sinh.

**- Nhà nửa trên cọc - nửa trên nền đất**

Ngôi nhà được chia thành hai phần: phần chính được xây dựng vững chắc

trên nền đất, phần phụ được mở rộng ra trên mặt nước, nằm trên sàn hoặc có thể nhà chính được xây một phần trên nền đất và phần nhỏ hơn trên mặt nước. Nhà có hai mặt tiền: một mặt tiếp xúc với đường và một mặt quay ra sông. Phần nhà trên nền đất có từ một đến ba tầng, hầu hết tường được xây gạch, kết cấu bê tông cốt thép, mái lợp ngói, tôn hoặc bê tông. Phần nhà trên mặt nước sử dụng vật liệu tôn, lá cho vách và mái nhà, sàn nhà được xây dựng trên các cọc bằng gỗ hoặc bê tông cắm thẳng xuống lòng sông. Về tổ chức không gian chức năng bên trong có thể chia thành hai loại: nhà ở đơn thuần và nhà ở kết hợp các hoạt động sản xuất kinh doanh.

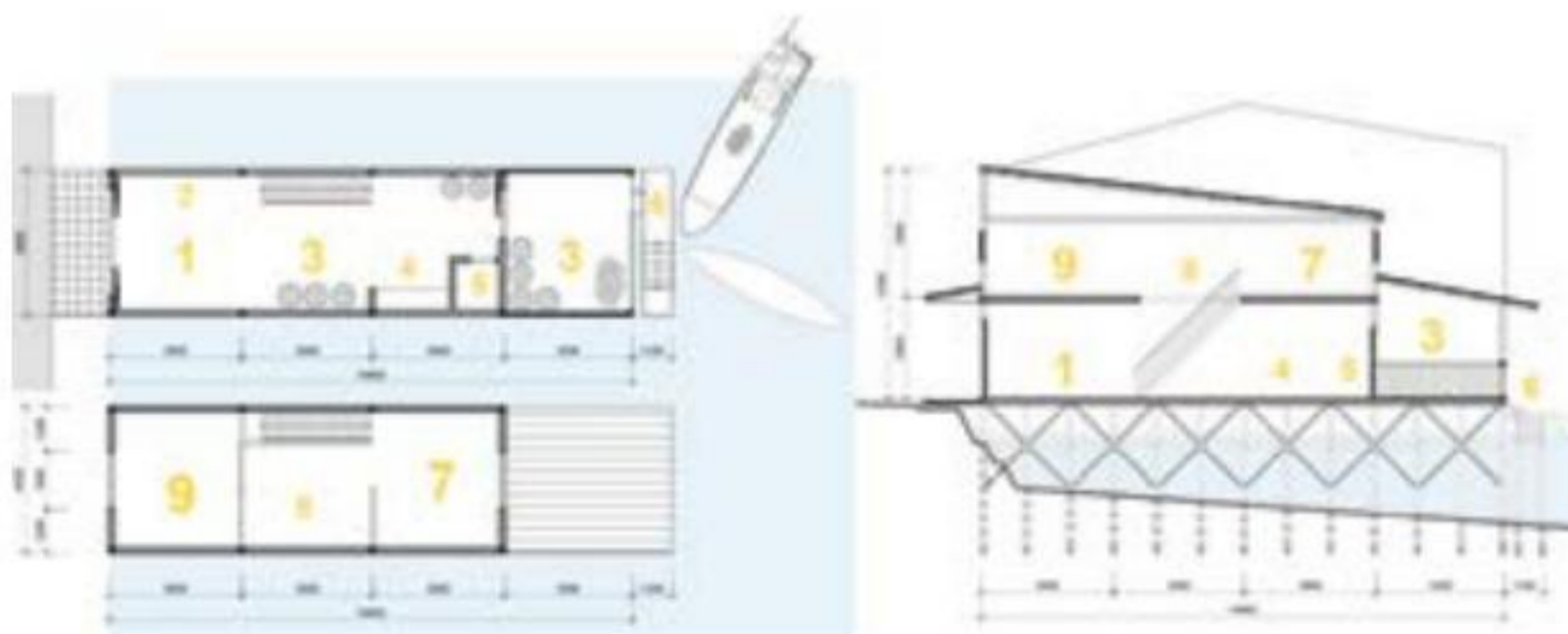
*Nhà ở đơn thuần*: đối với những nhà có một tầng thì không gian được tổ chức giống như nhà trên cọc, đối với nhà có tầng lửng hoặc từ hai đến ba tầng thì các không gian bao gồm:

+ Tầng trệt gồm hai không gian: nhà trên được bố trí theo trình tự bao gồm: hàng hiên, khu vực tiếp khách và thờ cúng; nhà dưới là khu vực bếp, bàn ăn, chỗ thờ cúng Táo Quân, kho, vệ sinh, sàn nước, lu nước... có thể tiếp khách thân thiết ở nhà dưới.  
+ Các tầng trên là khu vực dành cho việc nghỉ ngơi: phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, vệ sinh, kho...

*Nhà ở kết hợp các hoạt động sản xuất kinh doanh*: gồm các không gian chính:  
+ Tầng trệt: phần lớn không gian dành cho các hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm: khu vực tiếp khách và buôn bán có thể kết hợp chỗ thờ cúng, kho, cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường sông. Không gian còn lại nhỏ hơn dành cho khu vực bếp, bàn ăn và vệ sinh. Phần nhà phụ được mở rộng ra trên mặt nước là nơi lưu trữ và vận chuyển hàng hóa bằng đường sông.

+ Các tầng trên là khu vực dành cho việc nghỉ ngơi của chủ nhà và nhân viên: phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, vệ sinh, kho...

Ba loại nhà ở này phân bố dọc theo bờ sông và được đại diện bởi một số khu (cụm) nhà chính cho thấy mối quan hệ giữa các loại nhà với nhau và với yếu tố



Hình 6: Tổ chức không gian chức năng trong nhà trên cọc tại vùng ĐBSCL. Nguồn: Tác giả



Hình 7: Hình ảnh nhà nửa trên cọc nửa trên nền đất tại vùng ĐBSCL. Nguồn: Tác giả



sông nước với các đặc điểm hình thành:

- Các khu (cụm) được hình thành từ những ngôi nhà của các thành viên trong cùng một gia đình.
- Các khu (cụm) được hình thành từ những ngôi nhà của các thành viên trong cùng một xóm hoặc có mối quan hệ họ hàng thân thiết.
- Các khu (cụm) được hình thành từ những ngôi nhà hình chữ nhật dài, được bán (hoặc cho thuê) một phần phía trước hoặc sau, những nhà này thường không chung chủ.

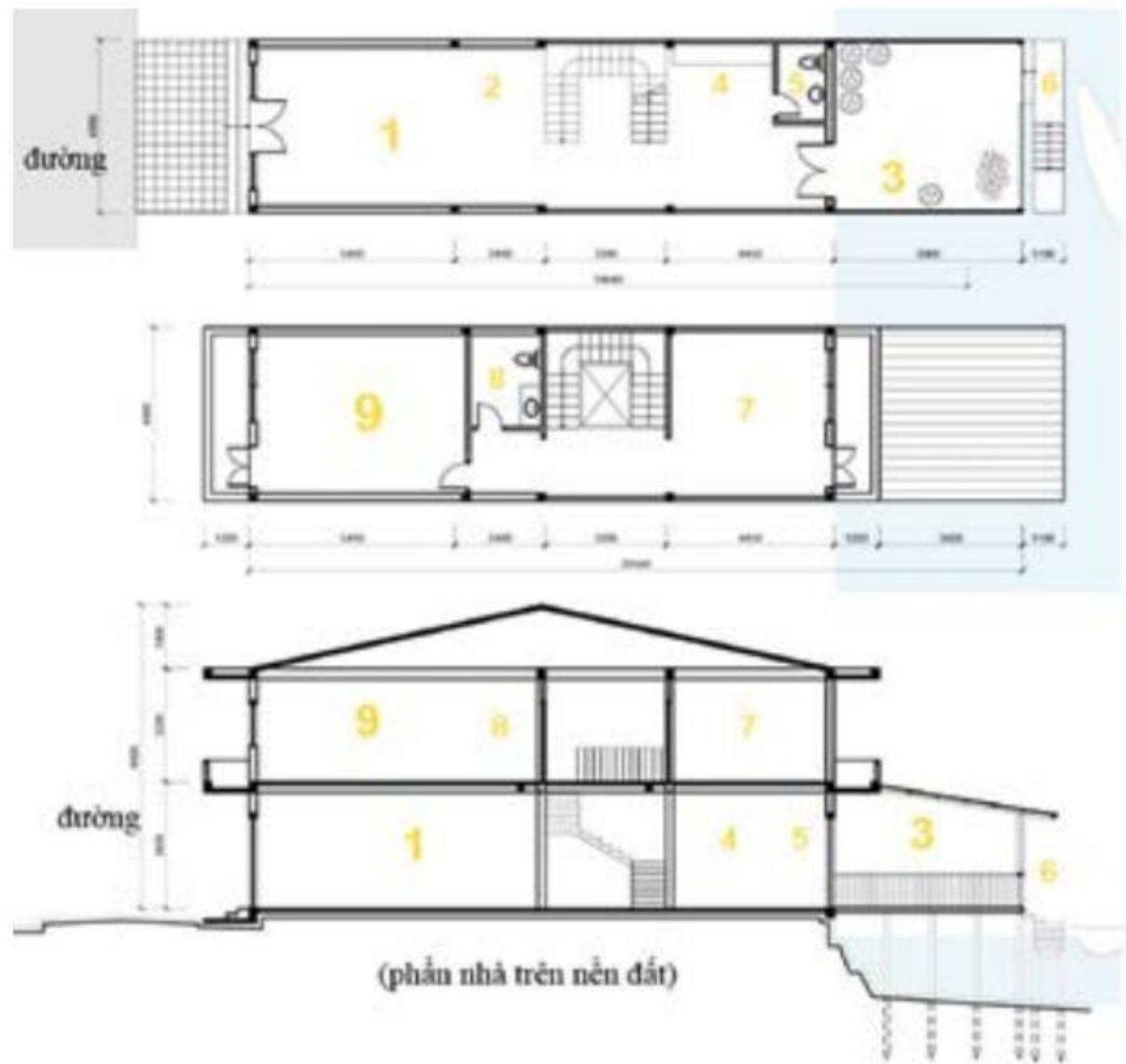
Đặc điểm các khu (cụm) nhà ở điển hình:

+ **Cụm (a) nhà trên ghe:** được tạo bởi một nhóm vài chiếc ghe, khoảng 3 đến 5 chiếc, được neo đậu vững chắc ở giữa sông tránh những thiệt hại từ những cơn sóng to, gió lớn (vào ban đêm). Ban ngày chúng được tách ra để thuận lợi cho việc buôn bán, di chuyển hoặc có thể neo đậu cặp theo các những dãy nhà dọc bờ sông, giúp cho việc vận chuyển hàng hóa lên xuống dễ dàng.

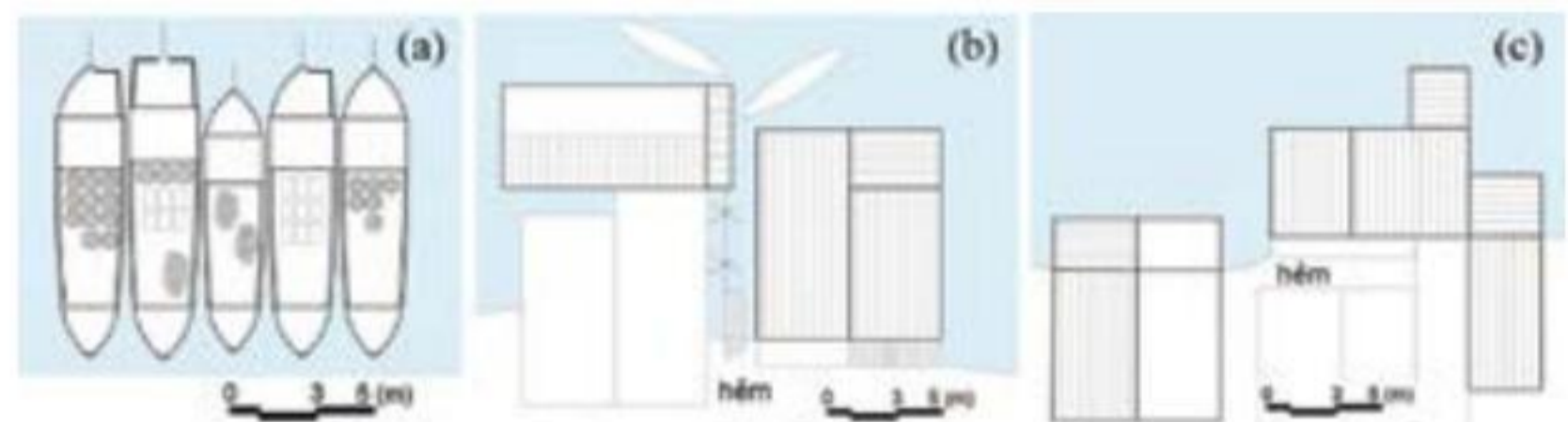
+ **Cụm (b) nhà trên cọc (nhà sàn):** Một cụm nhà sàn thường được xây dựng bởi các thành viên trong một gia đình, hoặc một nhóm những hộ dân có cùng những hoạt động sinh hoạt, sản xuất, buôn bán gắn liền với sông nước tại khu vực chợ nổi, làng bè... Họ sử dụng cầu bằng tre, gỗ để kết nối với đất liền hoặc kết nối trực tiếp thông qua sàn gỗ, bê tông.

+ **Cụm (c) nhà sàn và nhà nửa sàn - nửa trên nền đất:** xuất hiện nhiều dọc theo hai bờ sông, gồm một loạt các nhà dài nằm trên mặt nước hoặc một phần nằm trên mặt nước. Cụm nhà này thường có hai mặt tiền quay ra sông và đường giao thông để thuận lợi cho việc buôn bán, trao đổi hàng hóa.

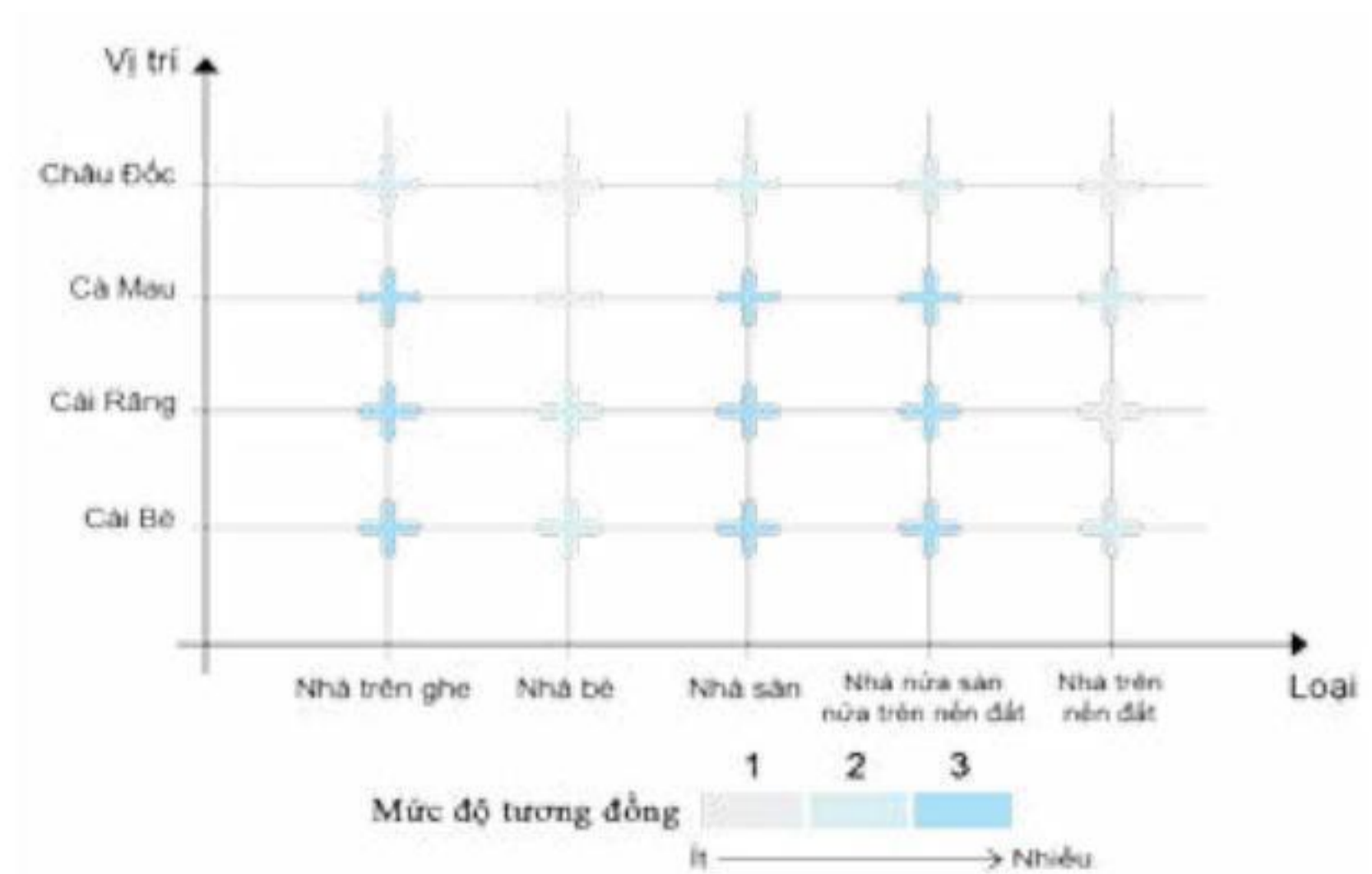
Hiện nay, các loại hình nhà ở dọc kênh rạch này phổ biến ở 4/5 khu vực từng là nơi tập trung nhất trong toàn vùng ĐBSCL: (1) Khu vực chợ nổi Cái Bè - Tiền Giang; (2) Khu vực chợ nổi Cái Răng - Cần Thơ; (3) Khu vực chợ Cà Mau; (4) Khu vực làng bè Châu Đốc - An Giang; (khu vực chợ nổi Ngã Bảy - Hậu Giang không còn phổ biến). ■



Hình 8: Tổ chức không gian chức năng trong nhà nửa trên cọc nửa trên nền đất tại ĐBSCL. Nguồn: Tác giả



Hình 9: Hình thức 'cụm' nhà dọc sông rạch tại ĐBSCL. Nguồn: Tác giả





Do có nhiều sự tương đồng của một số yếu tố tác động (tự nhiên, hoạt động kinh tế, sản xuất, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, v.v) trong toàn vùng ĐBSCL, đặc điểm và sự phân bố 04 loại hình nhà ở dọc sông này tại 04 vùng cũng khá đồng đều:

- Nhà trên ghe, nhà trên cọc, nhà nửa trên cọc - nửa trên nền đất là ba loại nhà ở phổ biến tại bốn khu vực;
- Nhà nổi tập trung tại khu vực làng bè Châu Đốc – An Giang, còn lại số lượng ít tại các khu vực chợ nổi Cái Bè và chợ nổi Cái Răng, chợ Cà Mau gần như không có loại nhà này;
- Nhà trên nền đất ít phổ biến tại bốn khu vực trên.

## KẾT LUẬN

Trải qua hơn ba thế kỉ hình thành và phát triển, từ những điểm quần cư đầu tiên hình thành dọc theo các dòng sông, kênh rạch và các vùng đất cao, khô ráo, người dân vùng này đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm trong xây dựng môi trường định cư bền vững. Các hình thức quần cư với đặc điểm hình thành dựa trên những hoạt động sinh hoạt, buôn bán, nuôi trồng của người

dân gắn liền với yếu tố sông nước, với thành phần quan trọng là ba loại hình kiến trúc nhà ở đặc trưng: Nhà trên ghe, nhà trên cọc, nhà nửa trên cọc - nửa trên nền đất.

Trong bối cảnh hiện nay, khi mà các khu vực này nằm trong những đô thị luôn luôn phát triển và biến đổi liên tục, dưới sự tác động của các điều kiện tự nhiên, khí hậu (vấn đề biến đổi khí hậu), kinh tế, xã hội... kiến trúc nhà ở dọc sông rạch của người dân vùng này đang trên đà suy thoái và có nguy cơ mất đi. Vì vậy, cần phải có những nguyên tắc và giải pháp ứng xử phù hợp với những loại hình nhà ở đặc trưng này.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Quang Diệu (2004), *Tìm hiểu nét đặc trưng không gian đô thị ĐBSCL gắn với yếu tố sông nước*, Luận văn thạc sĩ Kiến trúc – Quy hoạch, Trường Đại Học Kiến Trúc TP.HCM.
2. Võ Đình Diệp – Nguyễn Văn Tất – Nguyễn Hữu Thái (1984), *Nhà ở nông thôn Nam Bộ*, NXB Tp.HCM.
3. Huỳnh Thị Gấm (1998), *Những biến đổi kinh tế - xã hội nông thôn ĐBSCL từ 1975*

đến năm 1995, Luận án tiến sĩ lịch sử, Trường Đại Học KHXH và NV TP. HCM.

4. Vũ Thị Hồng Hạnh, 2006, Canal-side highway in Ho Chi Minh City (HCMC), Vietnam – Issues of urban cultural conservation and tourism development, Springer Netherlands.
5. Nhâm Hùng ( 2009), Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long, NXB Trẻ.
6. Nguyễn Trọng Huân ( 2003), *Lời bàn về một dòng sông*, Tạp chí Quy hoạch xây dựng, 2003(3- 4), tr.22- 26.
7. Huỳnh Quốc Thắng (2003), *Lễ hội dân gian ở Nam Bộ*, Viện văn hóa và NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
8. Trần Ngọc Thêm (2013), *Văn Hóa Người Việt Vùng Tây Nam Bộ*, NXB Văn hóa – Văn nghệ.
9. Phạm Thị Yến Tuyết (1992), *Văn hóa vật chất các dân tộc tại ĐBSCL*, Luận án chuyên ngành Dân tộc học, Viện Khoa Học Xã Hội tại TP.HCM.
10. Vũ Xuân Thao (2004), *Nhà ở dân gian vùng sông nước Nam Bộ - Góp phần tìm hiểu những giá trị tiềm ẩn*, Luận văn thạc sĩ Kiến trúc, Trường Đại Học Kiến Trúc TP.HCM.
11. Nguyen Phuong Nga (2015 ), *Deltaic Urbanism for Living with Flooding in Southern Vietnam*, Submitted in fulfilment of the requirements for the degree of Doctor of Philosophy, School of Design Creative Industries Faculty Queensland University of Technology.

## Abstract

Houses along and on water have been distinctive elements of the water-based Mekong delta long time ago. Over long history of development, these morphological settlements have been deteriorated due to environmental, economical and cultural shifts from water to mainland and many other reasons, resulted in the reductions of water-based communities and architectural deterioration. This research is to analyzes the distinguishing values of these housing types/communities in 05 chosen popular sites of these settlements; from that to provide references for further changes applied to them.

**Key words:** water-based communities, houses along water, distinctive, identity, morphological, settlement, Mekong Delta

# Thành phố THÔNG MINH & vấn đề quản lý phát triển đô thị

TS. NGUYỄN NGỌC HIẾU  
 Đại học Việt Đức

**T**HÀNH PHỐ THÔNG MINH Các thành phố phải thay đổi để thích ứng công nghệ mới. Thế kỷ XXI đánh dấu giai đoạn chín mồi của ứng dụng công nghệ. Các 'đế chế' công nghệ mới hình thành và lan tỏa ngày càng nhanh khắp thế giới. Từ IBM cho tới Microsoft, Apple, Google, và Facebook, sản phẩm của họ lan tỏa khắp giới trong khoảng thời gian ngày càng ngắn. Cuộc sống đang thay đổi từ cách giao tiếp (*Skype, Facebook Messenger*), tìm kiếm và học hỏi (*Google, Wikipedia*), mua sắm và phân phối (*Amazon, Alibaba*), đi lại (*Uber, Grab, và Didi Chuxing*), và cách ở (*Air Bnb*). Năng lực mới do công nghệ đem lại như điện toán đám mây, kết nối và đo lường trực tuyến, xử lý dữ liệu quy mô lớn khi ứng dụng công nghệ tin học - truyền thông, nhận dạng, công nghệ số, di động, và internet vạn vật giúp thành phố xây dựng các chiến lược thích ứng mới nhằm tối ưu hóa sử dụng tài nguyên và năng lượng, nâng cao khả năng ứng phó và chống chịu với thách thức, phối hợp giải quyết các vấn đề ở quy mô lớn hơn, toàn diện hơn, và kịp thời hơn (Komninos, 2014).

Thành phố thông minh là nơi giải quyết các vấn đề đô thị thông minh hơn. Khó có thể nói thành phố thông minh sẽ gồm các đặc điểm nào do khả năng mở rộng không ngừng của các ứng dụng công nghệ. Chúng ta đã chứng kiến thay đổi trong tổ chức đi lại, cung cấp năng lượng, phân phối hàng hóa, quản lý cơ sở hạ tầng và cung cấp năng lượng, giám sát môi trường, bảo đảm an ninh, bảo vệ tài nguyên, và cung cấp dịch vụ công ở khu vực đô thị... Có thể hiểu đây là 'nơi ứng dụng gia tăng hiệu quả mạng lưới dịch vụ truyền thống bằng công nghệ số hóa và thông tin truyền thông phục vụ đời sống và



Hình 1: các lĩnh vực cải thiện ở thành phố thông minh. Nguồn: vẽ lại và tổng hợp từ smartcity.org

kinh doanh hướng đến sáng tạo cạnh tranh và bền vững<sup>1</sup>. Trên quan điểm này, thành phố thông minh là nơi biết cách đầu tư thích đáng để trở thành 'nơi ứng dụng tốt công nghệ để giải quyết các vấn đề đô thị' (Caragliu, Del Bo, & Nijkamp, 2011, p.65-82). Các vấn đề hiện nay được chia theo lĩnh vực gồm nền kinh tế thông minh, đi lại thông minh, cư dân thông minh, môi trường thông minh, quản lý đô thị thông minh và cuộc sống thông minh (Schaffers, 2011) (hình 1).

Mỗi thành phố/quốc gia có chiến lược riêng phụ thuộc bối cảnh phát triển. Các nước đã phát triển xây dựng thành phố thông minh trong giai đoạn hậu đô thị hóa. New York, Barcelona, London, Amsterdam, Munich, Tokyo... cần thông minh hơn để đối mặt thách thức dân số già, biến đổi khí hậu, an ninh và duy trì vị thế cạnh tranh... Mỗi thành phố lại có ưu tiên riêng đáp ứng khả năng cạnh tranh trên thế mạnh của mình. Một số quốc gia có đủ nguồn

lực và điều kiện phát triển thí điểm các thành phố mới có tính biểu tượng như Songdo - Hàn Quốc hay Singapore. Các nền kinh tế mới nổi có tiềm lực đầu tư quy mô lớn như Trung Quốc - 285 dự án thử nghiệm tại trên 100 thành phố, Ấn độ - xây dựng dự án ở 100 thành phố. Các quốc gia khác cũng thí điểm xây dựng mới như Malaysia có Putrajaya, và Tiểu vương quốc Ảrập thống nhất là Dubai. Tuy nhiên, dường như các dự án xây mới có quy mô dùng làm 'biểu tượng' có chi phí đầu tư lớn và phù hợp với nhóm cư dân 'ưu tú' có khả năng chi trả cao. Việc nhân rộng phụ thuộc vào tiềm lực kinh tế. Thành phố thông minh là sự kết hợp chặt chẽ giữa công nghệ và quản trị bao gồm cả thể chế. Dưới giác độ xã hội, lợi ích lớn nhất khi phát triển thành phố thông minh là 'giúp tạo ra sự phối hợp hành động để đối mặt với thách thức ở cấp độ lớn hơn'. Đây là kết quả của phương thức quản trị mới khi phát huy ứng dụng công nghệ mới. Mục tiêu của phối hợp

hành động là phát huy tốt hơn nguồn vốn con người, nguồn vốn xã hội cùng với sức mạnh công nghệ để tạo dựng cuộc sống tốt đẹp hơn, bền vững hơn (Directorate General for Internal Policies, 2014, p.18). Chính vì vậy, những thành phố được cho là thông minh nhất ở châu Âu được trân trọng bởi thành công trong giải quyết tắc nghẽn và giảm phát thải CO2 thông qua tổ chức đi lại bằng xe đạp công cộng, doanh nghiệp và cộng đồng cùng tiết kiệm năng lượng và nước sạch, cũng như tham gia, đóng góp các sáng kiến nhằm làm cho thành phố an toàn và thân thiện hơn chứ không vì họ dùng công nghệ gì. Các thành phố có nguồn vốn xã hội lớn hơn hay có nền tảng thể chế hoàn thiện hơn thường dẫn đầu trong các bảng xếp hạng vì lý do này. Với cách hiểu trên về thành phố thông minh nhấn mạnh giác độ thể chế quản trị để giải quyết tốt thách thức khi ứng dụng công nghệ thông minh, chúng ta cùng phân tích bối cảnh phát triển ở Việt Nam.

## BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM Hiện trạng phát triển

*Bối cảnh phát triển của các thành phố ở Việt Nam là đô thị hóa nhanh và xuất phát điểm thấp.* Nếu như các nước phát triển tìm cách làm mới thành phố của họ trong khuôn khổ hạ tầng đã ổn định thì Việt Nam còn nhiều cơ hội để xây dựng mới bởi chúng ta mới đi được nửa chặng đường đô thị hóa (35% / 70%) (World Bank & MPI, 2016). Tốc độ đô thị hóa giảm vài năm gần đây nhưng vẫn xấp xỉ 3%/năm – nên vẫn coi là đô thị hóa nhanh. Dự báo trong những thập kỷ tới, tốc độ này vẫn được duy trì và tập trung ở các vùng đô thị lớn, các đô thị loại 1 và 2, đô thị gắn với khu kinh tế mở, các đô thị nghỉ dưỡng, đô thị cửa khẩu.

*Bên cạnh một số điều kiện khách quan thuận lợi là không ít khó khăn.* Dân số thành thị trẻ, năng động, độ phủ internet cao, tầng lớp trung lưu đang tăng nhanh cùng xu hướng hội nhập quốc tế sâu rộng<sup>2</sup>... có thể là thuận lợi khách quan. Tuy nhiên, tốc độ đô thị hóa nhanh trong bối cảnh năng suất lao

động thấp, khả năng tạo việc làm phi nông nghiệp ổn định ở thành phố là những khó khăn trước mắt<sup>3</sup>. Bên cạnh đó, nợ công cao và tiềm lực kinh tế còn hạn chế, và năng lực quản trị quốc gia còn hạn chế là những thách thức lâu dài cần làm rõ khi lựa chọn chiến lược đầu tư cho thành phố thông minh. *Hiện trạng phát triển đô thị cho thấy nhiều vấn đề cần giải quyết.* Những vấn đề nổi bật về phát triển đô thị bao gồm tắc nghẽn, ô nhiễm, thiếu nhà ở tại các thành phố lớn. Hai siêu đô thị gặp vấn đề trong quản lý nội đô, quản lý mở rộng tràn lan, và kết nối vùng (Hieu, 2015). Mở rộng thiếu tính toán, tràn lan, dự án treo, thiếu hạ tầng kết nối tại các khu vực ngoại vi mới mở rộng của hầu hết các đô thị. Các đô thị trung bình và nhỏ thiếu nguồn lực để phát triển, ít hỗ trợ lan tỏa đô thị hóa dẫn tới mất cân đối về lao động và định cư trong không gian phát triển quốc gia (World Bank, 2011). Khoảng cách về nhà ở và người nghèo đô thị tiềm ẩn bất ổn khi giá nhà vượt quá khả năng chi trả với phần lớn các hộ gia đình ở các nhóm thu nhập, trong khi đó thị trường bất động sản còn chưa minh bạch và bảo vệ người yếu thế (UN-Habitat, David Sims, & Sonja Spruit, 2014, p.67). Biến đổi khí hậu không chỉ đe dọa các đô thị ven biển mà còn nhiều thành phố khác do thiếu hụt nguồn nước, ngập lụt. Chất lượng môi trường đô thị suy giảm, ô nhiễm nước và không khí đe dọa các đô thị lớn (Monre, 2016). Thực trạng phát triển cho thấy cần ưu tiên điều chỉnh trong hệ thống quản lý phát triển hiện nay, bao gồm cả việc lập đồ án cho tới thực thi quy hoạch.

## Nhu cầu đổi mới hệ thống quản lý phát triển

*Hệ thống quy hoạch đô thị còn những bất cập về cả thể chế và phương pháp quản trị.* Những đánh giá về hệ thống quy hoạch gần đây cho rằng phương pháp quy hoạch nặng về quy hoạch vật thể với phương châm thiết kế đặt tầm nhìn và kỳ vọng về hình ảnh tương lai nhưng thiếu tính chiến lược để định hướng thực hiện bởi đồ án lập ra dựa trên dự báo dài hạn nhưng lại thiếu cơ sở tính toán. Cách

tiếp cận chuyên gia và từ trên xuống làm quy hoạch thiếu cơ sở là bằng chứng (Lawrie Wilson, 2016). Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thiếu kết nối với quy hoạch chức năng và ngược lại. Tổ chức quản lý thiếu phối hợp giữa ngành Xây dựng và Tài nguyên và Môi trường trong quy hoạch sử dụng đất (Hau Do, 2016). Quy hoạch giao thông và quy hoạch đô thị chưa tích hợp để quản lý nhu cầu đi lại gắn với phát triển giao thông công cộng. Quy hoạch phân khu là không cần thiết cho các đô thị nhỏ. Quy hoạch vùng cho các vùng đô thị lớn chưa có quy định trong khi kế hoạch vùng lãnh thổ chưa đáp ứng nhu cầu (Hau Do, 2016). Quá trình thực thi quy hoạch có xu hướng sửa nhiều lần theo hướng hạ thấp tiêu chuẩn để ra dẫn tới phá vỡ các chỉ tiêu kiểm soát ban đầu ở các khu đô thị mới, khu cải tạo (Nham Pham Thi, 2016). Các chương trình phát triển đầu tư theo giai đoạn khó tìm được tính đồng bộ ở cấp độ vùng và đô thị, trong khi quy hoạch chi tiết được lập bởi chủ đầu tư khó song hành với quy hoạch phát triển hạ tầng đô thị thường bị chậm bố trí vốn bởi khó khăn về ngân sách.

*Tổ chức quản lý phát triển thiếu nền tảng tích hợp.* Việc khó phối hợp trong quản lý có mối quan hệ chặt chẽ với việc thiếu nền tảng để tích hợp quy hoạch và quản lý. Mỗi cơ quan chuyên ngành (kế hoạch đầu tư, quy hoạch, xây dựng, tài nguyên – môi trường, giao thông vận tải và phòng cháy chữa cháy) sử dụng cơ sở dữ liệu riêng không dễ dàng chia sẻ, chưa kết nối trực tuyến. Tổ chức quản lý phát triển chủ yếu làm theo quy trình tuần tự dẫn tới tác động liên ngành khó được xử lý. Ví dụ như kiểm soát xây dựng thường quan tâm đến kích thước vật lý và bao nhiêu hộ dân, trong khi một siêu thị đặt ở khối để sẽ thu hút dân ở xung quanh gấp 10 lần dân số sống trong tòa nhà đến giao dịch và kết quả là ách tắc xảy ra. Nhìn chung các dự án phát triển thường chậm nhận được ý kiến phản hồi. Các cơ quan quản lý khó có thể truy vấn các khác biệt về số liệu cũng như đánh giá. Cơ chế 'tổ liên ngành' để xử lý cùng một đầu mỗi khi vấn đề liên quan đến nhiều bên ít được áp dụng trừ các dự án lớn có tính cấp

bách (Tan Du Phuoc, 2016). Nhìn chung hệ thống quản lý thiếu nền tảng kỹ thuật như hồ sơ cập nhật trên một nền số liệu cập nhật và cơ chế điều phối đa biên. *Thiếu sự kết nối và giải quyết vấn đề phát triển đô thị theo không gian ảnh hưởng.* Thể chế hiện tại giới hạn ở thẩm quyền của mỗi cấp chính quyền trong quản lý về lãnh thổ trong khi các hoạt động kinh tế, di lại, định cư, hạ tầng kỹ thuật và hệ thống sinh thái có sự phụ thuộc với nhau. Mối quan hệ đa diện về lãnh thổ giữa vùng đô thị và nông thôn hiện nay ngày càng lan rộng cùng quy mô đô thị. Thể chế thông minh là phải xác lập các khuôn khổ thuận lợi, kết nối các 'lưu vực' để giải quyết các ưu tiên hệ thống logistic cung cấp chuỗi thực phẩm phân bố không gian cho các khu chức năng hạ tầng đô thị đặc biệt là ở các đô thị lớn nơi 'lưu vực sống' vượt xa ranh giới hành chính. Thiếu cơ chế phối hợp, thậm chí sự cạnh tranh không cần thiết trong nội bộ vùng đô thị hóa dẫn đến sự dư thừa các khu công nghiệp, cảng biển, xung đột trong việc sử dụng các tài nguyên (Cuong Vo Kim, 2015, p.19-24) (Phi Ho Long, 2012) (Son Ngo Viet Nam, 2014). *Thiếu công cụ để làm rõ những tác động đa chiều, chi phí ẩn có tính lâu dài.* Quá trình đô thị hóa ở Việt Nam đang mở rộng nhanh vùng ngoại vi rất dễ dẫn tới xu hướng mở rộng tràn lan vốn đã được cảnh báo làm phát sinh gánh nặng tài chính do chi phí hạ tầng và dịch vụ tiện ích không tối ưu. Chi phí chống ngập tăng nhanh tại thành phố Hồ Chí Minh là ví dụ cho thấy quá trình mở rộng giai đoạn vừa qua đã chưa tính hết nhu cầu đầu tư và tính toán cách thức phân bổ để giảm gánh nặng cho các bên liên quan chịu ảnh hưởng và đặc biệt là ngân sách (Hieu & Nam, 2016). Bên cạnh đó, việc cải tạo nâng mật độ ở nội đô cũng phản ánh cơ chế phát triển không đảm bảo cân đối đầu tư tiện ích hạ tầng gây quá tải. Nhìn chung các vấn đề đa chiều như giao thông, ngập lụt, nhà ở, tài chính đô thị, nhà ở xã hội, và ô nhiễm môi trường đều cần các công cụ tốt hơn để ra quyết định 'thông minh hơn' nhằm giảm thiểu tác động lên môi trường và tối ưu chi phí xã hội.

## CO HỘI XÂY DỰNG THÀNH PHỐ THÔNG MINH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN

**Quy hoạch chiến lược và tích hợp**  
*Chuyển đổi sang hệ thống quy hoạch chiến lược.* Điều kiện đầu tiên để chuyển sang quy hoạch chiến lược (giống như đánh trận với khả năng lên kế hoạch và thích ứng theo thực tế) là làm chủ thông tin có chất lượng. Năng lực thu thập và xử lý thông tin mở rộng giúp các cơ quan quản lý quy hoạch thay đổi cách tiếp cận đóng khung theo đồ án 'cứng' sang hình thức định hướng, giám sát, điều chỉnh cơ chế vận hành căn cứ theo các chỉ số chiến lược (Hieu, 2011, p.24-31). Việc xây dựng bộ chỉ số chiến lược theo nhu cầu là cần thiết, xong cách tổ chức để quản lý theo quy hoạch chiến lược cũng cần tối ưu hóa như cách thức giám sát, thông qua, và phê duyệt các chương trình đầu tư, dự án lớn dựa vào bộ chỉ số như thế nào. Nếu có nhiều cấp ra quyết định, việc phân cấp sẽ cần làm rõ. Có thể hình dung cấp thành phố sẽ tập trung giám sát và điều chỉnh bằng chính sách; cấp trực tiếp sẽ ra quyết định theo khuôn khổ pháp lý và phạm vi trao quyền. Việc xác định ở đâu làm gì có các căn cứ thực tiễn đánh giá ở cơ sở và theo các khuôn khổ đã được chương trình đầu tư xác lập hỗ trợ. Việc đánh giá dự án cũng căn cứ theo các chỉ số giám sát.

*Hệ thống chỉ số giám sát cần đảm bảo hiệu lực và tin cậy.* Tuy nhiên, do quy hoạch chiến lược dựa vào hệ thống dữ liệu nên chất lượng của dữ liệu là quan trọng. Ứng dụng hiện nay cho phép ứng dụng các cảm biến kỹ thuật với sự tham gia của xã hội để theo dõi và ra quyết định ngày càng hiệu quả. Hiện tại đầu ra của trạm xử lý nước tại các khu công nghiệp đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động và cập nhật thời gian thực. Số liệu định vị GPS của người tham gia giao thông được Google sử dụng để cung cấp tình hình giao thông theo thời gian thực (Google cung cấp miễn phí tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội từ tháng 10/2016). Cơ quan quản lý sẽ kết hợp nhiều nguồn như diện tích mặt đường, mật độ, hay chiều dài đường... dữ liệu quan trắc độc lập và từ báo cáo để quyết định. Bên

cạnh các số liệu đo đạc, cảm biến xã hội hay ý kiến người tham gia trong nhiều trường hợp cũng quan trọng như cảm biến kỹ thuật. Để có thông tin có chất lượng, cần đảm bảo cơ chế minh bạch, dân chủ, và tham gia. Điều này đòi hỏi sự kết hợp, liên minh và chia sẻ trách nhiệm và khai thác thế mạnh của các bên một cách thông minh. Điều này dẫn tới thách thức phải xây dựng năng lực của cơ quan quản lý trong việc duy trì cơ sở dữ liệu có chất lượng như thế nào.

### Phát triển công cụ quản lý

*Bổ sung công cụ đánh giá.* Các công cụ đánh giá giúp làm rõ các tác động đa chiều của phát triển, cung cấp cơ sở cho lựa chọn tối ưu. Đối với thành phố Hồ Chí Minh nơi đang cần giải quyết tắc đường và ngập lụt cần cần sớm bổ sung công cụ đánh giá tác động giao thông (*Traffic Impact Assessment*) để cung cấp thêm cơ sở duy trì khả năng vận hành của hệ thống giao thông. Vấn đề ngập lụt cần bổ sung các công cụ tính toán tài chính để khuyến khích khả năng chống chịu và giảm gánh nặng ngân sách. Chú ý là việc thay đổi mặt phủ làm giảm khả năng thấm của nước ở một số nước (trong đó có CHLB Đức) người chủ đất phải trả phí cho thành phố hoặc phải tuân thủ việc chứa nước xuống đất và đảm bảo hệ số thấm như khi chưa phát triển. Chúng ta chưa sử dụng công cụ chính sách và áp dụng kỹ thuật tính toán này nên khó giảm gánh nặng của chi phí thoát nước.

*Ngoài ra, còn rất nhiều các công cụ khác cần tham khảo và nghiên cứu vận dụng.* Một số công cụ tiêu biểu đã được giới thiệu vào Việt Nam từ lâu như lựa chọn dự án/chương trình đầu tư sử dụng phân tích đa tiêu chí (MSIP), thu lại giá trị gia tăng khi đầu tư vào hạ tầng (value capture), đánh giá chi phí hiệu quả dự án hạ tầng (CBA), phát triển thông minh dựa trên sự tương tác của các chủ thể liên quan và mô phỏng (*smart growth*), hợp tác tham gia phát triển đồng thuận thay vì thu hồi đất, nhượng quyền phát triển để hỗ trợ bảo tồn, hay phát triển theo năng lực vận tải công cộng sức chở lớn (TOD), ...

**Xây dựng nền tảng thể chế thích ứng**  
*Xây dựng nền tảng để quản lý phát triển tích hợp.* Nền tảng tích hợp bao gồm các điều kiện kỹ thuật và thể chế để tích hợp các cơ sở dữ liệu, tích hợp các loại quy hoạch, tích hợp quy hoạch và kiểm soát phát triển, đảm bảo cơ chế điều phối và ra quyết định khi có nhiều bên tham gia quá trình, và ràng buộc việc tham gia sử dụng các bằng chứng. Bên cạnh đó, cơ chế thu thập, nuôi dưỡng và sử dụng dữ liệu là thách thức lớn về mặt năng lực của cơ quan quản lý. Đặc biệt, việc xây dựng chính quyền tự chủ cũng là yếu tố quan trọng khi được trao quyền và trách nhiệm thì mới phát huy được sức sáng tạo của địa phương. Ngoài ra, cần xây dựng các cơ chế điều phối liên cấp, liên vùng, giữa đô thị và nông thôn để giải quyết vấn đề theo phạm vi ảnh hưởng. Đây là những bài toán lớn cần giải đáp tháo gỡ các vướng mắc về thể chế hiện nay. Kinh nghiệm quốc tế cần tham khảo bởi có những tổ chức sắp xếp thể chế rất ‘thông minh’ cần được nghiên cứu vận dụng. *Cần chú ý là các nước phát triển dù đã có nền tảng tốt thì quá trình đổi mới vẫn diễn ra thường xuyên trên nhiều khía cạnh xã hội (Shelton, Zook, & Wiig, 2015, p.13-25).* So với sự tiến bộ của công nghệ, thể chế vẫn bị coi là chưa theo kịp (Smedley Tim, 2013). Các mô hình chia cắt kiểu ‘silo’ về thông tin và quyền lực vẫn tồn tại và thường thì các thành phố phát triển cũng đang phải đổi mới hệ thống quản trị để thích nghi với bối cảnh mới (Stokes & Larson Mitchell J., 2015).

## THAY CHO KẾT LUẬN

*Bối cảnh phát triển ở Việt Nam vẫn cần chú trọng lĩnh vực truyền thống và quản lý phát triển đô thị cần ưu tiên.* Để làm tốt việc này cần chuyển đổi sang quản lý phát triển chiến lược, tích hợp. Muốn làm

được điều này cần xây dựng nền tảng tích hợp gồm hệ thống chỉ số tổng hợp và phát triển các công cụ đánh giá, cơ chế nuôi dưỡng và sử dụng các chỉ số. *Nền tảng của thành phố ‘thông minh’ là cách thức chia sẻ và hợp tác nên có thể bắt đầu bằng tìm cơ chế để các bên mở các kho dữ liệu ra để chia sẻ và kết nối họ phối hợp hành động.* Chú ý kết nối thông tin theo khu vực thay vì dự án, kết nối giữa các bên trong quan hệ chiều ngang và dọc cũng như với bên ngoài khu vực công và quốc tế. *Về lâu dài, cần phát triển năng lực quản trị vốn có ưu điểm phát huy sức mạnh và nguồn lực xã hội trong phát triển.* Tất nhiên các nền tảng của công nghệ như chất lượng cảm biến – hệ thống đo lường và phản biện xã hội cũng phải xây dựng; đầu tư xây dựng năng lực cho các trung tâm thu thập phân tích và xử lý dữ liệu lớn (*big data*). Bài viết này chưa phải nghiên cứu và các chủ đề thảo luận nhằm gợi ý hướng nghiên cứu để xây dựng nền tảng cho sự phát triển thành phố thông minh, thịnh vượng, nhân văn, và bền vững. ■

### Ghi chú

1. (Directorate General for Internal Policies, 2014, p.17)
2. Việt Nam đang trong kỷ nguyên dân số vàng với 70% dân số trong độ tuổi lao động (từ 15-64). Tuổi trẻ tỷ lệ biết chữ cao tập trung ở thành thị (Nham Pham Thi, 2016). Tốc độ tăng trưởng Internet của Việt Nam luôn nằm trong nhóm 20 quốc gia có tốc độ nhanh nhất trong 17 năm; 50% dân số tiếp cận internet ở Việt Nam vào năm 2014 và 37% sử dụng điện thoại thông minh truy cập internet.
3. Báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 2015, Tổng cục Thống kê.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Caragliu, A., Del Bo, C., & Nijkamp, P. 2011, "Smart Cities in Europe", *Journal of Urban Technology*, vol. 18, no. 2, pp. 65-82.
- Cuong Vo Kim "Hoan thien do thi nhu cau moi trong phat trien hien nay", in *Quan ly quy hoach*

*kien truc thanh pho Ho Chi Minh, Hochiminh city*, pp. 19-24.

- Directorate General for Internal Policies 2014, *Mapping smart cities in the EU*, EU Parliament, IP/A/ITRE/ST/2013-02 PE 507.480.
- Hau Do 2016, *Review of institutional system for urban development in Vietnam - NUDS 01B* Hanoi, NUDS 01B.
- Hieu, N. N. 2011, "Mot so van de ve quy trinh va phuong phap lam quy hoach do thi (Some concerns on the urban plan making process and methods)", *Urban planning* no. 5, pp. 24-31.
- Hieu, N. N. 2015, "Urban boundary and growth management in the peri-urban area", *Vietnam Architecture*, vol. 12.
- Hieu, N. N. & Nam, T. H. 2016, "Managing urban growth and flooding in Hochiminh city", *The builder* no. 6+7.
- Komninos, N. 2014, *The Age of Intelligent Cities: Smart Environments and Innovation-for-all Strategies* Taylor & Francis.
- Lawrie Wilson 2016, *Overview of the current urban development framework in Vietnam* NUDS 01A.
- Monre 2016, *Report on Vietnam National Environmental Status 2011-2015*.
- Nham Pham Thi "Assessment of urban development in Vietnam", in *Final consultation workshop on national urban development strategy (phase 1)*, Hanoi.
- Phi Ho Long 2012, *Integrated planning for flood control in Hochiminh city*, National University, Hochiminh city.
- Schaffers, H. K. N. P. M. T. B. N. M. a. O. A. Smart Cities and the Future Internet: Towards Cooperation Frameworks for Open Innovation, Future Internet Assembly. [springerlink.com](http://springerlink.com). 2011. Ref Type: Electronic Citation
- Shelton, T., Zook, M., & Wiig, A. 2015, "The GÇyactually existing smart cityGÇÖ», *Cambridge Journal of Regions, Economy and Society*, vol. 8, no. 1, pp. 13-25.
- Smedley Tim. The new smart city – from hi-tech sensors to social innovation. 2013. London, UK. Guardian sustainable business. Ref Type: Generic
- Son Ngo Viet Nam "Chien luoc phat trien khong gian vung theo huong ben vung va thich ung voi bien doi khi hau", in *Y tuong dieu chinh quy hoach xay dung vung thanh pho Ho Chi Minh den nam 2030 tam nhin 2050*, Hochiminh.
- Stokes, P. & Larson Mitchell J., R. N. A. S. M. N. M. M. S. S. L. J. S. P. W. T. B. C. 2015, "Smart cities' - dynamic sustainability issues and challenges for old world economies: a case from United Kingdom", *Dynamic relationship management*, vol. 4, no. 2.
- Tan Du Phuoc. Integrated development. 2016. Ref Type: Personal Communication
- UN-Habitat, David Sims, & Sonja Spruit 2014, *Vietnam Housing Sector Profile*, UNHabitat.
- World Bank 2011, *Vietnam urbanization review - technical assistance report Vietnam*.
- World Bank & MPI 2016, *Vietnam 2035, Toward Prosperity, Creativity, Equity, and Democracy* Washington DC, USA.

## Abstract

Building smart city is a new trend in the world and Vietnam's cities are approaching this issue. This article discusses about development context to clarify reform needs and introduce research directions to towards smart city and smarter management of urban development in Vietnam.

**Keywords:** smart city, smart growth, urban governance.

# Đô thị, hệ thống của các hình thể không gian

**ĐỖ DUY THỊNH**

Khoa Kiến trúc, Đại học xây dựng Miền Tây

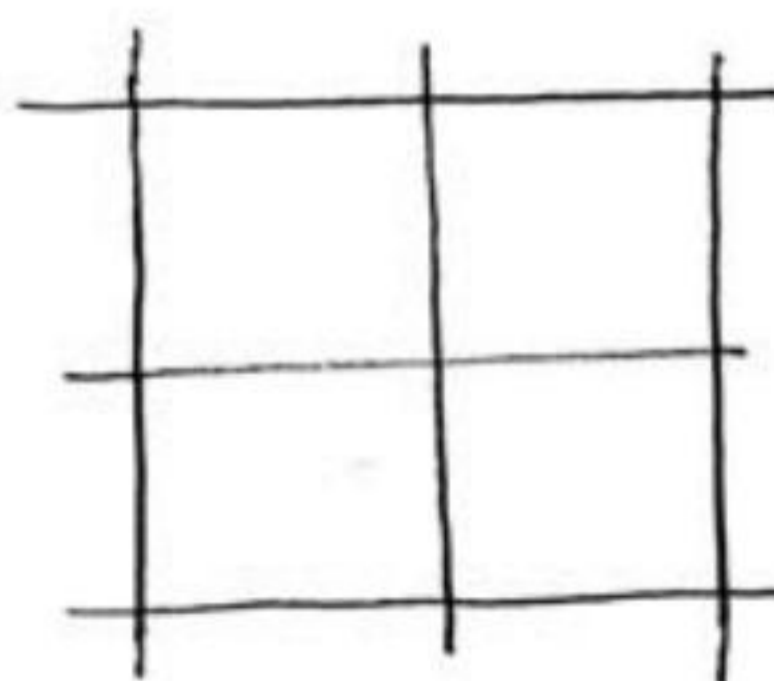
## CẤU TRÚC ĐÔ THỊ, DƯỚI GÓC NHÌN LÝ THUYẾT QUY PHẠM

Sẽ là thiếu sót nếu chúng ta không nhìn lại lịch sử một chút. Đô thị đã diễn ra như thế nào, và những quan điểm của con người trong việc lý giải cấu trúc của chúng, và cũng từ đó chúng ta bắt đầu làm một sự thay đổi. Bắt đầu với khái niệm đô thị được xem như một cấu trúc của vũ trụ, một quan niệm duy tâm. Cuộc chiến về nguồn gốc thành phố nảy ra giữa lập luận thành phố mang ý nghĩa tâm linh của Adams, Rykwert, và Mumford chống lại quan điểm duy vật của Childe, Sjoberg, và Jacobs. Lần lượt sau đó khái niệm về đô thị như một cỗ máy, có một lịch sử lâu dài, từ thế kỉ thứ III trước công nguyên đến thế giới hiện đại. Kiểu mẫu đô thị này hướng đến giải quyết những mục tiêu ngắn hạn, những yêu cầu gấp rút trong việc xây dựng cộng đồng, và hoạch định cho sự phát triển trong tương lai dưới những tác động không thể lường trước (hình 1). Cấu trúc đô thị yêu cầu một vài quy tắc đơn giản để đáp ứng quá trình đô thị hóa và đầu ra của chúng là thực tế và giải quyết vấn đề chức năng, không có bất kỳ một điều kỳ diệu nào của thế giới siêu hình, tâm linh. Những thuộc tính

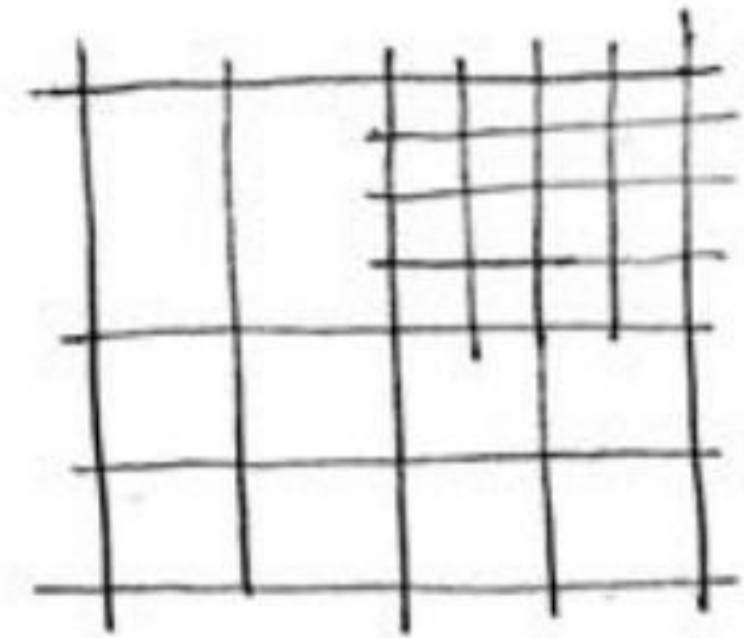
của kiểu mẫu không gian này là thuận tiện, tốc độ, linh hoạt, rõ ràng, và công bằng. Có khá nhiều cấu trúc đô thị theo dạng này được hình thành từ rất sớm. Nhưng có lẽ, hoàn chỉnh nhất và được áp dụng rộng rãi trong cuốn sổ tay thực hành hướng dẫn xây dựng đô thị đến từ các đô thị bị chiếm làm thuộc địa ở châu Mỹ theo luật pháp của Ấn tuyên bố năm 1573. Các luật này chi phối sự lựa chọn địa điểm, bố trí đường và các lô phố (block), sự định hướng, quảng trường trung tâm, những công trình công cộng, đất công cộng, sự phân bố các lô đất, và thậm chí là phong cách của các công trình. (hình 1)

Nếu thành phố được xem là một cấu

trúc sinh vật sống, quan điểm này được xuất hiện gần đây, kể từ khi khoa học sinh vật phát triển từ những thế kỉ thứ 18 và 19. Ủng hộ quan điểm này, trong các bộ sách về kiến trúc và quy hoạch, nhà đô thị học người Đức Hans Reichow đã trích các quan điểm khác là “những ô lưới đơn giản”, hoặc là “những sản phẩm của Grand Manner”, và “tĩnh tại” (Sohn 2003). Lý thuyết về thành phố hữu cơ hoàn toàn được dựa trên một số giả định về bản chất sinh vật. Trong số này, có những quả quyết rằng, sinh vật là một cá thể tự điều khiển và nó có một giới hạn rõ ràng cũng như một kích thước cụ thể. Toàn thể cấu trúc này có liên quan đến



Sự phát triển hiện tại với mật độ thấp



Và sự chèn thêm vào các block cho sự phát triển mật độ cao.

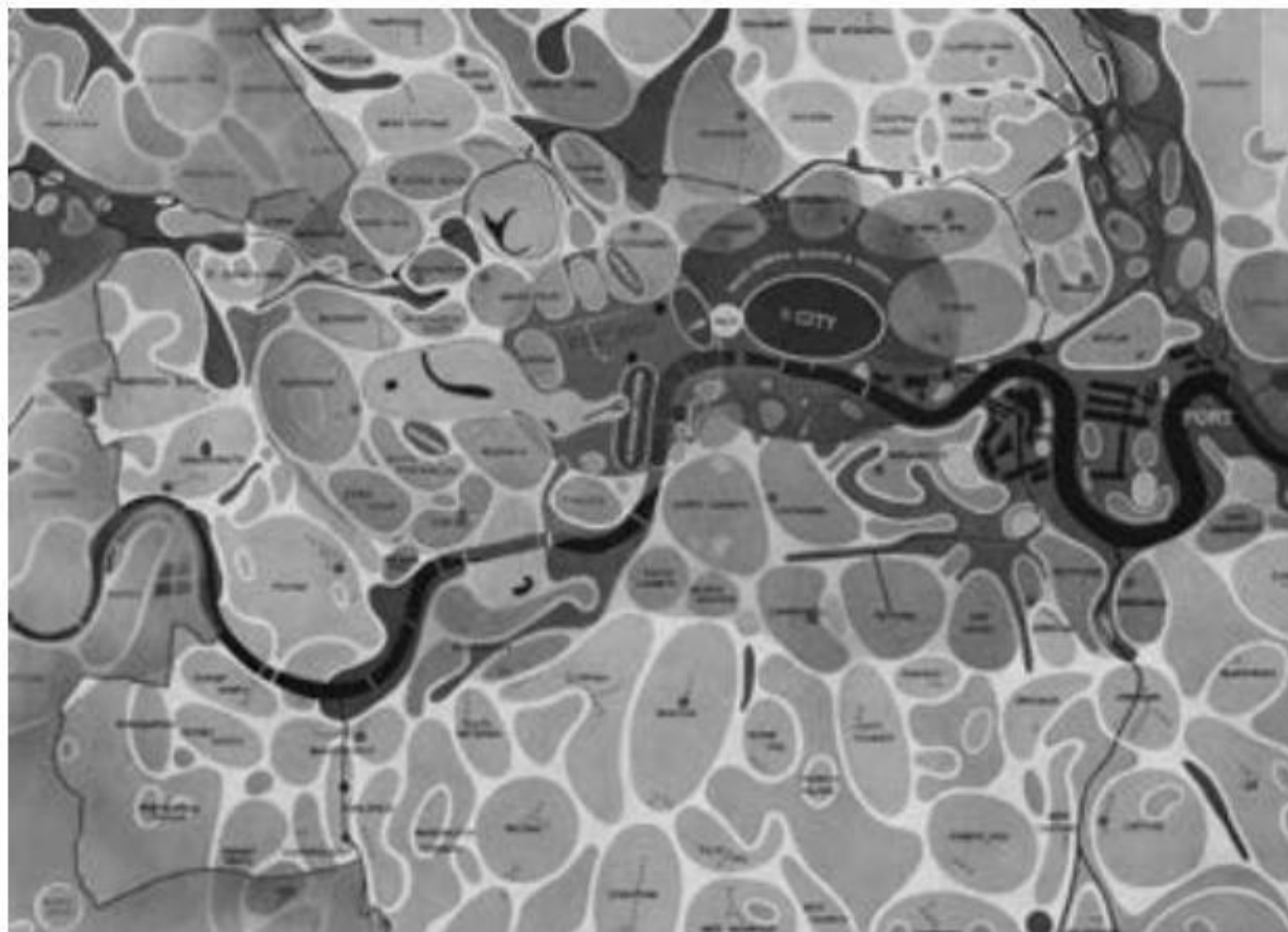
Hình 1: Cấu trúc đô thị bàn cờ có thể giải quyết được những vấn đề của đô thị hóa trong cấp bách.  
Nguồn: tác giả minh họa

sự nội cân bằng, tự sửa chữa và được tổ chức để hướng đến một sự cân bằng động. Chu kỳ về sống và cái chết thông thường của cấu trúc này như một giai điệu được chuyển từ giai đoạn này sang một giai đoạn khác. Từ những điều này, dẫn đến quan niệm về hình thức của đô thị hữu cơ, nó là một đơn vị không gian và xã hội riêng rẽ được xây dựng nội tại và cấp độ cao, kết nối nơi chốn và con người lại với nhau. Một cộng đồng tối ưu phải là không đồng nhất và đa dạng.

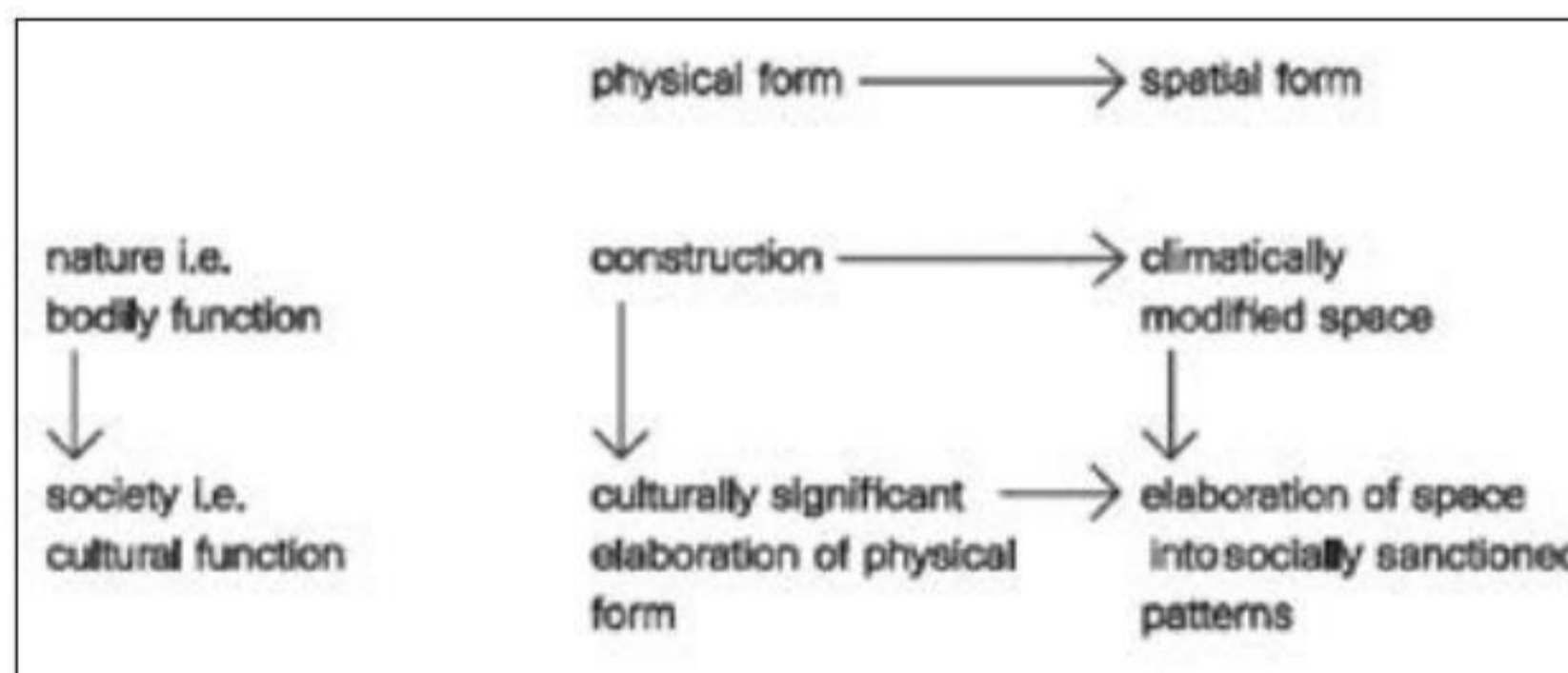
Quan điểm của Christopher Alexander đã thể hiện khá rõ trong bài báo được viết năm 1966 ở London, *"A city is not a tree."* Quan điểm của ông về cấu trúc đô thị là một cấu trúc *bán phủ chông*<sup>2</sup> (semi-lattice), điều này hàm ý về một cấu trúc trừu tượng trong sự liên quan đến không gian pha trộn với bản chất xã hội (hình 2).

### HÌNH THỂ KHÔNG GIAN, MỘT TIẾP CẬN MỚI CHO NGHIÊN CỨU ĐÔ THỊ

Trong tác phẩm *"Không gian là một guồng máy"*, Hillier, từ góc nhìn của lý thuyết kiến trúc, phơi bày bản chất của cấu trúc không gian. Tác giả không đồng ý với quan điểm rằng "khởi nguyên của ngôi nhà là một cái hang", nó chỉ là một sự cắt nghĩa mang tính chức năng đơn giản về bản chất vốn có của sự bao che. Ông chỉ ra rằng ngôi nhà là một sự thay đổi trong môi trường không gian và vật lý so với trước khi môi trường hiện tại được xây dựng. Sự thay đổi này là phức tạp, và chỉ một phần trong đó là có ảnh hưởng đến cái gọi là "chức năng", đó là, sự che chắn và bảo vệ, quan trọng hơn, là logic và các phạm trù khác. Điều này ngụ ý rằng khái niệm về "mối tương quan" giữa "nội tại" và "ngoại tại", là độc lập với nhau. Đồng thời, sự khác nhau giữa giới hạn bên trong và bên ngoài trong quan điểm logic lại có ý nghĩa mang tính xã hội phức tạp. Nó không chỉ là một vấn đề của sự chia tách, mà còn là sự cộng gộp để sản sinh một trường riêng biệt – một không gian được bảo vệ, chỉ khi đồng nhất



Hình 2: Quận Abercrombie London, bản đồ phân tích cấu trúc tương tác giữa xã hội và chức năng  
Nguồn: [thesemaphoreline.wordpress.com](http://thesemaphoreline.wordpress.com)



Hình 3: Sơ đồ tóm tắt bản chất của những công trình, điều mà được xem như những đối tượng  
Nguồn: Hillier và cộng sự

hóa một người hoặc một nhóm người thì họ mới có một quyền cụ thể trong không gian ấy. Có phải trật tự logic của mối quan hệ này là phức tạp, là kết quả của những ngôi nhà trong cộng đồng dân cư, và do đó thời gian đầu của việc dựng nhà bắt đầu phản ánh và can thiệp vào trong những mối quan hệ xã hội?. Xây nhà là thông qua hình thức và không gian của nó trong tiến trình chuyển những đối tượng vật chất thành những đối tượng xã hội và văn hóa. Hillier thông qua hai cách để tạo ra ý nghĩa xã hội quan trọng về chức năng vật chất: (1) Không gian hoàn hảo cho kiểu mẫu hoạt động xã hội, sản sinh và ức chế những nhận thức xã hội-

nhưng vạch ra tiêu chuẩn- về những mô hình khuyết và đầy đủ; (2) hình thức vật lý biểu đạt nghệ thuật cải thiện văn hóa và mô hình nhận dạng. Thậm chí những ngôi nhà cơ bản nhất là được thể hiện trong hai loại yếu tố, đó là hình thức gồm: vật lý: không gian, và chức năng gồm: vật chất và xã hội-văn hóa. Khi thực thể và không gian hoàn hảo cho một mô hình nào đó, có nghĩa là, khi chúng ta nói về hình thể, như thể nó sẽ tạo ra được các chức năng văn hóa và xã hội (Hillier 2007). Mối quan hệ giữa không gian được bắt nguồn từ một dạng tâm thức và không gian với trật tự xã hội, bằng cách ấy, con người có thể thấu hiểu được



không gian (hình 3). Do đó, giống như hình thức, chúng ta cũng tìm thấy được rằng sự chia tách giữa những công trình và thế giới thiên nhiên hoàn hảo hơn cấu trúc của thiên nhiên trong không gian, mặc dầu rằng, những quan điểm trước đây đã thể hiện được mối quan hệ giữa những đặc tính sơ bộ, nhưng có liên quan đến những cấu trúc sau này, đó là trải nghiệm mang tính tinh thần và xã hội hơn là vật chất và con người. Tóm lại, cấu trúc không gian là đặc tính cố hữu của đô thị và những công trình, nó cũng là dấu gạch nối cho giá trị trung gian giữa những thuộc tính vật chất và văn hóa xã hội (Hillier and Hanson 1989).

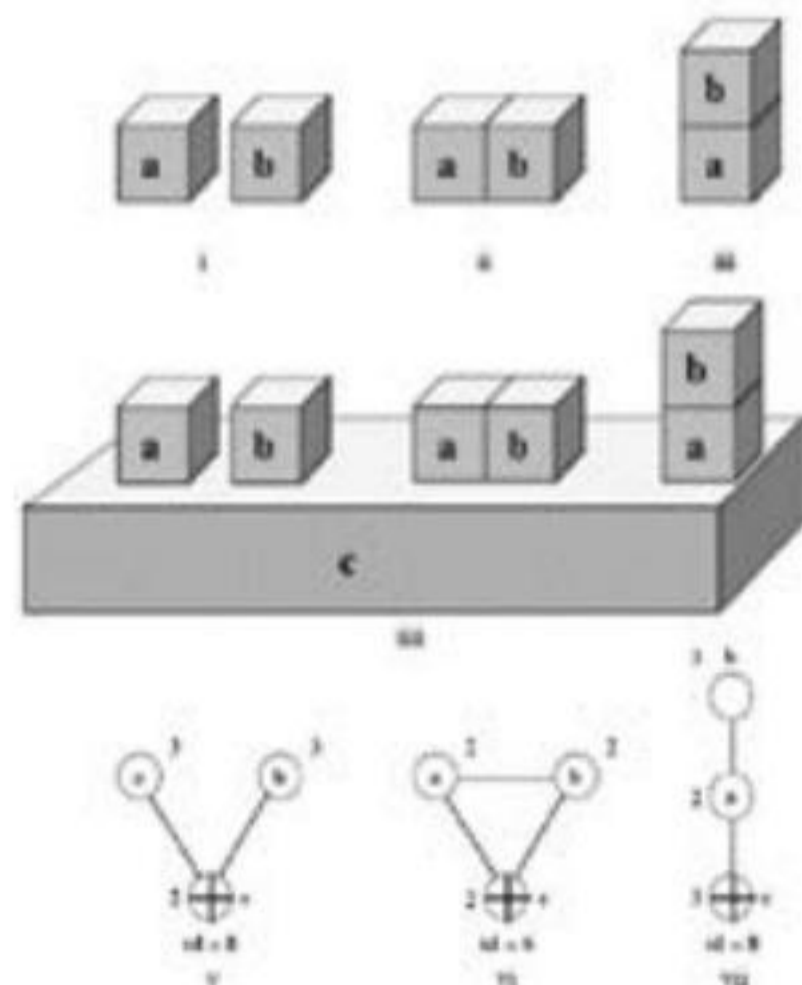
**A/ KHÁI QUÁT VỀ HÌNH THỂ**

Hình thể (configuration), có nguồn gốc từ giữa thế kỉ XVI, biểu thị vị trí tương quan của những vật thể thuộc về trời đất. Nó còn được định nghĩa như một sự sắp xếp của những phần hoặc những yếu tố trong một hình thức cụ thể/đặc biệt, biểu hình, hoặc như một sự tổ hợp (Oxford).

Hãy bắt đầu định nghĩa một cách chính xác hình thái nghĩa như thế nào bằng cách sử dụng một ví dụ trực tiếp tương tự như hình 4, nhưng nói về một hình thức khác một chút. Một mối quan hệ đơn giản đã được định nghĩa như một sự tương quan có thể nói là liền kề hoặc là thâm thấu giữa bất kỳ những cặp phần tử trong một phức hợp. Một mối quan hệ mang tính hình thể sau đó đã được xác định trong chừng mực như nó đã được tác động bởi sự đồng hiện diện của ít nhất một yếu tố thứ 3, và có thể là tất cả những yếu tố khác trong một phức hợp. Thử nhìn vào ví dụ hình 4 i, ví dụ, a và b là hai khối lập phương đứng trên một bề mặt. Trong hình 4ii, những khối lập phương được xếp lại gần với nhau để làm thành một đối tượng liên kết. Mối quan hệ của a và b là đối xứng trong đó a làm tiếp giáp/ lân cận hoặc ngược lại, ngụ ý rằng nó là một tiếp giáp/lân cận của a. Một cách công bằng mà nói, mặt dù là hiếm xảy ra, trong hình 4i, a và b đã là những lân cận không tiếp giáp, và vì

thể chúng đối xứng theo nghĩa này. Dù bằng cách nào đi nữa, mối quan hệ của hai thực thể trên vẫn còn đối xứng, và sự thật, điều này là tiềm ẩn trong một mối quan hệ "lân cận". Trong hình 4 iii, các đối tượng liên kết hình thành bởi a và b trong hình 4 ii nhưng được đặt chồng lên nhau, điều mà dường như là không có một sự thay đổi về mối quan hệ của a với b. Nhưng b bây giờ xuất hiện là "trên" a, và mối quan hệ của "trên cấp", không giống như "lân cận của nó" điều này là bất đối xứng: b ở trên a ngụ ý rằng a là không trên b (Hillier 2007).

Điều này đã xảy ra như thế nào? Thật hấp dẫn để nói rằng những mối quan hệ giống như "ở trên" và "ở dưới" phụ thuộc và một khung ngoại sinh (exogenous frame) của sự tham chiếu, giống như "phía đông" và "phía tây", hoặc "lên" và "xuống". Thực tế là, những gì diễn ra có thể được nói một cách đơn giản hơn, như đã được thấy ở hình 4 iii. Trên bề mặt của những khối lập phương đang đứng - có thể được nói rằng, là mặt phẳng của trái đất- là không đề cập trong sự mô tả mối quan hệ giữa a và b trong ví dụ hình 4i và 4ii. Lẽ ra chúng ta đã muốn dự đoán trước ảnh hưởng của sự cố định các vật thể kết hợp tại đâu nút của nó. Hãy gọi nó là c. Trong hình 4 ii, mối quan hệ của cả a và b, được rút ra một cách riêng rẽ, đến đối tượng thứ ba là c -



Hình 4: Ví dụ minh họa khái niệm hình thể  
Nguồn : Hillier và cộng sự

cũng là đối xứng, như là mối quan hệ của chúng với những cái khác. Vì thế, một cách tình cờ, lại là mối quan hệ của những đối tượng liên kết được hình thành bởi a và b với một đối tượng thứ ba. Những cái như thế là tất cả những mối quan hệ đơn giản. Nhưng chúng ta cũng có thể nói đến một điều gì đó phức tạp hơn rằng trong hình 4ii, a và b là đối xứng trong mối liên quan với c cũng như có liên quan lẫn nhau. Đây là một trạng thái mang tính hình thể, kể từ khi nó mô tả một mối quan hệ không gian đơn giản trong phạm vi của ít nhất một cái thứ ba. Điều gì xảy ra ở hình 4iii là khá rõ ràng. Mặc dầu a và b duy trì sự cân bằng trong mối liên hệ cùng nhau, chúng không còn đối xứng với sự liên quan của c nữa. Ở điều ngược lại, chúng là bất đối xứng với c. Sự khác biệt giữa hình 4ii và iii sau đó là một sự khác biệt mang tính hình thể. Mối quan hệ của a và b với cái khác là bị thay đổi nếu chúng ta thêm vào một cụm "trong vòng liên quan" mà gắn cả hai hình khối vào trong một phức hợp lớn hơn chứa cả c trong đó.

Việc này được làm rõ bởi những biểu đồ hợp lý (gọi là j-graph<sup>3</sup>) của các hình thể như nhìn thấy ở hình 4v, vi, vii. Trong mỗi biểu đồ, nút dưới cùng là mặt đất, và được ghi với một dấu gạch chéo để biểu thị là gốc. Trong hình 4v, a và b được kết nối một cách độc lập như những lân cận đến với mặt đất. Trong hình 4vi, mối quan hệ của những lân cận giữa a và b được thêm vào. Hình 4vii, thể hiện mối quan hệ giữa b và c, trái đất, chúng bị chia ra tạo nên một mối quan hệ "độ sâu gấp đôi" giữa b và c. Có thể để ý rằng thiết lập này đã tồn tại ở hình 4v giữa hai khối không-tiếp giáp với mặt đất. Trong ý nghĩa này, hình 4vii tái tạo một đồ thị mà đã tồn tại trong hình 4v. Điều này cũng thể hiện trong những con số được gắn với mỗi nút trong hệ thống. Do đó, độ sâu tổng thể của hình 4v và vii là 8, trong khi đó, hình 4vi là 6. Phân bố của những độ sâu tổng thể và tổng tất cả chúng mô tả chỉ ít những đặc tính hình thể của những đối tượng hỗn tạp này.

## B/ KHÔNG GIAN TRONG SỰ TƯƠNG TÁC VỚI CON NGƯỜI

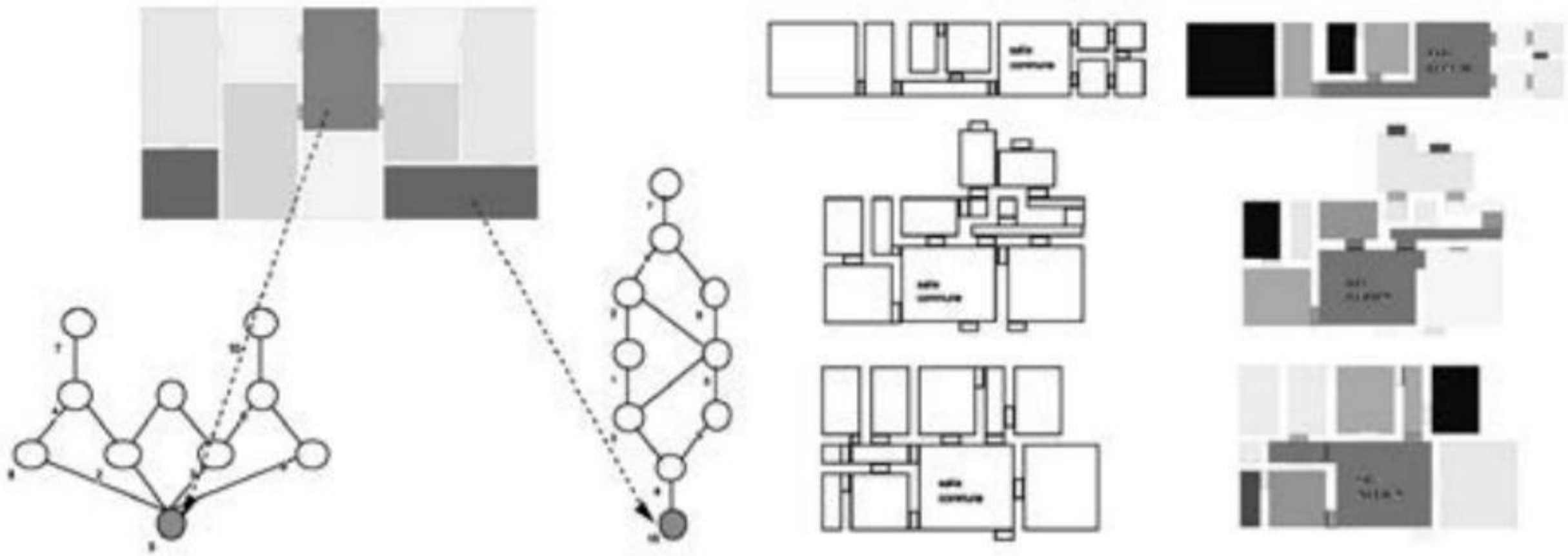
Trong một vài ý nghĩa quan trọng, thật là xa xôi khi so với một sự thật hiển nhiên rằng, không gian là một đặc tính khách quan của những công trình. Có thể mô tả được một cách độc lập với công trình như một cái gì đó hữu hình. Hầu hết những khái niệm thông thường về không gian lại không nhằm vào bản thân không gian như một thực thể mà lại buộc/ gán ghép nó vào một số cách để những thực thể đó không còn là chính nó nữa. Chẳng hạn như, thậm chí cả một số người quan tâm đến lĩnh vực này, ý tưởng về không gian được chuyển dịch, lồng ghép như là “sử dụng không gian”, “lĩnh hội không gian”, “khởi tạo không gian” hoặc như là “khái niệm về không gian”. Trong tất cả những giải thích thông thường này, ý niệm về không gian được cho là có ý nghĩa bằng cách liên kết nó một cách trực tiếp hoặc có chủ ý đến hành vi của con người. Những khái niệm không gian thông thường từ khoa học xã hội như “không gian cá nhân” và “tính lãnh thổ của con người” cũng trói buộc không gian vào sự dẫn động có liên quan đến con người, và không thừa nhận sự tồn tại độc lập của không gian trong phạm trù nhân văn. Trong kiến trúc, nơi mà những khái niệm về không gian là đôi khi không liên kết trực tiếp đến con người, mà thông qua những khái niệm như “hệ thống phân cấp không gian” và “quy mô không gian” chúng ta vẫn nhận ra rằng không gian hiếm được mô tả bằng một cách hoàn toàn độc lập. Quan niệm về “sự khép kín không gian”, mô tả không gian bằng các tham chiếu đến những hình thức vật lý, hình thức này định nghĩa nó vượt quá những gì mà nó hàm chứa, đó là cách những cách thông thường nhất về sự định nghĩa không gian. Tất cả những khái niệm đó khẳng định sự khó khăn trong việc khái niệm hóa không gian như một đặc điểm của riêng nó. Roger Scruton tin rằng ý niệm về không gian là một sự sai lầm, hạng mục này được thực hiện bởi những kiến trúc sư kiêu căng, người

đã thất bại trong việc hiểu rằng, không gian không phải là một điều thuộc về chính nó, nhưng chỉ đơn thuần về khía cạnh quan sát các đối tượng vật lý của không gian, những chỗ trống còn sót lại trong những công trình. Đối với Scruton, không gian hiển nhiên ở trong một cánh đồng và trong một nhà thờ, là những điều tương tự như thế ngoại trừ những thứ trong chùng mực của các bề mặt nội thất công trình của nhà thờ, việc này cho thấy rằng không gian nội thất có tính chất đặc trưng của chính nó. Ông lập luận rằng, tất cả những bàn luận về không gian là sự sai lầm, bởi vì nó có thể được quy về để thảo luận những công trình như những thứ thuộc về vật chất (Scruton 1979). Thật tình, ở cấp độ thực tiễn, công bằng mà nói đây là một quan điểm kỳ quái. Một cách khá đơn giản, không gian là những gì chúng ta đang sử dụng trong những công trình, trong những không gian công cộng trên phố, trên những con đường được sắp xếp một cách có chủ ý hay là vô tình tạo nên. Đó là cũng là những thứ mà chúng ta đang được thụ hưởng và phải trả phí. Không có một nhà đầu tư nào cho thuê những bức tường cả. Nhưng, những bức tường đó phải được làm nên những không gian, nó tốn kém và không gian là một món hàng có thể cho thuê. Đại đa số quan điểm về không gian ở văn hóa phương Tây mà gọi một cách lãng mạn là “Galilean- Cartesian”. Quan điểm này gọi lên từ một khung lý luận đầu tiên được đặt ra bởi Descartes (Descartes 2012). Những thuộc tính căn bản của những đối tượng vật chất mà ông ta lập luận là “sự mở rộng” của chúng, những thuộc tính mà, có thể đong đếm được như chiều dài, bề ngang, và chiều rộng. Bởi vì sự mở rộng có thể được định lượng bằng những thiết bị đo lường, thứ mà lại không phải dựa trên nhân văn, những sự mở rộng này có thể được nhìn thấy như những thuộc tính đối tượng rành rành của sự vật, không giống như những thuộc tính “thứ cấp” là màu sắc như “vàng” hoặc thuộc tính mô tả cảm xúc như “đẽ thương” những

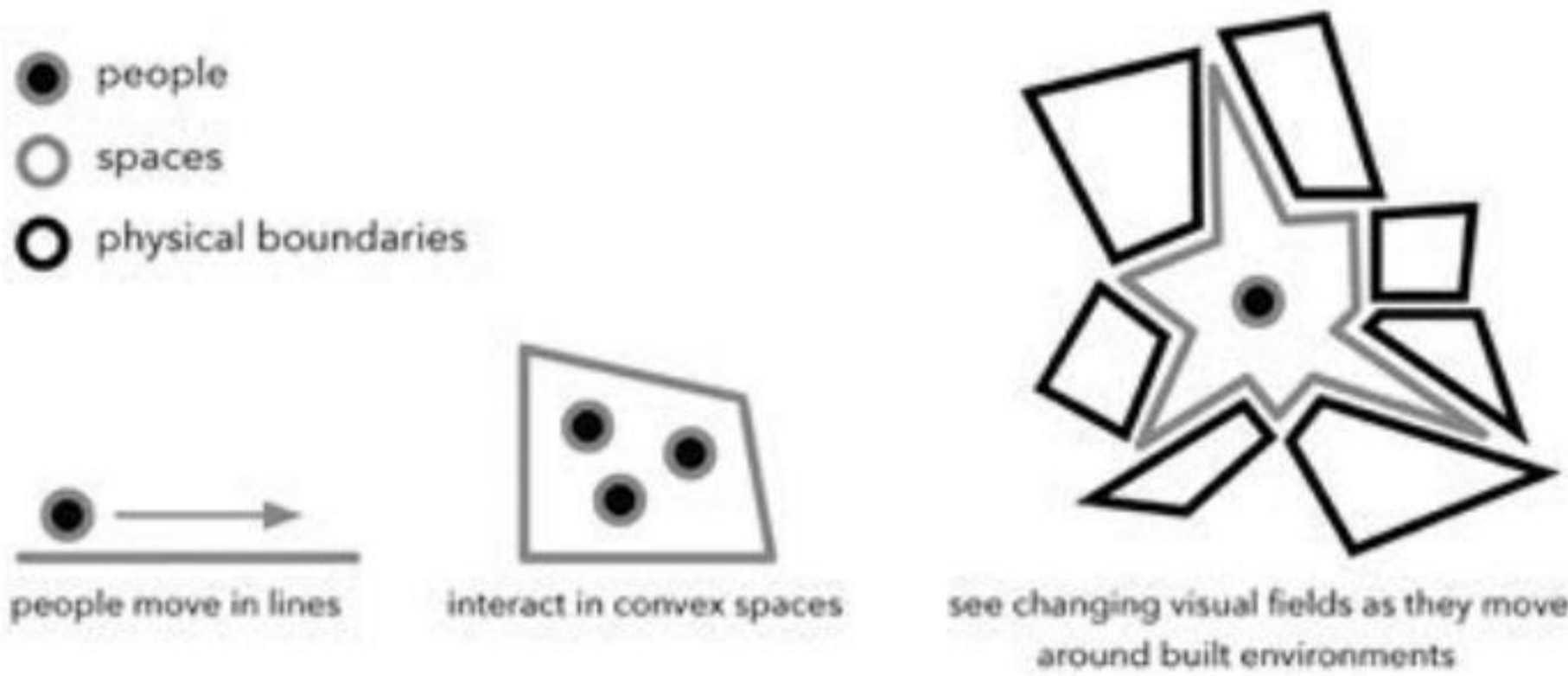
điều mà dường như dựa vào một cách tương tác nào đó với những người quan sát (Descartes and Cress 1993). Một điều là rất rõ ràng. Sự gặp gỡ, nhóm họp, lẩn tránh, tương tác, cư ngụ, thương thuyết đó không phải là những thuộc tính cá nhân, nhưng đó là những kiểu mẫu, hoặc là những hình thể, đã được định dạng bởi những nhóm và tập thể người. Chúng dựa vào một kiểu mẫu được sắp đặt của sự đồng hiện diện (co-presence), và quả thật là đồng vắng mặt (co-absence). Trong ý nghĩa hình thể nhân văn, rất ít những công trình và môi trường mà chúng ta đã xây dựng với mục đích phục vụ cho nghĩa này. Do đó, nên mong đợi ở mối quan hệ giữa con người và không gian trong những quy tắc, nếu chỉ có một nguyên tắc thôi, thì sẽ được tìm thấy ở cấp độ của hình thể của không gian chứ không phải không gian cá nhân đơn lẻ. Điều này được xác định bởi tri thức thông thường. Những không gian cá nhân cung cấp đa dạng những hoạt động của con người, ngoại trừ đối với những thuộc tính về kích cỡ và hình dạng. Trong hầu hết những không gian hợp lý, hầu hết các hoạt động của con người có thể được diễn ra. Nhưng mối quan hệ giữa không gian và tồn tại xã hội không nằm ở cấp độ của không gian cá nhân hoặc những hoạt động đơn lẻ. Nó nằm ở mối quan hệ giữa những hình thể của con người và không gian.

## KHÔNG GIAN CÚ PHÁP- LÝ THUYẾT VỀ BẢN CHẤT KHÔNG GIAN

Không gian cú pháp là một lý thuyết và cũng là một phương pháp được Bill Hillier và Julienne Hanson và cộng sự đề xuất tại Trường Bartlett Kiến trúc và Quy hoạch, Anh Quốc vào cuối năm 1970 nhằm định lượng không gian đô thị. Phương pháp này được chứng minh bằng thực tế rằng chúng hữu ích cho việc công thức hóa không gian một cách khách quan trên phương diện toán học, đồng thời nó cũng hàm chứa một mối liên hệ giữa cấu trúc vật lý và cấu trúc xã hội của không gian đô thị.



Hình 5: Sơ đồ kiểu mẫu và cấu trúc không gian của một công trình. Nguồn: Hillier và cộng sự

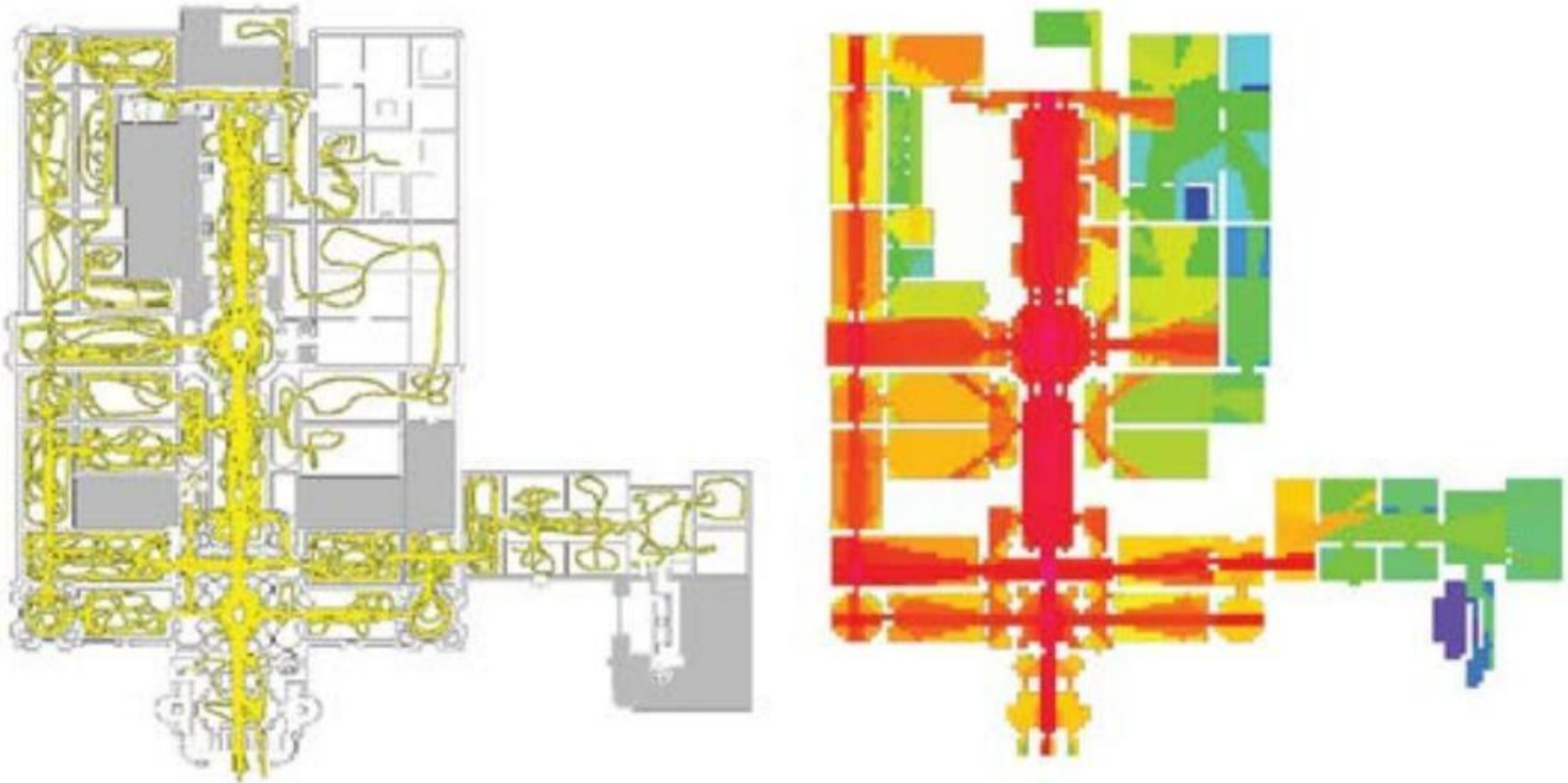


Hình 6: Tương tác giữa con người với không gian. Nguồn: Hillier và cộng sự

Đặc biệt là trong không gian mở của một đô thị, nó bóc trần những không gian tiềm năng để con người đến gần nhau bằng cách khám phá cơ chế hoạt động của sự phù chồng giữa các trường quan sát trong không gian và các dòng dịch chuyển của con người. Phương pháp này có thể giúp khám phá cơ chế hoạt động của không gian bằng cách phơi bày các mối quan hệ của hệ thống không gian trong đô thị với các đặc tính của hệ thống cú pháp như là sự đối xứng-bất đối xứng, sự tích hợp-phân ly, nhằm xác định các tham số điều hành, những đặc tính tổ hợp và những lối điều khiển không gian (Hillier and Hanson 1989), và chỉ số về khả năng có thể hiểu được và dự đoán được (Bill, Hanson et al. 1983, Hillier 1989, Hillier 2007).  
Cả hai lý thuyết chức năng-cấu trúc, hoặc lý thuyết về chức năng-hình thức, một phần của kiểu mẫu mang tính lý

thuyết đã được phát triển cho đến bây giờ, tuy nhiên những lý giải đó dường như chưa phải là hợp lý. Lý thuyết về đô thị như một hệ thống hình thể không gian được phát triển. Không gian cú pháp được xem là cội rễ trong một vấn đề mà dường như đó là một dấu hiệu đầu tiên để ngăn chặn một lý thuyết cấu trúc-chức năng cho những công trình hoặc đô thị. Điều này ám chỉ rằng, mối quan hệ giữa không gian và hoạt động của con người khá mập mờ, chúng ta có thể làm hầu hết tất cả mọi việc trong hầu hết các không gian. Do đó, nói một cách khác, không gian trong những công trình và đô thị là những hình thể, nó không phải là chỉ dành cho riêng những chức năng. Có lẽ những mô tả của chúng ta về những không gian trong những giới hạn về hình thể và kích cỡ là một sự mô tả về hình thể, về vị trí của mỗi không gian trong các mối liên hệ khác. Với việc

cộng gộp chiều sâu của mỗi không gian, chúng ta có thể sắp xếp một cách toán học mọi không gian trên cùng một thể liên tục từ tương quan, hòa nhập cho đến sự tách biệt, và riêng rẽ. Chúng ta có thể làm hiện hữu những giá trị này bằng các tô màu cho các không gian từ đó, chúng ta sẽ có thể nhìn thấy được kiểu mẫu (hình 5).  
Nếu vậy, nếu người ta sử dụng không gian trong những cách khác nhau cho những hoạt động khác nhau thì vấn đề này lại làm chúng ta quay lại với vấn đề căn bản của lý thuyết của cấu trúc-chức năng.  
Để dễ hình dung vấn đề, ví dụ, chúng ta di chuyển một cách tuyến tính, tương tác trong những không gian lồi<sup>4</sup>, và trải nghiệm không gian như một "isovist"<sup>5</sup> với một lối lồi và những đầu nhọn tuyến tính. Tuy nhiên, những yếu tố đó lại là yếu tố căn bản của phân tích hình thể không gian (hình 6).



Hình 7: Kiểm nghiệm thực tế dòng chuyển dịch của con người trong không gian - sự so sánh với phân tích không gian. Nguồn : Hillier và cộng sự

Một ví dụ nữa trong mối liên hệ giữa cấu trúc-chức năng được tìm thấy trong một tính toán ở công trình công trình Tate Britain(hình 7). Trên hình bên phải ở trên là một phân tích tích hợp thị giác, có nghĩa là sử dụng những isovist thị giác như những căn bản cho tính toán, và kiểm chứng thực tế cho thấy cả hai kiểu mẫu giống nhau đáng kể. Cấu trúc không gian của công trình đang được hình thành, không phải là những tuyến độc lập, nhưng, những kiểu mẫu nổi bật của những mật độ dòng dịch chuyển và đồng hiện diện, nó đang liên quan đến con người và mang họ lại gần nhau trong những phạm vi của cấu trúc không gian. Một sự sắp xếp không gian có thể phản ánh và thể hiện một kiểu mẫu xã hội, như trong trường hợp một căn nhà, nơi mà không gian đã được sắp đặt và phân chia để đưa ra thực tế hướng đến một kiểu mẫu đã được cho trên phương diện văn hóa, và



Hình 8: Phân tích chỉ số tích hợp không gian trong cấu trúc không gian đô thị Hội An. Nguồn: tác giả

như thế gia cố và tái sản xuất chúng. Hillier gọi điều này là việc sử dụng thận trọng không gian, kể từ khi không gian đang được sử dụng để phản ánh và tái sinh sôi một kiểu mẫu xã hội được cho bằng các kiểm soát các yếu tố đồng hiện hiện. Không gian có thể cũng hình thành nên một kiểu mẫu xã hội, không giống như trong trường hợp của phòng tranh, vì theo sự hình thành của các lưu dòng, không gian cũng tạo nên một kiểu mẫu đồng hiện diện

của tự nhiên trong chính không gian đó, và tạo nên những khả năng mới trong sự tương tác xã hội. Chúng ta có thể gọi cách sử dụng mang tính sinh trưởng của không gian, từ khi chúng ta sử dụng không gian để tạo ra những kiểu mẫu mới của sự đồng hiện hiện và tiềm ẩn những yếu tố mới trong các kiểu mẫu xã hội. Điều này làm nên những tập hợp của những công trình và kiểu mẫu không gian biến đô thị trở nên sống động. Điều này phản ánh

nhận 3 định nghĩa khoảng cách giữa mỗi đoạn và mỗi khoảng cách giữa những lân cận chúng: Số liệu là khoảng cách tính bằng mét giữa trung tâm của một đoạn và trung tâm của một đoạn lân cận. Dạng hình học Topo chỉ định một giá trị là 1 nếu có một sự thay đổi phương hướng giữa một khúc/đoạn và một khúc/đoạn lân cận, và giá trị là 0 nếu không có sự thay đổi. Và đối với hình học bố định một cấp độ thay đổi về góc của phương giữa một đoạn và một đoạn lân cận, do vậy, đoạn kết nối thẳng được đặt giá trị là 0 và một đường là chuỗi của những kết nối mang giá trị 0. Vậy nên, cấu trúc tuyến tính của đô thị được nắm bắt. Sử dụng ba khái niệm về khoảng cách để tính toán hai ước số: sự kết hợp cú pháp, hoặc tính chặt chẽ toán học, và sự lựa chọn cú pháp hoặc là thuộc toán lung chừng, những ước số này tính toán có bao nhiêu đường giảm đến mức tối thiểu về khoảng cách giữa mỗi cặp đoạn; mỗi đoạn nằm dưới những định nghĩa khác nhau về khoảng cách. Do đó, sử dụng định nghĩa về ước số khoảng cách, chúng ta tìm thấy hệ thống những đường dẫn ngắn nhất cho sự kết hợp và chọn lựa với định nghĩa về hình thái học topo, chúng ta tìm thấy một hệ thống của những bản đồ chuyển hướng ít nhất, và với định nghĩa mang tính hình học, chúng ta tìm thấy bản đồ thay đổi về góc nhỏ nhất. Mỗi một ước số này sau đó có thể được

tính toán ở bất kỳ một bán kính từ mỗi đoạn, sử dụng bất kỳ 1 trong 3 định nghĩa về khoảng cách để định nghĩa về bán kính (hình 8). Cuối cùng thì, những nền tảng của cú pháp không gian với sự bắt nguồn từ lý thuyết về giản đồ trong toán học nhằm giải quyết những nghiên cứu về những mối quan hệ của hình học topo. Để ứng dụng lý thuyết đồ hình trong nghiên cứu không gian, một loạt các bản đồ hoặc những kỹ thuật trừu tượng là cần thiết để chuyển đổi những môi trường không gian phức tạp thành một tập hợp những mối quan hệ về hình học topo. Có 3 hình thức thông thường nhất về sự trừu tượng cần thực hiện trước khi phân tích là sử dụng những thuộc toán cú pháp không gian, tạo lập những không gian lỗi, những tuyến trục và những biểu đồ thị giác. ■

**Ghi chú**

1. Grand Manner ám chỉ đến một phong cách mỹ thuật lý tưởng hóa, nó có nguồn gốc từ nghệ thuật cổ điển ở thời kỳ hoàng kim của nghệ thuật phục hưng. Trong thời điểm này, những chuyên gia và nghệ sĩ sử dụng thuật ngữ này để mô tả những bức tranh mà phối hợp những phép ẩn dụ thị giác để gợi ý đến những phẩm chất quý phái.
2. Thuật ngữ tiếng Việt được đề xuất bởi TS. Nguyễn Hồng Ngọc
3. loại biểu đồ với các nút được gióng lên bởi một gốc dựa vào độ "sâu" của chúng tính từ gốc
4. Trong một không gian Euclide (hay tổng quát hơn trong một không gian affine), một

- tập lỗi là một khu vực mà cứ mỗi cặp điểm trong một không gian, mỗi điểm trên các đoạn thẳng nối các cặp điểm cũng nằm trong không gian ấy.
5. Isovist: một bộ của tất cả các điểm hiện hữu, từ một điểm hiện hữu, từ một điểm ưu thế được cho trong không gian và trong mối quan hệ với môi trường. Hình dạng và kích cỡ của "isovist" có khả năng thay đổi theo vị trí. Sự đo lường về số học được đề xuất rằng xác định số lượng những kích thước nổi bật và những đặc tính về hình dạng.
  6. Hình học topology là loại hình học nghiên cứu tính chất không bị ảnh hưởng của sự thay đổi về hình dáng và kích thước. Là những mối liên hệ không gian giữa các đối tượng được liên kết hoặc liền kề (như đường, nút, điểm, vùng)

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Bill, H., J. Hanson, J. Peponis, J. Hudson and R. Burdett (1983). "Space syntax, A Different urban perspective." *Architects Journal* 178: 47-63.

Descartes, R. (2012). *Principles of philosophy*, Start Publishing LLC.

Descartes, R. and D. A. Cress (1993). "Discourse on method; and, Meditations on first philosophy."

Hillier, B. (1989). "The architecture of the urban object." *Ekistics*: 5-21.

Hillier, B. (2007). "Space is the machine: a configurational theory of architecture."

Hillier, B. and J. Hanson (1989). *The social logic of space*, Cambridge university press.

Scruton, R. (1979). *The aesthetics of architecture*, Methuen London.

Sohn, E. (2003). "Hans Bernhard Reichow and the concept of Stadtlandschaft in German planning." *Planning Perspectives* 18(2): 119-146. <https://www.bartlett.ucl.ac.uk/space-syntax>

**Abstract**

Looking for the nature of spatial configuration in the interaction with human beings has undergone a long period of time. From the simple prototype of a room to a set of complex spatial patterns in the urban areas, they all are in the principles of spatial structure. The urbanisms and designisms propose the theories to rationalize the urban development trends varying from time to time based on certain knowledge. The formation of urban structure was explained with various points of view and obviously, it was certainly accepted to some extent. However, if standing on another point of view, it would be not stable and these explanations seem be hardly reconciled. The natural world has its own rule, and, human is not beyond the natural boundaries. The issues of cities are being researched in order to find out the operational rules that are deeply inside the urban nature, yet, it is still vague and subjective. Basing on mathematics, space syntax theory helps us have an objective perspective of space from which, its nature in the interaction with people is exposed; it is also the significant foundation for urban planners, architects solving the problems of cities at the moment and in the future.

**Keyword:** spatial configuration, urban structure, space syntax

VÙNG VEN ĐÔ LÀ KHU VỰC KHÔNG GIAN CHUYỂN TIẾP GIỮA THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN, ĐỒNG THỜI CŨNG LÀ VÙNG CÔNG NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT GIAO THOA, ĐAN XEN NHỮNG CHỨC NĂNG CỦA CẢ NÔNG THÔN VÀ ĐÔ THỊ. TRONG GIAI ĐOẠN ĐÔ THỊ HOÁ CŨNG NHƯ NGOẠI Ô HOÁ TẠI CÁC QUỐC GIA PHƯƠNG TÂY, VÙNG VEN ĐÔ TRỞ THÀNH KHU VỰC CHỊU ẢNH HƯỞNG MẠNH MẼ TỪ TIẾN TRÌNH MỞ RỘNG CỦA KHÔNG GIAN THÀNH PHỐ. NGHIÊN CỨU VỀ KHU VỰC VEN ĐÔ BẮT ĐẦU TỪ NHỮNG NĂM 30 THẾ KỶ 20, NỘI DUNG NGHIÊN CỨU BAN ĐẦU XUẤT PHÁT TỪ NHỮNG THẢO LUẬN XUNG QUANH ĐỊNH NGHĨA, ĐẶC TRƯNG VÀ PHẠM VI RANH GIỚI CỦA VÙNG VEN, DẪN MỞ RỘNG PHÂN TÍCH SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VÙNG VEN DƯỚI GÓC ĐỘ KINH TẾ, KHÔNG GIAN, CÔNG NĂNG VÀ KẾT CẤU VÙNG ĐÔ THỊ. TỪ NHỮNG NGHIÊN CỨU BAN ĐẦU VỀ HÌNH THÁI KHÔNG GIAN, CÁC HỌC GIẢ PHƯƠNG TÂY ĐI SÂU THẢO LUẬN TÍNH QUY LUẬT CỦA QUÁ TRÌNH TIẾN HOÁ VÀ PHÂN TÍCH ĐỘNG LỰC, CƠ CHẾ TÁC ĐỘNG LÊN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VÙNG VEN ĐÔ.

# Vùng ven đô

## Khái niệm, đặc tính và động thái nghiên cứu tại các quốc gia phát triển

NGUYỄN HOÀNG LINH

**K**HÁI NIỆM VÙNG VEN ĐÔ Những thảo luận xung quanh khái niệm của vùng ven đô được bắt đầu từ cuối thế kỷ 19, nhà địa lý học Herbert Louis thông qua nghiên cứu về hình thái và cấu trúc không gian của thành phố Berlin, phát hiện ra trong quá trình phát triển lan toả của thành phố, một số không gian vật chất hay những mảng đất đai vốn nằm ở rìa thành phố đã dần bị không gian đô thị xâm lấn và trở thành một phần của cấu trúc đô thị. Herbert Louis cho rằng

tuy trở thành một phần của cấu trúc đô thị song vùng ven đô vẫn tồn tại nhiều điểm khác biệt với không gian thành phố trên phương diện cảnh quan, đất đai, hạ tầng dịch vụ kiến trúc. Năm 1936, Louis đề ra khái niệm “vành đai ven đô” (Stadtrandzonen)<sup>1</sup>, khái niệm của Louis nhấn mạnh về vùng đệm, bao gồm những không gian mở và chưa biến đổi hoàn toàn thành đô thị; khái niệm này sau đó được khai thác và mở rộng trong ngành quy hoạch, nghiên cứu đô thị.

Định Nghĩa	Học giả	Luận điểm, bối cảnh và đánh giá
Stadtrandzonen	H.louis (năm 1936)	Nghiên cứu kết cấu khu vực thành phố Berlin, phát hiện khu vực ranh giới giữa thành phố và nông thôn dần bị xâm lấn và trở thành đô thị . Đây là khái niệm đầu tiên về khu vực ven đô.
Rural-Urban Fringe	R.B.Andrew (năm 1942)	Nghiên cứu các loại hình vành đai ven đô, phát hiện vùng ven đô Nông thôn – thành phố là khu vực chính thể quá độ giữa nông thôn và thành thị ,bao gồm cả vành đai ven đô ;do đó cần phân biệt rõ ràng giữa hai khái niệm này .
Rural Urban Fringe	G.S.Wehrwein (năm 1942)	Nhấn mạnh tính chất chuyển đổi thuộc tính sử dụng đất đai giữa nông thôn và đô thị tại khu vực ven đô.
Inner Fringe; Intermediate Fringe; Outer Fringer	M.R.G. Conzen (năm 1960)	Nghiên cứu cảnh quan không gian và trình tự xây dựng phát triển thành phố, cho rằng không gian ven đô là vùng xây dựng trọng điểm trong quá trình mở rộng của đô thị . Tác giả thông qua nghiên cứu khu vực ,đề ra vùng ven đô là khu vực quá độ giữa thành thị và nông thôn , phân thành ba vùng :vùng ven nội , vùng đệm giữa và vùng ven ngoại .
Urban Fringe Belts	J.W.R.Whitehand (năm 1967)	Từ góc độ địa lý đô thị học ,tác giả chỉ ra những nhận định phiến diện về khu vực ven đô (cho rằng vùng ven đô chỉ là sản phẩm hình thành từ quá trình đô thị hoá mà không phải một vùng mang đặc trưng hình thái không gian cụ thể). Thông qua nghiên cứu vùng đô thị Newcastle của lưu vực Tynesie,tác giả cho rằng nghiên cứu sự phát triển vùng ven đô không chỉ nên chú ý tới sự chuyển đổi sử dụng đất đai mà cần nghiên cứu loại hình kiến trúc và quy hoạch đô thị.
Rural-Urban Fringe	R.G.Pyror (năm 1968)	Cho rằng khu vực ven đô là vùng không gian kết nối giữa không gian xây dựng của thành phố và vùng nông thôn, là khu vực quá độ về sử dụng đất đai , kết cấu nhân khẩu và xã hội học; là khu vực mang những đặc trưng của cả thành phố và nông thôn, mật độ dân số cao hơn khu vực nông thôn nhưng thấp hơn vùng nội thành.
Urban Fringe	L.H.Russwurm (năm 1975)	Thông qua nghiên cứu tổng thể vùng không gian đô thị ,chỉ ra giữa thành phố và nông thôn tồn tại một vùng không gian chuyển tiếp liên tục .Tác giả phân định vùng không gian đô thị gồm khu vực trung tâm thành phố, vùng ven đô ,vùng chuyển tiếp và nông thôn. Trong đó vùng ven đô tiếp giáp với khu vực trung tâm thành phố ,đồng thời là mảng không gian tập trung yếu tố phát triển của đô thị và liên tục bị xâm lấn.
Urban Fringe-Belt	Von der Vollen (năm 1990)	Thông qua nghiên cứu lịch sử phát triển của những đô thị trung bình tại nước Đức, thảo luận khái niệm vùng ven đô. Tác giả phân tích hiện tượng không gian và sự hình thành vùng ven đô từ khía cạnh lịch sử.

Năm 1942, G.S.Wehrwein đề ra khái niệm ‘vành đai nông thôn đô thị’ (Rural urban fringe)<sup>2</sup>. Khái niệm này nhấn mạnh tính chất của khu vực chuyển giao giữa sử dụng đất của đô thị và khu vực nông thôn. Cùng năm đó, R.B.Andrews đưa ra khái niệm Rural-urban fringe, cho rằng khu vực ven đô bao gồm hai vành đai tách biệt: vành đai đô thị và vành đai nông thôn, cấu thành toàn bộ khu vực quá độ giữa thành thị và nông thôn. Đầu những năm 1960, nhà địa lý học

người Anh Conzen M.R từ góc độ quy luật và tính chu kỳ trong quá trình khai thác đô thị đã đưa ra khái niệm mới về khu vực ven đô bao gồm ba lớp : nội ven , trung ven và ngoại ven<sup>3</sup>. Conzen cho rằng vùng ven đô là một khu vực không gian độc lập nằm giữa nội đô (đô thị ) và khu vực nông thôn. Ông đồng thời chỉ ra tính quy luật và tính chu kỳ của vùng ven, khu vực này cũng có thời kỳ phát triển nhanh (gia tốc) , thời kỳ ổn định và thời kỳ giảm tốc. Trong đó trạng thái phát triển phụ

thuộc vào sức tăng trưởng kinh tế và những chế độ chính sách liên quan đến đất đai. Năm 1967, J.W.R .Whitehand trong nghiên cứu của mình về khu vực ven đô thành phố Newcastle, chỉ ra giới hạn trong nhận thức của con người về khu vực ven đô chủ yếu chú trọng yếu tố sử dụng đất mà bỏ qua những vấn đề về quy hoạch không gian hay kiến trúc. Whitehand đưa ra khái niệm Urban Fringe Belts<sup>4</sup> trong đó cho rằng vùng ven đô là khu vực hình thành

trong quy luật phát triển mở rộng tự nhiên của đô thị .

Năm 1975, L.H.Russwurm trong bài viết (khu vực ven đô và khu vực ảnh hưởng) đưa ra khái niệm 'vùng ven đô' (Urban fringe)<sup>5</sup> là khu vực nằm liền kề với vùng phát triển của thành phố trong đó tính chất sử dụng đất đã chuyển đổi từ nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, trở thành khu vực xây dựng thành phố cao cấp, là khu vực trọng điểm chịu ảnh hưởng của tiến trình đô thị hoá (urbanisation) và ngoại ô hoá (suburbanisation). Theo định nghĩa của Russwurm thì khu vực này bao gồm hai lớp, lớp nội vi nằm sát với ranh giới phát triển của đô thị , trong đó tính chất sử dụng đất đai dần chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang đất xây dựng đô thị; lớp ngoại vi vẫn mang đặc điểm của cảnh quan nông thôn, nằm sát với lớp nội vi nhưng chịu sự ảnh hưởng của phát triển đô thị, tính chất sử dụng đất đai mang những đặc trưng rõ nét của vùng ngoại ô. Định nghĩa của Russwurm phản ánh đặc tính phát triển động thái của vùng ven đô , trong đó tính chất sử dụng đất đai không ngừng chuyển đổi, khái niệm này cũng khá phù hợp với diễn tiến tại những quốc gia có lượng đất nông nghiệp lớn, tốc độ đô thị hoá nhanh chóng như Trung Quốc và Việt Nam.

Hiện tại, khái niệm về khu vực ven đô (Rural-urban fringe) của R.G.Pryor năm 1968 nhận được sự đồng thuận cao của giới học thuật ,cho rằng vùng ven đô là khu vực mà tính chất sử dụng đất đai, cấu trúc xã hội và cơ cấu kinh tế mang tính chất động thái<sup>6</sup>. Vùng ven đô nằm ở giữa khu vực xây dựng (đô thị) và ngoại ô (surbub) , là khu vực mang đặc điểm giao thoa của đô thị và nông thôn, có mật độ dân số , mật độ xây dựng thấp hơn khu vực đô thị và cao hơn khu vực nông thôn.

## ĐẶC TÍNH CỦA VÙNG VEN ĐÔ

**Tính quá độ :** vùng ven đô là khu vực quá độ giữa thành phố và vùng nông thôn xung quanh , chuyển giao giữa

kết cấu của đô thị và nông thôn . Trong đó,tính quá độ thể hiện ở nhân khẩu phi nông hoá; kinh tế sản xuất phi nông hoá ; cư dân thành phố và nông dân đan xen cư ngụ ; đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp phân bố xen kẽ và không ngừng biến đổi cùng với quá trình mở rộng của thành phố.

**Tính động thái:** vùng ven đô là khu vực không ngừng phát triển và thay đổi cùng với sự tăng trưởng của thành phố, trong đó tính chất sử dụng đất đai, cơ cấu kinh tế ngành, nhân khẩu cùng với không gian cảnh quan biến đổi mang tính động thái. Quá trình biến đổi của vùng ven đô thường đem lại những kết quả sau:

(a) *Động thái hướng ngoại :* cùng với quá trình mở rộng phát triển của thành phố, vùng ven đô phát triển ly tâm, mở rộng về quy mô diện tích ;  
(b) *Hợp nhất ranh giới:* cùng với quá trình mở rộng và biến đổi theo thời gian, vùng ven đô của các đô thị hoà nhập, đan xen và hợp nhất lẫn nhau ;  
(c) *Chuyển hoá và thay thế:* vùng ven đô và khu vực trung tâm thành phố tạo thành mối tương quan trung tâm – biên giới, tuy nhiên cùng với sự tương tác, biến đổi và hoà nhập với vùng ven đô của những thành phố xung quanh, sự sát nhập giữa các vùng ven đô dần hình thành những trung tâm mới, hay còn được gọi là thành phố ngoại vi (Edge City) .

**Tính đa dạng:** Vùng ven đô chịu tác động ảnh hưởng của cả thành phố và nông thôn , thể hiện ở sự đa dạng phong phú trong cấu trúc đất đai, không gian và xã hội. Trong đó bao gồm các khu đô thị mới, khu làng xã đô thị hoá, khu vực xây dựng tự phát của dân nhập cư .Bên cạnh đó là các nhà máy , công xưởng xí nghiệp với quy mô diện tích lớn , các khu thương mại ,kho hàng hoá tập trung .Vùng ven đô cũng là nơi tập trung lượng lớn đất nông nghiệp ,khu vực sinh thái tự nhiên. Tại vùng ven nội thành , bộ phận lớn đất nông nghiệp đã chuyển hoá thành đất đô thị ,còn

lại những mảnh đất nông nghiệp quy mô nhỏ phân bố rải rác và xen kẽ giữa các khu xây dựng . Do tính chất đa dạng về cơ chế sử dụng đất và nhân khẩu ,không gian cảnh quan của khu vực ven đô thường là những mảng ghép của những yếu tố không gian , sử dụng đất đai khác nhau , thể hiện diện mạo cảnh quan vỡ vụn (Fragmentation).

**Tính tự phát:** Vùng ven đô là khu vực thu hút dòng chảy của tư bản , kỹ thuật, tri thức và thông tin . Bên cạnh đó, sự phát triển của khu vực này gặp phải những ràng buộc về quyền sở hữu đất đai , tài sản, vốn đầu tư quyết sách và những mối quan hệ phức tạp của các chủ thể lợi ích khác nhau . Do đó, sự phát triển của vùng ven đô thường ở trạng thái tản mạn rải rác và thiếu tổ chức, xây dựng phát triển đất đai không theo quy hoạch. Các công trình dự án tại vùng ven thường chiếm đất rộng, mật độ kiến trúc và xây dựng thấp, công trình công cộng và dịch vụ xã hội không đầy đủ , giao thông và hạ tầng cơ bản thiếu kết nối...

## ĐỘNG THÁI NGHIÊN CỨU VỀ VÙNG VEN ĐÔ TẠI CÁC QUỐC GIA PHÁT TRIỂN

Tại các nước phát triển , nghiên cứu xung quanh vùng ven đô được bắt đầu từ những năm 1930. Những nghiên cứu thuở ban đầu chủ yếu tập trung thảo luận về khái niệm , phân định phạm vi ranh giới và phân tích đặc trưng của vùng ven. Đến những năm 1970, nghiên cứu lý luận về vùng ven đô đạt đến giai đoạn thành thực, bao gồm nghiên cứu về kết cấu vùng và cơ chế hình thành , diễn biến phát triển của vùng ven. Bước vào những năm 1990, góc độ nghiên cứu chuyển biến từ tầm nhìn khu vực sang những vấn đề vi mô như yếu tố vị nhân sinh trong phát triển vùng ven hay sự hình thành của những thành phố ngoại vi (Edge City), đồng thời hướng sự quan tâm đến quá trình phát triển vùng ven tại các quốc gia đang phát triển.

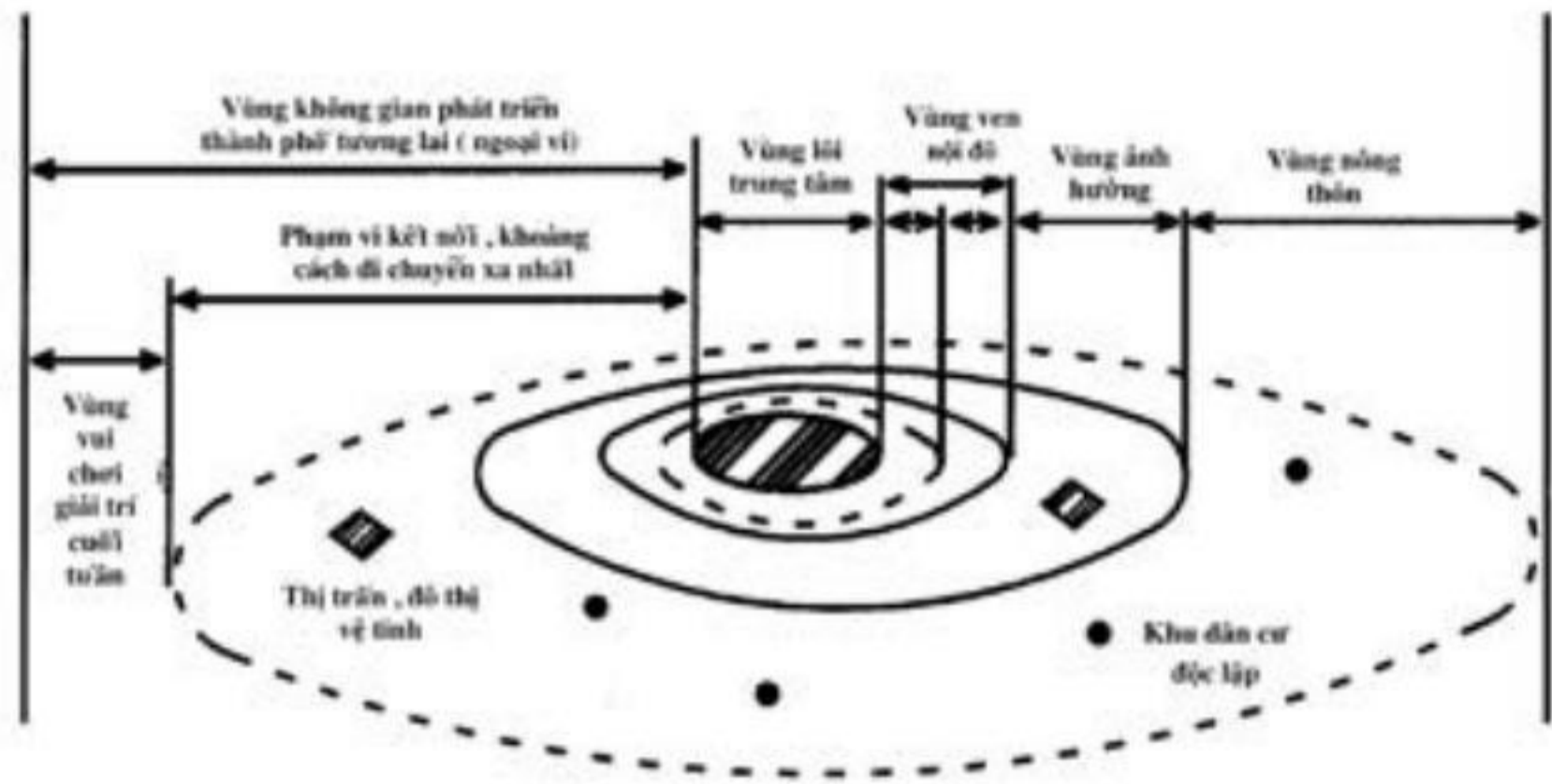


**Nghiên cứu về kết cấu khu vực của vùng ven đô:**

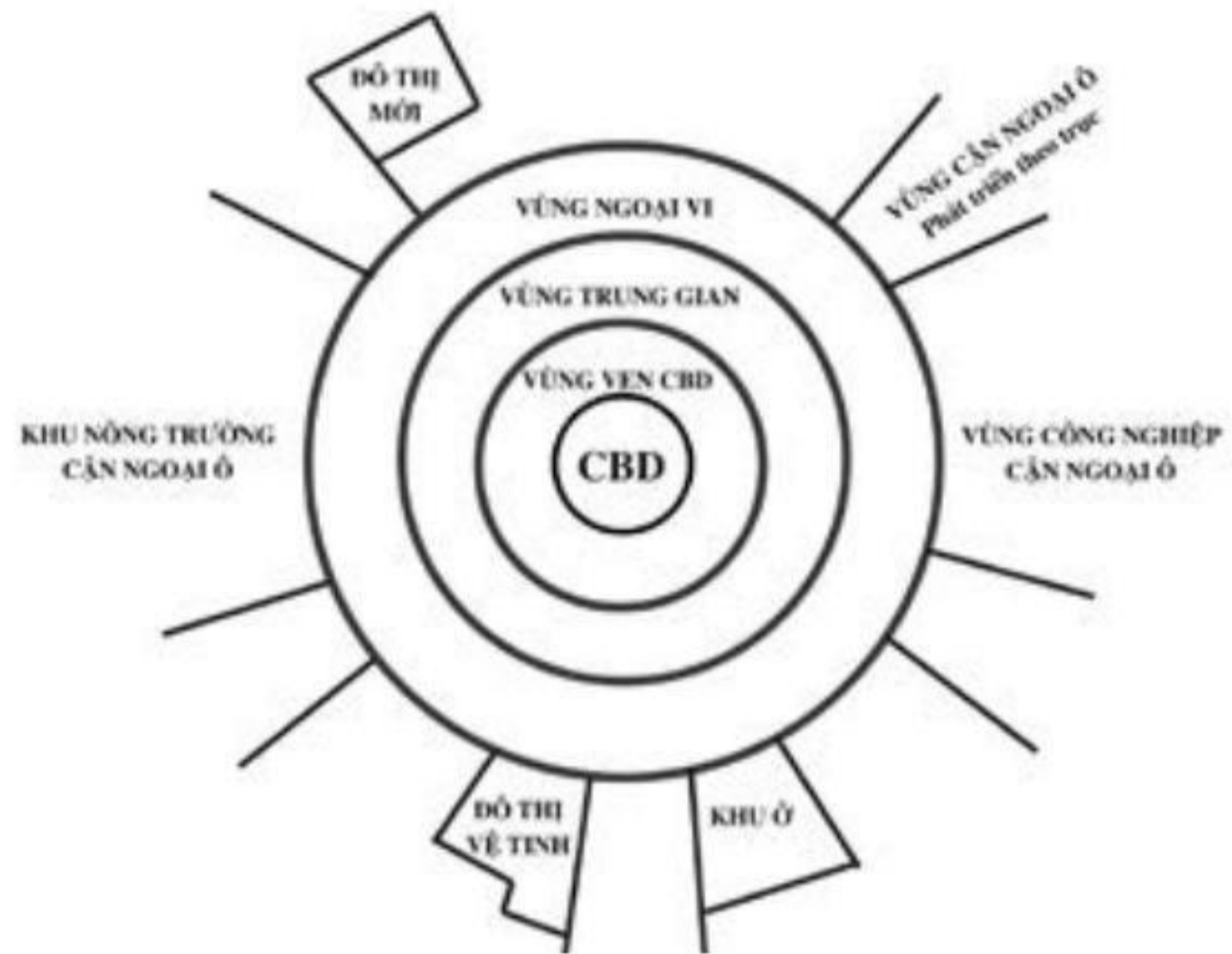
Nghiên cứu về kết cấu vùng ven có thể nhìn lại từ mô hình thành phố vườn (Garden city) của Howard; mô hình phát triển đồng tâm (Concentric zone model) năm 1925 của W.Burgess; lý luận phát triển hình quạt (Sector theory) năm 1936 của H.Hoyt và lý luận đa trung tâm (Multiple nuclei model) năm 1945 của C.D.Harris và E.L.Ullman. Những lý luận trên thảo luận về sự phát triển mang tính hệ thống của các khu vực trong thành phố thể hiện ở sự phân bố nhân khẩu và kết cấu không gian đô thị, bên cạnh đó phản ánh mối tương quan phát triển giữa vùng trung tâm và vùng ven. Bước vào thời kỳ hiện đại, lý luận ba vùng phát triển (Three zone theory) của Dickinson, mô hình kết cấu thành phố lý tưởng của E.J.Taaffe, mô hình kết cấu thành phố vùng năm 1975 của L.H.Russwurm, mô hình kết cấu đại đô thị của Muller là những lý luận tiêu biểu trên phương diện kết cấu vùng thành phố tại các nước phát triển.

*(a) Lý luận ba vùng phát triển của Dickinson :*

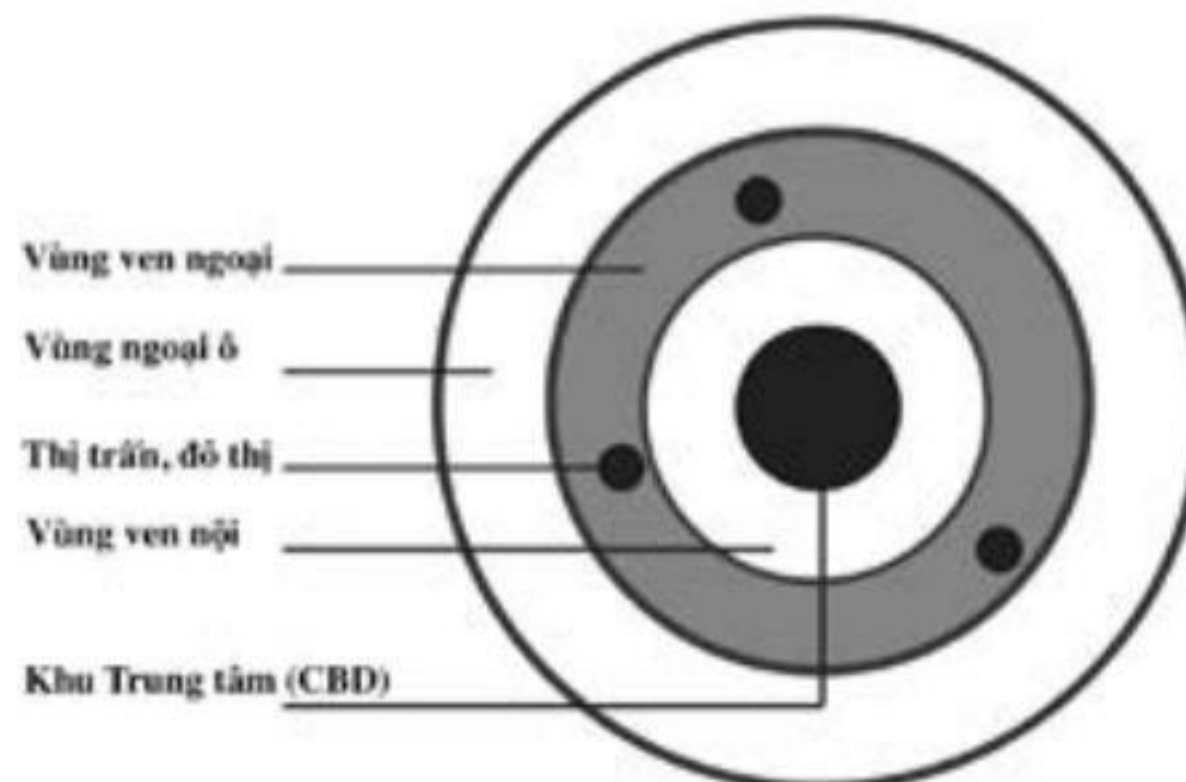
Lý luận của Dickinson (Three zone theory) xuất phát từ góc độ kết cấu vùng đô thị và sử dụng đất đai. Ông phân vùng thành phố từ khu vực trung tâm hướng ngoại thành ba vùng không gian liên tiếp : vùng trung ương, vùng đệm trung gian và vùng ngoại vi<sup>8</sup>. Trong đó, đất đai ở vùng trung ương được cấu thành bởi đất thương mại, đất hành chính văn phòng, khu ở cao cấp, khu ố chuột, công trình kiến trúc công cộng và các nhà ga đường sắt. Khu vực trung ương có mật độ kiến trúc và mật độ xây dựng dày đặc. Khu vực vùng trung gian bao gồm đất ở của cá nhân và những khu công nghiệp cũ; vùng ngoại vi gồm những khu công nghiệp lớn phân bố dọc theo những tuyến đường sắt, bên cạnh đó là những khu ở mới xây dựng và những ngôi làng thị trấn. Trên thực tế, vùng trung gian và vùng ngoại vi trong lý luận của Dikison tổ hợp nên khu vực



Hình 1: Mô hình Kết cấu thành phố vùng của Russwurm. Nguồn: Gu Chao Lin, 1995



Hình 2: Mô hình vùng thành phố lý tưởng của Taaffe. Nguồn: Gu Chao Lin, 1995



Hình 3: Mô hình vùng đại đô thị của Muller. Nguồn: Gu Chao Lin, 1995

ven đô được các học giả trên thế giới thảo luận và nghiên cứu sau này.

*b) Mô hình vùng thành phố lý tưởng của E.J.Taaffe*

Năm 1963, ba học giả E.J.Taaffe, Garner và M.H. Teatos đề ra mô hình kết cấu vùng thành phố bao gồm khu trung tâm hành chính thương mại (CBD), vành đai ven trung tâm (Urban fringer), vùng đệm trung gian, vùng ven ngoại và vùng cận ngoại ô. Khu CBD là trung tâm kinh tế văn hoá xã hội của toàn thành phố. Vành đai ven trung tâm được tổ hợp bởi những vùng hình quạt, bao gồm chức năng thương mại dịch vụ, các khu công nghiệp và các khu ở. Vùng đệm trung gian là những khu ở đa dạng về chất lượng và chủ thể sở hữu xen kẽ và phức hợp, càng xa trung tâm mật độ xây dựng càng giảm. Vùng ven ngoại bao gồm các đô thị mới, khu công nghiệp nhẹ và những khu nhà ở dành cho tầng lớp thu nhập trung bình, khu vực này đồng thời có những trung tâm thương mại lớn, quảng trường đỗ xe và nhiều khách sạn. Vùng ngoại ô gồm có những khu nhà ở và khu công nghiệp rải rác bên cạnh những nông trường.

*(c) Mô hình kết cấu thành phố vùng của Russwurm:*

Theo lý luận kết cấu thành phố vùng (Regional Urban Structure) năm 1975 của Russwurm, khu vực nội thành đảm nhiệm chức năng hoạt động kinh tế, thương mại và công năng sinh hoạt, hoạt động của đô thị. Vùng ven nội nằm liền tiếp với khu nội thành, là vùng có tính chất sử dụng đất đai biến động và có xu hướng chuyển đổi thành đất đô thị. Vùng ảnh hưởng của thành phố là khu vực không gian rộng lớn bị ảnh hưởng bởi hoạt động kinh tế của thành phố, về mặt thương phẩm, lao động, kinh tế, thông tin liên lạc và vận chuyển hàng hoá đều chịu lực hấp dẫn hướng tâm, khoảng cách với trung tâm đô thị càng gần lực hút càng mạnh mẽ và ngược lại. Khu vực nông thôn được cấu thành bởi đất

đai nông nghiệp và các điểm dân cư, không có mối liên hệ ràng buộc cụ thể với trung tâm thành phố.

*d. Mô hình kết cấu đại đô thị của Muller:*

Năm 1981, Muller đề ra mô hình đại đô thị (Metropolitan area structure) hình thành bởi những đô thị nằm ở ngoại ô của thành phố, mô hình này còn được gọi là mô hình đa trung tâm. Trong bối cảnh khu vực trung tâm các thành phố lớn suy thoái cùng với sự phát triển của khu vực ngoại vi, mô hình của Muller phân tách kết cấu không gian đại đô thị gồm khu vực trung tâm dần suy thoái, vùng ven nội đô, vùng ven ngoại và ngoại ô. Trong mô hình của ông, những khu đô thị nhỏ nằm giữa trung tâm thành phố và vùng ngoại vi phát huy vai trò tương tác mạnh mẽ, giao thông mạng lưới hoá, thúc đẩy hoạt động kinh tế nội vùng phát triển, hình thành hệ thống vùng đại đô thị hoàn chỉnh.

**Nghiên cứu về diễn tiến phát triển của vùng ven đô**

*(a) Động thái nghiên cứu quá trình phát triển của vùng ven đô:*

Đầu những năm 1960, nhà địa lý học người Anh R.G.Cozen từ góc độ về tính phức tạp và tính trật tự của quá trình phát triển đô thị phát hiện ra yếu tố chu kỳ và tính quy luật trong quá trình phát triển của vùng ven đô. Nhà nghiên cứu Erikson phân tách quá trình phát triển không gian của vùng ven thành ba giai đoạn: Giai đoạn trước 1940 khu vực ven đô là nơi chuyển dịch của các công năng đa dạng từ nội đô, chủ yếu dựa trên các trục phát triển ly tâm, hình thành những vùng chức năng hoá. Giai đoạn 1940-1960: vùng ven đô phát triển kết cấu phân tán hoá và đa dạng hoá chức năng đô thị, các ngành công nghiệp, thương mại, cùng với sự phát triển hướng ngoại của cơ sở hạ tầng và dịch vụ kéo dẫn lượng lao động và nhân khẩu rời khỏi vùng trung tâm, vùng ven đô mở rộng theo các trục và từng lớp. Giai đoạn từ 1960 tới nay, vùng ven đô phát triển theo dạng lấp đầy cá khoảng trống không gian

, điều chỉnh và hoàn thiện các công năng đô thị, đi vào thời kỳ phát triển ổn định.

Đến những năm 1970, H.Carter kết hợp nghiên cứu hình thái không gian của vùng ven đô với tính chu kỳ xây dựng của thành phố, lý luận địa tô và biến động xã hội hướng đến thảo luận về kết cấu không gian và cơ chế diễn tiến của vùng ven đô<sup>7</sup>. Sau đó, Nelson và L.a.Pyle kết hợp phân tích giữa cơ chế giao dịch đất đai trên thị trường và sự biến đổi sử dụng đất ở vùng ven đô nhằm phân tích cơ chế tác động của thị trường đối với quá trình phân bố đất ở vùng ven, đồng thời phân tích hành vi sử dụng giao dịch đất của các chủ thể sở hữu tại khu vực ven đô<sup>8</sup>.

Từ khía cạnh xã hội học, David Clarke thông qua nghiên cứu cơ chế hình thành của các khu dân cư tại vùng ven, cho rằng yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất tới sự hình thành của vùng ven đô không phải là vị trí. Thay vào đó, tầng lớp xã hội, phân hoá nghề nghiệp và sắc tộc mới là những yếu tố quyết định tới sự hình thành của các khu dân cư tại vùng ven<sup>10</sup>. Suttles và Berry phân loại những khu dân cư tại vùng ven đô của nước Mỹ thành 4 loại: khu ở cao cấp dành cho người giàu, khu ở dành cho những gia đình trung lưu, khu ở của bộ phận dân cư thu nhập thấp, khu ở dành cho giai cấp công nhân, khu ở dành cho dân ngoại quốc<sup>10</sup>.

*(b) Cơ chế, động lực phát triển của vùng ven đô:*

1) Sự suy thoái của trung tâm thành phố là động lực thúc đẩy sự phát triển của vùng ven. Sau thế chiến thứ 2, cùng với tập trung của các ngành nghề và lượng lao động khiến khu vực trung tâm thành phố trở nên chật chội, mật độ dân số cao khiến giao thông tắc nghẽn, giá đất tăng, cung ứng nhà ở gặp khó khăn kèm với đó là ô nhiễm môi trường, tỷ lệ phạm tội tăng cao. Những căn bệnh của đô thị khiến vùng trung tâm dần mất đi sức hút đối với dân cư và các doanh nghiệp. Cùng với

lực đẩy của thị trường bất động sản, tầng lớp thu nhập cao và trung lưu dần chuyển dịch ra khu vực ven đô nhằm tìm kiếm môi trường không gian sinh sống tốt hơn; kèm theo đó là sự chuyển dịch của các ngành công nghiệp và thương mại kéo theo lượng lao động lớn cư trú tại vùng ven, kích thích sự hình thành và phát triển của khu vực ven đô.

2) Sự phát triển và phổ cập của ngành sản xuất ô tô cùng với cuộc cách mạng công nghệ thông tin đã thay đổi phương thức sản xuất và xuất hành của con người, rút ngắn khoảng thời gian để liên lạc, vận chuyển và trao đổi thông tin. Sau thế chiến thứ 2, sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp sản xuất ô tô kéo theo quá trình xây dựng hệ thống đường cao tốc thúc đẩy sự chuyển dịch của các ngành công nghiệp, thương mại và dịch vụ về khu vực ven đô. Cùng với sự bùng nổ của công nghệ thông tin và internet, đã thay đổi hoàn toàn phương thức liên lạc và truyền đạt thông tin của con người, yếu tố khoảng cách và vị trí địa lý không còn cản trở quá trình liên lạc trao đổi thông tin giữa các doanh nghiệp, sở ban ngành. Điều đó khiến cho ưu thế vị trí của vùng trung tâm giảm sút, thúc đẩy quá trình chuyển dịch của các doanh nghiệp, xí nghiệp và cư dân ra vùng ven đô.

3) Chính sách và quy hoạch của chính phủ thúc đẩy quá trình phát triển của vùng ven đô: Tại Anh Quốc, quy hoạch vùng và chính sách phát triển nhà ở của chính phủ là động lực chính để thúc đẩy phát triển các đô thị mới (New Town) ở vùng ven. Ngoài ra, chính phủ còn ban hành hàng loạt chính sách thu hút đầu tư vào khu vực ven đô, thu hút sự đầu tư, chuyển dịch và tập trung của các doanh nghiệp, các ngành công nghiệp sản xuất và thúc đẩy xây dựng khu ở tại ven đô.

(4) Những thay đổi của điều kiện lịch sử và quan niệm của quần chúng thúc đẩy sự phát triển của vùng ven đô: Sau thế chiến thứ hai, các quốc gia phương tây bước vào giai đoạn hoà bình ổn định về chính trị và kinh tế xã hội khiến các đô thị ở phương tây bước vào

giai đoạn phát triển tăng tốc. Sự phát triển kinh tế tại vùng ven mang đến lượng lao động lớn di chuyển về vùng ven đô, kèm với đó là những quân nhân giải ngũ hồi hương tìm kiếm việc làm. Cùng với đó là xu thế rời bỏ trung tâm thành phố ồn ào và ô nhiễm, hướng về khu vực ven đô với không khí trong lành và chất lượng sống cao hơn của cư dân đô thị.

### **Thành phố ngoại vi – sự phục hưng của vùng ven đô nước Mỹ**

Những năm 1990, cùng với sự tác động của quá trình toàn cầu hoá, sự phát triển của công nghệ thông tin và nền kinh tế tri thức (Knowledge Economy), tại những thành phố lớn của Mỹ, vùng không gian thành phố chuyển biến từ kết cấu đơn cực sang đa cực, hệ thống hoá và mạng lưới hoá. Tiến trình phát triển của kết cấu đô thị diễn ra mạnh mẽ với những đặc điểm sau: (1) Dân số tại khu vực trung tâm giảm nhưng có chiều hướng tăng nhanh tại vùng ven đặc biệt khu vực ven ngoại ô; (2) Lượng công việc và chỗ làm tại vùng trung tâm giảm nhưng tăng nhanh tại các đô thị, thị trấn ven đô; (3) Các đô thị và thị trấn ven đô có mối liên kết cộng sinh ngày càng chặt chẽ, thu hút lượng lớn lao động tri thức và cạnh tranh mạnh mẽ với khu trung tâm. Quá trình mở rộng của không gian của thành phố xuất hiện những hình thức kết tụ mới, những đô thị vệ tinh, trung tâm phụ, thành phố ngoại vi đã hình thành và tự hoàn thiện những chức năng cơ bản của thành phố, bổ sung những ngành công nghiệp thương mại hay dịch vụ và cư ngụ, dần dà những đô thị ở vùng ven đô phát triển thành những trung tâm mới có chức năng giống với khu vực CBD được Joel Gareau (1991) gọi là thành phố ngoại vi (Edge city).

Thành phố ngoại vi trở thành một dạng hình thái đô thị mới tại các thành phố lớn ở nước Mỹ. Trong đó, năm đặc trưng cơ bản của thành phố ngoại vi được các học giả đúc kết bao gồm: (1) là thành phố trong đó quy mô diện

tích không gian văn phòng chiếm trên 5 triệu mét vuông và là nơi tập trung của nhiều tập đoàn, công ty đầu não; (2) có quy mô không gian thương mại bán lẻ trên 600 ngàn mét vuông; (3) số lượng lao động tại địa phương cao hơn số lượng dân thường trú (tính theo ngày), quy mô đất sản xuất công nghiệp lớn hơn quy mô đất ở; (4) Trang bị đủ những dịch vụ giải trí, tiêu dùng của một thành phố; (5) 30 năm về trước nơi đây hoàn toàn không phải là một thành phố.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế tri thức, công nghệ thông tin và giao thông, vùng ven đô tại các nước phương tây đã bước sang giai đoạn phát triển mới, thoát khỏi mô hình kết cấu trung tâm – ngoại vi truyền thống. Các thành phố ngoại vi dần trở thành những trung tâm mới, liên kết lẫn nhau thành một hệ thống và có sức ảnh hưởng tới những khu vực ngoại vi xung quanh.

Mặt khác, những vấn đề của xây dựng, thiết kế cảnh quan không gian khu vực ven đô cũng trở thành trọng tâm nghiên cứu của các học giả phương tây trong những năm gần đây. Mattias Qvistrom nghiên cứu và phê phán nguyên nhân phát sinh hiện tượng các bãi rác rác thải quy mô lớn tập trung tại vùng ven gây ô nhiễm và sút giảm chất lượng cảnh quan vùng ven đô. Micheal Hollar lập nên một hệ thống mô hình lý luận phân tích mối quan hệ tương tác giữa vùng trung tâm và vùng ven đô. Từ góc độ thiết kế, William đề ra những giải pháp thiết kế không gian mở, không gian thương mại và thiết kế không gian khu vực ven đô phù hợp với kích thước và hoạt động của con người. Bên cạnh đó, vấn đề tại những khu ổ chuột và khu vực xây dựng trái phép tại vùng ven cũng được các học giả quan tâm: Lewis và Esfandiari Zebardast nghiên cứu những mâu thuẫn tồn đọng trong cơ chế chính sách nhà ở và đất đai tại khu vực ven đô, mang đến những vấn đề về xây dựng trái phép và sự hình thành của những khu ổ chuột...

## KẾT LUẬN:

Thông qua quy nạp và tổng kết những nghiên cứu và lý luận cơ bản về quá trình vận động và phát triển của vùng ven đô tại các nước phương tây, có thể nhận ra sự phát triển của vùng ven đô chịu sự tương tác song song của cả thành phố và nông thôn trong tiến trình đô thị hoá, đồng thời là kết quả của quá trình tích tụ, phân tán mang tính động thái của không gian đô thị. Trong đó, cơ chế thúc đẩy sự phát triển của vùng ven đô bao gồm nhiều phương diện: sự phát triển của giao thông cơ giới, ngành công nghiệp sản xuất ô tô và cách mạng công nghệ thông tin; chính sách và quy hoạch của chính quyền nhằm thúc đẩy sự phát triển; yếu tố lịch sử, chính trị, văn hoá; sự suy thoái của khu vực trung tâm và những căn bệnh đô thị.

Đến nay, nghiên cứu của học giả phương tây xung quanh sự phát triển của vùng ven đô đã có gần 70 năm lịch sử. Những nghiên cứu về vùng ven tại các nước phát triển chủ yếu tập trung ở giai đoạn phát triển nhanh chóng của vùng ven, những nghiên cứu ban đầu xuất phát từ khía cạnh không gian, dần thâm nhập vào tính quy luật của chu trình phát triển, phân tích đánh giá những yếu tố ảnh hưởng, động lực và cơ chế tác động ...

Từ góc độ cơ chế diễn biến hình thành vùng ven đô, các học giả cho rằng sự phát triển của vùng ven đô sau thế chiến thứ hai diễn ra cùng lúc với quá trình ngoại ô hoá (suburbanisation) tại

các nước phát triển mà đi đầu là Mỹ. Khởi đầu bởi sự di dời nơi ở của tầng lớp thượng - trung lưu từ trung tâm ra vùng ven, kéo theo đó là sự chuyển dịch của các ngành công nghiệp, xí nghiệp công xưởng sản xuất, sau cùng là các trung tâm thương mại và các ngành dịch vụ. Quá trình ngoại ô hoá và sự hưng thịnh của vùng ven đô trực tiếp dẫn đến sự suy thoái của khu vực trung tâm tại các thành phố lớn ở những nước phát triển.

Từ góc độ kết cấu vùng đô thị, kết cấu không gian tại các thành phố lớn đã dần chuyển biến từ mô hình đơn trung tâm sang đa trung tâm. Thậm chí tại các thành phố ở nước Mỹ, vùng ven đô phát triển theo mô hình mạng lưới hoá, hoà nhập vào sự phát triển của hệ thống vùng đô thị, những thành phố ngoại vi với đầy đủ chức năng thương mại, cư trú và làm việc được hình thành tại ngoại ô các thành phố, mở ra thời kỳ phát triển mới của cấu trúc không gian đô thị.

Trước mắt, nghiên cứu của các học giả phương tây chú trọng nghiên cứu diễn tiến phát triển của các thành phố ngoại vi; ngoài ra góc độ nghiên cứu chuyển từ vĩ mô tới những khía cạnh và vấn đề cụ thể như không gian công cộng, quy hoạch cây xanh sinh thái hay gây dựng những khu ở vị nhân sinh ở vùng ven đô. Bên cạnh đó, một bộ phận học giả hướng sự chú ý tới sự phát triển của vùng ven đô tại các nước đang phát triển tại khu vực Mỹ La tinh, Đông Nam Á, Trung Quốc và châu Phi. ■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1] Louis H. Die geographische Gliederung von Gross-Berlin [M] // Louis H, Panzer weds Landerkundliche Forschung: Krebs—Festschrift. Stuttgart: Englehorn, 1936: 146—71.
- [2] Wehrwein GS. The Rural Urban Fringe [J]. Economic Geography, 1942(18): 217- 28
- [3] Conzen MRG. Alnwick, Northumberland: A Study in Town—Plan Analysis. Institute of British Geographers Publication, No.27. London: George Philip & Son. 1960.
- [3] Andrews RB. Elements in the Urban Fringe Pattern [J] Journal of Land and Public Utility Economics, 1942 (18): 169-83.
- [4] Whitehand J. FRINGE BELTS: A Neglected Aspect of Urban Geography Transactions of the Institute of British Geographers, No.41 London: Royal Geographical Society (with the Institute of British Geographers), 1979.
- [5] Russwurm Lorne H, Sommerville E. Man's Natural Environment: A System Approach [M] Pacific Grove: Duxbury, 1975.
- [6] Pyror RG. Defining the Rural Urban Fringe [J]. Social Forces, 1968(47): 202.15.
- [7] Carter H, Wheatley S. Fixation Lines and Fringe Belts, Land Uses and Social Areas: 19-Century Change in the Small Town. Transaction of the Institute of British Geographers. London: Royal Geographical Society (with the Institute of British Geographers), 1979.
- [8] GU Chao Lin, CHEN Tian. The Study of the urban fringes in China [M]. Beijing Science Press, 1995.
- [9] CHARLESWOILTH E. City edge: contemporary discourses on urbanism. 2005.
- [10] Zhang Xian Jun. Foreign urban fringe studies and its revelation. Urban Planning Overseas, 2005(4): 72—75.

## Abstract

Urban fringe is the transition zone between urban and rural area, reflects on the mixture of land uses and functions of both rural and urban. Under processes of urbanisation and suburbanisation, the urban fringe became most important zone for cities's development and seriously impacted by the spreading process of urban space. Past studies on urban fringe 's development in Western countries began from 30s of twenty century with discussions surrounding the definition, characteristics and the range of urban fringe. Gradually, research field extend to the development law and the dynamic mechanism of urban fringe development under perspective of regional economy and spatial development.

**Keyword:** Urban fringe, suburbanisation

# Ứng dụng mô hình **TOD** trong phát triển đô thị tại Việt Nam

ThS. **ĐẶNG THỊ ANGA**  
 Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

**Đ**ẶT VẤN ĐỀ  
 Vấn nạn giao thông đô thị tại Việt Nam không chỉ bắt nguồn từ một hệ thống hạ tầng yếu kém, vai trò mờ nhạt của hệ thống giao thông công cộng (GTCC) mà quan trọng hơn là sự thiếu vắng mối liên hệ giữa quy hoạch giao thông và quy hoạch sử dụng đất. Phát triển vận tải hành khách công cộng (đặc biệt là đường sắt đô thị) là giải pháp hữu hiệu nhằm hạn chế ùn tắc giao thông, đáp ứng nhu cầu đi lại và đảm bảo phát triển đô thị bền vững. Hệ thống đường sắt đô thị (ĐSĐT) còn có ảnh hưởng lớn tới sử dụng đất, các hoạt động kinh tế xã hội và môi trường đô thị. Chi phí xây dựng các tuyến ĐSĐT rất tốn kém nên cần tối đa hóa lợi ích từ hệ thống này thông qua việc phát triển đô thị gắn kết. Mô hình TOD (Transit Oriented Development) từ lâu đã được nhiều đô thị áp dụng để phát triển đô thị, gắn kết giữa GTCC với sử dụng đất và đã mang lại nhiều thành công. Các đô thị lớn ở nước ta như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đang bắt đầu xây dựng các tuyến ĐSĐT. Đây là cơ hội tốt để các thành phố cải tạo cảnh quan đô thị, “tái cấu trúc đô thị” dọc theo hành lang của các tuyến GTCC

khối lượng lớn. Ứng dụng mô hình TOD trong phát triển đô thị, gắn kết với GTCC sẽ cải thiện được khả năng tiếp cận các dịch vụ vận tải công cộng, góp phần tăng lượng hành khách cho ĐSĐT, tăng cường phát triển kinh tế - xã hội tại và quanh nhà ga, mang lại lợi ích nhiều mặt cho cộng đồng dân cư. Áp dụng mô hình TOD trong phát triển đô thị ở nước ta là một hướng đi mới. Phân tích đầy đủ những thuận lợi và khó khăn khi ứng dụng mô hình này là cơ sở để triển khai, lồng ghép vào các đồ án thực tế.

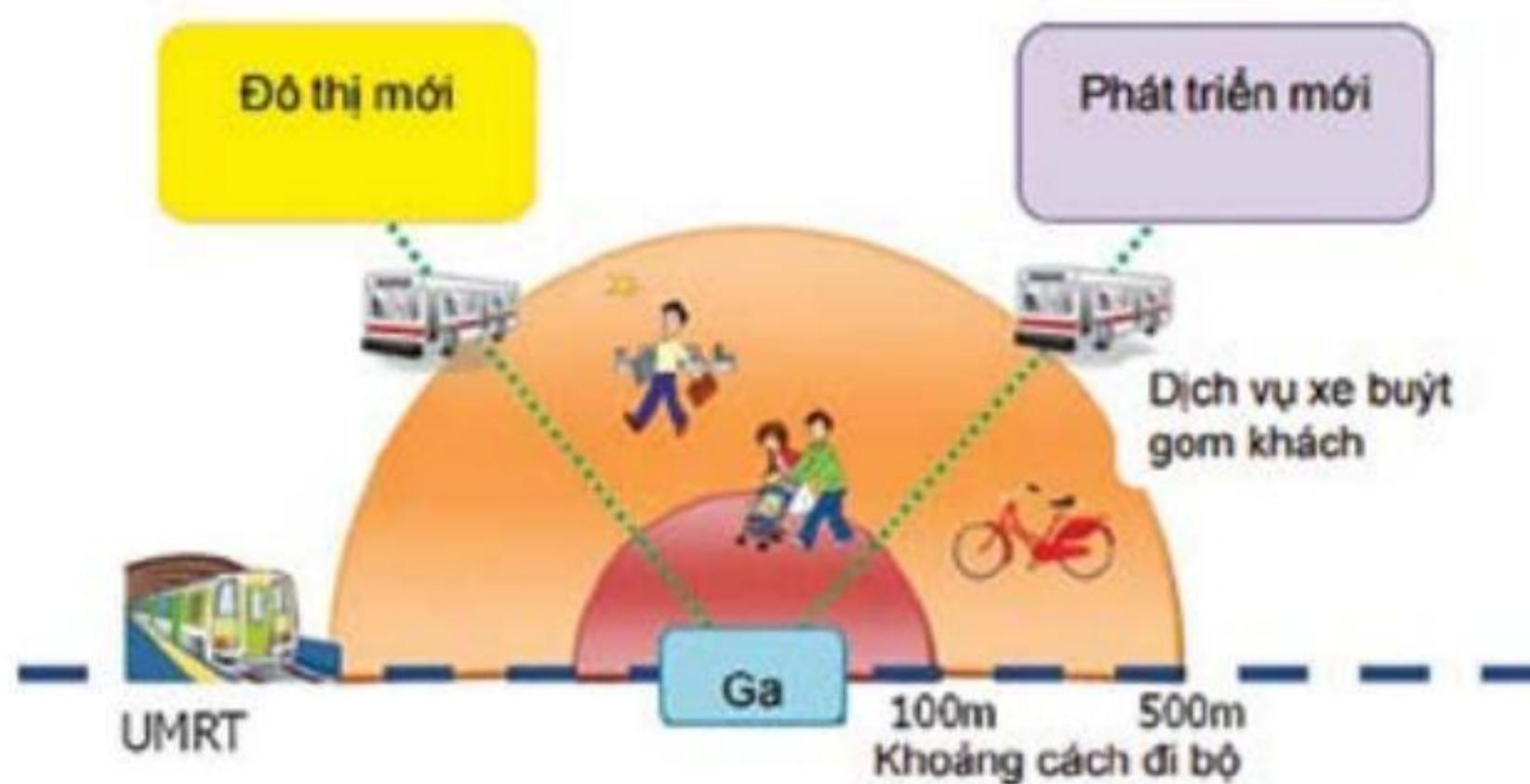
**ĐẶC ĐIỂM CỦA PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THEO MÔ HÌNH TOD**  
 Theo tiêu chuẩn quy hoạch và thiết kế đô thị của Hiệp hội quy hoạch Hoa Kỳ (APA) thì phát triển theo định hướng giao thông (TOD) bao gồm các tiêu chí: Sử dụng tối đa GTCC trong đô thị, ít phụ thuộc vào giao thông cá nhân; diễn ra trong khoảng ½ dặm (0.4km) quanh trạm dừng GTCC; bao gồm hỗn hợp đa dạng các hình thức sử dụng đất như nhà ở, văn phòng...; mật độ sử dụng đất cao; dễ dàng tiếp cận đến nhà ga bằng xe đạp/ đi bộ.



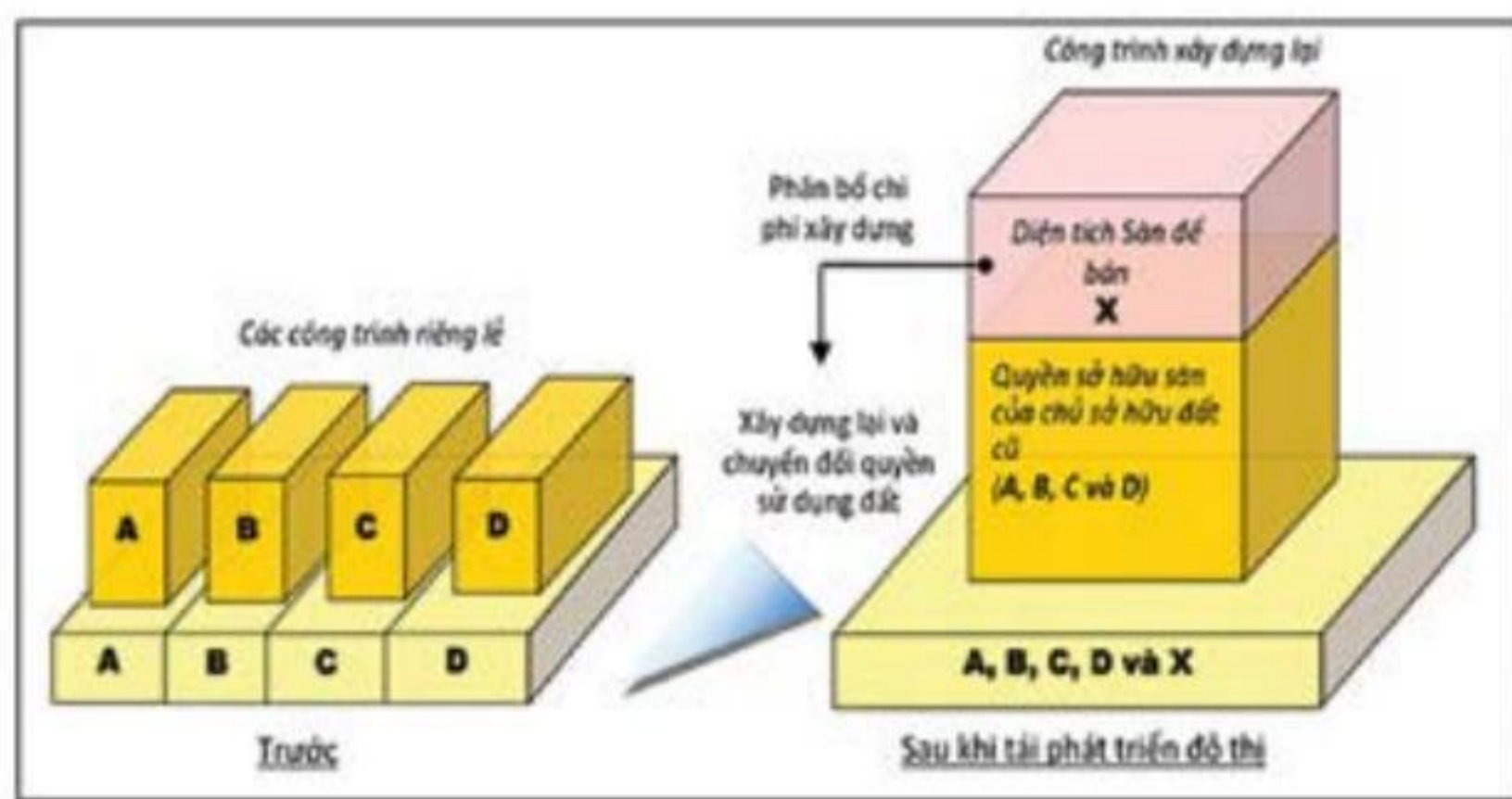
Hình 1: Các nhân tố cấu thành TOD. Nguồn: [12]



Hình 2: Các khu vực ảnh hưởng của ĐSDT. Nguồn: [2]



Hình 3: Ý tưởng phát triển theo hướng vận tải công cộng. Nguồn: [2]



Hình 4: Mô hình tái phát triển đô thị. Nguồn: [2]

Viện chính sách phát triển giao thông (ITDP) đã đưa ra 8 nguyên tắc phát triển đô thị theo mô hình TOD (nguyên tắc 8D) là: Điểm đến (Destinations), khoảng cách (Distance), hỗn hợp (Disersity), mật độ (Density), thiết kế (Design), nhu cầu (Demand), phát triển tại chỗ (Development) và dân số học (Demo graphics). 8 nguyên tắc trên được cụ thể hóa như sau: Phát triển không gian xung quanh khu vực khuyến khích người đi bộ; Ưu tiên mạng lưới giao thông không cơ động như xe đạp (Cycle); Phát triển gần hệ thống GTCC chất lượng cao (Transit); Quy hoạch hỗn hợp chức năng sử dụng (Mix) giúp rút ngắn khoảng cách chuyển đi....  
TOD thường gắn với các tuyến ĐSDT. Xác định phạm vi ảnh hưởng của

ĐSDT có vai trò quan trọng trong việc định hướng cấu trúc đô thị cũng như đề ra các giải pháp phù hợp trong việc quy hoạch, kết nối các phương thức vận tải hành khách với nhau... Khu vực ảnh hưởng của ĐSDT xác định từ ga có thể được chia thành ba mức: Mức 1 (Khu vực tại và quanh nhà ga ĐSDT); Mức 2 (Khu vực trong cự ly đi bộ tới ga với khoảng cách 400m-1000m); Mức 3 (Khu vực có dịch vụ gom khách để mở rộng phạm vi phục vụ của ĐSDT. TOD mang lại lợi ích to lớn trong phát triển đô thị. Có thể kể đến như: Giảm ùn tắc giao thông; phát triển và khai thác tốt ĐSDT thông qua việc tăng lượng khách, sự hài lòng của hành khách với GTCC; khuyến khích người dân đi bộ và sử dụng GTCC; tiết kiệm đất qua việc phát triển tập trung; tạo ra lợi ích kinh tế...

#### KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THEO MÔ HÌNH TOD TẠI MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

Nhiều thành phố tại Nhật Bản cũng trải qua giai đoạn đô thị hóa nhanh, tăng trưởng kinh tế ở mức cao dẫn tới ùn tắc giao thông do tăng dân số, tăng sở hữu xe và tập trung dân cư ở khu vực nội thị. Áp lực lên hệ thống hạ tầng, giao thông đô thị ngày càng lớn. Để giải quyết vấn đề này Nhật Bản đã xây dựng một hệ thống GTCC hiện đại (chủ yếu là metro). Đồng thời, Nhật Bản còn áp dụng chính sách "tái phát triển đô thị" bằng cách "điều chỉnh đất" quanh các nhà ga đường sắt. Thông qua hợp tác "công - tư" (PPP) giữa nhà nước và tư nhân, Nhật Bản đã huy động được một nguồn vốn rất lớn để xây dựng hạ tầng và phát triển đô thị. Mô hình TOD được nhiều thành phố tại Nhật Bản áp dụng, điển hình là thủ đô Tokyo. Với quy mô dân số trên 30 triệu người, Tokyo được biết đến là một trong những đô thị có sức cạnh tranh, sống tốt và thân thiện với môi trường bậc nhất trên thế giới. Đạt được điều đó chủ yếu là nhờ Tokyo có được mạng lưới ĐSDT trải rộng, được xây

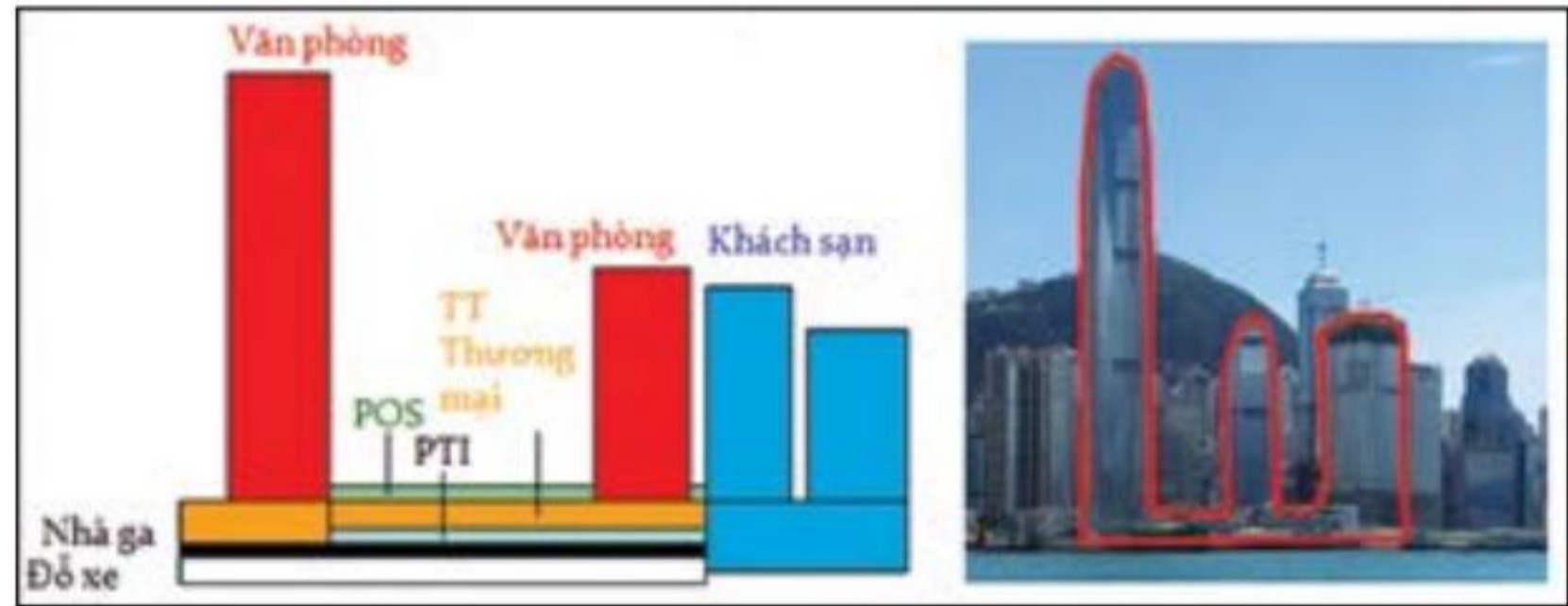
dụng trong quá trình đô thị hóa. Mạng lưới đường sắt bao phủ với mật độ cao cho phép người dân tới ga trong vòng (5-10) phút đi bộ với chi phí phải chăng. Việc chuyển đổi giữa các loại hình phương tiện giao thông dễ dàng do xung quanh nhà ga thường bố trí các cơ sở hạ tầng liên hợp như bãi đỗ xe, bến xe buýt...

Trong nhiều cuộc điều tra khác nhau của các tổ chức lớn trên thế giới, Singapore đã liên tục được xếp hạng là đô thị năng động, phát triển bền vững và sống tốt trên toàn cầu. Với quan điểm "Xây dựng đô thị phải tập trung vào yếu tố con người", Singapore đã tạo nên những đô thị đa dạng, phát triển toàn diện, đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân (tối ưu hóa GTCC)... Chính phủ Singapore đã xây dựng và phát triển hệ thống MRT (Mass Rapid Transit) nhằm giải quyết các khó khăn về khan hiếm đất đai và phát triển dân cư tập trung với mật độ cao. Một đô thị có mật độ dân số cao thường không có nhiều sự lựa chọn cho một quy hoạch hoàn hảo nhưng cũng chính vì thế mà các nhà quy hoạch cần phải tính toán kỹ lưỡng cho việc sử dụng từng tấc đất khan hiếm một cách hiệu quả nhất. Đó chính là sự kết hợp của quy hoạch dài hạn, chính sách đất đai phù hợp, có sự kiểm soát trong phát triển đã giúp Singapore có được thành tựu như hôm nay. Singapore đã thay đổi mô hình đô thị để trở thành một thành phố khuyến khích GTCC, phát triển năng động. Singapore có thể coi là trường hợp thành công về phát triển ĐSĐT gắn với mô hình TOD mở rộng. Quy hoạch sáng tạo, thiết kế thông minh, phát triển bền vững là thông điệp và bài học thực tiễn quý giá của Singapore muốn gửi tới các đô thị trên toàn thế giới.

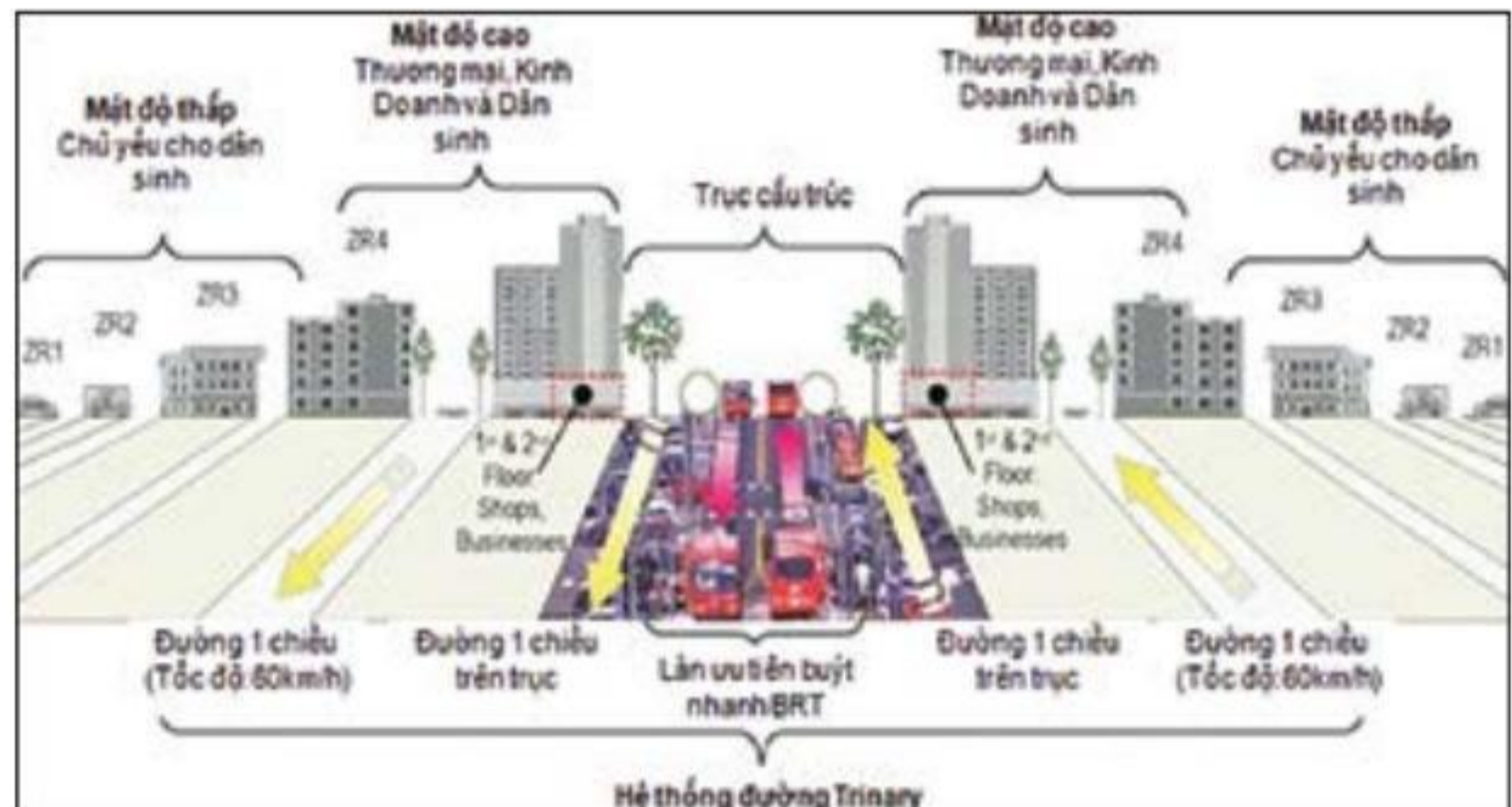
Với hơn 7 triệu dân, Hồng Kông là một trong những thành phố đông dân nhất thế giới. Sự phát triển nhanh chóng của Hồng Kông trong suốt 50 năm qua dựa trên mô hình đô thị phát triển với mật độ cao, bị chi phối bởi mạng lưới tàu điện ngầm. Phát triển ĐSĐT và bất động sản quanh ga (Rail + Property)



Hình 5: Cấu trúc đô thị cơ bản của Singapore. Nguồn: [2]



Hình 6: Phát triển ĐSĐT kết hợp với bất động sản tại Hồng Kông. Nguồn: [4]



Hình 6: Phát triển ĐSĐT kết hợp với bất động sản tại Hồng Kông. Nguồn: [4]

tạo nên những khu đô thị hiện đại, văn minh được cung cấp đầy đủ các dịch vụ thiết yếu. Ở Hồng Kông, các trung tâm bán lẻ, các văn phòng thường được phát triển ở bên trên các trạm trung chuyển lớn, tạo ra doanh thu cho các doanh nghiệp đồng thời tăng lượng hành khách sử dụng tàu điện ngầm.

Curitiba luôn được nhắc tới như một thành phố đã rất thành công trong phát triển bền vững trên cơ sở kết hợp hiệu

quả quản lý sử dụng đất và hệ thống BRT chất lượng cao theo mô hình TOD. Curitiba có hệ thống giao thông độc đáo do thành phố này phát triển và được sự quan tâm trên khắp thế giới. Sự thuận tiện của BRT tại thành phố này đã kích thích việc chuyển từ xe con sang đi xe buýt. Đặc biệt có tới 28% hành khách sử dụng BRT trước kia sử dụng xe ô-tô. Quy hoạch tổng thể của Curitiba đã gắn kết giao thông với quy hoạch sử dụng đất, kích thích sự biến đổi về tập quán,

kinh tế - xã hội tại thành phố này. Quy hoạch này tập trung phát triển vào khu vực trung tâm, khuyến khích phát triển thương mại dọc các trục giao thông huyết mạch. Khu vực dân sinh quy mô vừa và lớn dựa vào trục cơ cấu của thành phố và lan tỏa ra các khu vực xung quanh. Những quyết định sáng suốt về mật thể chế là nhân tố quan trọng dẫn tới thành công của Curitiba khi áp dụng mô hình TOD để phát triển đô thị.

### NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN KHI ỨNG DỤNG MÔ HÌNH TOD TRONG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TẠI VIỆT NAM

Nhận thức rõ nguy cơ và hậu quả của tình trạng ùn tắc giao thông đô thị, Chính quyền các thành phố lớn tại nước ta đã và đang áp dụng nhiều giải pháp khác nhau nhằm giải quyết những vấn đề trước mắt cũng như chuẩn bị những giải pháp chiến lược trong dài hạn, trong đó phát triển vận tải hành khách công cộng là lựa chọn cơ bản của hầu hết các đô thị. Xây dựng hệ thống ĐSDT ở thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cần được ưu tiên để đảm bảo nhu cầu đi lại, giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông. Chi phí xây dựng các tuyến ĐSDT là rất tốn kém nên cần tối đa hóa lợi ích từ hệ thống này thông qua việc phát triển đô thị gắn kết. Ứng dụng mô hình TOD trong phát triển đô thị gắn kết nghiên cứu cụ thể hóa vào Việt Nam cần đảm bảo các yêu cầu như cung cấp đủ dịch vụ thiết yếu, nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo thêm các lợi ích kinh tế, duy trì bản sắc đô thị, giữ gìn môi trường sinh thái bền vững, khuyến khích sử dụng GTCC... Ứng dụng mô hình TOD trong phát triển đô thị áp dụng tại nước ta cần tùy thuộc vào đặc điểm từng khu vực để có giải pháp phù hợp.

### Những thuận lợi khi ứng dụng mô hình TOD trong phát triển đô thị tại Việt Nam

Hệ thống ĐSDT đang được triển khai xây dựng tại các thành phố sẽ là chất xúc tác mạnh mẽ trong việc xây dựng, tái cấu trúc đô thị. Đồ án "Quy hoạch



Hình 8: Quy hoạch hệ thống ĐSDT, monorail và BRT của thành phố Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn 2050. Nguồn: [6]

chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050" xác định thành phố sẽ xây dựng 08 tuyến ĐSDT. Bên cạnh đó đồ án "Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050" bổ sung thêm 3 tuyến monorail và 8 tuyến BRT. Ý tưởng cơ bản về TOD cũng được thể hiện trong các đồ án này nhằm kiểm soát không gian công cộng, khuyến khích người dân sử dụng GTCC. Áp dụng mô hình TOD trong phát triển các dự án đô thị mới, tại các điểm đầu mối giao thông. Trong khi đó, ý tưởng xây

dựng các tuyến ĐSDT tại thành phố Hồ Chí Minh đã có từ năm 1998. Tới năm 2013, theo đồ án điều chỉnh quy hoạch giao thông thành phố, hệ thống ĐSDT đã có những thay đổi đáng kể. Cụ thể đến năm 2030, thành phố Hồ Chí Minh sẽ có 8 tuyến tàu điện ngầm, 1 tuyến tramway và 2 tuyến monorail với chiều dài tổng cộng 216km. Một hệ thống ĐSDT mới bắt đầu xây dựng sẽ là cơ hội tốt để các đô thị triển khai nghiên cứu áp dụng mô hình TOD tại các khu vực trên toàn mạng lưới. Trong những năm gần đây, Hà Nội



và TP.HCM cũng đã có những quan tâm, triển khai các chương trình, hợp tác quốc tế nghiên cứu phát triển đô thị gắn kết theo mô hình TOD, đưa định hướng phát triển gắn kết theo mô hình TOD vào trong các đồ án quy hoạch. Có thể kể đến một số dự án như: *Chương trình phát triển đô thị tổng thể Thủ đô Hà Nội nước CHXHCN Việt Nam (HAIDEP); Dự án phát triển UMRT gắn kết với phát triển đô thị ở Hà Nội (HAIMUD1 và HAIMUD2); Dự án phát triển giao thông đô thị Hà Nội; Hỗ trợ đặc biệt thực hiện dự án (SAPI) cho dự án đường sắt đô thị thành phố Hồ Chí Minh*

(đoạn Bến Thành – Suối Tiên)... Nhiều hội thảo khoa học được tổ chức để các chuyên gia đóng góp ý kiến cho các đô thị trong việc vận dụng mô hình TOD. Nhật Bản, Singapore, Mỹ và nhiều nước khác đã rất thành công trong việc phát triển đô thị theo mô hình này. Đây là cơ hội để chúng ta học hỏi, qua đó rút ra được kinh nghiệm để áp dụng vào tình hình cụ thể tại Việt Nam. Phát triển không gian ngầm cũng là cơ hội đầy hứa hẹn cho phát triển đô thị và kinh tế ở Hà Nội, nhất là ở khu vực trung tâm thành phố nơi chiều cao công trình bị hạn chế. Không gian

ngầm có thể gắn kết theo nghĩa đen với các nhà ga UMRT ngầm cho mục đích thương mại (ví dụ như mua sắm) và công ích (bãi đỗ ngầm). Nếu bố trí mạng lưới rộng rãi các lối đi bộ ngầm có điều hòa không khí thì có thể nối các điểm quan trọng trong trung tâm thành phố một cách hiệu quả và thuận tiện. Các khu vực ngoại vi đang đô thị hóa của Hà Nội là những khu vực có nhiều tiềm năng ứng dụng mô hình TOD – do các khu vực này chưa được xây dựng. Các khu đất mới này có thể được quy hoạch với ý tưởng rõ ràng là gắn kết với vận tải khối lượng lớn cho các mục đích như nhà ở, văn phòng...

**Những khó khăn khi ứng dụng mô hình TOD trong phát triển đô thị tại Việt Nam**

Khu vực nội đô không còn quỹ đất để phát triển và chịu các quy định về kiểm soát phát triển như mật độ xây dựng, tầng cao, dân số... Nhiều khu vực được xây dựng trước đây có môi trường sống chật chội, nhiều công trình đang xuống cấp và dịch vụ đô thị nghèo nàn. Với những khu phố cổ và khu phố cũ tại Hà Nội cần phải giữ gìn những giá trị vật thể và phi vật thể trong quá trình phát triển. Ở khu vực ngoại vi, tốc độ đô thị hóa nhanh làm tăng các hoạt động phát triển tự phát gây tác động tiêu cực tới phát triển đô thị. Thách thức đặt ra cho Hà Nội là phải khôi phục được các quận nội thành cũ trở thành các khu dân cư có chất lượng cuộc sống tốt, thuận tiện cho giao thông, dễ dàng kết nối với GTCC, kết nối thuận tiện với các tổ hợp thương mại, dịch vụ cá nhân, các cơ sở y tế và giải trí trong khi quỹ đất tại đây rất hạn chế. Giải pháp nhà ở của Hà Nội không chỉ là giải quyết chỗ ở tiện nghi mà còn tạo điều kiện dân dân để bảo tồn, di dân để phát triển, để xây dựng hạ tầng kỹ thuật kết hợp kiểm soát sự tăng trưởng dân số tại các quận nội thành. Tạo nơi cư ngụ hiện đại, tiện lợi cho vùng phát triển mới Vì vậy, Hà Nội phải có các phương án, cơ chế hữu hiệu hơn có thể khuyến khích nâng cấp các khu vực đô thị hiện có và phát triển ở khu vực mới.



Hình 9: Quy hoạch hệ thống ĐSDT tại thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 tầm nhìn 2030. Nguồn: [11]



Hình 10: Đề xuất quy hoạch theo mô hình TOD tại ga Hà Nội. Nguồn: [2]



Hình 11: Đề xuất quy hoạch theo mô hình TOD tại ga công viên Thống Nhất. Nguồn: [2]

Việc liên kết, vận hành toàn bộ hệ thống GTCC của các đô thị cũng gặp nhiều trở ngại. Tại Hà Nội, theo quy hoạch mạng lưới vận tải hành khách công cộng có sức chuyên chở lớn sẽ tạo nên nhiều điểm giao cắt, kết nối và đều là những điểm rất phức tạp. Bên cạnh đó còn có các nhà ga trung gian và nhiều điểm dừng đỗ xe buýt. Do đặc thù các dự án vận tải hành khách công cộng đòi hỏi chi phí đầu tư xây dựng lớn, yêu cầu công nghệ cao nên hầu hết đều sử dụng vốn vay nước ngoài kéo theo cơ chế thực hiện phức tạp. Thông thường dự án sử dụng nguồn vốn ODA nước nào thì nhà thầu tư vấn nước đó được chủ trì thiết kế dẫn đến khung tiêu chuẩn áp dụng, công nghệ thiết bị giữa các tuyến là khác nhau. Mặt khác, mỗi tuyến giao thông công cộng lại được phân kỳ đầu tư xây dựng theo các thời điểm không đồng nhất nên việc kết nối giữa các tuyến đã khó

khăn còn khó khăn hơn gấp bội. Mặc dù mong muốn của Chính quyền, của người dân là nhanh chóng xây dựng hệ thống vận tải hành khách công cộng và xây dựng các đô thị mới nhưng để triển khai thực hiện các đồ án quy hoạch vẫn còn nhiều khó khăn, đặc biệt là khó khăn về nguồn vốn. Chi phí đầu tư cho GTCC theo quy hoạch có thể vượt quá khả năng tài chính của thành phố. Chính vì vậy, việc đa dạng hóa các nguồn vốn, thu hút hỗ trợ tài chính quốc tế như các nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA) và huy động các nguồn vốn tư nhân là vô cùng cần thiết. Trong thời gian qua, việc xây dựng phát triển đô thị, mở rộng các tuyến đường đã gặp nhiều khó khăn đặc biệt trong công tác giải phóng mặt bằng và giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý. Các chính sách, quy hoạch của nhà nước là đúng đắn với mục tiêu mang lại cuộc sống

tốt đẹp hơn cho người dân. Tuy nhiên do cơ chế, phương pháp thực hiện chưa thực sự đi vào lòng người, chưa giải thích đầy đủ trong quá trình thực hiện dự án nên dẫn tới sự bất bình trong một bộ phận dân cư. Một số dự án trọng điểm tại Hà Nội bị chậm tiến độ do không có mặt bằng để thi công. Chậm bàn giao mặt bằng cũng làm tăng thêm gánh nặng chi phí cho các dự án. Đây cũng là một trở ngại lớn khi thành phố muốn xây dựng hệ thống vận tải hành khách công cộng và thực hiện việc cấu trúc lại đô thị. Môi trường pháp lý và thể chế liên quan tới việc phát triển đô thị áp dụng mô hình TOD tại Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập. Thiếu các văn bản pháp lý, các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, quy hoạch đô thị theo mô hình này. Thiếu sự phối hợp liên ngành dẫn tới sự chông chéo trong quy hoạch đô thị. Cơ cấu quản lý các dự án GTCC tuân theo logic

từ trên xuống dưới, còn mang tính áp đặt làm cho quy hoạch thiếu linh hoạt và hạn chế khả năng phát huy mọi nguồn lực trong xã hội. Việc điều chỉnh mô hình tổ chức quản lý là cần thiết để triển khai xây dựng mạng lưới GTCC có quy mô lớn. Điều này sẽ được thực hiện dần dần. Tuy nhiên tư duy “chờ đợi” có thể tác động tiêu cực đến tiến độ và hiệu quả của các dự án này.

**Một số giải pháp nhằm ứng dụng mô hình TOD trong phát triển đô thị tại Việt Nam**

Với những phân tích ở trên, có thể thấy việc áp dụng mô hình TOD trong phát triển đô thị ở nước ta là khả thi. Tuy nhiên để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả đầu tư của các dự án thì cần có một số giải pháp như sau: Quy hoạch, Phân khu là công cụ quan trọng giúp kiểm soát, quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch. Các quy hoạch TOD đề xuất cần được thể hiện hay lồng ghép trong quy hoạch phân khu tương ứng. Tận dụng quỹ đất hiện có, sử dụng không gian ngầm tại khu vực trung tâm, phát triển theo đúng định hướng tại khu vực ngoại vi là giải pháp Hà Nội cần nghĩ tới khi phát triển đô thị. Quy hoạch TOD bao gồm nhiều dự án khác nhau, do các bên khác nhau triển khai như doanh nghiệp nhà nước, khu vực tư nhân và cộng đồng dân cư. Nếu không có cơ chế phối hợp hiệu quả thì TOD sẽ không thể thành công. Chính bởi những lý do vừa nêu mà vấn đề kết nối vận tải hành khách công cộng, thực hiện phát triển gắn kết cần được thực hiện ngay từ khâu nghiên cứu lập quy hoạch, định hướng phát triển tới giai đoạn quản lý khai thác. Trong bối cảnh tốc độ phát triển luôn ở mức cao, việc xây dựng mạng lưới GTCC hiện đại là ưu tiên để đảm bảo phát triển bền vững cho đô thị. Các thành phố cần tập trung đầu tư xây dựng và kết nối các tuyến ĐSĐT, các công trình hỗ trợ nhằm thu hút thêm lượng hành khách cho ĐSĐT và thay đổi thói quen di chuyển hiện nay của người dân (vốn chủ yếu là sử dụng xe gắn máy). Do đó, thách thức đặt ra đối

với chính quyền trong việc phát triển mạng lưới GTCC không chỉ là thách thức về tài chính và kỹ thuật mà còn ở khả năng chứng minh cho người dân thấy được rằng di chuyển bằng phương tiện công cộng là tương lai của một đô thị hiện đại. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và thể chế về vận tải hành khách công cộng, về phát triển đô thị áp dụng mô hình TOD cũng là một khâu quan trọng. Cần xác định rõ khu vực TOD và ban hành hướng dẫn xây dựng cụ thể. Đồng thời, cần có các quy định quản lý để triển khai các dự án trong khu vực TOD. Xây dựng một khung pháp lý phù hợp, tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân đầu tư phát triển dịch vụ vận tải hành khách công cộng. Đảm bảo sự phối hợp hài hòa giữa các cấp chính quyền, các cơ quan liên ngành trong quản lý, xây dựng và phát triển đô thị. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực của các nhà quản lý. Đây là những giải pháp thiết yếu cần thực hiện để giúp thành phố huy động được sự hỗ trợ và có nhiều nguồn lực cần thiết để thực hiện quy hoạch.

**KẾT LUẬN**

Công tác quy hoạch và thực hiện TOD liên quan đến ĐSĐT ngày càng quan trọng khi các dự án ĐSĐT tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đang được triển khai thực hiện. TOD mang đến cơ hội mới trong phát triển đô thị, thu hút các nguồn lực để xây dựng hạ tầng, phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân... Ứng dụng mô hình TOD trong phát triển đô thị ở nước ta là một hướng đi mới, có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít trở ngại. Thu hút hành khách sử dụng GTCC; kết nối cả hệ thống GTCC; tận dụng mọi nguồn lực để phát triển; có cơ chế chính sách linh hoạt; đảm bảo phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước, khu vực tư nhân và sự đồng thuận của cộng đồng dân cư ... là những giải pháp cơ bản để triển khai thành công TOD tại các đô thị ở nước ta. ■

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Xây dựng, Bộ Đất đai Hạ tầng Giao thông và Du lịch Nhật Bản (2014), *Kỷ yếu hội thảo mô hình phát triển đô thị tại các đầu mối trung chuyển giao thông*.
2. Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội (2010), *Dự án phát triển UMRT gắn kết với phát triển đô thị ở Hà Nội – nước CHXHCN Việt Nam (HAIMUD1; HAIMUD2)*.
3. Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội (2007), *Báo cáo chương trình phát triển đô thị tổng thể Thủ đô Hà Nội nước CHXHCN Việt Nam (HAIDEP)*.
4. Ngân hàng Thế giới (2011), *Dự án xây dựng các đô thị tiên tiến thông qua các nhà quản lý đô thị giỏi - Chương trình đào tạo dành cho lãnh đạo các đô thị tại Việt Nam*
5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2011), *Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn 2050*.
6. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2016), *Quy hoạch giao thông vận tải thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn 2050*.
7. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2016), *Dự án phát triển giao thông đô thị Hà Nội – Hỗ trợ đối với sở Quy hoạch và kiến trúc thành phố Hà Nội cho quy hoạch đô thị*.
8. American Planning Association (2009), *Quicknotes planning for Transit – Oriented Development*.
9. Hiroaki Suzuki, Robert Cervero and Kanako Iuchi (2013), *Transforming Cities with Transit, Transit and Land - Use Integration for Sustainable Urban Development*.
10. Institute for Transportation and Development Policy (2014), *TOD standard v2.1*.
11. *Trung tâm dự báo và nghiên cứu đô thị*: <http://paddi.vn/vi/>
12. Institute for Transportation & Development Policy (Viện chính sách phát triển giao thông): [https://www.itdp.org/wp-content/uploads/2014/07/ITDP-OCO-Building-Blocks\\_FINAL\\_large.jpg](https://www.itdp.org/wp-content/uploads/2014/07/ITDP-OCO-Building-Blocks_FINAL_large.jpg)

# Khai thác những vùng không gian đặc trưng trong quy hoạch vùng tỉnh Quảng Trị

KTS. **NGUYỄN THỊ MINH LỆ**  
Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội

Quảng trị được đánh giá là một trong những đô thị đặc trưng của Việt Nam. Với vị trí là cửa ngõ quan trọng của Hành lang kinh tế Đông - Tây (EWEC) về phía Việt Nam, Quảng Trị có vị trí đầu mối để thu hút đầu tư, giao thương, giao lưu văn hóa, thu hút khách du lịch các nước GMS, đặc biệt là các nước trên EWEC và các nước thứ 3 vào miền Trung Việt Nam. Là một trong 6 tỉnh thuộc vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung, nằm ở cực phía Bắc, thuộc khu vực đầu tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây, tỉnh Quảng Trị là một trong những cửa ngõ thông thương quốc tế, có vị thế liên kết đặc biệt với sự phát triển của các nước trong tiểu vùng, đồng thời cũng là tỉnh có vị trí và vai trò rất quan trọng vùng Biên giới Việt - Lào, với những tiềm năng và cơ hội để phát triển các ngành kinh tế biển, kinh tế cửa khẩu, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh & khu vực. Vùng đất này hội tụ những giá trị văn hóa nói chung, kiến trúc nói riêng của cả nước. Với một đô thị không lớn như Quảng Trị có được những không gian đặc trưng – những yếu tố hết sức quan trọng trong quá trình phát triển đô thị để làm cơ sở cho việc quy hoạch, tạo diện mạo không gian kiến trúc cảnh quan theo hướng bền vững và giữ gìn những giá trị tinh hoa làm cho Quảng Trị có được bản sắc riêng. Dưới đây là một số không gian tiêu biểu:

## **Không gian vùng trung tâm**

Đây là vùng Thương mại - Dịch vụ - Công nghiệp - Du lịch, nơi tập trung đô thị và dân cư lớn của tỉnh Quảng

Trị, bao gồm Thành phố Đông Hà gắn kết với các đô thị xung quanh là Ái Tử, Cam Lộ và Gio Linh.

Với địa hình đồng bằng, có vị thế đặc biệt là nằm đồng thời trên cả hai hành lang kinh tế lớn nhất tỉnh như hành lang kinh tế quốc lộ 1A, nên thuận lợi cho việc khai thác tiềm năng phát triển kinh tế thương mại - dịch vụ - du lịch tổng hợp. Ngoài ra, hai tuyến này liên kết và hỗ trợ phát triển với vùng kinh tế biển (ở phía Đông) và vùng kinh tế hỗn hợp nông - lâm sản (gò đồi phía Tây). Các đô thị trong vùng trung tâm gồm Thành phố Đông Hà, các đô thị Cam Lộ, Gio Linh, Ái Tử. Theo định hướng đến giai đoạn 2035, các đô thị này phát triển mạnh mẽ, có cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ để trở thành vùng đô thị lớn nhất tỉnh.

Do có vị trí thuận lợi về giao thông thủy và bộ (QL 1A, QL9, gần cảng sông, cảng biển), đầu mối tập trung của các vùng nguyên liệu phục vụ cho các ngành công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng... nên phát triển mạnh về công nghiệp, hiện đã hình thành nhiều khu công nghiệp như KCN Nam Đông Hà, KCN Quán Ngang, các cụm công nghiệp tại TP Đông Hà, thị trấn Cam Lộ, Gio Linh. Ngoài ra, vùng trung tâm còn phát triển các loại hình du lịch lưu trú, tham quan, mua sắm tại các đô thị; du lịch vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng tại các khu du lịch sinh thái Hồ Khe Mây, hồ Trung Chi, khu du lịch đôi bờ sông Hiếu; tham quan các di tích văn hóa - lịch sử cảng sông Đông Hà, nghĩa trang quốc gia Đường 9, v.v...

## **Không gian vùng kinh tế ven biển phía Đông và đảo Cồn Cỏ**

Là vùng kinh tế biển tổng hợp, có vai trò quan trọng về bảo vệ an ninh quốc phòng trên biển của Quốc gia, bao gồm các xã, thị trấn nằm về phía Đông quốc lộ 1A thuộc các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong và Hải Lăng & huyện đảo Cồn Cỏ. Đô thị Hồ Xá là đô thị trung tâm phía Bắc vùng. Đô thị Quảng Trị là đô thị trung tâm phía Nam vùng.

Với địa hình vùng đồng bằng và cồn cát ven biển, có lợi thế về phát triển kinh tế biển tổng hợp cũng là cơ sở, tiền đề để hình thành và xây dựng khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị. Đồng thời vùng này có tiềm năng khai thác, đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy hải sản. Ngoài ra, còn phát triển du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái biển kết hợp tham quan tìm hiểu truyền thống văn hóa- lịch sử cách mạng.

Nói đến Không gian vùng kinh tế biển tổng hợp còn có Đảo Cồn Cỏ, việc xây dựng Cồn Cỏ trở thành đảo lương thực vừa phục vụ phát triển kinh tế vừa đảm bảo quốc phòng, an ninh là rất quan trọng. Đây là một trong ba cực của tam giác du lịch biển của tỉnh (Cửa Tùng - đảo Cồn Cỏ - Khu kinh tế Đông Nam). Phát triển du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái biển - ven biển, khai thác thủy hải sản, dịch vụ hậu cần nghề cá, trung tâm tránh trú bão cho tàu thuyền. Đặc biệt, có vai trò quan trọng, là mặt trận tiền đồn vững chắc trong chiến lược đảm bảo quốc phòng, an ninh quốc gia, thông tin, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên biển.

**Không gian vùng kinh tế hỗn hợp.**

Vùng không gian này bao gồm các xã, thị trấn thuộc các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng. Nằm trong vùng địa hình núi cao, gò đồi xen kẽ một phần địa hình đồng bằng, phía Đông giáp QL 1A và phía Tây tiếp giáp các huyện Hướng Hóa, Đakrông. Đô thị Krông Klang (huyện Đakrông) nằm trên QL 9 (hành lang kinh tế Đông -Tây) là đô thị đầu mối thương mại- dịch vụ- du lịch- công nghiệp của vùng kinh tế hỗn hợp trên hành lang kinh tế Đông - Tây. Đô thị Cửa (huyện Cam Lộ) là đô thị kinh tế tổng hợp, khai thác thương mại dịch vụ và chế biến sản phẩm nông nghiệp có giá trị kinh tế cao của vùng đất đỏ bazan màu mỡ như: hồ tiêu, nghệ, chè xanh.... Vùng kinh tế hỗn hợp tiềm năng phát triển không gian kinh tế gắn với tổ chức phát triển dân cư tại các vùng nguyên liệu cây công nghiệp lâu năm như cà

phê, cao su, hồ tiêu, khai thác du lịch gắn với bảo vệ hệ sinh thái rừng. Đây là vùng phát triển kinh tế hỗn hợp, chuyên canh cây công nghiệp- lương thực- dân cư, khai thác thương mại - dịch vụ trên hành lang Đông - Tây, hành lang kinh tế đường Hồ Chí Minh nhánh đông; Vùng có vai trò bảo vệ hệ sinh thái rừng, các khu bảo tồn thiên nhiên.

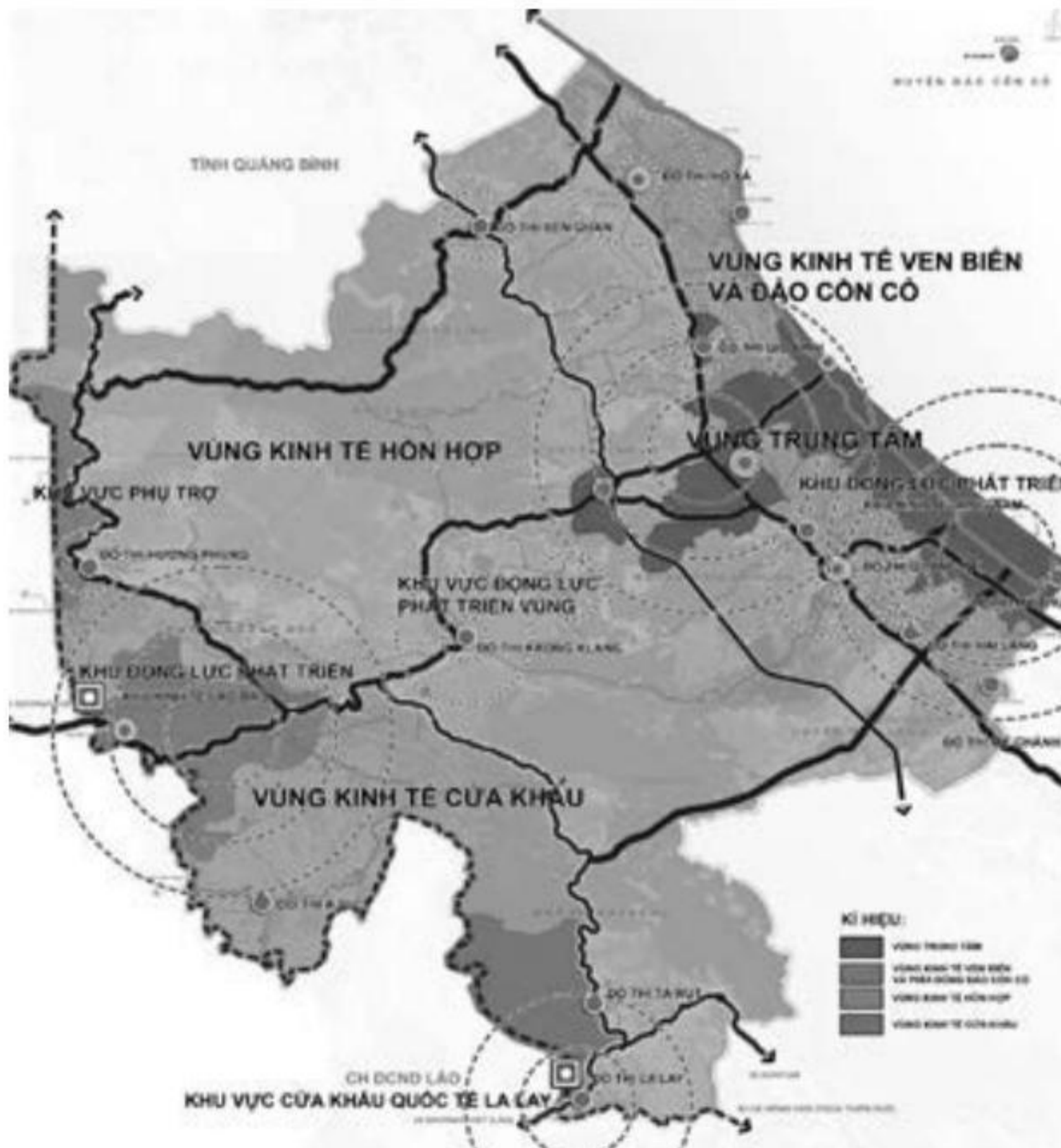
**Không gian vùng kinh tế cửa khẩu.**

Vùng kinh tế cửa khẩu có chức năng chủ đạo phát triển kinh tế cửa khẩu, là đầu mối về xuất nhập khẩu hàng hóa và tập trung các vùng nguyên liệu cây công nghiệp, lương thực của khu vực phía Tây tỉnh. Tổ chức các không gian phát triển công nghiệp, du lịch, đô thị và phát triển dân cư trên tuyến biên giới. Có vai trò đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng quốc gia. Vùng này Bao gồm khu kinh tế thương mại Lao Bảo và toàn bộ các xã, thị trấn

thuộc hai huyện Hướng Hóa, Đakrông. Với đặc điểm địa hình khá phức tạp, phần lớn là núi cao, ít quĩ đất bằng phẳng. Có lợi thế phát triển kinh tế cửa khẩu, chế biến nông lâm sản, du lịch lịch sử cách mạng, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái rừng và các khu bảo tồn thiên nhiên, khai thác thủy điện.

**Định hướng phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị**

Theo định hướng phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Trị nhằm hướng tới sự phát triển bền vững, phát triển thế mạnh kinh tế biển- kinh tế cửa khẩu; xây dựng hệ thống đô thị phát triển hợp lý và bền vững, gắn kết được cộng đồng xã hội giữa đô thị và nông thôn; một vùng du lịch chất lượng cao, đa dạng gắn liền với gìn giữ văn hóa - lịch sử cách mạng truyền thống và bảo vệ môi trường tự nhiên; phát triển bền vững, có chất lượng sống tốt, phát huy các đặc trưng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội. Trên cơ sở lồng ghép những định hướng lớn về phát triển kinh tế - xã hội theo các vùng địa hình đã xác định trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Trị, mỗi vùng không gian là một đặc trưng riêng, tất cả hợp lại làm nên bản sắc Quảng Trị. Vì vậy, cần giải quyết hài hòa việc khai thác các vùng không gian hợp lý, như thế Quảng Trị mới trở thành một vùng tỉnh hiện đại và mang đậm bản sắc riêng. ■



Sơ đồ phân vùng quy hoạch không gian  
Nguồn: Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Thủ tướng chính phủ (2015), *Bổ sung Quảng Trị vào danh sách các tỉnh Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung*
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (2010), *Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Trị*.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (2016), *Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050*.
- Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, *Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Trị 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (đang lập quy hoạch)..*
- <https://www.baoquangtri.vn>

# Xây dựng các yếu tố cơ sở để quản lý không gian xanh Thành phố Huế

TH.S NGUYỄN HỒNG HẠNH - Viện Nghiên cứu kiến trúc - xây dựng và Đô thị

Thành phố Huế là một vùng đất có bề dày lịch sử, nơi hội tụ những giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể phong phú, đặc sắc và kiệt xuất của nước ta, đã được UNESCO công nhận. Với tính chất đặc thù về điều kiện tự nhiên, lịch sử, văn hóa đã tạo nên một đô thị có diện mạo độc đáo, mà trong đó yếu tố thiên nhiên hòa quyện trong lối quy hoạch đô thị cũng như cách bố trí trong các công trình cụ thể. Đặc biệt yếu tố cây xanh trong đô thị là một bộ phận gắn bó với các công trình di sản văn hóa lịch sử như khu vực Hoàng Thành, các dinh thự phủ đệ, đền chùa, không gian lăng tẩm các vua triều Nguyễn; các khu vực cảnh quan tự nhiên như các đồi Vọng Cảnh, Thiên An,... và đặc biệt không gian xanh tuyệt đẹp gắn với dòng sông Hương “*Con đường Hoàng Gia*”, “*Con đường của sự trở về*”, là những không gian mang đậm nét văn hóa, lịch sử của Cố đô Huế... Đó là một trong những không gian “*mang đầy chất thơ*” cần được quản lý một cách phù hợp và gắn với các yêu cầu bảo tồn, phát triển ngày nay của thành phố.

Tuy nhiên để quản lý các không gian xanh này cần có các cơ sở pháp lý phù hợp và hiệu quả. Vì vậy trước hết cần xem xét các quan điểm về không gian xanh hiện nay và các quy định hiện hành để làm tiền đề cho việc đề xuất khái niệm và cơ sở cho việc quản lý.

## 1. Quan điểm về không gian xanh

Ở mỗi quốc gia hoặc mỗi thành phố khác nhau, mặc dù có những khác biệt nhưng đều có quan điểm cơ bản giống nhau về không gian xanh, tuy nhiên tùy theo đặc điểm tự nhiên, văn hóa lịch sử, các yêu cầu quản lý của mỗi nơi mà quan điểm về không gian xanh cũng có những điểm khác nhau.

Theo quan niệm của một số nhà khoa

học quốc tế: Giáo sư Simon quan niệm về không gian xanh bao gồm “Các công viên và các khu vườn công cộng, vườn cá nhân, nghĩa trang, cây xanh trên các tuyến đường phố, dọc các bờ sông với cây xanh và các thảm thực vật, các hành lang giao thông vận tải với các cây xanh và các thảm thực vật” [4]. Quan niệm của ông cũng là quan niệm của các nhà khoa học châu Âu và Bắc Mỹ. Theo Shah Md. Atiqul Haq “không gian xanh bao gồm các không gian mở công cộng và tư nhân bao gồm cả các thảm thực vật trong đô thị có ảnh hưởng tới môi trường đô thị” [5]. Hoặc, không gian xanh là nơi cung cấp một không gian thân thiện với môi trường, nơi mọi người có thể tương tác với môi trường thiên nhiên; nơi cung cấp cho cơ hội học tập và giải trí thông qua các khu vực động vật hoang dã, đường đi bộ dài, khu thể thao, vườn công cộng, đường xe đạp và các cơ hội khác.[3]. Không gian xanh là nơi có điều kiện để nâng cao thể lực con người bởi nó cung cấp những địa điểm để đi bộ, đạp xe; chỗ ngồi chơi cho người lớn tuổi, chỗ chơi cho trẻ em và là “không gian thở” cho sự căng thẳng của cuộc sống đô thị hiện đại. [1]

Theo một số nhà khoa học Việt Nam, như GS.TS.KTS Đỗ Hậu cho rằng “*Không gian xanh trong khu đô thị mới bao gồm: Công viên, vườn hoa, vườn dạo,*

*hồ nước (tự nhiên hoặc nhân tạo), quảng trường; các khu vực công cộng khác trồng cây, thảm cỏ và cây xanh trong khuôn viên của các tổ chức, cá nhân*”. [2]; Theo PGS. TS Nguyễn Hồng Tiến “*Không gian xanh bao gồm: Công viên, cây xanh, sân, vườn, đường dạo,... và phần diện tích mặt nước được sử dụng phục vụ mục đích công cộng; hành lang xanh, vành đai xanh*” [6]

## 2. Không gian xanh đô thị trong các cơ sở pháp lý

Hiện nay có nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định các nội dung có về quản lý cây xanh đô thị, đó là tại Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2008, tại Nghị định số 64/2010/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị đã xác định “Cây xanh đô thị có 3 nhóm chính: Cây xanh sử dụng công cộng, cây xanh đường phố, cây xanh chuyên dụng”. Đến năm 2013, một bước tiến lớn trong Thông tư số 06/2013/TT-BXD là đã xác định không gian xanh của đô thị bao gồm “*hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh, công viên hoặc rừng tự nhiên, nhân tạo trong đô thị*”.

Tuy nhiên đối với các đô thị có tính chất đặc thù về cảnh quan thiên nhiên, lịch sử, văn hóa thì chưa có quy định riêng. Tại Nghị quyết số 1210/2016/NQ-UBTVQH về Phân loại đô thị của Ủy ban thường vụ Quốc hội cũng chưa có quy định đối với các đô thị tính chất đặc thù nêu trên.



Hệ thống không gian xanh trong Kinh thành Huế.  
Nguồn: Cổng TTĐT tp Huế 2016



Hình 1. Không gian xanh thành phố Ottawa - Canada [7]

Điều này nói lên sự cần thiết phải nghiên cứu đề xuất phân loại không gian xanh của thành phố Huế – một đô thị đặc thù về lịch sử, văn hóa và cảnh quan thiên nhiên rất đặc sắc của không chỉ Việt nam mà cả quốc tế để làm cơ sở cho công tác quản lý trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày nay.

### 3. Đề xuất phân loại không gian xanh thành phố Huế

Từ các quy định hiện hành của pháp luật và những giá trị về mỹ cảm đô thị, cảnh quan đô thị, giá trị về môi trường sinh thái, chất lượng cuộc sống dân cư đã cho thấy rằng các yếu tố xanh đặc trưng của Huế cần phải được nghiên cứu, đánh giá phân loại để bảo tồn và phát huy các giá trị trong quá trình phát triển đô thị. Như vậy, không gian xanh của thành phố Huế được phân định gồm hai loại là không gian xanh nhân tạo và không gian xanh tự nhiên với các khu vực cụ thể như sau:

- \* *Không gian xanh nhân tạo*: Không gian xanh nhân tạo của Thành phố Huế bao gồm: Các khu vực cây xanh công cộng; Khu vực cây xanh gắn với di sản các cấp và **hệ thống vườn Huế**. Trong đó:
  - *Khu vực cây xanh công cộng*: Được

xác định theo các quy định hiện hành của pháp luật, đó là hệ thống các công viên, vườn hoa (công viên trung tâm thành phố; công viên ven sông, kênh, hồ ao; công viên chuyên đề, công viên vườn hoa trong khu dân cư); Hệ thống cây xanh đường phố (cây xanh thảm cỏ trong phạm vi chỉ giới đường đỏ); Hệ thống cây xanh chuyên dụng (cây xanh cách ly, nghiên cứu thực vật học, vườn ươm).

- *Không gian xanh gắn với di sản*: Được đề xuất là hệ thống cây xanh, thảm thực vật trong Hoàng thành và gắn với các di sản khác trong thành phố Huế.

- *Hệ thống vườn Huế*: Được đề xuất là hệ thống vườn trong các Đền, Chùa; vườn Ngự, vườn trong khu vực các Lăng tẩm; vườn trong các dinh thự, phủ đệ và vườn trong các hộ gia đình dân cư trong thành phố Huế.

- \* *Không gian xanh tự nhiên*: Căn cứ quy định tại Nghị định 117/2010/NĐ-CP về Tổ chức quản lý rừng đặc dụng, trong đó “*Khu bảo vệ cảnh quan gồm khu rừng di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh*” là một trong 5 loại rừng đặc dụng, đây khu vực bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh; phục vụ nghỉ ngơi, du lịch. Căn cứ quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn, không gian

xanh tự nhiên của thành phố Huế được đề xuất là các khu rừng đặc dụng và đồi cảnh quan trong thành phố.

### 4. Kết luận

Việc phân loại không gian xanh đô thị cho thành phố Huế là việc làm cần thiết, nhằm góp phần hỗ trợ việc xây dựng cơ chế chính sách phát triển đô thị, đảm bảo phù hợp với tính chất đặc thù của một thành phố còn tồn tại gần như nguyên vẹn một Kinh đô của nền quân chủ cuối cùng tại Việt Nam. Đề xuất này cũng góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hệ thống không gian xanh của thành phố Huế, cũng là góp phần bảo tồn một đô thị di sản, biến quỹ di sản đô thị trở thành những tài sản có giá trị lớn trong phát triển kinh tế xã hội của thành phố Huế trong giai đoạn hội nhập quốc tế sâu và rộng hiện nay. ■

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Broxtowe Brough council, Green Spaces Strategy 2009-2019, “Your Space Your Place – Directorate of Environment”, in 2009.
2. Đỗ Hậu - “Xây dựng và quản lý không gian xanh trong các khu đô thị mới ở Hà Nội đến năm 2020 với sự tham gia của cộng đồng” - 2010.
3. Kosei Takahashi - Green Space Depletion in Tokyo 6.2008.
4. Prof Simon Bell of Estonia University of Life Sciences – 2013, What is Green space Management in Urban areas.
5. Shah Md. Atiquel Haq of city university of Hong Kong 2011 - Urban Green Spaces and an Integrative Approach to Sustainable Environment.
6. Nguyễn Hồng Tiến – Phát triển KGX góp phần xây dựng đô thị xanh – đô thị PTBV (Bản tin HHCVCXVN số 15, tháng 6.2015).
7. A Green Space Framework Strategy for Ottawa - Ottawa County Council February 2013.

### Abstract

Having unique values of natural landscape and a greenery coverage rate of 28% of the city's total area, Hue was recognized as the “National Green city” by the World Wild Fund in 2016. In order to have “cultural behaviors in the way of the ancient Hue” with its “soft” assets as identified by Professor Hoang Dao Kinh, it is necessary to have a comprehensive overview and assessment of the invaluable assets created by the nature and the gifted natural beauty which Hue city was gently built on.

Recommendations on classification of green spaces of Hue city are to build a legal basis for management of the valued unique natural landscapes which many generations have created and preserved.

**Keywords:** green space



# Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh có chất lượng sống tốt hướng đến thành phố vì dân

**NGUYỄN ĐĂNG SƠN**

Viện Nghiên cứu đô thị & phát triển hạ tầng

**S**ống tốt là một trong 4 tiêu chí của thành phố phát triển bền vững bao gồm:

(1) Sống tốt; (2) Kinh tế cạnh tranh; (3) Quản trị thành phố tốt; (4) Tài chính cân bằng. Thành phố sống tốt được dựa trên 3 thành phần tác động qua lại là: môi trường lành mạnh; kinh tế sống động; xã hội tốt đẹp: (1) Môi trường lành mạnh có

ngĩa là không khí, nước và đất sạch, đa dạng chủng loại và cuộc sống được duy trì; (2) Kinh tế sống động là kinh tế bền vững và duy trì được sự hợp nhất các khu vực làm chủ yếu; (3) Xã hội tốt đẹp thì mục tiêu bao gồm tăng cường cách tiếp cận của cộng đồng, sự bình đẳng của cộng đồng và các cơ hội để cộng đồng tham gia. Một sự cân bằng

giữa 3 thành phần nêu trên là yếu tố quyết định cho thành phố sống tốt. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ thành phố, chúng ta đang "Xây dựng TP HCM có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình. Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn TP HCM, có thể nêu lên 5 nhóm tiêu chí của thành phố sống tốt ở TP HCM như sau:



**1-Sự phát triển của thị dân**

TP có cuộc sống đầy đủ không bị đói nghèo, đảm bảo an sinh xã hội và an toàn cho cuộc sống , có 5 tiêu chí:

(1) Về sinh kế: Đa số người dân có việc làm, có cơ hội được đào tạo nghề nghiệp phù hợp để nâng cao năng lực cá nhân cũng như năng lực cạnh tranh chung của TP, có cơ hội bình đẳng trong tham gia thị trường lao động và tiếp cận với việc làm tốt.

(2) Về sức khỏe: Hệ thống cung cấp dịch vụ sức khỏe như bệnh viện tốt, hạn chế bệnh tật, quan tâm đến các vấn đề sức khỏe của trẻ em, hướng đến thành phố lành mạnh. Theo WHO thành phố lành mạnh là nơi người dân ở đó người dân được chăm sóc sức khỏe cao, khuyến khích tế dự phòng hay giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

(3) Về giáo dục: Tỷ lệ biết chữ cao, hoàn chỉnh hệ thống các trường học, chi phí học phí hợp lý; xây dựng xã hội học tập hướng đến thành phố học tập

(4) An toàn/an ninh: Đảm bảo vệ sinh thực phẩm, giảm trộm cắp, cướp giật, các vụ hành hung bạo lực, án hình sự, tệ nạn xã hội, như mại dâm ma túy, an toàn cháy nổ, giảm tai nạn giao thông. Không lạm dụng lao động trẻ em, an toàn nơi làm việc hướng tới thành phố an toàn, dựa trên 5 tiêu chí:

(i) An toàn số (đo lường chất lượng về an ninh mạng của thành phố, an toàn số, giảm hành vi ăn cắp danh tính hay các yếu tố liên quan khác); (ii) An toàn sức khỏe (tuổi thọ trung bình của người dân thành phố, cũng tỷ lệ như giường bệnh cùng với dân số); (iii) An toàn cơ sở hạ tầng và nhà ở (chất lượng đường xá, các chung cư cũ bị hư hỏng nặng cần được xây lại và số người chết vì thiên tai) ; (iv) An toàn cá nhân (tội phạm, chất lượng cảnh sát khu vực và một số vụ án tội phạm); (v) An toàn vệ sinh thực phẩm như : rau xanh, trái cây, thịt, cá v.v..

(5)Thành phố có đủ nhà ở cho người dân: Thành phố sống tốt là TP phải cung cấp nhà ở tương xứng đầy đủ và môi trường sống hữu ích cho người dân. Nhà ở khá và thích hợp cung cấp cho công đồng với ý nghĩa là chủ sở hữu

và an toàn, chính là dạng cơ bản của sự gắn kết xã hội, hướng tới các đơn vị ở láng giềng thân thiện, hiện nay nhà ở chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân.

**2- Môi trường sống tốt hướng đến thành phố lành mạnh**

Có 7 tiêu chí:

(1) Không khí: chất lượng không khí sạch ,tác động tốt đến sức khỏe, không có khí thải bị ô nhiễm do sản xuất công nghiệp và tắc nghẽn giao thông.

(2) Đất sạch không ô nhiễm đất.

(3) Nước: nguồn nước, chất lượng nước uống đều sạch, nước thải không gây ô nhiễm.

(4) Chất thải rắn: Các loại chất thải rắn, rác thải nguy hại, cần có cách thu gom hiệu quả (5) Nhà lụp xụp rách nát ven và trên kênh rạch ngày càng giảm thiểu, số người sống trong nhà lụp xụp rách nát giảm dần cho tới khi không còn và đẩy lùi tình trạng khủng hoảng sinh thái

(6) Hướng tới “thành phố các bon thấp”, thúc đẩy tăng trưởng xanh, giảm khí thải nhà kính hướng tới thành phố lành mạnh, thành phố sinh thái, thành phố xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

(7) Có khả năng chống đỡ và phục hồi trước các thảm họa về môi trường.

**3- Đòi sống văn hóa xã hội của cộng đồng bình đẳng**

Tôn trọng sự bình đẳng và không phân biệt đối xử , có văn hóa, có sự gắn kết cộng đồng , hỗ trợ tương trợ lẫn nhau, phát huy nội lực và sức mạnh cộng đồng , bao gồm 5 tiêu chí :

(1) Đòi sống công dân: Các nhóm cộng đồng và tổ chức cộng đồng được tăng cường cách tiếp cận với các nguồn lực, sự bình đẳng của cộng đồng và các cơ hội để cộng đồng tham gia. TP đã có các đoàn thể như Mặt trận tổ quốc, thành niên, phụ nữ, cựu chiến binh và các hội nghề nghiệp v.v..

(2) Không gian dân sự là không gian mở trong đó có mạng lưới các mảng xanh, công viên và cả không gian mở xung quanh khu nhà ở, thành phố đảm bảo yêu cầu của vui chơi giải trí của người dân của đô thị trong không gian mở,

đó là nơi thể hiện “sự vui vẻ” của cộng đồng “nhân văn”. Thành phố có các dự án chương trình cho cộng đồng để thúc đẩy giá trị đạo đức của dân chúng.

(3) Cộng hưởng văn hóa ở thành phố được tôn vinh với bản sắc văn hóa độc đáo đa sắc tộc, tôn giáo, các sự kiện, các đặc trưng cho từng khu vực mang tính sáng tạo.

(4)Tham gia của cộng đồng: Có các đội tình nguyện, các hoạt động của cộng đồng xã hội được tham gia vào quản lý nhà nước với thói quen văn hóa và với sự thoải mái dễ chịu; (5) Nghi ngơi giải trí bao gồm các khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao, các trung tâm văn hóa, khu du lịch sinh thái, hướng tới thành phố thành phố để nghỉ ngơi.

**4- Thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình là nền tảng cho các tiêu chí của thành phố sống tốt**

Có ý kiến cho rằng thành phố sống tốt và thành phố văn minh hiện đại cố nhiên chúng có quan hệ và làm tiền đề nhân quả của nhau. Cũng có ý kiến cho rằng “văn minh, hiện đại, nghĩa tình” là những yếu tố xuyên suốt, hàm chứa trong khía cạnh “sống tốt”. Tuy nhiên có thể nói thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình là nền tảng cho các tiêu chí của thành phố sống tốt.

(1)Thành phố văn minh là thành phố có trình độ tổ chức và sinh hoạt cao, có đời sống văn minh đô thị. Trong văn minh cũng chứa đựng ý nghĩa hiện đại và bao gồm cả hai phương diện vật chất và tinh thần. Khi nói đến văn minh người ta thường liên hệ ngay đến khía cạnh vật chất mà ở đó người dân có đời sống cao. Do vậy TPHCM văn minh trước tiên phải là thành phố có chất lượng sống tốt nhằm mang tới cuộc sống tốt hơn cho người dân.

Khai niệm đô thị văn minh còn được hiểu là thái độ ứng xử của cộng đồng thị dân đối với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội trên cơ sở thượng tôn pháp luật. Một đô thị thực sự văn minh khi thị dân biết bảo vệ chăm lo môi trường sống, có ý thức vì cộng đồng, ứng xử lịch sự, có văn hóa, cùng bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp:

(i) *Tôn trọng pháp luật*: Xã hội đô thị thì trước hết phải là xã hội “*thượng tôn pháp luật*” trên cơ sở xây dựng “*nhà nước pháp quyền của dân do dân và vì dân*”, nhất là trong xu thế toàn cầu hóa, đô thị hóa và dân chủ hóa. Tuy nhiên pháp luật phải sát thực tiễn, công khai, dân chủ, minh bạch, công bằng với tất cả mọi người, để chính quyền điều hành theo luật pháp đó, người dân thì tuân thủ, thấy an tâm và được bảo vệ. Cần vận động người dân thành phố nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, nhất là Luật Giao thông đường bộ, Luật Bảo vệ môi trường v.v..

(ii) *Lịch sự*: văn minh luôn gắn liền với lịch sự, còn lịch sự là biết cách giao tiếp, xử thế theo các nguyên tắc được xã hội công nhận, khiến người có quan hệ với mình được vừa lòng vì ngôn ngữ và cử chỉ của mình. Cần vận động mỗi người dân thành phố thể hiện phong cách văn minh - lịch sự, thân thiện trong giao tiếp, ứng xử hành động bảo vệ môi trường sinh thái và sống có trách nhiệm với cộng đồng.

(iii) *Hướng đến Thành phố Xanh - Sạch - Đẹp*:

*Thành phố xanh*: Có thể hiểu đơn giản thành phố xanh là thành phố có tỷ lệ cây xanh đáng kể đóng góp vào sự cân bằng sinh thái trên thành phố, mảng xanh và không gian công cộng chính là thước đo chất lượng sống đô thị. Tuy nhiên tỷ lệ  $m^2$  cây xanh trên đầu người ở TPHCM còn quá thấp so với tiêu chí của một đô thị đặc biệt chứ chưa nói đến đô thị có tầm vóc quốc tế. Do vậy TPHCM cần tăng cường mảng xanh không chỉ trên mặt đất mà cả trên mái nhà, tường nhà, ban công v.v.. Mọi người cần giữ gìn cảnh quan, trồng, bảo vệ cây xanh và tạo mảng xanh trong hộ gia đình, nơi làm việc, học tập và lao động.

*Thành phố sạch*: Có thể hiểu đơn giản, thành phố sạch là thành phố không xả rác bừa bãi trên hè, phố và sông, rạch v.v.. Do vậy TPHCM cần tiếp tục duy trì phong trào *Xây dựng nếp sống văn minh đô thị* và cần tiếp tục xây dựng thương hiệu “*thành phố văn minh*”: ở nơi công cộng, trên các phương tiện

giao thông công cộng, trên hè - đường phố, nơi sinh hoạt vui chơi giải trí, nơi lao động cộng đồng, ở cơ quan, ở khu dân cư, giao tiếp khi làm khách và tiếp khách, bảo vệ môi trường môi sinh, trong tổ dân phố và trong gia đình, đối với người nước ngoài, giới thiệu làm quen v.v.. Cụ thể cần xây dựng ngõ xóm, khu dân cư, tuyến đường, tuyến hẻm, tuyến kênh, nơi công cộng ngăn nắp sạch sẽ. Chinh trang làm đẹp đường phố và giữ gìn vệ sinh sạch sẽ nhà ở, công sở, trường học, bệnh viện, cơ sở tín ngưỡng, di tích lịch sử văn hóa, điểm kinh doanh, nơi công cộng. *Thành phố đẹp*: Thành phố đẹp được thể hiện qua ngôn ngữ kiến trúc, loại ngôn ngữ được thể hiện bằng hình khối và đường nét, phù hợp với điều kiện địa phương qua các thời kỳ và đồng thời nó cũng phù hợp với đại đa số quần chúng nhân dân, bởi ngôn ngữ bằng hình ảnh bao giờ cũng dễ hiểu và trực quan. Đời sống con người, không gian và các công trình luôn trong một trật tự nhất định. Do vậy, TPHCM một mặt cần xây dựng các công trình hiện đại đậm đà bản sắc dân tộc, mặt khác cần bảo tồn các công trình di sản của Sài Gòn - Gia Định - Chợ Lớn xưa, hướng đến “*thành phố hấp dẫn*”. Thành phố văn minh là nền tảng cho nhóm tiêu chí bảo vệ môi trường.

(2) *Thành phố hiện đại* là thành phố phải áp dụng phát minh mới nhất về khoa học kỹ thuật vào công nghiệp sản xuất, hạ tầng kỹ thuật và xã hội, không gian vật chất, cơ cấu kinh tế hiện đại và đồng bộ với đời sống văn minh, sống tốt. Tuy nhiên trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay hiện đại chỉ là cái cốt để tạo nên “*năng lực cạnh tranh*” và tạo nên “*sức mạnh kinh tế*” Do vậy thành phố hiện đại thì trước tiên phải là “*thành phố cạnh tranh*”. Thành phố hiện đại có thể bao gồm: (i) Thành phố công nghệ cao (các ngành kinh tế đều là những ngành công nghệ cao, đặc biệt là công nghiệp và dịch vụ, là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) (ii) Thành phố có hạ tầng hiện đại ở cả 3 tầng: tầng hầm trên mặt đất

và trên cao. Hệ thống *giao thông* tốt đi lại thuận tiện, *viễn thông* tốt, nguồn *điện* được cung cấp đầy đủ và *nước sạch* được cung cấp đảm bảo: Hướng đến *Thành phố đi lại dễ dàng, là đi bộ, đi xe đạp và sử dụng giao thông công cộng là xu hướng chủ đạo của thành phố sống tốt*, không bị ùn tắc giao thông. Tuy nhiên thành phố cần phát triển các trung tâm khu vực theo *hình thái đô thị đa trung tâm* gắn với *giao thông công cộng* có sức chở lớn như metro (TOD) và hài hòa giữa phương tiện *giao thông công cộng* và phương tiện *giao thông cá nhân* thì mới có thể *căn bản* giảm được ùn tắc giao thông và giảm ô nhiễm môi trường. Hướng đến *Thành phố không bị ngập nước* là không để ngập nước ảnh hưởng đến chất lượng sống của người dân, cũng như không trở ngại đến *giao thông*. Do vậy quy hoạch TPHCM cần *dành chỗ cho nước*, cụ thể là cần xây dựng hệ thống *hồ điều hòa* tại các khu vực có liên quan đến các điểm ngập nước (iii) Người dân, doanh nghiệp và chính quyền tương tác trong “*thành phố thông minh*” của xã hội “*thông tin và lập trình*”. Thành phố hiện đại là nền tảng cho nhóm tiêu chí: Nền kinh tế đô thị phát triển ổn định và bền vững nhằm tạo nhiều việc làm cho đô thị ổn định, bền vững cho mọi thành phần kinh tế và mọi người dân đô thị. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật ổn định và phát triển bền vững. Dịch vụ đô thị đáp ứng yêu cầu của cuộc sống ngày càng cao.

(3) *Thành phố nghĩa tình* là thành phố “*có bản sắc nhân văn*” bắt nguồn từ “*thời đi mở cõi*” của “*người Nam Bộ*”: Không chỉ “*nghĩa tình*” mà còn “*nghĩa khí*”, công bằng chính trực (vì cái đúng, vì chân lý, vì những người yếu thế, kém thế), hào sảng hào hiệp, vị tha, không ích kỷ, giúp đỡ người yếu thế, từ nhà tình nghĩa, nhà tình thương đến các hoạt động thiện nguyện thường xuyên và rộng khắp. Tinh thần mạo hiểm, năng động sáng tạo của xã hội hiện đại từ tinh thần đổi mới đến khát vọng vươn lên v.v.. Có thể nói là truyền thống nghĩa tình của TPHCM là một đặc trưng văn hóa tự giác rõ nét, đã trở thành một trong những động lực quan



trọng, đã thể hiện rõ cả về ý chí và hành động, được tổ chức thành nhiều phong trào, duy trì thành nề nếp, trở thành tập quán phổ biến trên nhiều lĩnh vực, đi vào chiều sâu mang tính nhân văn sâu sắc, hướng đến *thành phố vì nhân sinh / thành phố vì dân*. Thành phố nghĩa tình là nền tảng cốt lõi cho các tiêu chí của hoạt động cộng đồng.

#### 5- Quản trị thành phố tốt để thành phố có chất lượng sống tốt và phát triển bền vững

*Quản trị thành phố tốt* là để cân bằng giữa *kinh tế cạnh tranh* và *môi trường sống tốt*, hướng đến mục tiêu sống tốt và phát triển bền vững. Có thể nói, không thể xây dựng kinh tế trước tiên rồi mới chăm lo đến chất lượng cuộc sống, ngược lại cũng không thể xây dựng điều kiện sống tốt khi kinh tế còn trì trệ. *Giao thức* các mối quan hệ giữa nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội được cân bằng với chiến lược *"cùng thắng"* hay *"cùng được"* cũng sẽ giúp cân bằng giữa *phát triển kinh tế*, và *chất lượng cuộc sống tốt*. *Quản trị thành phố tốt* bao gồm 7 tiêu chí:

(1) *Sự tham gia của cộng đồng dân cư*: Tất cả mọi người dân đều có tiếng nói quyết định, có thể là trực tiếp hoặc

thông qua cơ chế gián tiếp để đại diện cho quyền lợi của họ. Sự tham gia rộng rãi của người dân như vậy thường được thông qua các hoạt động của hội đoàn và tùy thuộc vào sự phát ngôn cũng như năng lực của họ.

Do vậy TP xây dựng *"quy chế dân chủ cơ sở"*, áp dụng phương châm *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"*. Thiết lập các kênh để lắng nghe ý kiến của người dân và doanh nghiệp và sử dụng chúng như những thông tin cơ bản trước khi thực hiện bất kỳ dự án hay hoạt động nào.

(2) *Các quy định của pháp luật*: Khuôn khổ pháp luật phải công bằng và vô tư, đặc biệt là các luật có liên quan đến *"quyền con người"*. Do vậy TP cần ban hành các quy định về quyền hạn của thành phố thích hợp với việc giải quyết các vấn đề của địa phương và công bố rõ ràng về các quy định này. Toàn cầu hóa luôn đi đối với đô thị hóa và *phân quyền hóa*. Phân cấp phân quyền luôn là nội dung cơ bản của quản lý nhà nước tốt. Do vậy TP cần có quy định phân cấp mạnh cho quận huyện, và trung ương cần có *"cơ chế đặc thù"* trao quyền tự chủ cho *"đô thị đặc biệt"* như TPHCM cả về nhân sự và tài chính để có thể quản trị thành phố tốt và kịp thời.

(3) *Minh bạch của chính quyền*: Minh bạch thường được xây dựng trên sự kiểm chứng qua nhiều luồng thông tin. Tiến trình, định chế và thông tin được đưa trực tiếp đến đến cho người dân, với những gì họ quan tâm, và đủ thông tin được cung cấp để họ hiểu và có thể giám sát được.

Do vậy chính quyền TP cần đề phòng và chống tham nhũng. TP sẽ không có tham nhũng ở cấp điều hành hoặc nhân viên chính quyền, và nếu có bất kỳ trường hợp nào, nó phải được xem xét và đánh giá rõ ràng để xử lý triệt để. TP cần xây dựng *"chính quyền liêm chính"*. Công cụ giúp TP minh bạch là xây dựng *"chính quyền điện tử"* và xây dựng TP HCM thành *"thành phố thông minh"*.

(4) *Có trách nhiệm*: Chính quyền cần có trách nhiệm thực hiện các định chế và tiến trình để hỗ trợ cho các thành phần tham gia tham gia quản trị đô thị.

(5) *Hướng tới sự nhất trí*: Quản lý thành phố tốt là TP làm trung gian giữa các quyền lợi khác nhau hướng tới sự đối thoại rộng rãi sao cho quyền lợi tập thể tốt nhất và từ đó trở thành chính sách và quy trình.

(6) *Công bằng xã hội*: Tất cả mọi người đều có cơ hội cải thiện hoặc giữ được những gì tốt đẹp.

(7) *Hiệu lực và hiệu quả*: Tiến trình và định chế của pháp luật có thể có hiệu lực nhưng chỉ có hiệu quả khi sử dụng tốt nhất các nguồn lực.

Do vậy TP cần tiếp tục *cải cách hành chính*, hướng đến “*chính quyền phục vụ người dân*” Cương quyết chấn chỉnh tình trạng thiếu trách nhiệm, gây phiền hà những nhiều, tiêu cực, vô cảm trong một số bộ phận cán bộ công chức khi thi hành công vụ, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân và tăng cường hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước. TP cần đo sự hài lòng của người dân liên quan đến quản lý và phát triển TP. Đào tạo nguồn nhân lực cũng là yếu tố có tính chất quyết định.

(8) *Chịu trách nhiệm*: Những người ra quyết định trong chính quyền, khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội đều phải chịu trách nhiệm trước công chúng cũng như các thành phần tham gia. Những trách nhiệm khác nhau tùy thuộc vào vai trò từng tổ chức.

(9) *Tầm nhìn chiến lược*: Lãnh đạo và công chúng đều có tầm nhìn dài hạn để phát triển thành phố như thế nào cho tốt? Họ cũng có những hiểu biết về lịch sử, văn hóa và xã hội phong phú trong việc hình thành tầm nhìn chiến lược.

TP HCM đang có khát vọng trở lại vị trí hàng đầu ở khu vực Đông Nam Á, vì trước đây Sài Gòn đã từng là “Hòn Ngọc Viễn Đông”.

Để thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ, thành phố đã đề ra 7 chương trình độ phá trong nhiệm kỳ 2015-2020:

1- Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;

2- Chương trình cải cách hành chính;

3- Chương trình nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của thành phố;

4- Chương trình giảm ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông;

5- Chương trình giảm ngập nước, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng;

6- Chương trình giảm ô nhiễm môi trường;

7- Chương trình chỉnh trang và phát triển đô thị.

Là “*chính quyền hành động*”, TP cần quản trị thành phố tốt để triển khai quyết liệt, đồng bộ 7 chương trình đột phá gắn liền với các *tiêu chí thành phố sống tốt*, để *phát triển bền vững* và hướng tới *vị trí hàng đầu ở khu vực Đông Nam Á*. Do vậy, cần xây dựng thể chế chính quyền đô thị theo hình mẫu hiện đại như các nước phát triển, yếu tố cơ bản để có một đô thị thượng tôn pháp luật, công khai minh bạch và bảo đảm dân chủ.

*Nếu hình ảnh TPHCM là ngôi nhà chung của chúng ta, chúng phải được phát triển có chất lượng sống tốt, công bằng về xã hội, bền vững về sinh thái, có sự tham gia của cộng đồng, hiệu quả về kinh tế và đầy màu sắc về văn hóa hướng đến thành phố vị dân sinh, thành phố vì dân*”. Theo J.W Mc Connell “Thành phố vị nhân sinh/ thành phố vì dân là “Sự hài hòa giữa nâng cao chất lượng về xã hội, môi trường sinh thái, kinh tế và văn hóa cộng đồng”.

Bộ tiêu chí “*TPHCM có chất lượng sống tốt*” trên đây cần được lượng hoá và chi tiết hóa nhất là ở cấp quận, huyện, chúng sẽ là các tiêu chí chung để người dân doanh nghiệp và chính

quyền cùng làm, trong đó *chính quyền đóng vai trò chủ đạo trên cơ sở quản trị thành phố tốt*.■

#### TÀI LIỆ THAM KHẢO

1. World Conference on “ Model Cities” Singapore , 1997
2. Phương pháp tiến cận mới về quy hoạch và quản lý đô thị\_ Nguyễn Đăng Sơn, Nxb Xây dựng năm 2005, tập 2 năm 2006
3. Liveable Cities-Globalizing City Life anh Civic Space in Pacific Asia\_ Mike Douglass, 2006
4. Sống tốt, tiêu chí quan trọng trong phát triển bền vững\_ Nguyễn Đăng Sơn, năm 2009
5. Phát triển đô thị quốc gia bền vững\_ Lê Hồng Kế. Hội thảo Khoa học “ Phát triển đô thị bền vững”, TPHCM tháng 5/2010
6. Quy hoạch chiến lược hợp nhất \_ Nguyễn Đăng Sơn, TC Quy hoạch Xây dựng số 52/2012
7. Thành phố HCM hướng đến văn minh hiện đại và phát triển bền vững \_ Nguyễn Đăng Sơn, TC SGĐT XD số 1&2 /2015
8. Bản sắc đô thị qua không gian và thời gian\_ Nguyễn Đăng Sơn , TC Kiến trúc Việt nam số 1&2 năm 2015
9. Vai trò của nơi chốn trong tạo lập bản sắc đô thị\_ Nguyễn Văn Chương , Internet 2015
10. Cities for people \_ Jan Gehl, Internet 2015
11. One Earth: Rethinking the Good Life\_ J.W. Mc Connell, Internet 2015
12. Bản sắc và nơi chốn – Thành phố vị nhân sinh \_Jame Mary O’ Connor , Ashui.com , tháng 5/2015.
13. Hướng đến thành phố vị nhân sinh\_ Nguyễn Đăng Sơn, TC QHĐT số 21/2015
14. TPHCM đột phá tư duy để tiến vượt\_ Trần Đình Thiên, năm 2016
15. Xây dựng bộ tiêu chí thành phố sống tốt cho TPHCM \_ Nguyễn Đăng Sơn, Báo SGGP ngày 8/9/2016
16. Tiêu chí đô thị PTBV trong quy hoạch xây dựng \_ Nguyễn Đăng Sơn, TC QHXD, số 81/2016

#### Abstract

Liveable city is based on three interacting components: a healthy environment, economic vitality, and social well being. A healthy environment means clean air, water and soil, and a diversity of spaces and habitats and habitat maintained through practices which ensure sustainability over the long time. Economic vitality includes ensuring opportunities for diverse and sustainable economic systems and maintaining the integrity of key employment areas. For social well being, the goals include: enhancing accessibility, community identity and opportunities for participation. A balance between these three components is crucial to liveability.

If the Image of Ho Chi Minh city are to be our home, it has developed in ways that are liveability, social just, ecologically sustainable, politically participatory, economically productive, and culturally vibrant towards city for people.

**Keywords:** liveable city, healthy environment, economic vitality, social well being

# Ngôn ngữ với kiến trúc trong tiếng Anh và liên hệ từ ngữ kiến trúc ở Việt Nam

NGUYỄN ĐÌNH TRƯƠNG NGUYỄN

Thạc sĩ ngôn ngữ học

**N**gôn ngữ thật sự là một trong những thông tin quy ước của khế ước xã hội mà J.J.Rousseau đã đề cập trong thời kỳ khai sáng hay tự nhiên hay do Thượng Đế tạo nên, hay qua quá trình lao động? *Nature* hay *social contract*, dù theo thuyết nào thì ngôn ngữ chỉ là thông tin truyền tải, liên nhân giữa con người với con người trong ý niệm, biểu đạt ý nghĩa, ý niệm của con người. Vậy Ngôn ngữ với kiến trúc liệu có quan hệ với nhau? Có tác động đến ngành kiến trúc hay không? và qua kiến trúc thể hiện gì trong ngôn ngữ? Ngôn ngữ có gắn liền với quy hoạch đô thị, qua ngôn ngữ giúp ta hiểu rõ về kiến trúc và văn hoá con người xứ sở đó không? Trong mảng nghiên cứu nhỏ này chúng ta tìm hiểu rõ về điều này. Chữ *architecture*, từ nguyên học là của Greek là *αρχή* = first and *τέχνη* = craftsmanship/ sự khéo léo- tức đề cao cái đẹp đầu tiên, ngành này gồm các phân ngành gồm là *quy hoạch thành phố, thị trấn; quy hoạch đô thị và nghệ thuật thiết kế nội thất, vườn hoa công viên-town planning, urban design, and landscape architecture*. Trong quy hoạch đô thị, ví dụ trong

tìm đường đi, người Cuba sử dụng mật mã Havana<sup>1</sup> hay La Habana tiếng Spanish, nghĩa tiếng Anh là haven /bến cảng để dò tìm đường theo cách đánh số quy ước, hay Little Havana nơi trú ẩn cho kẻ đào tẩu thế kỷ 18-19 trước đây, ở Hoa Kỳ -bang Florida, người ta sử dụng mật mã Havana<sup>2</sup> là ZIP Code/ ZIP: file format khuôn dạng tập tin, để định hướng và đi lại cho tiện theo tên các hướng như về hướng Tây là có đại lộ 27 về hướng Tây nam, theo quy định hành lang xa lộ đông tây v.v... Vấn đề nan giải là quy hoạch đô thị, tránh nạn kẹt xe, và bài toán nhà ở dân sinh, các dịch vụ kiến trúc công là bài toán của mỗi quốc gia về quy hoạch mạng lưới đô thị nói chung và Việt Nam nói riêng, bài báo này giúp chúng ta hiểu rõ thêm về điều này qua kiến trúc với ngôn ngữ trong đời sống.

Trong ngôn ngữ kiến trúc quy hoạch đô thị nói riêng và kiến trúc nói chung, ban đầu là tên gọi quen thuộc đường, phố, hay *đại lộ*; trong tiếng Anh là *parkway, street, road, avenue, highway, v.v...* tất cả đặt tên các con đường, phố, *đại lộ* đều có lý do và ý nghĩa chứ không có tính võ đoán nữa,

vì đây là mang tính quy ước cao, khế ước xã hội- *social contract*- trong cộng đồng xã hội.

**1. Cách đặt tên đường, phố, và đại lộ theo quy hoạch kiến trúc:** đây là vấn đề gây tranh cãi trong các quốc gia đang phát triển, đô thị hóa cao, như ở Hà Nội, gần đây người ta tranh cãi đặt tên đường, và phố như thế nào, có người ý kiến khi nào gọi tên đường và khi nào gọi tên phố? Mà 36 phố phường là đặc trưng của định danh tên đường ở thủ đô ngàn năm văn hiến này. Thường đặt tên đường-*street/ parkway* mang ý nghĩa, lý do cụ thể; về đường thì *road*, nối hai điểm lại với nhau theo Phil Edward (2016); còn các con đường phức tạp/ *complex street/ mixed street*, đường phố/*street* các con đường có yếu tố công cộng, có nhà cửa hai bên đường gọi là đường/*street*; đại lộ/ **Avenue** là những thứ, loại đường có các phố và các hàng cây ở hai bên đường, thường thì các đường phố và các đại lộ chạy vuông góc với nhau, ít khi chạy song song, trong đại lộ hướng theo chiều nhất định như đại lộ đông tây, ví dụ kéo từ bờ đông sang

bờ tây của Mỹ và được đánh số theo số thứ tự như SW 12th Avenue and SW 17th Avenue, SW 13th Avenue v.v... ví dụ Western Border: Southwest 27th Avenue, Eastern Border: Southwest 4th Avenue, Northern Border: West Flagler Street, Southern Border: Southwest 9th Street...hay là **Interstate Highway/đường liên bang** các loại đường thể hiện văn hoá của các quốc gia tuy cùng một ý nghĩa như *freeway* (US), *motorway* (UK), *autobahn* (Germany) chỉ xa lộ, thường không đèn giao thông hay điểm dừng, nhưng định danh khác nhau, cũng như *thoroughfare*/đường lớn, trái lại roads là các đường không cần thiết chi yếu tố công cộng, hay không có sự cho phép hay không như đường làng, đường xóm, đường mòn/trail. **Highway** đường dung lượng xe cộ lớn và mang yếu tố công cộng, đường chính đến thành phố và liên kết các thành phố với nhau, đối lập *byway*/đường phụ. Còn **expressway** chỉ 4 làn/ 4 làn xe trở lên trong xa lộ, cf. *carriageway* xa lộ 2-3 làn xe. Chúng ta nên học hỏi cách phân tích này để định danh phù hợp quy hoạch đường đô thị. *Road verge*/road way đường đi bộ trong công viên, có hai hàng cây xanh hai bên. **2+1 road** loại làn xe, có rẽ khi vào làn xe cơ giới khác; **2+2 road** hai làn xe có phân cách, chủ yếu ở Ireland, Sweden, Finland, mang yếu tố văn hóa, **limited-access road** làn đường có giới hạn tốc độ v.v...

## 2. Ngôn ngữ Kiến trúc quy hoạch

Các khu quy hoạch đô thị gọi *urban planning*, theo kết tụ trong sáng tạo quy hoạch kiến trúc đô thị *agglomeration*, các khu đường theo mô hình bàn cờ, vuông góc nhau mà tiếng Anh gọi *rectangular grid*, sử dụng thời Hi-La theo kiểu là *Grid plan* mà thị phố Rhodes năm 480 B.C là thí dụ của mô hình Hippodamus- thủy tổ của quy hoạch đô thị ngày nay; theo những blocks/ toà nhà dãy, nhà theo quy hoạch bàn cờ, vuông góc nhau. Theo công thức này mà ứng dụng biểu đạt ngôn ngữ cho ta cách quy hoạch sau: [agglomeration/ sự quy tụ = *municipality* + *suburbs*]

hay adjacent satellite towns, tức xây dựng thành phố vệ tinh, kiến tạo liền kề cùng phát triển, trong tư tưởng phương Tây, thuyết quy hoạch *synekism* tức urban studies/ nghiên cứu đô thị, cho city-state/ polis state. Thiết kế nhà cầu vượt, nhà vượt trên cao/ skyway, skybridge, skywalk theo phong thái đi bộ, hành lang; các kiến trúc quy hoạch siêu thị như *shopping mall/ shopping precinct, shopping center* tức shopping arcade, tạm dịch kiến trúc dãy cuốn, nhà dãy. Liên hệ Việt Nam có kiểu dãy nhà **shophouse**/ nhà dãy liền kề- buôn bán ở phố dùng cho nhiều chức năng như phố Hàng bông-Hà Nội thuộc loại này, hay quy

hoạch khu phố, thành phố vệ tinh/ satellite town, satellite city như Sơn Tây, Sóc Sơn, Đông Anh, Hòa Lạc, Xuân Mai, Gia Lâm và Phú Xuyên được thiết kế quy hoạch thành phố vệ tinh của thủ đô Hà Nội. (Tương tự Dĩ An, Thuận An, Cù Chi, An Lạc, Hiệp Phước, Nhà Bè, Cần Giò, Nhơn Trạch, Long Thành and Trảng Bom are planned to be satellites of Ho Chi Minh City).

Ở Mỹ như Aiken, South Carolina (satellite of Augusta, Georgia); Akron, Ohio (satellite of Cleveland)...

Ở Anh như Aldershot (satellite of London)

- Barry (satellite of Cardiff)
- Basildon (satellite of London)



Nguồn: <http://www.chc-inc.org/downloads/Urban-Planning-Terms.pdf>



- Brentwood (satellite of London)
- Crawley (satellite of London)
- Chelmsford (satellite of London)
- Eastleigh (satellite of Southampton)
- Grays (satellite of London)

Theo nghiên cứu này, các quy hoạch kiến trúc trong không gian công cộng hay dùng nhiều từ *shrines* lảng mộ/ đền thờ đặt ngay trung tâm thủ đô. Trái lại, phương Đông và Ai cập thường lảng mộ quy hoạch về hướng Tây như các lăng vua chúa Triều Nguyễn ở kinh thành Huế, cũng bố cục theo phong cách quy hoạch này; và theaters, government buildings, market space, agora/ như market place rất hài hoà với nhau tạo điểm nhấn trong kiến trúc nội đô. Thêm vào đó, không gian trung tâm athletic, political, artistic, đóng mở theo vòng góc với các khu thị thành theo góc vòng, tọa lạc một cách ngẫu nhiên các khu trung tâm thành phố như nhà hát, sân vận động, toà thị chính... Chúng tôi sẽ nghiên cứu trong những bài số báo tiếp theo. Downtown hay city centre trong quy hoạch Bắc Mỹ mang tính quy hoạch không mở rộng đô thị nội đô. So sánh Việt Nam như Hà Nội khu phía bắc thường tọa lạc các khu phố cổ, khu phía nam là các khu phố Tây mang kiến trúc âm hưởng của Pháp, mang tính Neo-Gothic/ kiểu Gothic mới cho phù hợp kiến trúc khí hậu bản địa Đông dương thời thuộc địa, gió mùa ẩm. Thuộc trường phái thuộc địa Art Deco, bên cạnh các kiến trúc thời Xô-viết/USSR. So sánh với thành phố Huế, cũng là đế chế Annam xưa kia, thời Pháp thuộc thì bờ bắc kinh thành cổ, nhà cổ, nhà rường, khu phố Tàu- Chi Lăng- hội người Minh Hương, Triều Châu, Quảng Đông... khu phố bờ Nam sông Hương thuộc kiến trúc Pháp như villa, các công sở xưa kia. Dấu tích lịch sử cần bảo lưu tôn tạo văn hóa kiến trúc này. So sánh kiến trúc Tây Âu Mỹ đang xen kẽ vào kiến trúc Việt Nam, hình ảnh sau minh họa kiến trúc quy hoạch mặt tiền công sở và nhà thương mại và nhà ở trên bộ mặt quy hoạch đường phố, mang tính tối ưu tránh kẹt xe của Hoa Kỳ với hệ thống xe bus mui điện.

Các thuật ngữ quy hoạch đô thị/ *urban planning term* trong bối cảnh đô thị hoá/ **Urbanization** như hiện nay ở Việt Nam thường gặp như **set backs/** không gian mở cho đậu xe hay tầng hầm, xem ảnh lễ bên trái- trong quy hoạch phối cảnh toà nhà như bệnh viện, viện nghiên cứu, công sở,...những từ thông dụng như sau: **community plans** khu quy hoạch kiến trúc về mục đích công, **Community Plan Implementation Ordinance (CPIO)** bố cục quy hoạch kiến trúc công trình trong chính sách công, **Floor-Area-Ratio (FAR)** giới hạn diện tích sàn nhà khi xây dựng trong nội đô, **Free Standing Fast Food Establishment** khu nhà thương mại bán thức ăn nhanh như KFC, Mc Donald, Loterry, kèm dịch vụ độc lập, không liền kề các toà nhà khác; **Height Districts (HD)** giới hạn chiều cao diện tích bề mặt xây dựng trong nội đô, vùng đặc biệt, **Historic Preservation Overlay Zones (HPOZs)** khu vực di tích lịch sử được quy hoạch bảo vệ, **Lot Coverage phần đất được bao che khi xây dựng mái/ tính giọt nước đến móng toà nhà, New Community Plan Program:** chương trình tái định cư, **Mixed-Use** dự án quy hoạch khu dân sinh kèm 1 hay nhiều mục đích kết hợp thương mại, kiểu nhà dãy/shophouse, **Gentrification** khu quy hoạch nhà ở dành cho tầng lớp trung lưu; trái lại khi khu quy hoạch bỏ hoang người ta sử dụng thuật ngữ **ghost town; Deindustrialization** khu chung cư giảm thiểu, hay xa khu công nghiệp, **Urban exploration/ Infiltration/ UE** khu mở rộng, hầm đô thị, cống bên dưới đô thị giảm tải các khu vực tải điện, khi gas bên trên bộ mặt thành phố. **Smart city** là thành phố thông minh có *công nghệ kết nối vạn vật*- information and communication technology (ICT) and Internet of Things (IoT), **smart growth** khu quy hoạch đô thị tránh vuran ra, mở rộng diện tích nội đô; **shanty town or squatter area-** khu ổ chuột; **Transit-Oriented Development (TOD)** khu quy hoạch nội đô, hay khu vực giảm thiểu giao thông cá nhân vì ùn tắc, sử dụng xe

bus, xe công cộng, kết hợp khu nhà ở gần khu kinh doanh công sở, trạm xe bus, tàu điện, sân ga xe lửa, metro v.v... xem hình trên bên phải. **Transitional Height (Step Backs)** khu quy hoạch kiến trúc **đặc trưng** như chiều cao, khu thương mại tỷ lệ hay giới hạn với nhà dân, **Zoning** khu quy hoạch kiến trúc theo chức năng toà nhà như chiều cao, khu thương mại tỷ lệ với nhà dân, v.v...

### 3. Kiến trúc quy hoạch nhà cửa, toà thị chính, nhà hát, nhà thờ, chùa, cơ sở công cộng.. qua ngôn ngữ

Kiến trúc nhà thờ như nhà thờ Đức Bà theo kiểu Gothic, từ ngữ *Gothic architecture* chỉ kiến trúc nhà thờ kiểu chữ thập thánh giá từ thế kỷ 12 trở về trước, phái sinh từ Gothic, Gothic mediaval architecture, Gothic Revival architecture thế kỷ giữa 18. Phong cách kiến trúc chịu ảnh hưởng của trường phái này, **Architectural style** nó gồm hình thức, kỹ thuật, vật liệu, -form, techniques, materials, ảnh hưởng của nghệ thuật, văn hoá xã hội, chính thể, kinh tế và công nghệ kỹ thuật- artistic, socio-cultural, political, economic and technological. Trong kiến trúc Việt Nam chịu ảnh hưởng của Á Đông và văn hóa Trung Hoa, nên các kiến trúc nhà ở, công cộng hay toà thị chính, chùa chiền thường thấy trong lịch sử theo các bố cục của ngôn ngữ tượng hình, Hán-Việt như kiểu chữ Đinh 丁, chữ công 工 trong công trình các Bộ hay các bộ hành chính của triều Nguyễn, chữ tam 三 trong kiểu nhà rường, trường học, bệnh viện; chữ quốc 國 trong trấn quốc của chùa Thiên Mụ, chữ Trung 中/ 中 trong các cơ sở hành chính trung ương tập quyền phong kiến như Dinh độc lập, trụ sở toà Khâm sứ, toà thị chính, hành chính công; bây giờ các khu hành chính dịch vụ công. Điều này tránh cho chúng ta lai tạp kiến trúc Batur, Arập như toà thị chính ở Đà Nẵng như cánh buồm kiểu Arập, không phù hợp chức năng, vị thế hình thể với văn hóa Việt, qua ngôn ngữ góp phần quy hoạch kiến trúc mà biết được quy hoạch của ông cha trong kiến trúc trước đây phù hợp với địa hình, văn

hóa và phong thổ của Việt Nam. Đó chính là nét mỹ quang là facadism/ bộ mặt của kiến trúc toà nhà. Tất cả các kiến trúc này liên hệ với an ninh quốc phòng. Bên cạnh Trung Hoa, còn ảnh hưởng của Pháp, Nga, Mỹ và Đông Âu trong bố cục kiến trúc qua những thăng trầm của yếu tố lịch sử đất nước con người Việt.

Kiến trúc balcony/ ban công trong nhà hát, còn balcony của Nga có cửa lớn/ door kết nối cấu trúc toà nhà. Việt Nam chịu ảnh hưởng của kiến trúc balcony của Pháp. Ví dụ balcony nổi tiếng là St. Peter's cathedral/ nhà thờ lớn, thánh đường Peter của Rome nơi mà Pope thường đưa ra lời cầu nguyện và quỹ đạo hướng đạo *urbi et orbi*. Nhà thờ theo thiết kế lối chữ thập *cross, christ*. Còn Việt Nam theo lối các ký tự chữ Hán và biểu tượng của thiên nhiên như Chùa một cột/ đóa sen; chùa Linh Mục kiến trúc quy hoạch lối chữ Quốc/ nghĩa trấn quốc - tháp Thánh duyên do vua Triệu Thị xây năm 1844 theo lối măng trúc bút tháp cho kết cấu ngôi tháp vững chắc, bát giác 7 tầng, giá trị biểu trưng cao, mang âm hưởng kiến trúc sáng tác phỏng theo tự nhiên -nature in the architecture, phá cách hoàn hảo cho bố cục không gian chùa này từ khi khởi thủy năm 1601 của Chúa Nguyễn Hoàng; thường xây dựng các khu công cộng, nhà hát lớn, toà thị chính thường bên cạnh dòng sông hay các trung tâm thành phố, mang yếu tố quốc phòng an ninh và phối cảnh cho bộ mặt đô thị thường gọi là structure/ nhận diện cấu trúc và topology/ địa hình học (Greek *topos, place and logos, study*) hay trong ngôn ngữ *analysis situs* (Latin *analysis of place*) và phù hợp với demonym/ gentilic/ quy hoạch khu dân sinh/ đất thổ cư hay toponymy liên hệ với **onomastics/khoa nghiên cứu tên riêng và Alpha taxonomy** của taxa/ phân xếp loại. Bên cạnh đó có phân ngành architectural engineering/ kỹ thuật kiến trúc, kỹ thuật xây dựng.

#### 4. Quy hoạch đô thị/ quy hoạch kiến trúc nhà ở trong quan niệm văn hóa phong thủy- môi trường sinh thái

#### của Phương Đông, Arập, India và phương Tây

Trong nghiên cứu này, chúng tôi nghiên cứu trên ngôn ngữ thông qua kiến trúc ảnh hưởng của ngành này lên ngôn ngữ qua các quan niệm học thuyết triết lý trong thiết kế quy hoạch kiến trúc nói chung như ecology of contexts như nhà rường ở Huế có bao bọc cây xanh bao quanh, cây chèo tàu/ họ chèo lớp hàng rào, sau đó lớp cây cổ thụ cây ăn quả, sau cùng vườn hoa, cây thức phẩm ngăn ngày, mặt tiền sảnh có bể cạn nuôi cá và trước đó bức bình phong/ *small wall in the front of her house*, sau đó khu nhà rường tạo bộ mặt ngôi nhà-facadism trong phong thủy phương Đông và hài hoà bố cục, tránh gió chướng, gió Đông khi đổi mùa, Huế mưa ẩm nên nhà thấp mái ngói liệt, hoặc ngói mố, tường mỏng, mát mùa hè giữ ấm mùa đông, mang âm hưởng kiến trúc bản địa *vernacular architecture*, khác hẳn phương Tây nhà tường dày và có lò sưởi, điển hình kiến trúc nhà ở Đà Lạt.

a. Trong phương đông đại diện tiêu biểu Việt Nam- gió mùa ẩm nhiệt đới và Trung Hoa phương Bắc xứ lạnh Á Châu/ Vietnamese architecture and Chinese architecture hay the Orient architecture

Trong quan niệm phương Đông, luật phong thủy âm dương hài hoà, nhà phải có bức bình phong, ban đầu tránh bị chiếm long mạch, phú quý nhưng thật sự công dụng nó là tránh bị gió trở mùa, gió độc vào nhà, trong các nhà cổ, thiết kế lối chữ công, chữ trung nhà công vụ hay chữ tam, chữ đinh với nhà ở, dân sinh; mái uốn cong, ngói âm dương, tránh mưa đọng, gió lốc và họa tiết rồng phụng v.v...chú ý đến những ảnh hưởng của địa thể lên kiến trúc của ngôi nhà xây dựng- *landform* theo Kenneth Freamton (2014), chi phối khung cảnh [context + địa thể/ land form].

**Desakota** thuật ngữ địa hình học đô thị -village and city/ thành phố trong lòng làng quê, ở Đông Nam Á, hoà quyện nông nghiệp làng quê trong thị thành.

b. Kiến trúc Thế giới Arập và Ấn Độ-

India/ The Arabic architecture and Indian architecture

Islamic architecture ảnh hưởng của Roman và Byzantine của Phương Tây và đế chế Ottoman và Phương Đông là Mesopotamia and Persia/ đế chế Ba tư hay Moorish architecture, tức Iran và Iraq bây giờ; vòm, cửa theo kiểu vòm hình cung, mái vòm cung như Alibaba trong truyện 1001 đêm, ....

Kiến trúc Ấn độ liên quan lịch sử, văn hoá, và tôn giáo ví dụ đền The Taj Mahal in Agra.

c. Phương Tây /the Occidental architecture

Quan niệm trong chủ nghĩa khung cảnh/ contextualism và topology/ địa hình học, mỹ học là vấn đề cốt lõi của kiến trúc này. Các trường phái kiến trúc điển hình trong học thuật gồm ancient architecture, Greek architecture, Roman architecture, Byzantine architecture, Persian architecture, Islamic architecture, Gothic architecture, Gothic Medieval architecture. Người phương Tây chú ý đến Passive house năng lượng hay cách giảm tải tiêu thụ điện năng, lò sưởi cho ngôi nhà, hệ sinh thái móng nhà; giữ nhiệt điều hoà cho ngôi nhà- Passive cooling. **Bên cạnh đó ứng dụng quy hoạch kiến trúc nhà cửa, đô thị, nhà công cộng theo hình thức đi kèm chức năng-form follows function** trong học thuyết chủ nghĩa vị lợi/ utilitarianism, học thuyết thiết kế một sản phẩm kiến trúc theo tiêu chí chức năng, ứng dụng vì hạnh phúc số đông làm tiêu chí để ra khi thiết kế trong trường học, cơ sở giáo dục, bệnh viện, cơ quan lập pháp; khu nhà công cộng như nhà ga, sân bay, thư viện, nhà tế bần, an dưỡng lão; nhà dân sinh.

#### 5. Các trường phái Kiến trúc tân cổ, sự giao thoa văn hóa trong ngôn ngữ biểu đạt của kiến trúc

Qua ngôn ngữ kiến trúc phân ngành Urban sociology/ nghiên cứu xã hội học đô thị ra đời, đi sâu nghiên cứu khu nhà công cộng/ community building hay third place, tức nghiên cứu về urbanism/ quy hoạch về thành



phố, dân cư, sinh, hoạt, giải trí, công việc liên ngành như kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội. Kiến trúc cổ đại/ Ancient architecture chủ yếu trường phái Hi-La, Asian architecture 7-5 BCE, Islamic architecture 7th CE gồm Middle East và Byzantium, Middle Ages mang tính phường hội/guilds, cathedrals và Romanesque and Gothic, thời phục hưng-Renaissance and the architect thế kỷ xvi-xvii; Tiền hiện đại và công nghiệp/Early modern and the industrial age the xix th, cách mạng công nghiệp, hiện đại-Modernism thế kỷ xx, Hậu hiện đại- Postmodernism cuối thế kỷ xx.

**Đương đại**-Architecture today/ contemporary architecture là trường phái giao thoa giữa New Urbanism, metaphoric architecture vào giữa thế kỷ xx, và Expressionist architecture/ kiến trúc chủ nghĩa biểu hiện như The Sydney Opera House in Sydney, Australia- nhà hát Opera ở Sydney là thí dụ, bên cạnh đó liên quan Brick Expressionism- chủ nghĩa biểu hiện kiến trúc xây dựng lộ gạch và **sự kết hợp của** New Classical Architecture; architectural tradition và classical design; kết hợp giữa modernist và globally uniform; housing estates và suburban sprawl trong quy hoạch và thiết kế.

**6. Yếu tố an ninh quốc phòng trong ngôn ngữ kiến trúc quy hoạch**

Mô hình Hippodamus là một trong kiến trúc sư thủy tổ cho quy hoạch đô thị sau này, đặc biệt thủ đô có tính phòng thủ cao, theo các chéo vuông

gốc như hình bàn cờ. Nghĩa là theo các mặt ường giao nhau vuông góc với nhau, để khi nội bất xuất, ngoại bất nhập trong quy hoạch khu dân cư, trong thời bình. Tuy nhiên, trong các chuyên gia về an ninh quân sự sau này người ta xây dựng không theo quy tắc nào cả trong thời chiến la thích hợp nhất. Các thành trì nên xây dựng theo kiểu thượng thành/ acropolis (Greek. Akros-top, polis-city), nên xây vùng đất cao, trên núi, trung tâm hành chính quân sự cho vùng, hay quốc gia, tùy thuộc vào đặc trưng của từng thể chế chính trị khác nhau để xây ở vùng núi cao hay bình nguyên. Các toà nhà xây dựng trên vùng đất lớn nhiều phân khoa, viện như vệnh viện, trường học nên xây dựng theo kiểu toà nhà trung tâm ở giữa như kiểu trồng nho, hay chữ X trong hình vuông, tức 4 góc là nhà phân vụ, phân khoa, giữa là trung tâm hành chính của cơ quan. không nên xây dựng theo kiểu đường phố bàn cờ, hay mạng nhện, chỉ thích hợp khu dân sự, tránh khu có yếu tố an ninh quốc phòng. Điển hình cách quy hoạch này là hào, sông kênh của kinh thành Huế, thành cao và bên bờ sông, phòng thủ cao. Ví dụ quy hoạch thế kỷ XVI-XVIII của chúa Nguyễn và các vua Lê thời Lê trung hưng/ chúa Trịnh như khu Vân đồn, dùng khu phố thị này mua bán để tránh người ngoại quốc vào Thăng Long thời đó ở miền bắc/ ở đàng ngoài; hay miền nam/Đàng trong ở Hội An/ Faifo thời Pháp của Touranne-Đà Nẵng, gọi là Quảng nam quốc, để họp chợ giao thương quốc tế, để xa kinh đô Phú Xuân. Qua đó, cho chúng ta thấy

quy hoạch kiến trúc về an ninh quốc phòng với quốc gia mà ông cha ta đã xây dựng nên mà vẫn còn ảnh hưởng, nên bảo lưu phần nào trong bối cảnh hiện nay khi xu thế hội nhập, du lịch tăng mạnh, cũng như quy hoạch kiến trúc thông qua ngôn ngữ mang tính phân tích tính của ngôn ngữ kiến trúc. ■

**Chú thích**

1. <https://en.wikipedia.org/wiki/Havana>
2. [https://en.wikipedia.org/wiki/Little\\_Havana](https://en.wikipedia.org/wiki/Little_Havana)
3. [https://en.wikipedia.org/wiki/Category:Urban\\_studies\\_and\\_planning\\_terminology](https://en.wikipedia.org/wiki/Category:Urban_studies_and_planning_terminology)
4. <http://www.chc-inc.org/downloads/Urban-Planning-Terms.pdf>

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Burn, A.(1976) *Hippodamus and the Planned city*. Historia: Zeitschrift.
2. Cahill, N. (2000) *Olynthus and Greek Town Planning*. The Classical World.
3. H.Hỷ Nguyên (1999) *Gốc Từ Hilap và Latinh trong Hệ thống Thuật Ngữ Pháp-Anh*. NXB Giáo dục.
4. Heiln T. (2007) *Collins COBUILD Advanced Dictionary of American English*. HarperCollins Publishers.
5. Horny A.S. (1995) *Oxford Advanced Learner's Dictionary 5<sup>th</sup> ed*. Oxford: Oxford University Press.
6. Nguyễn Đức, M.T. *Chùa Thiên Mục dưới góc nhìn của tư duy quy hoạch*. Tạp chí Liễu quán số 02/48-51, tháng 05-2014, NXB Thuận Hóa.
7. Nguyễn Thiện Giáp (2010) *777 Khái Niệm Ngôn Ngữ Học*, Nhà Xuất Bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội.
8. Paden, R. (2001) *The two professions of Hippodamus of Miletus*. Philosophy and Geography.
9. Việt Sử (2016) *"Xứ đàng trong 1558-1777 cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam"*. NXB KHXH.

**Abstract**

The language of architecture is the new topic in the researching of linguistics that is called is architectural language or architectolanguage/ architectolang. For the knowledge of philosophy of epistemology, the architectural language helps us know clearly to the architecture in her language and do us to search in the urban planning, in the present, the urbanization in Vietnam is larger and larger, more and more, and the problems of mass of bulidings, traffic jam or Traffic congestion, road rage (violent emotion, anger, and frustration of automobile, and vans) are very massive and difficulty to finish. In addition, the urban planning of buildings, malls, and public buildings, so forth...they are the problems that is very headache to us in the urban planning. This papers help to know more than in the architectolanguage and have applied in the life and the urban planning through the linguistics.

**Keywords:**

## ĐẠI HỘI HỘI QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THANH HÓA LẦN THỨ IV (NHIỆM KỲ 2016-2021)



Ông Ngô Văn Tuấn - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa - phát biểu tại đại hội.

Sáng 10/12/2016, tại Khách sạn Thiên Ý (TP. Thanh Hóa), Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Thanh Hóa tổ chức đại hội lần thứ IV (nhiệm kỳ 2016-2021).

Ông Ngô Văn Tuấn, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh dự và chỉ đạo đại hội. Tới dự còn có đại diện Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam, Cục Phát triển đô thị thuộc Bộ Xây dựng, các sở, ngành, địa phương của tỉnh, Hội Quy hoạch Phát triển đô thị một số tỉnh, thành phố trong cả nước...

Tại đại hội, các báo cáo và tham luận đánh giá cao vai trò của Hội trong hoạt động nghiệp vụ chuyên môn nhiệm kỳ vừa qua. Hội cũng có tác động tích cực để các hội viên thuộc các chi hội tham gia lập chương trình phát triển đô thị cho toàn tỉnh, các thị trấn, thị xã, thành phố; lập đề án đề nghị công nhận đô thị các loại cho TP. Thanh Hóa, các thị xã Sầm Sơn và Bim Sơn, các đô thị Ngọc Lặc, Hải Bình, Quảng Lợi, Thạch Quảng, Hà Long, Yên Mỹ... Ngoài ra, Hội cũng có nhiều thành tích trong hoạt động tư vấn phản biện xã hội và nghiên cứu khoa học, tạo việc làm cho nhiều hội viên...

Trong nhiệm kỳ 2016 – 2021, Hội sẽ nỗ lực đưa ra nhiều giải pháp nhằm phát huy vai trò tập hợp đội ngũ chuyên môn, hội viên và chi hội trực thuộc để làm tốt hơn nữa nhiệm vụ quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị.

Ông Lê Đình Nam - nguyên Viện trưởng Viện Quy hoạch xây dựng Thanh Hoá - tái đắc cử vai trò Chủ tịch Hội nhiệm kỳ 2016-2021.

Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Thanh Hóa là tổ chức xã hội nghề nghiệp, tập hợp những người làm công tác quy hoạch và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh, được thành lập theo Quyết định 2609/QĐ-UBND ngày 23/10/2000 của Chủ tịch UBND tỉnh. Qua hơn 15 năm hoạt động, Hội đã không ngừng lớn mạnh,



KTS Trần Ngọc Chính - Chủ tịch Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam - trao chứng nhận VUPDA Prize 2016 vì thành tích đặc biệt xuất sắc cho Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Thanh Hóa.

tập hợp được 140 hội viên là các cán bộ quản lý Nhà nước, cán bộ khoa học kỹ thuật đầu ngành trong các lĩnh vực: Quy hoạch và thiết kế đô thị - nông thôn; thiết kế kiến trúc cảnh quan đô thị; tư vấn, nghiên cứu khoa học về quy hoạch...

Phát biểu chỉ đạo tại đại hội, đồng chí Ngô Văn Tuấn đánh giá cao và chúc mừng những kết quả đạt được của Hội, đồng thời khẳng định vai trò quan trọng của công tác quy hoạch đô thị đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị trong thời gian tới, Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Thanh Hóa tiếp tục đẩy mạnh trao đổi chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao năng lực tư vấn quy hoạch đô thị của các thành viên; tăng cường tổ chức các hội thảo chuyên đề giữa Hội với các cơ quan, đơn vị liên quan; tăng cường tham gia đóng góp ý kiến cho các đề án quy hoạch lớn của tỉnh, góp phần đưa Thanh Hóa phát triển nhanh, mạnh và bền vững.

(Nguồn: Báo Thanh Hóa / Ảnh: KTS Phạm Vĩnh Dương)



## CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VN ĐÀ THÀNH

Trụ sở chính: 63 Lê Lợi, P.Thạch Thang, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng  
Điện thoại: 0511 3888 344 | Fax: 0511 3888 343  
Email: vndt.co@gmail.com | www.vndathanh.com.vn

### *VN Đà Thành – Chắp cánh cho khát vọng an cư*

#### TẦM NHÌN

Bằng nội lực vốn có của mình với sự sáng tạo của ban lãnh đạo & đội ngũ cán bộ nhân viên, kết hợp ứng dụng của khoa học công nghệ trong xây dựng và sản xuất kinh doanh, VN Đà Thành nỗ lực trở thành Công ty chuyên Đầu tư phát triển Dự án Bất Động Sản có đầu ra cho sản phẩm giá thành tốt nhất, phục vụ tầng lớp bình dân có ước mơ An cư – Lạc nghiệp, góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước.



Dự án Khu đô thị Đông Nam



Dự án Khu đô thị Bắc Khu hành chính huyện Núi Thành



Dự án Vườn Phố Hội

#### CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Dự án Khu dân cư Thống Nhất- Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam
- Dự án Vườn Phố Hội - Thành phố Hội An, Quảng Nam
- Dự án Khu đô thị Bắc Khu hành chính huyện Núi Thành
- Dự án Khu căn hộ khách sạn nghỉ dưỡng tiêu chuẩn 5 sao - Thành phố Đà Nẵng
- Dự án Khu đô thị Đông Nam - Tỉnh Đắk Lắk
- Dự án khu dân cư 2A - Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam
- Dự án Khu Khách sạn - Hội nghị Kinh tế Mở Chu Lai
- Dự án khu phức hợp thương mại dịch vụ VN Đà Thành - huyện Núi Thành, Quảng Nam
- Dự án Tòa nhà Văn phòng cho thuê VN ĐÀ THÀNH - 105 Lê Lợi, quận Hải Châu, Đà Nẵng



Dự án Khu dân cư Thống Nhất



**NAM CƯỜNG**  
CORPORATION



**DƯƠNG NỘI - KHU ĐÔ THỊ ZERO ENERGY**

**TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG**  
NHÀ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN  
**UY TÍN - VỮNG BỀN - NHÂN VĂN**